

HỒ TRƯỜNG AN

QUÊ NAM MỘT CỐI

bút khảo về:

**HỒ BIỂU CHÁNH • PHI VÂN • SƠN NAM
XUÂN VŨ • NGUYỄN THỊ THỤY VŨ
SONG THI • ANH VÂN • PHƯƠNG TRIỀU
TIỂU THU • HOÀNG XUYỀN ANH
DƯ THỊ DIỄM BUỒN • NGỌC AN • VŨ NAM
Bài kết: "Chú Tư Cầu" của LÊ XUYỀN**

**HOA O MÔI XUẤT BẢN
2007**

TABLE OF CONTENTS

Tựa đề

Chương 1: Hồ Biểu Chánh, Ánh Hoàng Hôn Cự Trào Qua Truyện Dài "Tơ Hồng Vương Ván"

Chương 2: Xuân Vũ, Ngòi Bút Tái Sinh Cuộc Đời Một Danh Kỹ Qua Truyện Dài "Cô Ba Trà"

Chương 3: Phi Vân, Nhà Văn Mở Rộng Dải Đất Tân Bồi Qua Tập Truyện Phong Tục "đồng Quê"

Chương 4: Sơn Nam, Ngòi Bút Thả Trôi Trên Dòng Mực Qua Quyển Tập Bút "Một Mảnh Tình Riêng"

Chương 5: Song Thi Với Tâm Sự Thiết Tha Qua Tuyển Tập Thơ Văn "Đổ Giấcđêm Dài"

Chương 6: Tiểu Thu, Nhà Văn Nữ Đi Vào Khu Vườn Kỷ Niệm Qua Tập Truyện "Tiếng Hót Vành Khuyên"

Chương 7: Phương Triều, Người Lữ Hành Đi Vào Bí Nhiệm Cuộc Sống Qua Thi Tập

Chương 8: Anh Vân, Một Chứng Nhân Lịch Sử Ưu Tư Qua Văn Phẩm "ác Mộng Đêm Dài"

Chương 9: Tổng Quan Văn Chương Của Nguyễn Thị Thụy Vũ

Chương 10: Hoàng Xuyên Anh, Người Cô Phụ Rơi Dòng Dư Lê Trên Những Bài Thơ Sầu Vạn Cổ

Chương 11: Ngọc An, Thế Giới Thi Ca Trữ Tình Trong Mùa Thu Diễm Ảo Của Cuộc Đời

Chương 12: Dư Thị Diễm Buồn tìm Gặp Dư Ảnh Quê Xưa Qua "Một Góc Trời Thôn Dã" Và "Thời Biển Lặng"

Chương 13: Vũ Nam, Kẻ Lữ Hành Tìm Kỷ Niệm Trên Các Vùng Đất Lạ Qua Tập Truyện "Một Đêm Ở Genève"

Chương 14: "Chú Tư Cầu" Của Lê Xuyên, Một Kho Tàng Ngôn Ngữ Của Đất Nam Kỳ Lục Tỉnh

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

CHƯƠNG 1: HỒ BIỂU CHÁNH, ÁNH HOÀNG HỒN CỤU TRÀO QUA TRUYỆN DÀI "TỔ HỒNG VƯƠNG VẤN"

Nhắc tới Hồ Biểu Chánh, chúng ta nghĩ tới một tiểu thuyết gia theo khuynh hướng "văn dĩ tải đạo", lấy việc răn đời làm gốc. Nhưng đây cũng là kẻ viết theo khuynh hướng tâm lý ái tình, tuy nhiên đó là thứ tâm lý đóng khung trong lễ giáo, chết cứng và hóa thạch trong luân lý Khổng Mạnh, không thể vượt thoát ra một khung trời cao rộng gồm thiên hình vạn trạng nhân sinh quan phóng khoáng hơn và cởi mở hơn.

Hồ Biểu Chánh, bậc tiền bối của các cây bút Nam Kỳ chúng ta khởi nghiệp văn chương vào những năm cuối của thập niên 20 (của thế kỷ 20). Đường lối viết lách của tiên sinh trước sau vậy, qua tới giữa thập niên 50 vẫn không thay đổi một mảy lông sợi tóc nào trong vấn đề nhân sinh quan, lý tưởng, trong cuộc sống phồn tạp và tiến bộ về văn hóa, tư tưởng, trong đường lối giáo dục của mọi tầng lớp hậu sinh của cụ.

Chúng ta phải tự hỏi, sau bao nhiêu vận nước nổi trôi, trải qua bao nhiêu thời đại, bao nhiêu thế hệ, vậy mà văn chương của Hồ Biểu Chánh vẫn còn được nhiều lớp độc giả hậu sinh chiếu cố? Có phải chăng tài hoa của cụ vượt dòng đào thải của thời gian? Có phải nó là tiếng đồng vọng lạnh lót và vang xa của cái thời đại mà cụ đã sống, đã cầm bút? Thật khó mà trả lời. Như chúng ta cũng thừa biết cái cấu trúc và cách dựng truyện của Hồ tiên bối cầu thả, cách diễn tả của cụ thật bộc trực nếu không bảo là luông tuông. Cụ ít khi viết văn, ít khi tả cảnh tả người chu đáo, thường là vài nét khái quát. Cũng như nhà văn Lê văn Trương, cụ hay thuyết lý, ưa trình bày cái nhân sinh quan của mình. Nhưng nhân sinh quan của cụ lâu lâu mới le lói một vài nét đặc thù của mình. Tuy nhiên, khi đọc tiểu thuyết của cụ, có sao người thưởng ngoạn bị cụ thôi miên hồi nào không hay. Cái chân tình, cái nhiệt thành của tình ý cụ lẫn cái nồng nàn của bút pháp cụ quyến rũ người đọc một cách dị kỳ; cái thô vụng của cụ trở thành đậm đà tuyệt vời, cái bộc trực, cái xỉ xon trong những lời đối thoại của từng nhân vật trở nên duyên dáng mặn mà khó tả.

Cái ngôn ngữ dí dỏm, chót chét trong văn phong của Hồ Biểu Chánh thường làm cho chúng ta bật cười một cách thống khoái, dù cụ có cần nhằn chì chiết nhân tình thế thái đi nữa. Chúng ta cảm nhận ngay sự thành khẩn của cụ. Chúng ta vụt cảm thấy tận đáy sâu của ngôn ngữ cụ, tận cái thiết tha của tình ý cụ có một hấp lực kỳ đặc, không dễ gì tìm gặp ở bút pháp kẻ khác:

Thợ trời thiệt là khéo léo, hóa sanh muôn loài, không bỏ sót loài nào, đã sanh con voi to, mà còn sanh con muỗi nhỏ, đã sanh con cạp để giết người, mà còn sanh bò heo để nuôi người. Mà thợ trời cũng thiệt trớ trêu, mỗi loài lại sanh nhiều thứ, hình dáng, màu sắc tánh chất đều không giống nhau, sanh rắn độc mà cũng sanh rắn hiền, sanh hoa thơm mà cũng sanh hoa thúi. Sanh loài người, Tạo hóa cho có mặt, có tay, có chun, có gan, có ruột như nhau, mà cắc có sơn cho nhiều màu da, người thì trắng, kẻ thì vàng, người thì đen, kẻ thì đỏ. Mà dầu đồng một màu da với nhau đi nữa, tâm tánh cũng bất đồng, kẻ hiền người dữ, kẻ ngay người gian, kẻ đại người khôn, kẻ sáng người tối. Có một điểm, loài người dù đen, đỏ, trắng, vàng, dầu dữ, hiền, khôn, đại, phần nhiều đều giống nhau. Ấy là thói say mê tiền bạc, say mê đến nỗi không kể tội lỗi, không biết thúi hôi, không sợ chê khen, không màng phải quấy, áp nhau bu lại mà giựt dành, nếu giựt cho được rồi chết cũng vui lòng, mà nếu giựt không được lại phải chết cũng không sợ.

(Tơ Hồng Vương Vấn, các trang 148, 149)

Viết theo văn dĩ tải đạo, bên Pháp đã có Delly, bên Anh đã có nữ sĩ Barbarra Cartland; họ ăn khách kinh khủng. Delly là bút hiệu của bà Jeanne Petitjean de La Rosière (sinh tại Avignon năm 1875, chết tại Versailles năm 1947) và ông Frédéric Petitjean de La Rosière (sinh tại Vannes năm 1875 chết tại Versailles năm 1949). Cả hai sáng tác lối 30 tác phẩm. Còn Barbarra Cartland viết lối 400 quyển tiểu

thuyết. Nhưng đọc tác phẩm của họ, độc giả chỉ tìm được dăm ba tiếng đồng hồ để giải trí, rồi quên luôn những thú vị của mình đã trang trải trên những trang sách. Cặp Delly thường lấy tinh thần Bác Ái và Bao Dung của đạo Thiên Chúa làm nền tảng của câu chuyện, để đánh bóng thêm cho các nhân vật hiền lương mà Cộng Sản gọi là các nhân vật chánh diện thêm phần lộng lẫy. Nhưng đa số tác phẩm của Hồ Biểu Chánh thì không như thế. Ngoài chuyện tôn vinh quan niệm tích ác trừng ác, tích thiện trừng thiện, chúng còn có nhiều điều gì khác làm độc giả sống lại một đoạn đời quá khứ của mình hay giúp độc giả mừng tượng cách sống của những lớp người thuộc những thế hệ trước thế hệ mình.

"Tơ Hồng Vương Vấn" là một cuốn tiểu thuyết thấm nhuần đạo Phật lấy chuyện luân hồi quả báo làm căn bản để triển khai cái sở trường văn dĩ tải đạo của Hồ Biểu Chánh. Vai chánh là cậu học sinh Phan Vĩnh Xuân sinh vào thời Nho mạt nơi chợ Giồng Ông Huê (Gò Công). Cậu là họ trò của ông Giáo Huân, một thầy đồ Nho khả kính. Cậu được sư phụ mình cho biết vận nước biến suy, dù phải chuyển qua Tây học để gọi là kiếm cơm nuôi mẹ, dù gì thì dù cũng phải giữ tấm lòng chính trực, liêm khiết. Nước mất nhà tan, ham chi hư danh quyền tước để hãnh diện với thiên hạ. Bạn học của cậu là cô Lý Thị Tư, được thầy ban cho cái biệt danh Cúc Hương, vốn là gái chánh trực, lại thông minh, xinh đẹp. Vĩnh Xuân và Cúc Hương yêu nhau, lén lút tư ước với nhau. Cả hai hẹn hò gặp nhau ở nhà chị Hai Tỷ, một phụ nữ Việt kết hôn với tài phú Sầm, người Trung Hoa. Ngờ đâu cha mẹ Cúc Hương tham giàu ép buộc Cúc Hương lấy chàng công tử bột xuất thân gia đình giàu có ở hương thôn. Cúc Hương quyết tâm bỏ sinh mệnh để giữ tròn đạo nghĩa. Trước ngày vu quy, cô giao 50 đồng bạc cho Hai Tỷ, bảo rằng với số tiền này, cộng với tiền trợ cấp của chánh phủ, Vĩnh Xuân có thể ăn học trong vòng 3 năm cho đến khi thành tài. Cô cũng gửi tấm lụa có viết chữ nho "Xả Thân Nhi Thủ Nghĩa" (bỏ thân để giữ tròn đạo nghĩa) cho chàng để chàng nhìn bút tích mà nhớ tới cô. Cô cũng không quên gửi một xấp lãnh và một xấp xuyên cho bà Hương văn Thanh, mẹ của Vĩnh Xuân may quần áo, gọi là quà tặng của cô dâu...hự. Cô dặn Hai Tỷ phải khuyên Vĩnh Xuân chí thú ăn học, để cô được toại nguyện. Rồi cô uống nha phiến pha trộn với dấm thanh để tự tử.

Vĩnh Xuân tuy đau khổ nhưng nhờ lời khuyên của ông Giáo Huân và Hai Tỷ nên theo lời dặn của Cúc Hương chí thú ăn học, đậu bằng Thành Chung, rồi thi vô ngành ký lục cũng đậu luôn. Chàng về nhà vào ngày 25 tháng chạp tức là ngày 23 tháng Janvier. Bữa sau chàng đi viếng mộ Cúc Hương thì vào quá 12 giờ khuya, chàng nằm chiêm bao thấy Cúc Hương từ giã chàng đi đầu thai và cho chàng biết kiếp sau nàng sẽ được tái ngộ cùng chàng, để kết hôn với chàng.

Vĩnh Xuân được chuyển qua Mỹ Tho làm việc ở Tòa Bó(tức là Tòa Hành Chánh về sau). Chàng kết thân với ông Kinh Lịch Lương, được ông dạy đàn, dạy làm thơ để rồi cả hai trở thành đôi bạn vong niên thân thiết. Chàng từng thổ lộ với bà Kinh như sau:

- Thừa bà, vì nghèo cực nên cực chẳng đã tôi phải theo tân học đăng làm việc lãnh lương nuôi mẹ. Tôi muốn ngồi yên trong một góc bàn mà biên chép, chờ cuối tháng lãnh lương ăn vậy. Tôi thừa thiệt với ông bà, tôi không ham danh lợi, ham lợi, nhứt là danh không chánh đáng và thứ lợi không hạp nữa. (trang 187)

Bà Kinh rất thương mến Vĩnh Xuân cố tình làm mai cho chàng cưới cô Cẩm Nhung, con gái út của Bà Chủ Thiệu ở Chợ Cũ (bên kia Cầu Quay). Vì sợ mẹ buồn nên chàng phải cưới Cẩm Nhung, một cô gái xuất thân từ gia đình giàu có, lại có bóng sắc chói chang. Đây là một cuộc hôn nhân miễn cưỡng vì chàng không sao quên được Cúc Hương. Còn Cẩm Nhung không quen làm vợ và làm dâu trong một gia đình thanh bạch mà cách ăn ở sinh sống thiếu tiện nghi, nên cô đâm ra thất vọng. Lại nữa, gặp ông chồng thiếu nồng nàn, tình tứ nên cô thường về ở bên nhà mẹ, rồi sanh tâm ngoại tình, có thai với tình nhân. Vĩnh Xuân không muốn làm cho gia đình bên vợ mang tiếng xấu vì dầu sao Cẩm Nhung cũng đã sanh cho chàng một đứa con trai. Cho nên chàng khuyên Ba Khai, người anh trưởng của vợ buộc Cẩm Nhung dứt đơn vô tòa án xin ly dị, như thế cái tội ngoại tình của nàng sẽ được giấu nhẹm. Bà Chủ

Thiệu và Ba Khai cảm cái đức quân tử của chàng nên âm thầm giúp đỡ chàng, vẫn xem chàng như con rể trong gia đình họ. Chàng vẫn gọi bà Chủ Thiệu bằng má trước sau vậy. Bà Chủ Thiệu và Ba Khai âm thầm giúp đỡ cách sống cho chàng được tiện nghi. Họ trừng phạt Cẩm Nhung, cấm không cho nàng ra khỏi nhà, cấm không cho nàng leo hánh lên nhà trên (tức là trung đường), cấm không cho nàng mặc quần hàng áo lụa, phải mặc vải thô xấu.

Nhờ giỏi tiếng Pháp, tại Tòa Bô chỉ một thời gian ngắn Vĩnh Xuân làm thông ngôn cho quan Phó Tham Biện người Pháp, rồi làm thông ngôn cho quan Chánh Tham Biện (về sau gọi là Tỉnh Trưởng) cũng người Pháp. Rồi chàng thi đậu trong cuộc thi tuyển tri huyện. Trong bữa tiệc ăn mừng Vĩnh Xuân thành công trên đường hoạn lộ do bà Chủ Thiệu khoản đãi, Vĩnh Xuân xin bà và Ba Khai rộng dung hình phạt cho Cẩm Nhung. Chàng nhận lỗi rằng chính cái cách cư xử dung túng nhưng thiếu nhiệt tình của mình đối với vợ đã xô đẩy Cẩm Nhung vào con đường quấy.

Sau đó ít lâu, Vĩnh Xuân được vinh thăng tri phủ phải qua Cần Thơ nhận nhiệm sở mới. Mọi việc sắp đặt chỗ ở mới cho quan huyện Vĩnh Xuân do chính Ba Khai đảm nhiệm. Trước khi qau Cần Thơ, bà Hương Văn Thanh và Vĩnh Tân (con của Vĩnh Xuân) có đến Chợ Cũ từ giã bà Chủ Thiệu. Tại đây, Cẩm Nhung ra mặt nhìn con của mình. Thấy nàng dâu cũ của mình hương phai phấn lợt vì bao năm bị gia pháp trừng phạt lại thấy cô bị lụy thảm thiết, bà Hương Văn Thanh an ủi Cẩm Nhung hứa sẽ dạy dỗ Vĩnh Tân không quên công sinh thành của mẹ và hứa hễ có dịp là cho Vĩnh Tân về Chợ Cũ thăm mẹ và bên ngoại.

Năm đó quan Phủ Vĩnh Xuân lúc đó đã 40 tuổi, trong buổi nhàn du tình cờ ông gặp cô Hường, con gái ông Hương Nhì Tồn từ hình dung tiếng nói đến dáng đi cử chỉ đều giống hệt Cúc Hương. Ông dò la biết được cô Hường sanh vào lối 3 giờ khuya, đúng là hai giờ sau lúc nửa đêm Cúc Hương từ giã ông để đi đầu thai. Tin chắc cô Hường là hậu kiếp của Cúc Hương nên ông xin cưới cô. Và muốn cho chắc ăn điều nhận nhận xét của mình, sau đám cưới chàng đưa vợ về quê hương của mình để xem nàng có nhớ được gì không? Quả nhiên vừa tới Chợ Giồng thì người vợ trẻ của quan Phủ Vĩnh Xuân nhớ hết những người thân trong quá khứ trong đó có vợ chồng ông Giáo Huân và chị Hai Tỷ.

Trong truyện dài "Tơ Hồng Vương Ván", người xấu (mà bọn Cộng Sản gọi là nhân vật phản diện) chỉ có vợ chồng Hai Mỹ (song thân của Cúc Hương). Họ vô tình giết con gái mình vì họ chuộng thói tham phú phụ bần. Còn ngoài ra người tốt thì đông đảo hùng hậu. Ngoài mẹ con của bà Hương Văn Thanh, còn có Cúc Hương, vợ chồng ông Kinh Lịch Lương, bà Chủ Thiệu, Ba Khai, bà Giáo Huân, chị Hai Tỷ đều là những kẻ mền đức chuộng tài. Họ mở tấm lòng hào hiệp đối đãi với Vĩnh Xuân. Còn ông Giáo Huân thì ra công rèn luyện đức dục cho Vĩnh Xuân, vun quén thiên lương và đức độ của chàng được mãi mãi sáng rực rỡ như gương. Cẩm Nhung cũng không phải là người xấu. Nếu cô sống vào thập niên 60 trở về sau thì cô sẽ được người đời không cho cô là tội nhân mà là một nạn nhân của nền luân lý cổ quá cay nghiệt khắc khe. Luân lý ấy dìm cô vào mặc cảm tội lỗi làm cô nghĩ rằng mình có tội nặng, chứ thật ra chẳng những tội cô quá nhẹ mà cô còn đáng cho chúng ta ai hoài thương xót. Rất may, dù bị ảnh hưởng luân lý của Nho Giáo, nhưng Vĩnh Xuân cảm thông được nỗi éo le của vợ nên xin mẹ vợ và anh vợ nương tay trừng phạt cho vợ.

Chuyện duyên nợ theo vòng luân hồi quả báo không phải chỉ có Hồ Biểu Chánh tiên sinh là kẻ tiên phong xướng ra trong văn chương. Vào thuở tiền chiến, trong hai quyển "Kho Vàng Sầm Sơn" và "Đồng Tiền Vạn Lịch", nhà văn Tchya đã viết cuộc tình của Nguyễn Anh Tề, con trai của Nguyễn Hữu Chinh, và Quận Chúa Võ An Trinh, con gái Võ văn Nhậm vào thời Tây Sơn dựng nghiệp. Cả hai trắc trở việc hôn nhân nên cùng sống thác với tình, hẹn kiếp sau sẽ thực hành cuộc tình duyên dang dở. Câu chuyện đó được gói ghém trong quyển "Kho Vàng Sầm Sơn". Khi qua quyển "Đồng Tiền Vạn Lịch" thì Nguyễn Anh Tề thác sinh vào dòng dõi Nguyễn Hữu Chinh trở thành Nguyễn Hữu Tề, còn Quận Chúa Võ An Trinh đầu thai vào dòng họ Võ Văn Nhậm trở thành Võ Ái Trinh. Sau bao phen xung đột để chiếm đồng tiền Vạn Lịch mà họ cho rằng đó là cái chìa khóa mở kho vàng mà Nguyễn Anh Tề và Võ An Trinh chôn giấu ở Sầm Sơn. Nhưng họ chỉ tổ hoài công thôi. Họ không tìm được kho tàng mà tìm

được dấu vết tình yêu giữa đôi bên với nhau từ thuở tiền kiếp.

Nữ sĩ người Anh Elizabeth Goudge có viết trong quyển "Tiếng Gọi Của Quá Khứ" ("L'Appel du Passé") cặp tình nhân dang dở thời tiền kiếp chết đi. Qua kiếp tái sinh chàng vẽ bức họa phong cảnh lâu đài mà cả hai đã từng sống. Nhờ vậy, hậu thân của nàng được phục hồi ký ức, nhớ lại cố nhân và cuộc sống xa xưa bên kia neo luân hồi để tìm đến chàng. Tin hay không tin thuyết luân hồi và thuyết thác sinh, nhưng nó cũng đã đóng góp cho văn nghiệp nữ sĩ Elizabeth Goudge một tác phẩm diễm lệ và cực kỳ thơ mộng. Nó đã giúp cho Tchya và Hồ Biểu Chánh thuyết phục một số độc giả suy nghĩ về cái thần bí của bánh xe luân hồi di chuyển không ngừng nghỉ trên vạn pháp và trên các hiện hữu.

o o

o

Hồ Biểu Chánh viết tiểu thuyết theo lối thuyết thoại (la narration). Như đã nói, cụ kể chuyện tuồn tuột, ngon ơ, ít khi dùng óc quan sát để tả cảnh vật, tả ngoại hình các nhân vật. Thường là những nét phác thảo sơ sài, khái quát.

Đây là cảnh đi đồ dọc từ chợ Mỹ Tho qua chợ Giồng Ông Huê (thuộc tỉnh Gò Công):

Đò lui. Hành khách chỉ có bốn người nên rộng rãi ai cũng nằm được. Gặp nước xuôi lại có gió xuôi bởi vậy ra khỏi vàm rồi trạo phu trượng buồm mà chạy, khỏi chèo. Mặt trời vừa trịch bóng, đò đã tới Vàm Giồng, gặp nước lớn đi vô vàm, đi xuôi nữa. Chủ đò đoán trước bữa nay về tới chợ Giồng sớm lắm, chừng nửa buổi chiều.

Vĩnh Xuân nghe nói vậy bèn ngồi dậy. Bây giờ đò vô rạch Vàm Giồng, hai bên cây cối tập rạp, án gió không bọc buồm lên được. Trạo phu hạ buồm rồi gay chèo mà chèo, nhờ nước xuôi nên ghe đi lẹ lắm. (trang 93)

Đây là cảnh quan phủ Vĩnh Xuân đi chơi chợ Bình Thủy tình cờ gặp cô Hường (hậu thân của Cúc Hương) nên ông heo dỗi cô thiếu nữ kia đến cầu Rạch Cam:... Vĩnh Xuân vẫn theo coi nhà cô ở chỗ nào. Đi chừng một trăm thước thì tới một thót vườn không lớn nhưng sạch sẽ dựa lộ, có hàng rào bằng cây trà, trong sân có trồng hoa, rồi sau sân ấy có một nhà lá ba căn xông, vách ván, cửa ván, nền cao, hai bên nhà dừa với mận trồng sum suê, còn phía sau thì cau chuối tịch mịch. (trang 406)

Những bối cảnh do tác giả dựng lên để lót nền cho cuộc tình sử giữa Vĩnh Xuân và Cúc Hương cũng không được miêu tả chu đáo. Vẫn là nghệ thuật thuyết thoại theo lối văn chương trong các quyển địa dư, trong các quyển địa phương chí. Nhưng chính ở những dòng kể chuyện ấy, độc giả cũng có thể mừng tượng những nét tạo hình ấn trong cuộc bút trình của tác giả:

Rạch Vàm Giồng bên Cửa Tiểu, nhờ có kinh đào đi ngang qua chợ Giồng rồi thông với rạch Gò Công bên sông Bạo Ngược là sông Vàm Cỏ, bởi vậy địa thế giúp cho chợ Giồng biến thành một thị trường lúa gạo trong hạt Gò Công. Ở đây có nhiều người cất vựa trữ lúa, trữ gạo, từ ngoài đồng đem vô bán. Họ mua để bán lại cho những lúa gạo chở lên Chợ Lớn mà bán ngay cho mấy nhà máy hoặc cho mấy tàu khậu làm trung gian cho nhà máy.

Hồi đó, hễ đến mùa gặt lúa, thì chợ Giồng phồn thịnh lắm. Dưới kinh, ghe mua lúa đậu chật. Còn trên bờ, từ nửa buổi chiều cho tới canh một, ở ngoài đồng họ gánh gạo vô bán kể đến mấy trăm người, mỗi xóm đi chung một tốp, lại có năm ba xe bò chở lúa đem vô nữa. Chợ lúa gạo này buổi chiều nhóm tại dốc cầu sắt. Đồn bà con gái dọn ngồi bên đường mà bán dầu lửa, nước mắm, hộp quẹt, trà tàu, cá khô, bánh trái, thúng rổ, nón guốc, nia đệm, nghĩa là bán đủ thứ cần dùng ở chốn thôn quê. (trang 37)

Hồ Biểu Chánh ưa bàn luận nhân tình thế thái theo một bình diện phẳng, tức là dựa vào cái chung chung của cuộc sống rồi triển khai rộng ra, ít khi đào sâu vào những gì mà cụ tư duy.

Tự căn bản, "Tơ Hồng Vương Ván" chỉ là một pho diễm tình trà trộn bóng dáng tâm linh huyền hoặc. Cái giá trị văn chương của nó chẳng có bao nhiêu, nhưng bối cảnh lịch sử của nó làm chúng ta phải lưu ý. Đó là giai đoạn giao thoa giữa nền Nho mạt và văn hóa Tây phương sau khi Pháp thuộc-địa-hóa đất Nam Kỳ và đặt nền Bảo Hộ lên Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Hồ Biểu Chánh là con bậc thâm nho. Lúc nhỏ, cụ theo Nho học, nhưng sau đó cụ chuyển qua Tây học,

rồi ra làm việc cho chánh phủ Thuộc địa. Do đó, cụ bị các bậc cự nho eo sèo mai mỉa. Chính cụ cũng áy náy và ngờ ngợ hành xử và cuộc mưu sinh của mình có điều gì không ổn. Chính ở quyển "Tơ Hồng Vương Vấn" cụ mới có thể giải bày tâm sự và những điều khoắc khoải của mình:

Thế cuộc vắn xoay, hết suy tới thịnh, hơn quẩn tấn hóa, đổi cự ra tân. Đó là định luật dĩ nhiên, dầu muốn dầu không ai ai cũng phải chịu, không làm sao sửa được.

Nhớ lại mà coi sau khi đánh phá đại đồn Chí Hòa rồi, binh đội Pháp lần lần xâm chiếm tất cả sáu tỉnh của đất Gia Định. Từ hạng nông phu cho tới học thức thầy đều tức tưởi mà quay đầu về Phú Xuân, thì triều đình dường như im lìm bỏ xụi; còn chong mắt ngó vào đám anh hùng nghĩa sĩ thì các cụ Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, Thiên Hộ Dương, Thủ Khoa Huân lần lượt thất bại tiêu tan.

Đứng trước ngã ba đường như vậy đó, phải đi ngã nào? Nếu cương quyết giữ nền nếp cũ thì lấy chi mà nương náu, còn nếu đổi thái độ cho xuôi dòng thì lỗi với tổ tiên, mà then cùng cây cỏ. Trong lúc dân trí phân vân như vậy, nhà cầm quyền Pháp khôn ngoan, nên chăm lo gây thiện cảm với nhân dân. Người ta biết thân phục đất đai thì dễ, nhưt là gặp xứ không có binh đội tổ chức hoàn bị; còn như thân phục hơn tâm là điều khó khăn, phải hay đôi văn hóa, phải un đúc tâm hồn, mấy việc đó phải dày công phu, phải nhiều thế kỷ thì mới làm nên được. (các trang 7, 8)

Xin nghe cuộc đối đáp giữa quan Phủ Vĩnh Xuân và thầy Cai Tổng, tại một khách sạn tỉnh Cần Thơ: -...Tôi nghe nói thuở xưa quan thanh liêm đi phó nhậm chỉ có một cây đòn cầm với một con hạc thế mà tới đâu cũng bỏ đức cho dân lạc nghiệp an cư. Đời nay không có hạc thì quan lớn đi phó nhậm với một cây đòn, tôi tưởng cũng đủ rưới âm đức cho hơn dân xứ Cần Thơ nhuần gọi.

- Thầy Cai đem tôi mà sánh với quan đời xưa sao được. Nước đã mất chủ quyền, dân đã thành tôi mọi. Tôi làm quan, song cũng là tay sai của người ta, lệnh trên dạy phải làm sao tôi phải làm như vậy. Tôi cũng như anh đầu bếp nấu canh. Chủ nhà đưa mắm muối biểu nêm cho thiệt mặn. Tôi tráo trở làm cho lạt bớt đắng để ăn. Đó cũng đã đủ nát trí khôn rồi. Khỏi bị quấy rầy, bị quả phạt ấy là may, mong gì làm cho người ăn khen canh ngon ngọt được. (trang 393)

Cúc Hương và Vĩnh Xuân tuy học theo đảng cự dở dang nhưng cũng đã từng học các quyển "Minh Tâm Bửu Giám", "Ấu Học Tầm Nguyên", "Tứ Thư Thê Chú", "Đại Học", "Trung Dung", "Luận Ngữ"... Vĩnh Xuân có thể giải nghĩa rành rọt sách Mạnh Tử cho Cúc Hương nghe. Nhưng vì nhà nghèo, nếu đeo đuổi theo cái học của thời mạt diệt của ngành Nho học thì làm sao chàng kiếm tiền nuôi mẹ khi mẹ già yếu? Chàng chuyển sang Tân học. Vào thuở đó tại tỉnh Gò Công tình trạng Tân học ở bậc tiểu học như sau:

Trong khoảng đó, người ta nhận thấy tại Châu Thành Gò Công nhà nước có một trường sơ đẳng học, gồm năm lớp có một quan Đốc học người Pháp với năm giáo viên người Việt. Từ lớp nhưt đến lớp tư thì dạy Pháp văn nhiều hơn Việt văn, còn lớp năm là lớp chót thì giao cho một thầy nho biết chữ Quốc ngữ dạy trẻ đồng ấu học vắn xuôi, vắn ngược, rồi tập đọc, tập viết quốc văn.

Học trò cả thầy chừng một trăm rưởi, lớp chót được lỏi năm mươi trò, còn mấy lớp trên chung vài ba chục, tới lớp nhưt chỉ còn mười đến mười lăm là nhiều. Lại học trò toàn là con trai, chớ không có con gái, cha mẹ ở tại chợ, hoặc trong mấy xóm làng xung quanh cách chợ lỏi vài ba ngàn thước.

Muốn lấy thêm học trò đông, lại cũng muốn Pháp ngữ được thông dụng trong mấy làng xa, Tham Biện mới mở tại bốn chợ trong bốn tổng, mỗi chợ một làng dạy Pháp văn gọi là "Trường tổng" gồm hai lớp: lớp nhỏ dạy cho biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ, rồi lên lớp lớn bắt đầu dạy Pháp văn. Trong lúc nói đây, trong hạt có bốn trường tổng đặt tại bốn chợ: Rạch Giá (Đồng Sơn), Giồng Ông Huê (Vĩnh Lợi), Cửa Khâu (Tăng Hòa) và chợ Tổng Châu (Tân Niên Tây)...(các trang 10, 11)

o o
o

Trong sự nghiệp văn chương nguy nga đồ sộ của Hồ Biểu Chánh, bút giả HTA chọn quyển "Tơ Hồng Vương Vấn" thay vì những quyển tiểu thuyết nổi tiếng lừng lẫy khác của cụ như "Nặng Gánh Càng Thường" (phóng tác theo vở bi kịch "Le Cid" của Corneille), "Ngọn Cỏ Gió Đùa" (phóng tác theo

quyển "Le Misérables" của Victor Hugo), (phóng tác theo quyển "Chút Phận Linh Đình" của Hector Malot), "Cây Đắng Mùi Đời" (phóng tác theo cuốn "Sans Famille" cũng của Hector Malot), "Kẻ Thất Chí" (phóng tác theo quyển ("Crime et Châtiment" của Dostoievski)... Bút giả nhận thấy "Tơ Hồng Vương Vần" ngoài chuyện gay cấn éo le đã từng thôi miên và mê hoặc độc giả mà còn phản ánh được một giai đoạn lịch sử, một chuyển biến gần như lột xác về phương diện văn hóa.

Tác giả đã xắn ra một mẩu đời của mình để đưa vào tác phẩm. Tác giả lại còn xắn tim óc của mình để rải vào tác phẩm. Cái văn dĩ tải đạo của cụ có thể đã lỗi thời. Nhưng người thưởng thức có đầu óc sáng suốt, có tinh thần tìm hiểu chuyện quá vãng theo kiểu "ôn cố nhi tri tân" sẽ chấp nhận mọi cách giải bày tâm sự, hoài bão, khuynh hướng, lý tưởng của cụ. Ngoài ra song song với tấm lòng thành khẩn của cụ, người ta còn bắt gặp cái tinh thần tôn cổ một cách khả ái của cụ, chứ họ không kinh hãi cái nệ cổ đi đến mức cuồng tín một cách ngoan cố của các bậc hủ nho khác.

Trong quyển "Le Pavillon des Femmes" ("Ngôi Nhà Lầu Phụ Nữ"), nữ sĩ Pearl S. Buck có bàn về quyển "Kim Bình Mai". Đại ý rằng nếu ai thích tìm thú nhục cảm thì "Kim Bình Mai" là quyển dân thư đúng nghĩa. Nhưng nếu ai muốn tìm xã hội tham nhũng thối nát dưới triều đại Nam Tống do Hoàng Đế Tống Cao Tôn trị vì thì quyển trường giang tiểu thuyết này cũng sẽ đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của đương sự. Như thế, tùy theo mục đích thưởng ngoạn của kẻ đọc sách. Riêng về quyển "Tơ Hồng Vương Vần" của Hồ Biểu Chánh, nếu ai muốn tìm thú giải trí theo thị hiếu bình dân thì đây là quyển diễm tình hấp dẫn. Còn nếu ai muốn biết xã hội Việt Nam vào buổi giao thời thì đây là quyển sách bồi bổ kiến thức cho đương sự. Có điều đáng chú ý là vào thời Pháp thuộc, Hồ tiền bối của chúng ta không dám bộc bạch tâm trạng kẻ sĩ của mình qua nhân vật Vĩnh Xuân vì cụ sợ chánh quyền Thực dân gây trở ngại cho bước tiến thủ trên hoạn lộ của cụ. Phải đợi tới thuở bình minh của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, cụ mới dám bộc bạch mọi nỗi niềm u ất của mình.

CHƯƠNG 2: XUÂN VŨ, NGÔI BÚT TẠI SINH CUỘC ĐỜI MỘT DANH KỸ QUA TRUYỆN DÀI "CÔ BA TRÀ"

Xuân Vũ viết về cuộc xâm lăng của Cộng Sản Bắc Việt; bọn chúng vượt Trường Sơn để vào đánh phá và cưỡng chiếm Miền Nam Việt Nam. Xuân Vũ viết tiểu thuyết đồng quê về cuộc đất Nam Kỳ vào thời tiền chiến. Xuân Vũ đặt thơ lai rai nhưng không cho xuất bản thành sách. Anh là một cây bút sáng tác có sức mạnh vũ bão nhất, có vốn liếng đi và sông phong phú nhất. Sách anh bán chạy thuộc hàng đầu, tạo cho anh một ngôi vị cao chót vót và lộng lẫy nguy nga, làm vẻ vang cho tập đoàn các cây bút gốc Nam Kỳ từ trong nước, trước năm 1975 và các cây bút gốc Nam Kỳ ở bốn phương trời hải ngoại.

Chưa hết đâu. Xuân Vũ còn moi móc tài liệu trong các xó xỉnh của lịch sử cận đại để viết quyển tiểu thuyết nửa sống thực nửa giả tưởng về cuộc đời một danh kỹ sắc nước hương trời chói rạng Hòn Ngọc Viễn Đông và lan ra khắp ba miền Nam Bắc Trung. Đó là cô Trần Ngọc Trà mà thời nhân gọi là cô Ba Trà, còn giới ăn chơi gọi cô là Yvette Trà và báo giới gọi là Huê Khôi Nam Kỳ, là Ngôi Sao Sài Gòn. Cô Ba Trà khi chui vào tác phẩm truyện dài của Xuân Vũ có một cuộc đời như sau: Má cô xuất thân từ một gia đình khiêm tốn và thanh bạch. Cha cô xuất thân gia đình khá giả, có lễ giáo. Nhưng cha cô hay ghen. Tình cờ ông ta bắt được thư rơi cho biết má cô ngoại tình với một kẻ khác mới sanh ra cô. Thế là vì ghen tương, ông ta thổ huyết, rồi hành hạ vợ. Má cô không chịu nổi sự rẻ rúng và sự trừng phạt của chồng nên đưa cô về tá túc ở quê ngoại cô. Nhưng ông bà ngoại không chứa mẹ con cô. Túng thế, má cô gả duyên với ông Khách trú xấu xí, làm nghề mở tiệm hút thuốc phiện lậu. Vì thù hận người chồng cũ nên má cô ghét bỏ cô, đầy xắt và hành hạ cô rồi bán cô cho người Chà-và để lấy 400 đồng qua trung gian mục tử bà mà tác giả gọi là dì Hảo. Khi tên Án kiều về nước, dì Hảo dàn cảnh để gả cô cho con trai một nghiệp chủ Hoa kiều giàu sụ nhờ nghề buôn cá phơi khô. Nhưng người Tàu vốn ưa lấy vợ còn trinh, cho nên cậu con ông nghiệp chủ kia dù có mê say nhan sắc cô Ba Trà, nhưng vẫn bị sự mất trinh của cô trước khi về làm vợ hấn ám ảnh hoài hoài nên hấn đâm ra khinh khi cô và cặp xách với nhiều cô gái đẹp khác. Cô Ba Trà bỏ trốn và về tá túc nhà dì Hảo. Dì lập mưu lập kế để đưa cô vào nghề mãi dâm. Dì gặt gẫm cô để cô bị lính kiểm tặc bắt giam, rồi tống cô đi khám bệnh phong tình (đi lục xì) tại nhà thương Bạc Hà tức là bệnh viện bài trừ bệnh hoa liễu. Đó là cách rúng ép cô ký giấy giao kèo hành nghề mãi dâm, để biến cô thành con điểm có môn bài (une fille publique cartée). Thời may, cô được ông bác sĩ bệnh viện đứng tuổi cứu giúp cô thoát khỏi lưới bẫy của mục đàn bà bất lương kia. Rồi cô trở thành tình nhân ông ta. Trong cuộc thi sắc đẹp tại Sài Gòn, ông ta có đưa cô đến xem. Ai ngờ cô gái dự thi trúng giải hoa hậu tên Lê thị Liễu lại xin nhường chức nữ hoàng các mỹ nhân cho cô. Ban giám khảo không biết tính sao vì lời đề nghị cô Liễu sai nguyên tắc. Rồi theo lời quan Biện Lý Thành Phố (người Pháp), họ chỉ bằng lòng tặng cho cô Ba Trà cái danh hiệu Ngôi Sao Sài Gòn. Tên tuổi cô bắt đầu lừng lẫy từ đó. Ông bác sĩ nhân từ kia lại muốn cô Ba được kết hôn với kẻ xứng lứa vừa đôi nên bằng lòng nhường cô lại cho người con trai ông giám đốc Đông Dương Ngân Hàng thuộc chi nhánh ở tỉnh Cần Thơ. Nhưng anh ta có vợ nên khi công việc bí mật đổ bể, hấn phải hủy hôn với cô. Cô lại được một họa sĩ nghèo say mê, chọn cô làm tình nhân kiêm người mẫu. Thế rồi tranh có vẽ chân dung cô được trưng bày tại Đại Lục Lữ Quán do cựu danh kỹ Tư Hồng Mao cai quản. Cô Tư này còn gọi là Tư Ấng-lê vì theo lời đồn chồng của cô ta là người Anh-cát-lợi. Những bức tranh này bị cô Tư Hồng Mao làm trành làm tréo sang đoạt, rồi lại được Bạch Công Tử mua hết. Bạch Công Tử tên là Lê Công Phước mà thời nhân gọi là Phước Georges. Cậu vốn là con quan Đốc Phủ Sứ Lê Công Sùng ở Mỹ Tho vốn là đại điền chủ. Quan Đốc Phủ Sùng ngoài những bất động sản to tát khác, còn là chủ nhân Cù Lao Rồng, thuộc hạng tiền rừng bạc biển.

Trong dịp tiếp đón quan Thống Đốc Nam Kỳ tại Đại Lục Lữ Quán có đại điền chủ Trần Trinh Trạch, đại thương gia Quách Đàm (người Tàu), thì cô Ba Trà xuất hiện ký tên tặng tranh cho quan Thống Đốc. Từ đó, tên tuổi cô Ba Trà vang lừng khắp Đông Dương. Cô được chuyển từ tay Bạch Công Tử rồi sang

tay Hắc Công Tử và tay Sáu Ngọ... Hắc Công Tử tên là Trần Trinh Qui, con ông Hội Đồng Quản Hạt Trần Trinh Trạch. Ông Trạch là chủ nhân 20.000 mẫu ruộng lúa và 2.000 mẫu ruộng muối ở Bạc Liêu. Còn Sáu Ngọ là vua các sông bạc ở Sài Gòn và ở các thành phố vùng phụ cận Sài Gòn có thể tặng nhiều lần cho cô Ba rất nhiều tiền, mỗi lần gồm cả bao to đựng giấy bạc. Ông ta còn tặng cho cô kim cương thuộc loại hảo hạng nữa.

Cô Ba còn được ông Hoàng Ngự Đệ bên nước Xiêm La đề nghị cưới cô làm vợ, nhưng cô không ưng. Trong thời gian làm việc ở Đại Lục Lữ Quán, có cô danh kỹ Tư Nhị từ Nam Vang xuống xin làm em kết nghĩa với cô Ba. Lại thêm cô Quế Anh vừa đẹp vừa có học thức, cô đâm rặc Danielle vốn là em chồng cô Tư Hồng Mao cũng nhập bọn đàn em cô Ba. Chính Tư Nhị dạy cô Ba dùng ngải nghệ để ru quên khách tìm hoa.

Thế rồi trong chuyến theo Bạch Công Tử ra viếng Hà Nội, cô Ba gặp cô Đốc Sao nổi tiếng là nữ hoàng sắc đẹp trong giới hát ả đào ở khu phố Khâm Thiên. Nhưng trước đó không lâu, cô Đốc Sao giải nghệ để kết hôn với nhà báo Hoàng Tích Chù. Tuy ông ta không giàu có gì, nhưng có thể xây dựng cho đương sự một đời sống lứa đôi hạnh phúc, một cuộc hoàn lương vững vàng. Gặp cô Ba Trà, cô Đốc Sao khuyên cô nên tìm cách xa lánh cuộc đời bán dạng thuyền quyền để sau này tránh khỏi thảm cảnh bị khách tìm hoa bỏ rơi khi hương phai phấn lợt. Rồi cô Ba Trà gặp tên thần khoán giàu sù cưới cô làm "vợ hờ", xây cất cho cô một chôn ăn chơi đồ sộ và huy hoác tên Nguyệt Tiên Cung. Nơi đây, cô tuyển lựa các giai nhân mỹ nữ để tiếp khách thuộc hạng tiền giàu nứt vách đổ tường. Nhưng thét rồi cô đâm ra chán ngán cuộc sống dật lạc. Bỗng cô sực nhớ lời khuyên cô Đốc Sao nên cô tìm một người chồng công chức bậc trung, lương tháng 120 đồng. Chàng rất thành thật và chất phác. Đó là thầy Cò-mi họ Vương, người đã yêu cô từ khi chàng hãy còn là học sinh trường Pétrus Ký và đã từng chiêm ngưỡng hình cô chung tại tiệm Saigon Photo. Thế là cô Bà Trà vì muốn che đậy cái dĩ không đẹp của cha mẹ mình và cái thân thể điểm nhục của mình nên tạo ra cuộc đám cưới có cha giả mẹ giả, mà bà mẹ không ai khác là dì Hảo. Dì này sau khi để cô Ba Trà vượt khỏi tay mình, bị chồng bội bạc, chịu cảnh nghèo vô gia cư, vô định sở nên tung thế đến Nguyệt Tiên Cung tìm cô Ba và được cô dung thứ, nuôi dưỡng tử tế.

Về sống với Vương ít lâu, cô Ba Trà mời mẹ và hai em chàng lên ở chung. Cô tìm được hạnh phúc trong cảnh làm vợ hiền, dâu thảo, và chị dâu tử tế... Nhưng ông cậu vợ phát giác được tung tích của cô Ba Trà và tung tích cha mẹ giả của cô nên ông ta xuôi mẹ của Vương tìm cách cắt đứt duyên chồng vợ chồng của cô. Thế là cô ra đi, rồi trở về Nguyệt Tiên Cung với niềm tuyệt vọng. Cô dùng độc được để quyền sinh. Đoạn cuối, cô được tỉnh dậy, nhưng tác giả không cho độc giả biết cô có được cứu sống hay không? Hay là có phải đó là phút hồi dương ngắn ngủi để rồi sau đó cô khép mắt thả hồn vào giấc ngủ thiên thu? Tác giả để mặc cho độc giả đoán già đoán non ra sao cũng được

Thật ra, trong tiểu sử của cô Ba Trà, thì cô được cứu sống để rồi rước khách, để rồi thua bạc nhiều lần, rồi tự vận mấy phen nữa. Rồi có một lần, cô ăn bạc to. Lần này cô xuất tiền ra tìm một người chồng trẻ hơn cô rất nhiều tuổi, chẳng những đẹp trai mà lại có học thức, có tư cách. Anh ta tuổi Thìn, nên cụ Vương Hồng Sển trong cuốn "Sài Gòn Tả Pín Lù" gọi là Thìn để giấu tên thật của đương sự. Nhưng cuộc sống lứa đôi của cặp vợ già chồng trẻ không bền. Sau đó, Thìn qua Pháp du học. Còn cô Ba Trà gá duyên với ông Trưởng Tòa Trương Văn Tỷ cũng thuộc hạng Vương Khải, Thạch Sùng. Cô tiếp tục đánh bạc cho tới khi nhan sắc héo úa, phải bỏ nhà ông Tỷ và mai danh ở tích ở nơi cùng thôn tuyệt tái bí mật nào đó. Cho nên từ đó về sau, kẻ quen biết coi cô như bóng chim tăm cá, không tìm gặp được dấu tích của cô.

◦ ◦

◦

Ở bài "Đôi Lời Tác Giả" trong quyển truyện dài "Cô Ba Trà" xuất bản vào năm 1996, Xuân Vũ cho biết:

Cô Ba Trà sinh năm 1906, cách đây gần 100 năm. Sắc đẹp của cô được các nhà văn nhà báo mô tả

như "Ngôi sao Sài Gòn" (Étoile de Saigon) hoặc "Huê khô Nam Kỳ"; người tình của Cô Ba cũng là những nhân vật thật như các đại diện chủ, đại công tử như cậu Tư Phước Georges biệt hiệu Bạch Công Tử, con trai quan Đốc Phủ Sứ Lê Công sủng, chủ nhân Cù Lao Rồng ở Mỹ Tho, cậu Ba Qui biệt hiệu Hắc Công Tử con trai của đại diện chủ Trần Trinh Trạch ở Bạc Liêu mà Thống Đốc Nam Kỳ gọi bằng Papa (bố). Bên cạnh hai công tử kể trên còn có công tử Bích, con chủ nhà băng Đông Dương (chi nhánh Cần Thơ) một người dám cho cô Ba 70.000 đồng trong lúc lúa 2 cắc 1 giạ. Các đại trí thức như quan tòa Trần Văn Tỷ, Thầy Kiện Dương văn Giáo, Bác Sĩ Lê Quang Trinh, Nguyễn Văn Áng, Vua Cờ Bạc chủ các sòng bạc Sài Gòn: Sáu Ngọ v. v... Đó cũng là những nhân vật lịch sử như cô Ba đã tạo nên những giai thoại được người đời truyền tụng cho đến ngày nay.

Sở dĩ tôi nói vòng vo Tam Quốc như vậy là đề xin thừa lại một điều này: Viết về Cô Ba Trà DỄ mà KHÓ. Dễ là vì cốt tượng cũ mỹ nhân đã có sẵn, chỉ cần tu bổ sơn phết lại là thành bức tượng. Nhưng làm sao cho bức tượng hoạt động, nói năng như người thật hoặc trở thành người thật? Cũng không khó. Cái khó là mỹ nhân đó phải là Cô Ba mà không được ai khác. Đọc sách xong, đọc giả phải nghĩ đó là cô Ba chứ không ai khác thì mới được. Người viết tiểu thuyết về Cô Ba - nói nôm na, giống kẻ chèo đò giữa hai bờ sông, một bên là SỰ THẬT, một bên là BIA ĐẶT (nói theo văn học là sáng tạo, hư cấu). Phải chèo cách nào cho người ngồi trên xuồng thấy cây cỏ bên này lẫn đồng ruộng bên kia. Muốn làm cho khách hài lòng kẻ chèo đò không được đụng bờ bên này hoặc chạm bờ bên kia sẽ bẻ mũi xuồng, mà phải luôn luôn chèo giữa dòng.

(các trang 10, 11)

Đúng vậy, Xuân Vũ kiến trúc nhân vật Trần Ngọc Trà thật tinh vi, thật sống động, dù đôi lúc vì cao ứng anh pha chút xiu cường điệu đi nữa. Nhưng phần cốt lõi, anh tương đối thành công.

Sau đây là cảnh Tư Nhị giúp Ba Trà đưa bùa ngải vào thân thể:

-... Còn bùa này nữa. Em chỉ chuộc được có một ít thôi, em nhường cho chị. Chị vén bấp vé lên đi.

- Chị vậy?

- Để em vẽ bùa rồi đeo. Ông thầy ông không cho một miếng vải dính da em. Ông vẽ bùa khắp người em, mà ông vẽ bằng lưỡi. Lưỡi ông tẩm ngải chị ơi! Ông vẽ tới đâu em nghe nóng rực tới đó, nhứt là ông vẽ gần tới đây. Em rùng mình, ông nói đó là ngải nhập vô mình em rồi.

- Xí, vẽ bùa mà bằng lưỡi, thuở nay tao mới nghe!

- Chị vén bấp vé lên đi, em vẽ bằng tay thôi. Em nói rõ tên tuổi của chị rồi ông dạy em để vẽ truyền lại cho chị. Chị hồng tin bùa ngải thiệt hả?

Trà ngồi im. Nhị lại moi thêm một lá bùa, nói:

- Để em đọc thần chú vô bùa thử, chị có tin không?

Nói xong bèn bắt ấn quyết, hóp một hơi khí thổi vào mặt Trà và lâm râm đọc:

Tam nguyên chi hạ, hình ảnh du du

Giai nhân cử bộ giản phàn du du

Ngô lệnh do nhữ vô kê khả câu

Suy khí nhất khăn, lửa thể xuất tu

Ngô phụng: tam sơn cửu hầu tiên sinh luật lệnh niếp.

Xong rồi lấy bùa buộc vào lưng Trà, bảo:

- Chị ngồi yên nghe bùa nhập!

Xong Nhị lập lại câu thần chú đến lần thứ 9 thì Trà bắt đầu thấy ngứa ngáy. Nhị quơ tay hít thở phù phù vào ngực vào lưng Trà liên tục. Trong chốc lát Trà vùng đứng dậy chậm chậm cởi lưng nút áo, tuột áo vứt xuống đất rồi ôm chậm lấy Nhị. Nhị tiếp tục đọc thần chú và làm phép.. Chỉ một thoáng sau, Trà hoàn toàn lửa thể và làm những cử chỉ ân ái với Nhị như với nam giới. Nhị thấy thân hình Trà tuyệt diệu thì vô vấp và rên rĩ:

- Chị ba ơi! Sao chị đẹp làm vậy! Em còn phải mê hưởng hồ đàn ông! Chị để em thưởng thức chút nghe! Kẻo để người ta chiếm hết thì uổng quá!

Và Nhị ắt đầu vẽ bùa theo kiểu ông thầy. Từ trên núm cặp đào tiên xoáy vòng khu ốc hồi lâu rồi vạch một đường ngoằn ngoèo xuống đóm cỏ xanh ngấn ngắt và dừng lại hai mép ngọc tuyến. Trà đang đê mê bỗng kêu lên:

- Em làm... gì vậy... Nhị?
- Chị để e...em coi chú..út!
- Coi cái gì?
- Coi chị có ngọn "cỏ hồng" mọc ngược như của em không?
- Cỏ gì mọc ngược?
- Chị mở mắt ra coi nè...! Chị không có "cỏ hồng" nhưng có nốt ruồi ở một bên, thấy chưa?
- Thôi đi! Mày làm tao phát khùng lên! Buông tao ra!

Miệng Trà nói vậy nhưng tay lại ôm đầu Nhị không buông, nên Nhị cứ tấn tới. Nàng nói:

- Con Quế Anh nó có nốt ruồi bên trái, còn chị bên phải. Em không biết nó nghĩa gì? Để bữa nào em đi hỏi mấy ông thầy tướng.

(các trang 417, 418)

Cái pha hai cô danh kỹ từ trước đã giao hợp với đàn ông, bây giờ làm tình với nhau thì đối với độc giả hơi vô lý. Nhưng mà vào Thời Đại Mỹ Lệ (thập niên 10 của Thế kỷ 20), hai nàng danh kỹ thượng hạng là Liane de Pougy và Émilienne d'Aleçon đã từng ăn nằm với các vua chúa, các nhà quý tộc, các kỹ nghệ gia Mỹ thuộc hạng tỷ phú, triệu phú. Thế mà họ có nhiều dịp ăn nằm với đàn bà. Có thể họ là những kẻ lưỡng tính luyến ái (les bisexuelles) chẳng những xoi tái đàn ông mà còn thích xực cả đàn bà. Có lẽ ở thể chất họ có cái gene dị tính luyến ái (l'hétérosexualité / thích làm tình với kẻ khác phái tính) và có luôn cái gene đồng tính luyến ái (l'homosexualité / thích làm tình với kẻ đồng phái tính) chẳng? Dù gì thì dù, đây là thứ cường điệu thật dễ thương, pha một chút hương vị nồng mặn của tình dục.

Ngoài ra, cuộc sống tình cảm, tính nết, nhân sinh quan của nhân vật Ba Trà đều được tác giả khai thác chăm chút. Xã hội hoặc nghiệp lực gì đó đã đưa đẩy cô vào xã hội ăn chơi trác táng, nhưng thật ra cô là người phụ nữ có thiên lương có tâm lòng rộng rãi với kẻ giúp việc, với người khốn khó. Ngoài ra, cô không thù dai những kẻ xô cô vào cạm bẫy đoạn trường, không oán cha oán mẹ dù mẹ cô đầy đoạ cô rồi bán đứng cô. Lúc nào cô cũng muốn về sống với mẹ. Trong truyện, Xuân Vũ thêm một vận sự như sau: có một ông già đến nhận là cha thật của cô. Đương sự vốn là bạn của cái người gọi là chồng đầu tiên của mẹ cô Đương sự say mê mẹ cô khi mẹ cô chưa xuất giá. Rồi vì thấy người mình yêu trở thành vợ của bạn mình nên đương sự tức tối muốn chiếm đoạt lại mẹ cô nên dùng bùa ngải cốt để gây cho vợ chồng mẹ cô xào xáo nhau, rồi dụ dỗ mẹ cô bỏ nhà theo đương sự. Nhưng bùa ngải vô hiệu nghiệm nên đương sự dùng thơ nặc danh để phá cuộc hôn nhân của mẹ cô. Ở đây, tác giả thuật chuyện rất mơ hồ, độc giả không hiểu đương sự làm cách nào để giao hợp với mẹ của cô Ba Trà và để bà sinh cô ra vì bùa ngải vô hiệu nghiệm, mẹ cô đâu có dịp nào gặp đương sự. Tuy nhiên, đương sự tìm gặp cô Ba Trà để thú tội ăn năn trước khi dọn linh hồn chờ ngày chết thì vẫn được cô tha thứ, được cô gọi bằng ba và được cô chăm lấy khóc sụt sướt. Như vậy, dù là kẻ chỉ biết đục đẻo tiền bạc của khách làng chơi, nhưng cô vẫn là người có tấm lòng vàng ngọc, có tâm hồn bao la, có trái tim mẫn cảm.

Ngoài ra, cô Ba Trà là kẻ biết người biết ta, có sự công bình từ trong tư tưởng ra ngoài hành động. Sau đây là câu chuyện tâm tình giữa Ba Trà và Tư Nhị sau chuyến Ba Trà đi viếng thăm Hà Nội trở về Sài Gòn:

Trà vui vẻ trở lại:

- Ở ngoài có nhiều người đập ghê mày à!
- Mấy người mà nhiều?
- Để coi nè! Cô Bạch Yến, cô Thục Oanh, cô Thái trắng Lô Lô, cô Bùi Tuông, cô Chinh, cô Mường Vín. Nhưng tao cho rằng cô Độc Sao đẹp nhất. Tao chưa thấy ai đẹp bằng.
- Đẹp như thế nào? Đẹp bằng chị không?

- Tao chỉ đứng dưới gót người ta thôi. Nét đẹp của chỉ tao không nói được.
- Sao không rủ bà vô trong này nhập bọn với mình cho vui?
- Người ta có chồng con, ai đi lang thang như mình mà rủ? Gặp chỉ tao hết muốn cái cảnh này rồi.
- Bộ chị muốn chồng lắm hả?
- Con quỉ này!
- Thì thòp ông Hoàng Xiêm La đi. Muốn chồng mà ai cũng chê hết ráo!
- Không phải tao chê mà người ta có vợ.
- Vậy mấy cậu Ba, cậu Tư, thầy Sáu không có vợ sao?
- Mấy ông có đòi cưới tao bao giờ đâu! Họ chỉ xạo qua đường.
- Chị hông chịu sao chị cứ đi chơi với người ta hoài?
- Đi thì đi, bộ mày tưởng hễ đi với ai là ưng người đó làm chồng à?
- Vậy ông thầy khoán muốn cưới chị, cất nhà, mua nhà hàng cho chị thì sao?
- Ông mua nhà hàng, xây nhà cho tao là vì ông muốn dùng tay tao hốt bạc cho ông, hơn nữa ông cũng có vợ con dùm đề rồi chớ phải tay trơn đâu mà tao nhào vô!
- Thì chị bảo ông thôi vợ phức đi!

Trà lơ cặp mắt:

- Chuyện thất đức như vậy mà mày bảo tao làm à? Hồi trước chồng tao có vợ bé tao biết ghen, tao tìm tới ầu đả một trận, bây giờ tao lại đi quờ chồng người ta sao? Của mình ôm tro tro, của người lấy mo mà hốt. Ở đời sao có chuyện lạ vậy?
- Chị đi ngoài đó kỳ này bị ông nào bỏ ngải rồi, nên ca Xàng Xê câu nào cũng đâm hơi hết.

(các trang 423, 424)

Viết một quyển tiểu thuyết một ngoại sử hay một quá khứ có thật, Xuân Vũ cũng đã tốn công tra cứu biết bao tài liệu lịch sử Xin đọc ở trang 490 tức là trang cuối của quyển "Cô Ba Trà", chúng ta sẽ thấy những gì đã cung cấp cho tác giả hoàn thành văn phẩm ấy?

Chân thành cảm tạ các vị cho tôi nguồn tài liệu phong phú sau đây để viết quyển sách này:

- 1 - "Nam Hải Dị Nhân" của Phan Kế Bính,
- 2 - "Hơn nửa đời hư" của Vương Hồng Sển,
- 3 - "Năm mươi năm mê hát" của Vương Hồng Sển,
- 4 - "Sài Gòn tả pín lù" của Vương Hồng Sển,
- 5 - "Nam Kỳ lục tỉnh I" của Hứa Hoành,
- 6 - "Nam Kỳ lục tỉnh II" của Hứa Hoành,
- 7 - "Nam Kỳ lục tỉnh III" của Hứa Hoành,
- 8 - "Nam Kỳ lục tỉnh IV" của Hứa Hoành,
- 9 - "Sau bức cấm thành nhà Nguyễn" của Hứa Hoành,
- 10 - "Bùa mê ngải lú" của Lê văn Lân,
- 11 "Văn minh miệt vườn" của Sơn Nam,

Và thơ riêng của Hứa Hoành, Hồ Trường An, Lê văn Lân.

Tôi không biết nhà văn Nguyễn Triệu Luật khi viết "Bà Chúa Chè" (tức là Tuyên Phi Đặng Thị Huệ), "Chúa Trịnh Khải" cùng nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội khi viết "Nàng Ái Cơ Trong Chậu Úp" (tức là bà Nguyễn Phù Cừ, sủng thiếp của Tông Đức Hầu Mạc Thiên Tứ) lấy tài liệu ở đâu mà viết thật sống động từ bối cảnh lịch sử, đến chuyện trong triều chính, trong quân cơ, trong lễ lạc tế đàn, trong thâm cung lẩn trong hương khuê tú các. Nguyễn Triệu Luật và nữ sĩ Mộng Tuyết viết tỉ mỉ hơn, văn chương hơn anh Xuân Vũ. Bất cứ chi tiết lịch sử nào khi được họ miêu tả cũng được chăm sóc kỹ lưỡng và đào sâu hơn. Việc làm của họ cũng giống như việc làm của nữ sĩ Kathleen Windsor (người Anh) khi viết quyển "Ambre" ("Nàng Hồ Phách"). Bà nữ sĩ này đã bỏ ra hàng năm sưu tầm và nghiên cứu tài liệu lịch sử và bối cảnh dưới triều đại vua George Đệ Nhị của Anh Quốc.

Tài liệu trong quyển "Cô Ba Trà" qua các biên chuyện, các vận sự quá tươi rói, quá phồn thịnh, nhưng hơi tiếc một điều là Xuân Vũ trảm vào sách quá nhiều cuộc đối thoại dí dỏm, những vận sự trào lộng nên không có thời giờ đào sâu và mổ xẻ những điều thâm thúy một cách chi ly, tỉ mỉ.

Vào thập niên 10 ở Sài Gòn hoa lệ, ngoài cô Ba Trà là nữ hoàng trong hàng danh kỹ, còn có thêm 3 vương hậu trong giới ăn chơi (société demi- mondaine) như Tư Nhị, Hai Thời, Sáu Hương. Nhưng Xuân Vũ chỉ nói tới cô Marianne Tư Nhị, tuy nhiên trong tác phẩm của Xuân Vũ, vai trò cô Tư chỉ là vai phụ, không mấy đặc sắc. Cô ta theo phò tá cô Ba Trà, cười đùa giỡn hớt nhộn nhàng mà không có cuộc sống riêng tư, không có một tiểu sử huy hoàng trong việc chài bẫy các vương tôn công tử. Ngoài ra, Xuân Vũ còn thu hẹp vai trò của cô Tư Ấng-lê. Cô ta vẫn còn có một cuộc sống riêng tư rất sôi nổi, làm tổn thương biết bao con tim say mê cô ta. Bằng cớ là Bạch Công Tử Phước Geoges ăn ở với nữ minh tinh kịch trường Bảy Phùng Há, sau đó say mê cô Tư Ấng-lê, không ngó ngàng tới gánh hát Huỳnh Kỳ mà ông ta gây dựng cho cô Bảy. Ông ta bỏ mặc luôn hai đứa bé gái song sinh của ông ta và của cô Bảy đang vật lộn rồi đầu hàng với Tử Thần trong cơn bệnh thương hàn. Khi Nhật đảo chính Pháp để chiếm Đông Dương, Cô Tư Ấng-lê cặp xách với nhiều công chức cao cấp cùng các tướng cá tá của Nhật.

Nhân vật Quế Anh vẫn là một gái giang hồ phóng đảng, tuy thuộc hạng tân học, lại biết làm thơ thất ngôn bát cú một cách rựa ràng. Nhưng nhan sắc cô ta chỉ giúp cô ta quyền rũ các công chức bậc trung thôi. Nếu không nhờ một thời dan díu với học giả Vương Hồng Sển, được họ Vương đưa vào quyển "Năm Mươi Năm Mê Hát" thì làm sao có ai biết tới cô ta?

Dù gì thì dù, đã là viết tiểu thuyết, tác giả có thể bỏ người này, viết thả giàn cho người kia. Nhưng một khi đã biến họ thành nhân vật trong tác phẩm mình, thì tác giả phải chăm sóc họ, ban cho họ một đời sống đặc thù, dù họ là nhân vật chánh hay nhân vật phụ đi nữa. Độc giả sành điệu sẽ rất tiếc không được theo dõi hành trình của cô Tư Ấng-lê, của cô Marianne Tư Nhị hay của cô Quế Anh. Trừ cô Tư Ấng-lê ra, Marianne Tư Nhị và Quế Anh vì quá truy hoan trác táng nên hương sắc chóng phai tàn. Cô Tư Nhị phải đi ăn mày, tay chân đầy ghẻ lở. Còn cô Quế Anh trở nên khật khùng, nhưng cô vẫn còn sáng suốt, không trở lại ông Vương Hồng Sển để được ông bao che, đùm bọc. Cô sợ cuộc đời làm lẽ xấu xa của mình phương hại đến cuộc đời vẻ vang của người yêu nên cô rời khỏi Sài Gòn và chui rút ở một xó xỉnh tối tăm nào mà giới phong lưu của thủ đô hoa lệ Sài Gòn không tìm gặp dấu tích.

Trong quyển tiểu thuyết "Cô Ba Trà", tác giả chỉ lấy 3 phần 4 cuộc đời của cô đưa vào sách. Có lẽ vì mãi mê theo dõi chuyện ngồi lê đôi mách của các cô bán phấn buôn hương, chuyện ngải nghệ, chuyện bài bạc khá dài nên tác giả đành phải chấm dứt khi quyển sách leo lên tới gần 490 trang. Trong quyển "Gone With The Wind", bà Margaret Mitchell cũng đã làm thiên hạ sốt ruột qua những loại chuyện ngồi lê đôi mách dài dòng, nhất là chuyện châm chích cãi lầy nhau giữa chàng Rhett Butler và cô nàng Scarlett O'Hara vốn là hai nhân vật chánh nên không khí lẫn khí hậu cốt truyện loãng mất tánh chất nghệ thuật đi. Tác giả "Cô Ba Trà" cũng đi theo ít nhiều dấu vết nữ sĩ Margaret Mitchell, nhưng các cuộc ngồi lê đôi mách của các nữ nhân vật của anh tuy có làm độc giả sốt ruột thật đấy, nhưng ít ra chúng cũng còn có thể giúp họ ít nhiều kiến thức về cuộc sống bí mật của các cô gái chơi bời.

Ngoài ra, tác giả Xuân Vũ quên công việc tái lập một Sài Gòn của giới ăn chơi phóng đảng vào thập niên 20, 30 với Cột Cờ Thủ Ngữ (nơi tụ họp các nhà báo, các giới phong lưu đến uống rượu), như Lãng Tô, suối Xuân Trường, hồ tắm An Đông, tiệm bách hóa Charner... là những nơi các dân trưởng giả du hí và mua sắm... Lại còn có xe điện (le tramway), xe kiếng (xe có cửa kiếng) do con ngựa kéo, xe xi-gà thuộc loại thể thao của nhân vật Hoàng Ngọc Ẩn trong cuốn tiểu thuyết trinh thám "Châu Về Hiệp Phố" của Phú Đức nữa chi.

o o
o

Cô Ba Trà sống oanh liệt trong xã hội mông-đen tức là trong xã hội ăn chơi xài tiền như nước của giới thượng lưu vào thập niên 20 của thế kỷ 20. Bên Pháp, thời nhân gọi là Những Năm Điên Cuồng (Les

Années Folles), nhưng các cô danh kỹ trên đất Pháp không còn hoạt động lấy lòng nữa. Những nàng danh kỹ của nước Pháp nói riêng, của Âu Châu nói chung có Trà Hoa Nữ (la Dames aux Camélias, tên là Alphosine Plessis) dưới triều đại vua Louis Philippe, có Cora Pearl, Giulia Barucci, Mogador, Blanche d'Atigny, Anne Deslions, Alice Orzy, Valtresse de la Bigne vào thời Đế nhị Đế Quốc do Hoàng Đế Napoléon Đế Tam trị vì. Bước sang thời Đế Tam Cộng Hòa thì đã có Liane de Pougy, Caroline Otéro, Emilienne d'Aleçon, Lina Cavalieri... Những danh kỹ cầm bút viết văn, làm thơ đã có Mogador, Valtresse de la Bigne, Liane de Pougy (văn) Emilienne d'Aleçon (thơ). Caroliene Otéro nổi danh ca múa, Lina Cavalieri là một nữ danh ca có tài nghệ căn bản... Tuy nhiên các nàng viết văn làm thơ chỉ đứng ngoài vòng văn học sử nước Pháp. Riêng hai nàng danh kỹ Trung Hoa vào thuở Thịnh Đường là Tiết Đào và Ngu Huyền Cơ chẳng hạn cô lưu phương trong lịch sử thi ca mà còn gây biết bao truyền kỳ và huyền thoại cho các phong lưu tài tử hậu thế trong buổi trà dư tửu hậu. Ba Trà, Tư Nhị, Hai Thời, Sáu Hương, Tư Ảng-lê chẳng có tài nghệ gì trong giới văn học nghệ thuật. Nhưng họ đã gợi hứng cho Hồ Biểu Chánh tạo ra nữ nhân vật Hai Thục trong quyển tiểu thuyết "Nợ Đời", cho Phú Đức tạo ra nữ nhân vật Lệ Thủy trong cuốn "Châu Về Hiệp Phố", Sim Xờ Rây trong cuốn "Bách Si Ma Hiệp Liệt", cho Lê Văn Trương tạo ra nữ nhân vật tên Nữ trong "Một Trái Tim". Cuộc đời của cô Ba Trà đã được Vương Hồn Sển và Hứa Hoành viết theo kiểu biên chép. Nhưng chính Xuân Vũ mới chính thức đưa cô vào quyển tiểu thuyết, không thay tên đổi họ cô, làm sống lại khá nhiều biến cố trong cuộc đời cô song song với các vận sự hư cấu để tiểu thuyết hóa một tác phẩm hiện thực. Và chính ở quyển "Cô Ba Trà", nhà văn Xuân Vũ lột trần ít nhiều cái mặt nạ huy hoàng đã từng ngụy trang cái xã hội ăn chơi tàn nhẫn và điểm nhục của giới thượng lưu vào thập niên 20. Đó là cái xã hội phù phiếm u mê, mà kẻ lặn ngụp trong đó không đếm xỉa gì đến tổ quốc dưới ách đô hộ của Thực dân Pháp.

CHƯƠNG 3: PHI VÂN, NHÀ VĂN MỞ RỘNG DÀI ĐẤT TÂN BỒI QUA TẬP TRUYỆN PHONG TỤC "ĐỒNG QUÊ"

Độc giả khó tính thường cho rằng văn chương các nhà văn gốc Nam Kỳ như Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoàng Mưu (còn có bút hiệu Mộng Huê Lầu), Hồ Biểu Chánh, Bửu Đình 1, Phi Bằng Cao Minh Chiêm, Nam Đình, Phú Đức viết tiểu thuyết phi văn chương. Họ chỉ kể chuyện chứ không dựng những khung cảnh sống thực trong tác phẩm của mình, cho nên họ không thể là những nhà văn đúng nghĩa, đúng mức. Thế có nghĩa là họ là những người kể chuyện (les narrateurs) hay người biên chép (les chroniqueurs). Những cái tai hại đó Nguyễn Ngọc Ngạn, Võ Kỳ Điền đã từng vấp phải. Cả Kiệt Tấn trong truyện dài độc nhất "Lớp Lớp Phù Sa" cũng chưa dựng được những khung cảnh nơi Cột Cờ Đỏ (Bạc Liêu), nơi mà đương sự mở mắt chào đời.

Vào năm 1943, Hội Khuyến Học Cần Thơ có trao giải thưởng cuộc thi văn chương cho cuốn "Đồng Quê" của Phi Vân. Nhưng tác giả khiêm tốn cho rằng đây là những bài phóng sự và tiểu thuyết phóng sự của mình góp chung thành một tập.

Dù thể loại của tác phẩm ra sao đi nữa, nhưng "Đồng Quê" vẫn là tác phẩm văn chương đúng nghĩa. Nó đã từng khai sáng cho văn chương đất nước Nam Kỳ, mở đầu cho những cây bút lừng danh sau này như Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Lê Xuyên, Văn Trang 2, Nguyễn thị Thụy Vũ... Đây là một tác phẩm phong tục có thể đương đầu với các tác phẩm phong tục của Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài, Trần Tiêu, Nguyên Hồng, Mạnh Phú Tư vào thời tiền chiến trên đất Bắc.

Phi Vân có dựng khung cảnh lẫn bối cảnh lịch sử cho tác phẩm mình. Anh còn soi rọi tâm tình, cá tính các nhân vật bằng những nét khái quát. Nhưng những nét tạo hình của anh, những diễn tả nội giới các nhân vật của anh vẫn đập mạnh vào ấn tượng độc giả, mở con đường rộng để cho họ nhìn vào cái thế giới muôn tượng bao la của họ.

Xin đọc một đám rước dâu bằng đồ máy trong truyện ngắn "Trao Thân Con Khi Mốc":

Tàu chạy hôm nay là hai hôm rồi: sông Ông Đốc, kinh xáng Bà Kẹo, Đàm Cùn, kinh xáng Thọ Mai, nhưng xóm Kiến-Vàng hãy còn xa lơ xa lắc.

Họ đàn trai đã mệt nhọc ngồi trong chiếc tàu chật hẹp. Người ta đã ăn ba lượt bánh mì với thịt quay mua ở Cà Mau. Chú rể ngày đầu còn khăn đóng áo dài, hôm sau đã cởi đẹp qua một bên, mặc chiếc áo thun giả ngồi ở trước mũi tàu ngong ngóng, thỉnh thoảng vươn vai hít không khí rồi cú- rú nhìn lũ trẻ trong xóm chạy theo tàu trên bờ sông vỗ tay reo: "Ê! Đám cưới!..."

"Đi họ" còn có ba cô gái: áo tím, áo xanh, "bọt -đê" dài thườn thượt.

Các cô tí-mi từng chút, luôn sẽ nhặt sống áo và lai quần hàng thẳng bóng để đôi giày cườm khỏi vương mà làm lấm hư đi.

Hôm xuống tàu, ba cô chọn một chỗ sạch, ngồi nói chuyện với nhau khe khẽ, ai mời gì cũng từ chối, thỉnh thoảng đưa cái bóp đầm lên soi kiếng, sửa lại cái vành môi.

Nhưng hôm nay ông Chánh Khá đã vắt cái áo đen trên vai và gói cái khăn đóng lại; ông chủ hôn Cai Sốt đã nằm ngáp trên chiếc sập con, thì các cô đành chia nhau ăn mấy khúc bánh mì còn sót lại.

Son môi đã hoen ố, phấn trên má cũng phai đi từng khoảng. Chiếc khăn mù-soa đã được nằm trong túi, không còn đeo-dăng với tay nữa. Vì hai bên bờ, rừng tràm và dừa nước, muỗi nó kêu vang như khát máu, đập bằng tay có hiệu nghiệm hơn, chớ cầm khăn mà chặm chặm thì nó không thấm tháp vào đâu cả. (các trang 36, 37)

Cũng xin đọc luôn tâm trạng người tù trở về quê quán trong đoạn kết của phần tiểu thuyết. Đây là nhân vật tá điền xưng tôi can tôi giết cường hào ác bá.

Năm năm tù và mười năm biệt xứ không dài bao nhiêu, nhưng nó thay trọn cuộc đời tôi. Tôi muốn người ta cho tôi ngồi trong khám mãi để mà quên đi, quên biệt, còn hơn cho tôi trở về với người đời.

Năm năm trong tù, tôi học rành chữ quốc ngữ và mon-men được chút đỉnh chữ Tây. Mười năm biệt xứ khiến tôi có dịp dày dạn với cuộc đời và nói rộng tầm con mắt.

Tù hạn trả xong, tôi lần về làng cũ. Cảnh vật không còn như xưa nữa. Ông và bà thầy pháp đã vào cảnh Tiên, Phật; thằng Út đi theo cái lương, con tám Ên đã có chồng với một dọc con dài, chồng nó là thằng tư Bô.

Tôi cất tạm một căn nhà trên hòn Đá-bạc. Ở đó, ngày ngày nghe tiếng gió thét sóng gầm mới an-ủi được lòng tôi.

Và chiều chiều, khi vừng thái-dương sắp chìm vào nước biển, tôi leo lên một mỏm đá cao chót-vót đứng nhìn về phía đất liền.

Sau rừng cây xanh bên ấy, chạy dài đồng này sang đồng khác. Trong những đồng rộng mênh-mông, hiên-lành đó, ẩn-trú biết bao nhiêu là tá điền, chủ điền...

Mà thôi, dĩ-vãng đã chết, còn nhắc lại làm gì nữa!...

Họ không phải là người gây nên tội ác, họ chỉ là nạn-nhân của một hoàn-cảnh xã-hội và của một thời-kỳ. (các trang 233, 234)

Phi Vân có một bút pháp dí dỏm và lôi cuốn. Nó đượm hơi hướm ngôn ngữ của các cô thiếu nữ ưa chót chét xí xọn rất duyên dáng, của các thím, các mợ đỏng đảnh dễ thương, của các bà già trầu tía lia tui đặng ngoài mà lại ngọt trong, của các bọm nhậu khề khà bực trực, của các ông già ông vố ó dâm nhưng cận nhân tình thế sự.

"Đồng Quê" gồm có 2 phần: phần đầu là "Phóng Sự Ngắn", phần thứ hai là "Tiểu Thuyết Phóng Sự". Nhưng dù là lối diễn tả của Phi Vân tuy gầy gọn, tuy không chuốc lọc, nhưng rất gợi hình lẫn gợi tình. Đây là một tác phẩm văn chương được xếp loại vào truyện ngắn phong tục và tiểu thuyết phong tục.

Phân truyện ngắn phong tục gồm có những bức tranh đồng quê thuộc loại tả chân hoặc thuộc loại hoạt kê gồm những nét hí họa lẫn biếm họa.

* Hai truyện ngắn "Muốn Ăn Trứng Nhạn" và "Tiếng Hò Trong Đêm Vắng": viết về bọn cướp trên sông rạch, nhắm vào những chuyến thủy trình của lương dân. Truyện đầu xảy ra trong dịp đám cưới rước dâu bằng ghe thuyền. Truyện thứ nhì trong dịp hai chiếc ghe hò đôi đáp trên sông, ghe cô gái là ghe bọn cướp, ghe chàng nam nhân là ghe thương hò.

* Hai truyện ngắn "Đồng-Trác Biệt Sập Giàn" và "Chợ Hay Quê,": viết về các gánh hát bội địa phương khi họ trình diễn vở tuồng "Phụng Nghi Đình". Truyện đầu vì khán giả chen chúc trên sân khấu quá đông nên giàn phải sập. Nam nghệ sĩ đóng vai Đồng Trác phải ngưng diễn tuồng để hét la báo động. Ở truyện thứ hai, cô đào chánh đóng vai Điều Thuyền bị mang thai nên có cô đào khác kém sắc hơn thay thế nên bị một khán giả thuộc loại hàm hồ kêu lên: "Ê! Cái mặt Chung Vô Diệm". Cô đào thay thế kia liền tạm ngưng trình diễn, trả đũa liền: "Xin lỗi quý ông quý bà, khốn nạn cái anh nào nói tôi là Chung Vô Diệm!".

* Hai truyện ngắn "Châu-Xương Cử Thanh-Long Dao!" và "Ông Tướng "Thầy Ba": Ở truyện đầu tác giả phơi bày chuyện mê tín của dân quê. Có ông ở Rạch Cóc xưng là xác của mình được hồn của Đức Quan Thánh Đế Quân (Quan Công) nhập vào để trị bệnh tà ma cho bá tánh. Mỗi khi trong nhà có kẻ ngã bệnh, gia chủ luôn nghĩ rằng bệnh nhân bị vong linh tà má quấy nhiễu nên rước y ta về nhà để đuổi tà ma ra khỏi thân xác người bệnh. Cứ mỗi lần rước y ta về nhà như thế, gia chủ phải nạp cho y ta một con heo quay nặng đúng một tạ. Tên Năm Quấy (bạn của tác giả) biết y ta mị dân dối thế để bóc lột dân quê nên thừa lúc y ta xưng là hồn Quan Công nhập xác để múa đao nên Năm ta cũng nhảy vào, xưng là hồn Châu Xương (tù tướng của Quan Công) nhập xác mình. Rồi Năm ta hươi đao múa loạn xạ nhưng đẹp mắt như Sơn Đông mã võ, và thi thảm với xác Quan Công đòi chia hai con heo và được ông xác kia phải nhượng bộ.

Ở truyện thứ hai, Năm Quấy được thể, nhảy ra làm thầy pháp trị bệnh con nít lẫn người lớn vì theo y ta thì các bệnh nhân bị "con sát" hoặc "con trùng" (thuộc loại tà thần ác quỷ) khuấy phá. Hắn bảo rằng nhờ có "ông tướng thầy ba" mà y có thể chữa cho các nạn nhân lành bệnh. Nhưng khi chữa trị cho một

nữ bệnh nhân, Năm Quầy động lòng dơi dạ chuột, trở thói dê đực ôm siết cô ta, bị cô ta phang guốc lên đầu. Thế là Năm Quầy cùng tác giả nhục nhã, phải bỏ làng Rạch Cóc để đến chỗ khác tha phương cầu thực.

* Truyện ngắn "Trao Thân Con Khi Mắc": đây là một vụ cưới gả khá phức tạp; ông trưởng tộc đăng gả làm khó, bắt chẹt chàng trai trong giờ rước dâu đủ mọi điều. Cho nên ông Hương Ba (rể phụ) sau phân lạy họ, bảo ông tộc trưởng tộc đăng trai xin kiếu từ ra về liền, không cần ở lại ăn tiệc. Cho nên khi cô dâu chú rể lễ lạy vừa xong, chàng trai quây quần hộ tống cô dâu xuống tàu thủy ra về. Ông tộc trưởng đăng gả tru tréo bảo phải đợi làm lễ trao thân gởi phận xong đã... Chàng rể phụ Hương Ba khi cùng chàng trai và cô dâu sau khi xuống tàu, trả lời cộc lốc: "Trao thân con khi mắc!".

* Truyện ngắn "Cành Tre Cũ Cặp Giò Xưa": Trong đêm tối, nghe bên nhà ông điền chủ Bá có tiếng báo động: "Ăn cướp! Ăn cướp!", nhân vật xung tôi núp sau bụi bông phướn, khi thấy bóng đen chạy đến anh ta bèn dùng cành tre quất mạnh vào giò đương sự. Nhưng đó không phải là kẻ gian phi mà là cô con gái anh Bá. Nhân vật xung tôi đánh công cô ta về nhà để cô ta dưỡng thương, chờ coi tình hình động tịnh trong xóm ra sao. Thì ra ông Bá lợi dụng thằng Tur Rô ở rể để bắt nó làm tôi tớ không công suốt một thời gian dài rồi đuổi nó đi, không chịu gả con cho nó. Tức quá, nó xông vào nhà, hăm dọa giết ông rồi bắt cô con gái ông theo nó. Nhưng khi cô gái vừa chạy ra khỏi nhà thì bị nhân vật xung tôi dùng cành tre phang vào chân té quỵ. Nội vụ được giải ra thầy hương quản, rồi được giải lên quận để phân xử. Cô gái không hề hé răng khai rằng mình bị nhân vật xung tôi đánh nặng. Nhưng từ đó hề gặp nhân nhân vật xung tôi là cô gái cười chúm chím rất ngụ ý ngụ tình làm anh ta phải bỏ làng ra đi. Có lẽ anh ta sợ mình sẽ gặp hoàn cảnh éo le của thằng Tur Rô chăng?

* Truyện ngắn "Đạo": Trong bữa tiệc rượu, ông Chủ vốn là nhà Nho lỗ vận cùng Phó Xã Việt bàn bạc và giải thích chữ ĐẠO. Họ có nhiều ý kiến lẫn kiến thức khác nhau Họ giải thích chữ ĐẠO bằng cách chiết tự, và moi móc những ý nghĩa ẩn mật thâm thúy trong chữ ấy. Các thánh giả dần dà ngấm men say, nghe riết rồi lẫn đùng ra ngủ mê mết. Riêng ông Chủ cho nhấp cảng rượu và mỗi nhắm vào miệng không hiểu ít hay nhiều trong lúc giải hích chữ ĐẠO, nhưng vào lúc mọi người đang ngáy ồ ạt thì ông cho mấy thứ vào mồm lúc nãy xuất cảng ra hết ngoài cửa khẩu. Chuyện có vẻ đơn giản, nhưng rất ngậm ngùi thời mạt kiếp của giới đảng cự nói chung, của Nho học nói riêng.

* Truyện ngắn "Quý Vương": Trong cách dựng truyện, vấn đề thời điểm vẫn là vấn đề then chốt. Ở đây, tác giả chỉ nói tới "điểm" tức là làng Thới Bình bên dòng sông Trẹm, Nhưng về vấn đề "thời" thì câu chuyện xảy ra trong khoảng thời gian mù mịt. Thường ông già bà cả Nam Kỳ hay bảo nhau lúc Việt Minh (cái tên đầu tiên của Cộng Sản ở Việt Nam) ra đời là thời Quý Vương lộng hành có nắng lửa mưa dầm. Đêm đêm, chúng gỏ cửa xét nhà rồi bắt người (hào phú, địa chủ) cho mò tôm (một hình thức thủ tiêu). Chuyện đó xảy ra trước khi Nhật rút lui khỏi Đông Dương và Việt Minh lên nắm chánh quyền. Đó cũng là lúc Việt Minh tuyên truyền truyền dân chúng ở đô thị lẫn ở thôn quê nếp sống tự do dân chủ. Tuy nhiên, tác giả không nói rõ khoảng thời gian ấy.

Quý vương ghé lại chợ Thới-Bình với gương mặt đầy kiêu hãnh.

Làng Thới-Bình không còn vang lạng như xưa.

Người ta lấy làm lạ sao thằng Chột con ông Bính đổi tên là Hoàng Hoa, lần lần thằng Phình cháu ông Phó Tám đổi tên là Tuấn Nghĩa, thằng Tích em Tuấn Danh là Văn Mộng, cho đến con Đẹt con gái chú Phòi cũng xưng là Thúy Liễu và con Út con ông Phó Cao là Kiều Nga.

Chúng thường đi cặp từng năm lũ ba thả rêu quanh chợ bất cứ đêm ngày, và hề gặp nhau là cúi đầu rất sâu, chìa tay ra siết chặt:

- Văn-Mộng xin kính chào Kiều-Nga!

Hay:

- Thúy Liễu này đa tạ huynh ông Tuấn Nghĩa!

Rồi họ cùng nhau bàn-tán vang trời những tiếng Văn-minh, Hủ-lậu, Nữ-quyền, Giác ngộ v.v... (các trang 86, 87)

Cái văn minh tân tiến của bon Quý Vương địa phương làm gai mắt phụ huynh của chúng. Nên thừa lúc bọn chúng tụ họp đàn đúm với nhau, họ xông vào đánh tan chúng như phá nát chòm ong lữ kiến. Từ đó làng Thới Bình trở lại nếp sống hiền hòa yên tĩnh.

*Truyện ngắn: "Các Trò Oì, Thầy Phen Này Thợ Tử": Câu chuyện xảy ra thuộc ấp Kiến Vàng, làng Tân Hưng Đông. Nhân vật xưng tôi đến dạy học tại đây gặp lũ học trò tinh ma quỷ quái, thạo chuyện bắt chim và các loài bò sát (ếch, rùa, rắn, kỳ nhông, rắn mối). Chúng còn giỏi nghề bắt cá. Như thế, trên đất hoặc dưới nước, nơi nào cũng để cho chúng săn tìm món ăn phong phú ề hề. Sau bao phen bị chúng thử thách tài nghệ trên đất dưới nước, đương sự khắc phục được chúng và chúng coi anh ta như Tổng tư lệnh. Nhưng trong dịp săn được con heo rừng có thai, tai họa lại đến. Thai heo được các cụ Nam Kỳ ta gọi là heo hà nằm, được móc ra tiêm với thuốc Bắc cho nhân vật xưng tôi tắm bổ. Nhưng khi ăn xong, anh ta ngã bệnh, tưởng toi mạng nên trời trăn với bọn đồ đệ của mình. Tuy nhiên, khi bọn học trò rước lang y trị bệnh cho đương sự thì mới hay heo hà nằm là món thuốc bổ, có tánh hàn. Đương sự ăn thứ đó không tiêu, lại uống rượu nhiều. Rượu và thai heo kỵ nhau nên đương sự mới thọ bệnh như thế.

* Truyện ngắn "Sanh Nghề Tử Nghiệp": "Mét Văn Quang" (Maitre Văn Quang) là thầy bói ở tận mũi đất Cực Nam của đất nước Nam Kỳ, dùng cái miệng lanh lợi, cái lưỡi uyển chuyển tráo trở, lấy việc đoán quá khứ vị lai để gạt gẫm người mê tín. Công việc làm ăn của đương sự đang xuôi mát mái, bỗng gặp tai nạn: đương sự đoán vận mệnh cho một tên điền chủ hung hăng, bảo rằng y ta lừa bạn giật tiền, trong vòng 2 ngày sau sẽ bị nắm chóp. Tên điền chủ nổi giận đánh "mét Văn Quang" chí chết. Hai ngày sau, y ta chưa bị ai nắm chóp. Nhưng "mét Văn Quang" không đoán nổi vận số của mình: Hai ngày đương sự trút linh hồn vì trận đòn quá nặng tay, gây chấn thương trong lục phủ ngũ tạng.

Vào thời tiền chiến, các tay thầy bói nổi danh như Tư Nền, François Lư đều xưng mình là "professeur" (professor/ giáo sư) nên khách hàng gọi họ bằng "thầy" (maitre). Trong thời chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh có "maitre" Khánh Sơn từ ngoài Bắc và Sài Gòn mở phòng bói toán nên dân Nam Kỳ Lục Tỉnh gọi đương sự bằng "maitre Khánh Sơn". Thật ra thiên hạ gọi các luật sư bằng "maitre", chớ nhưng kẻ không mê tín không bao giờ gọi mấy ông mấy bà lóc-cóc-tử bằng "maitre" một cách trọng vọng như thế.

◦◦
◦

Phần thứ hai là phần phóng sự tiểu thuyết (nói theo tác giả) có cái tựa là "Dưới Đồng Sông". Thật ra đây là quyển tiểu thuyết đồng quê thuộc loại phong tục và tả chân xã hội. Nó gồm có những truyện ngắn dưới hình thức từng chương một như sau: "Câu Cá", "Cá Mắc Câu", "Tôn Sư", "Đạo Phù Thần", "Ôm Ma Xơ Rốp...", "...Ma Ha Xơ Rốp", "Oan...!", "... Nghiệt!", "Muộn Màng", "Tử Thủ", "Hận Nghìn Đời", "Đoạn Kết".

Truyện rằng: Nhân vật Sáu Đờn Kim đến nhà ông Chủ Trần Háo Nghĩa xin mượn ruộng. Nhưng chàng ta bị tên điền chủ ác ôn này bóc lột trắng tay Xin cùng đọc:

Tờ lãnh làm ruộng giao

Nay tôi có lãnh làm 50 công ruộng cho ông chủ Trần Háo Nghĩa tiền công tôi lấy trước phân nửa là 20\$. Còn 20\$ chờ đã cấy xong, giao ruộng, tôi lãnh tất.

- Bẩm Chủ, tôi xin mượn ruộng, chớ không lãnh ruộng giao.

- Ấy, việc mượn chác thì mình biết với nhau, còn giấy-tờ phải làm như vậy cho đúng phép. Phòng như làm tờ mượn rồi nửa chừng mây trời có phải lòng-dòng cho tao thêm không? Làm như vậy mây lãnh làm công, rồi có muốn trốn, ruộng của tao, bắt quá tao gặt trừ. Tao ngừa như vậy, tá điền tao đũa nào có kêu-ca gì đâu! Bây giựt của tao thì có, chớ tao, ruộng đất mình-mông, chẳng đời nào tao giựt của bây!

- Bẩm Chủ, còn tiền lấy thêm: Hai chục đồng, tôi đâu có hỏi?

- Mây quê lắm. Tiền đó lá tao buộc phải vay, tới mùa, tao đóng lúa trừ. Tao tính mỗi gia, năm cắc.

Phải vay mới có mà ăn đặng chớ, không lẽ mầy cạp đất mà cày ruộng sao?

- Nhưng... giá lúa bây giờ đến hai đồng một gạ.

- Thì hai đồng bây giờ. Đây ra giềng còn tới bốn năm tháng nữa, chừng đó giá lúa lên cao tao nhờ, sứt tao chịu. Tao dám "cho" như vậy mà mầy còn chê mắc chê rẻ... Thôi, không bằng lòng, để ruộng đó lại cho tao! (các trang 147, 148)

Sáu Đờn Kim chịu làm ruộng giao cho ông Chủ Trần Háo Nghĩa. Dè đâu ông ta thấy mẹ của chàng ta hầy còn bóng bẩy nên ve vãn ráo riết. Một hôm, thừa lúc Sáu Đờn Kim vắng nhà, ông ta toan bề cưỡng bức mẹ của Sáu thì thành linh bà vợ ông ta nhảy vào đánh người đàn bà đáng thương kia một trận đòn chí mạng. Sáu Đờn Kim khi trở về thì thấy mẹ mình đang hấp hối. Chàng ta thề quyết báo thù.

Ở đoạn kết, chúng ta được thấy Sáu Đờn Kim trở về cố hương sau 5 năm tù, 10 năm biệt xứ vì can tội sát nhân. Giết ai? Giết ông Chủ Nghĩa hay giết vợ ông ta? Hay giết chết cả hai? Tác giả không nói rõ.

Trong phần tiểu thuyết, tác giả có lồng vào bốn mối tình và bốn tâm sự. Cô Yến con ông thầy phù phép yêu Sáu Đờn Kim. Chàng ta cũng có chút vấn vương với cô, nhưng cô ta lại yếu mệnh. Cô Tám Én yêu Sáu Đờn Kim; tình yêu đôi bên nảy sinh sau hận thù và ngộ nhận. Thăng Tư Bò yêu đơn phương cô Tám Én, nhưng khi Sáu Đờn Kim sa vào vòng tù tội thì cô ta trở thành vợ của nó. Ngoài ra thằng Út, em trai cô Yến cũng say mê Sáu Đờn Kim, vắng mặt chàng ta là nó nhớ thương khắc khoải. Bản chất mỗi tình của nó ra sao? Tác giả không phân tích rõ. Có thể là nó mê giọng hát ngọt, ngón đàn tươi của Sáu. Mà cũng có thể đây là thứ đồng tính luyến ái mù mờ mà nó không nhận định ra (l'homophilie latente).

Chuyện tình yêu được coi như một bản nhạc đệm (musique de fond) cho một vở kịch hay một cuốn phim. Nhưng đây là một khúc giao hưởng thống thiết (symphonie pathétique).

Ngoài ra, còn có vụ bùa chú ngải nghệ. Ông Thầy, cha cô Yến nổi danh là thầy pháp cao tay ẩn trong việc tróc quỷ trừ yêu Nhưng ông không thể cứu sống con gái ông chết vì bệnh mà ông đồ hô là cô Yến bị Quỷ Vương ám nhập để hành binh con mình. Sáu Đờn Kim là học trò môn bùa chú của ông. Còn Tư Bò là học trò môn võ thuật của ông Cho nên khi xáp trận với Tư Bò, lần nào Sáu Đờn Kim cũng đại bại, mình mẩy mang đầy thương tích, thần chú không giúp ích cho chàng được chút nào cả. Trong bóng tối rừng tràm và vùng mới hai hoang, tác giả không giăng mắc không khí huyền bí, mà soi rọi ý thức vào những mê tín đáng thương của lớp người đang ở vào thời kỳ xa ánh sáng văn minh của thị thành.

o o

o

Ở truyện "Đồng Quê", Phi Vân thực sự viết văn một cách nghiêm chỉnh, dù anh dùng một bút pháp dí dỏm, những ngôn từ đơn giản đến chỗ thiếu chăm sóc, thiếu chọn lựa tỉ mỉ. Diễn biến mọi truyện không có chút sắp đặt một cách công phu nhưng giả tạo nào. Mọi việc tuần tự xảy ra một cách hồn nhiên. Điều này khác hẳn những cấu trúc tiểu thuyết của những cây bút tiền bối của anh như Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoàng Mưu, Phi Bằng Cao Minh Chiêm, Bửu Đình, Hồ Biểu Chánh, Phú Đức, Nam Đình...

Trong "Đồng Quê", truyện ngắn "Quỷ Vương" sẽ làm bọn Cộng Sản nhột nhát xôn xang vì truyện ngắn này móc xỏ, nhạo báng sự ra đời của chủ nghĩa của chúng. Nhưng chúng cũng có thể lợi dụng truyện ngắn "Cành Tre Cũ Cặp Giò Xưa" và truyện vừa (tiểu thuyết phong tục) "Dưới Đồng Sân" để làm lợi khí tuyên truyền của chúng. Rằng: lớp địa chủ là loại giai cấp thống trị chuyên môn bóc lột giai cấp bị trị là thành phần tá điền đáng thương.

"Đồng Quê" là cái chìa khóa mở đường cho các cây bút đi sau Phi Vân hình thành loại tiểu thuyết phong tục hay loại tiểu thuyết hiện thực rất văn chương đúng nghĩa sau này.

1 Chánh quán và sinh quán ngoài Huế, nhưng trưởng thành ở Sài Gòn, cưới vợ

Gò Công và bị nam-kỳ-hóa 100%. Ông chống Pháp bị đày ở Con Đảo rồi kết bè vượt biển qua Xiêm, nhưng mất tích luôn ngoài biển khơi. Ông sáng tác 2 truyện dài nổi danh là "Mảnh Trăng Thu" và "Cậu

Tám Lọ".
2 Nhà văn nữ, gốc người Rach Giá, đã từng cộng tác cho hai tạp chí Bách Khoa, Mai trong 2 thập niên 50, 60. Bà gom các truyện ngắn đã đăng báo của mình in thành tác phẩm "Một Lá Thư Tình" do Phù Sa Xuất bản.

CHƯƠNG 4: SƠN NAM, NGÒI BÚT THÀ TRỜI TRÊN DÒNG MỰC QUA QUYỀN TẬP BÚT "MỘT MẢNH TÌNH RIÊNG"

Độc giả chúng ta yêu thích Sơn Nam qua những quyển tập truyện phong tục như: "Hương Rừng Cà Mau", "Hai Cối U Minh", "Vọc Nước Giỡn Trăng".... Nhưng anh còn viết những truyện dài có nghệ thuật cao hơn, cảm hoài thân thể cho những kẻ sinh bất phùng thời, làm cho người đọc không sao khỏi ngậm ngùi như "Chim Quyên Xuống Đất", "Hình Bóng Cũ"...

Sơn Nam là một nhà văn rất sâu sắc về nhân tình thế thái. Tư tưởng và ý tình trong văn chương của anh không cần dựa một hệ thống tư tưởng triết học nào, một sở tri về tâm linh của một tôn giáo nào. Anh đi đây đi đó nhiều, nhất là đi ngao du khắp miền Hậu Giang, thu thập rất nhiều kinh nghiệm sống. Anh chiêm nghiệm những lời nói các bộ lão về cuộc khai hoang khẩn đất ở miền Cực Nam và Tây Nam đất nước qua các quyển "Tìm Hiểu Đất Hậu Giang", "Đồng Bằng Sông Cửu Long", "Văn Minh Miệt Vườn", "Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam"... Anh rút tỉa những nhận xét đầy kinh nghiệm sống của họ, đầy sự luyện đạt nghệ thuật sinh tồn và ý chí khắc phục thiên nhiên của họ trong công việc mở rộng chiều dài của đất nước. Rồi đó anh đưa những điều ghi nhận của mình gán vào miệng những cụ già của ông vô dễ thương hay trảm vào mồm những nhân vật cà chớn. Nhưng những lời của kẻ thông minh tinh nhuệ hay những ý nghĩ của kẻ thật thà chất phác một khi được Sơn Nam đưa vào tác phẩm của anh cũng giúp cho chúng ta suy nghĩ về công trình của lớp tiền nhân trong cuộc Nam tiến để tìm đất mới. Cái thâm trầm sâu sắc của Sơn Nam trong nề nếp tư duy tương phản cái bộc trực thành khẩn của Bình Lộc quá rõ rệt.

Sau những quyển sách mà bút giả HTA đã kể trên, tài nghệ của Sơn Nam giảm thiểu rõ rệt. Các quyển "Vạch Một Chân Trời", "Bà Chúa Hòn" là những quyển tiểu thuyết phiêu lưu, phóng tác theo kiểu mượn đầu cá vá đầu tôm các cuốn truyện hay các cuốn phim phiêu lưu ngoại quốc, phần kể truyện húng hiếp và lẩn át phần viết văn.

o o

o

"Một Mạch Tình Riêng" do nhà xuất bản Văn Nghệ Thành Phố HCM (1993) trình làng. Đây là một cuốn tạp bút, không đề cập những vấn đề cùng chung một chủ đề hay cùng chung một hệ thống vận sự. Đây chỉ là quyển sổ tay văn nghệ được chi tiết hóa, ghi nhận những điều gì thoáng qua đầu óc tác giả, vắn vủ khá lâu rồi sa mưa trong cội cảm hứng của anh. Cho nên Sơn Nam phân trần:

Tập sách này, tôi tạm gọi là bút ký, nhớ chuyện xưa rồi viết theo sự nhận định theo tình cảm ngày nay. Hồi ký thường là loại sách dành cho người làm chính trị. Về phần tôi chưa bao giờ được ai giao phó cho ký tên, đóng dấu văn kiện nào cả (nếu được giao ắt làm không xong). Về văn chương, sự nghiệp văn là "sương khói mờ nhân ảnh". Tôi cố gắng giữ cái gọi đại ngôn là "dừng cảm nhỏ", tức là cái liêm sỉ tối thiểu, qua nhiều hoàn cảnh éo le. Khó nhất là văn chương phải in thành sách, in công khai cho người đương thời đọc. Làm văn chương mà mãi đời không viết một chữ, để giữ tiết tháo được chăng? Nên tin độc giả. (các trang 152, 153)

Lời trần tình (hay lời biện hộ đây?) chứng tỏ Sơn Nam viết cuốn sách này lâm vào thế kẹt. Muốn nó được Nhà Xuất Bản Thành Phố HCM chấp nhận xuất bản, anh phải vâng theo chỉ thị của Nguyễn Quốc Thủ (chịu trách nhiệm xuất bản) và Đinh Quang Nhã (chịu trách nhiệm bản thảo). Cho nên Sơn Nam dùng nhiều tiếng khó nghe, chẳng hạn ngày Sài Gòn bị bọn Cộng Sản cưỡng chiếm, anh dùng tiếng "ngày miền Nam được giải phóng". Anh gọi phe Quốc gia là "địch". Và anh không quên chêm vào đoạn tố chính quyền Quốc Gia:... Nhớ lại trước ngày Giải Phóng, vụ ký giả ăn mày, tôi bị bắt vì tình nghi cán bộ nằm vùng, thật ra, về tổ chức, tôi chẳng bao giờ nằm vùng, chẳng qua tôi làm nghĩa vụ con dân. Địch tra tấn, nhắc lại làm gì. Tra tấn để cho mình mất nhân phẩm, đã mất nhân phẩm rồi thì phải

khai (để bảo vệ cái gì đây?). Ấy thế mà phải ký tên thú tội vu vợ. Tôi nghĩ rằng giới chuyên điều tra thuở ấy không bao giờ tin lời khai của tội nhân nếu chưa tra tấn. Tra tấn, ắt khai thác được thêm điều bất ngờ. Bị tra tấn rồi mình khai là chúng yên tâm... (trang 74)

Đây rõ ràng là sự nhượng bộ, sự hy sinh phé bỏ cái "dũng cảm nhỏ" của anh Sơn Nam. Anh phải ngất véo phe Quốc Gia chút đỉnh để được in sách. Cái liêm sĩ của anh bị trầy trụa hay bị sút mẻ, nhưng chưa mất sạch sành sanh. Công bình mà nói, chính quyền ở các nước tự do nào cũng có việc thận trọng khi lập ra pháp lý luật lệ. Song song đó vẫn đầy nhan nhản kẻ hành pháp vi phạm luật lệ vì sai lầm hoặc vì hối mại quyền thế. Anh không chửi thẳng tay chính quyền cũ và ca tụng chế độ mới một cách trơ trẽn và đê tiện, khác biệt với Xuân Diệu và Huy Cận đã từng nã súng cối vào xã hội Miền Nam Việt Nam để đánh bóng chế độ Cộng Sản. Anh chỉ viết cảnh anh bị nhốt tù vì tội xuống đường theo giới báo chí nổi loạn chống ông Hoàng Đức Nhã. Chúng ta cũng thừa biết ông Nhã đã từng hà hiếp báo giới làm cho các ký giả phải điều đứng trong việc hành nghề mưu sinh, sắp chống gây ăn mày.

Ở "Một Mảnh Tình Riêng" tác giả phân trần và giải thích về công việc viết chuyện xưa của mình. Quan niệm và nhận định của anh giúp anh trội hơn nhân sinh quan trong các tác phẩm của những cây bút gốc Nam Kỳ kỳ cựu:

Viết lại chuyện xưa, theo ngẫu hứng, như người say rượu đòi, bỗng dưng muốn đốt ngọn nến nhỏ để lục lạo trong hang tối của ký ức. Gặp nào mảnh giấy vụn, cây bút cũ, những tấm thiệp của bạn bè mời đám tiệc, quyển sách nào đó bị chuột, dấn gậm nhấm vài trang. Đi tới đi lui, như bóng ma, vách hang ẩm ướt, thỉnh thoảng đập nhằm cái búa, cây đinh chẳng biết đó là món gì vì đã sút gãy nhưng không đành ném bỏ, nhưng để dành mà làm món đồ chơi cho trẻ con, vân vân và vân vân... Ngọn nến đã tắt, nhưng bóng ma của ta cứ lăm lăm bước tới, bỗng dưng sảy chân, rơi vào hố thăm thẳm. Ta đi suốt cái hố sâu ấy, dè dặt lại trở lên mặt đất. Đôi mắt hoa lên, như kẻ mất hồn, ngõ hồn mình còn bị giam hãm trong hang. Hang động này cạn nhưng xoáy tròn ốc, đủ chiều, chợt bắt gặp quyển Agenda mà năm tháng đã mờ nhạt, trong ghi lung tung vài địa chỉ, số điện thoại ai đó. Gặp cái đồng hồ đã ngừng chạy, nhưng thử đặt sát vành tai, như đứa bé dạo chơi bãi biển, bắt gặp cái vỏ ốc, đặt vào tai nghe tiếng nhạc, ngỡ là tiếng ru của biển cả. Đứa bé cười thỏa mãn: mình phát hiện một hiện tượng độc đáo mà những người lớn tuổi đang đùa giỡn với sóng biển, đang bấm máy ảnh chưa bao giờ biết thưởng thức. Một kiểu tham quan chôn chôn âm phủ. Cái Thiên đàng mà mình mơ ước có hay không có? Nó ở đâu? Làm sao tham quan?

Cái Thiên đàng ấy là hiện tại cuộc sống, và địa ngục cũng xen lẫn trong đó. Trong bài tán đức Phật có câu: "Tọa bồ đề tòa, đại phá ma quân" Ngồi bên gốc

bồ đề ngài đánh tan lũ ma quái, những dâm nữ lửa lò múa ca uốn éo. Nghệ thuật, trong đó có bộ môn văn thơ, kịch... là cách nói láo dựa vào chút ít thực tế, cho ra láo để rồi ta dựng nên một tác phẩm thật hơn sự thật, một thế giới riêng bay lơ lửng trong không gian với những hình ảnh khi mờ khi tỏ, tan hòa vào trong tiềm thức của con người là độc giả, khán giả. Kiểu đúc kết này có lẽ nhiều nhà lý luận đã nói hết rồi, nhưng tôi tâm đắc theo kiểu của tôi. Cuộc sống hằng ngày là một Thiên đường, nhưng là Thiên đường nát ra từng mảnh vụn, không trọn vẹn, may ra đến chết ta mới ráp lại được. (các trang 36, 37)

o o
o

Gặp bất kỳ quyển sách nào của Sơn Nam, loại truyện dài, loại truyện ngắn hay loại biên khảo, chúng ta chỉ muốn tìm hình ảnh vùng Hậu Giang vì có ai khai thác vùng đất ấy trong văn chương bằng anh? Quyển tạp bút "Một Mảnh Tình Riêng" cũng có nhắc tới một vài địa danh ở đất Hậu Giang, nhưng tác giả áp dụng cách diễn tả bằng văn chương trong các quyển địa phương chí. Văn chương như thế không làm thỏa mãn những độc giả chuộng cách hành văn miêu tả đầy nét tạo hình mà chỉ làm phì nhiêu mảnh đất kiến thức của độc giả mà thôi. Xin đọc một đoạn tác giả nói về quê quán của mình. Đó là một xóm nhỏ ở rạch Tràm Chệt:

Mẹ tôi đi làm dâu nơi xa nhà hàng năm mươi mấy cây số ngàn, đường giao thông hồi đầu thế kỷ khó

khăn, vượt rừng, qua hai con sông đầy sóng gió. So với rừng U Minh là quê cha tôi, xứ của mẹ tôi tương đối văn minh hơn, nhờ ảnh hưởng của nước ngọt quanh năm từ sông Hậu đổ xuống. Gọi thứ nước ấy là "nước bạc", theo nghĩa trắng đục, không đỏ vì phù sa sông Hậu đã lắng bớt dọc đường; nhờ nước ngọt mà trồng được cây cảnh, thí dụ như nguyệt quí, ngâu, vạn thọ. Dưới rạch thêm vài loại cá nước ngọt như cá tra, cá mè vinh mà phía nước mặn không có. Lâu năm lắm mẹ tôi mới về quê thăm xứ một lần, tình trạng này tôi thử hư cầu, qua truyện ngắn Gả Thiếp Về Rừng, "Má ơi đừng gả con xa, chim kêu vượn hú biết nhà má đâu?". Qua sông Cái Bé thì dễ, nhưng gian nan nhứt là qua sông Cái Lớn, hai bên rừng rậm với cây bần cổ thụ. Tôi nhớ rõ: Khi và gà rừng ra đến tận mé sông, khi dạn dĩ đến mức ném trái bần xuống để xua đuổi ghe xuống đầu bên bờ lúc ăn cơm. Lại đồn rằng thỉnh thoảng sóng thần hiện lên, nhận chìm ghe lớn nhỏ. Sông Cái Bé và sông Cái Lớn chảy song song nhau, khi gần ra biển có con rạch nhỏ ăn thông qua lại gọi là Tắc Cậu, rạch Tắc này nổi danh với ngôi miếu thờ Cậu, tức là thờ con bà Chúa Xứ, ghe buôn khá giả khi ngang qua thường đốt pháo để xin phép, cầu xin Cậu ban ơn. Vượt qua sông Cái Lớn vẫn là nan giải, vàm sông khá rộng, gần đây, mặt biển dâng cao, luôn đầy sóng gió. Qua được nửa sông, rủi gặp giông, chẳng tài nào trở vào bờ cho kịp. (trang 8)

Theo dõi cuộc bút trình của Sơn Nam qua quyển tạp bút "Một Mảnh Tình Riêng", đôi với độc giả thích tìm thú giải trí trong các quyển tiểu thuyết điểm tình, trinh thám, kiếm hiệp... họ sẽ thấm một đến hụt hơi. Trong 150 trang sách với kiểu chữ vừa (corps 10), anh gói ghém biết bao là vận sự, biết bao là vấn đề, biết bao là nhân sinh quan. Anh bàn qua Phật giáo ở quyển "Trường Bộ Kinh", ở "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" (tức là "Kinh Pháp Hoa"), rồi bàn đến cái nét tiêu cực của dân tộc Việt Nam qua mẩu chuyện bà Phiếu mẫu biểu cơm cho Hàn Tín khi ông ta chưa gặp thời thanh vân đắc lộ. Và từ đó, anh nhảy qua việc đi khẩn hoang, rồi chuyện anh hùng Nguyễn Trung Trực kháng Pháp, chuyện sáng tác văn chương, chuyện cụ Phan Bội Châu, chuyện bà vú Miên của anh, chuyện quê ngoại của anh, chuyện đứa bé ngồi bất động trong căn chòi lá bên dòng rạch Trâm Bàu, chuyện bão lụt năm Thìn... Tới đây, chúng ta nhìn kỹ lại số trang, mới hay chúng ta chưa đọc hết 10 trang sách.

Nẻo về của ý của tác giả có nhiều lối rẽ, có nhiều khúc quanh theo kiểu dây chuyền, hết chuyện cây cà bắt qua dây rau muống, hết đầu Ngô bước qua đuôi Sở. Cái nguồn cảm hứng của anh chuyển từ vấn đề này sang vấn đề khác như con vượn chuyền cành. Cái ý tưởng của anh phóng vùn vụt như con tuấn mã phi nước đại trên dầm ngàn nghìn thanh, băng qua miền thảo nguyên bao la.

Cách viết những mẩu chuyện vụn vặt theo kiểu địa phương chí như chuyện chào đời và cáo chung của tạp san Nông Cổ Mín Đàm, chuyện Phan Xích Long dùng bùa phép khởi nghĩa chống Tây... đã từng được Vương Hồng Sển nói tới trong quyển "Sài Gòn Ngày Nay" và do Hứa Hoành đưa vào bộ "Nam Kỳ Lục Tỉnh", cho nên đôi với độc giả tìm hiểu chuyện xưa không còn là chuyện lạ nữa.

Ở quyển "Một Mảnh Tình Riêng", chúng ta bị Sơn Nam quyến rũ không ở cái nghệ thuật tái sinh nếp sống Hậu Giang từ thuở khai hoang dựng đất cho tới 5 năm đầu của thập niên 40. Chúng ta có cơ hội thích thú theo dõi những nhân sinh quan của anh một cách thống khoái. Những nhân sinh quan ấy bắt nguồn từ những kinh nghiệm sống của anh. Và cũng có thể là những ý nghĩ vụn vặt mà anh đã gặt hái trên sách vở rồi anh phân tích hoặc tổng hợp thành ý tình và quan niệm riêng của anh. Tuy nhiên những nếp suy nghĩ dù là của ai, nhưng một khi được anh tổng hợp thành ý nghĩ và được anh đưa vào trang sách cũng phải dựa vào kinh nghiệm của anh, chúng phải được lột xác để gần gũi với cái Chân, cái hợp lý và cận nhân tình.

Về tập tục và tín ngưỡng, Sơn Nam viết:

Người nông dân Việt trong số có người từ khắp miền đến lập nghiệp, lần hồi trở thành dân Sài Gòn, trọng Trời đất quỷ thần. Thờ nhiều vị thần như chư vị ngũ hành, bà chúa Xứ, cá Ông. Điểm này khác hẳn với tín ngưỡng phương Tây. Tin nhiều vào quỷ thần đến mức mê tín vẫn là đồng nghĩa với "không quá tin vào cái gì cả". Nhiều vị cai tổng, đốc phủ sứ hoặc Việt gian hạng nặng vẫn bám giữ thần thánh để tìm nơi nương tựa. Từng làm nô bộc cho thực dân Tây Phương, hưởng bổng lộc nhưng khi về già họ lại tin vào đình miếu, Lăng Ông Bà Chiểu, sát nách Sài Gòn phải chăng để cân bằng với nhà thờ Đức

Bà ở đầu đường Catinat và những chùa Ông, chùa Bà ở Chợ Lớn? Nhiều người theo thực dân nhưng vẫn thích hát bội, hát cải lương, ăn cơm với dưa, với tô canh công cộng, không thích muông nia và cái lệ trái nấp bàn ăn. Thích ăn bánh mì thịt vào buổi sáng (không tốn chén dưa, nước mắm), thích thụt bi-da như người Pháp vì gọn gàng, hấp dẫn, nhưng chỉ đến mức ấy mà thôi. Ngày Tết đốt pháo, rước ông bà, chưng nhánh mai vàng, ăn bánh tét, bánh in. Ăn Tết cổ truyền, đi đình chùa nhưng vui chơi, dịp lễ Noel, ăn sinh nhật cho con, bắt chước thổi tắt máy ngọn nến. Để tang màu trắng, với nhà sư tụng kinh. Hiếu thảo với cha mẹ, giữ nghĩa với bạn bè... (các trang 103, 104)

Quan niệm về nghệ thuật của Sơn Nam vẫn là quan niệm vừa sâu sắc vừa dí dỏm như quan niệm của Võ Phiến. Anh không phải là nhà văn tư tưởng. Nhưng văn chương anh rất cận nhân tình, gây lý thú bất ngờ cho người đọc qua những lời khề khà của một bợm nhậu hào sảng trong lúc rượu vào lời ra. Nhưng coi chừng đó, những lời theo hơi men tuôn ra từ cửa miệng anh thường làm chúng ta nghĩ ngợi: Nàng Nghệ thuật luôn giữ nụ cười ồm ồm, mơ hồ. Hỏi: Tôi xứng đáng là nghệ sĩ chưa? Nàng Nghệ thuật cười. Hỏi thêm: Tôi không xứng đáng là nghệ sĩ, phải vậy chăng? Vẫn nụ cười, nhưng lạnh lùng, đối với tất cả mọi người. Đã dần thân rồi, người nghệ sĩ không thể rút lui. Có lẽ khi gần nhắm mắt mới thấy nàng nghệ thuật từ xa, đến với nụ cười khó hiểu. Xin hẹn kiếp sau.

Vì vậy từ ngàn đời trước đến ngàn đời sau, Nghệ thuật vẫn còn đó, đỉnh cao vẫn chưa ai đạt đến. Người leo núi kiêu này, theo con đường này, kẻ theo kiểu khác quanh co. Như những nhà khoa học, những bác sĩ nghiên cứu bệnh SIDA. "Tôi muốn được chết một cách tuyệt vọng, trong cơn tuyệt vọng". A Gide đã viết như thế.

Ý nghĩ tự sát đã đến với vài nhà văn. Gérard de Nerval đã cao hứng, thắt cổ ngoài đường cái. Nhưng khi chết vì tự sát, có gì chắc được nàng Nghệ thuật đón rước, tặng bằng khen? Bởi vậy, nhiều người thích sống, ăn uống, rượu thịt bất chấp nhục vinh, dư luận để... tự tử chậm, kiểu tự tử này dường như dễ chịu hơn. Vừa hèn nhát, vừa can đảm. (trang 60)

Còn về vấn đề tài năng văn chương mà người đời tâng bốc lên mức thiên tài thì sao? Sơn Nam trình bày cho chúng ta thấy góc độ cái nhìn của anh như sau:

Về đời tư người làm văn nghệ, thỉnh thoảng tôi nghe vài người bình phẩm: Chàng này bịp bợm, thiếu khiêm tốn, cô hay bà nọ thích lăng nhăng, thế kia Người làm văn nghệ ưa uống rượu, nhưng đâu phải chàng say nào cũng là nhà văn, nhà thơ giỏi. Một bạn trẻ bất hạnh, mắc bệnh phong (cùi, hủi) đã nói trong lúc vui miệng: "Nếu làm thơ, mình sẽ là nhà thơ quá dở, nhưng lấy làm hân hạnh là Hàn Mặc Tử cũng từng mang bệnh phong. Cũng là bằng cớ khiến cho thiên hạ thấy kẻ bệnh tật lắm khi có tài năng lớn!". Cách đây vài mươi năm, chưa ai nói đến trăm năm, nước nào cũng có vài nghệ sĩ xuất sắc, bỗng dưng im hơi lặng tiếng. Vài nhà phê bình đã chứng minh chẳng qua nghệ sĩ ấy bị quan, bị hành hạ vì bệnh "hoa nguyệt". Trước khi có phát sinh thuốc trụ sinh, bệnh này là nan y. Chẳng lẽ ta đặt giả thiết nếu không mang bệnh ngặt, chàng nọ sẽ là kẻ bất tài vô tướng. Trong giới văn nghệ, vài bạn đây thiện tâm, thiện chí nhưng chọn lầm con đường: thay vì làm giáo viên dạy Việt văn xuất sắc, anh ta lại sáng tác rồi trở thành nhà phê bình cay đắng, hằn học, với thái độ tự tôn. Rằng nếu ta chịu làm văn nghệ, ta sẽ giỏi hơn người đã bị ta phê bình. Trường hợp vài người đã lớn tuổi, có con, có cháu, làm ăn không khá, nhưng khoe khoang: Thằng Giáp nọ thằng Ất kia hồi ở Việt Nam làm ăn dở, còn thiếu nợ tôi, nếu tôi vượt biên, tôi sẽ làm giàu gấp mười nó. (các trang 115, 116)

◦◦

◦

Trong quyển " Một Mảnh Tình Riêng" có hai vận sự đáng chú ý như chuyện gánh Kim Thoa vừa sau Hiệp Định Genève trình diễn vở "Lấp Sông Gianh" bị một quân nhân tung lựu đạn trên sân khấu, chuyện nhà văn Bình Nguyên Lộc sáng tác truyện ngắn "Rừng Mắm".

Hình như vào năm 1955 thì phải, nữ nghệ sĩ Kim Thoa một trong 4 cô đào chánh đại ban ca kịch cải lương Phụng Hảo (gồm Phùng Há, Thanh Tùng, Kim Thoa, Bích Thuận) sau khi gánh này giải thể, cô ta bèn dựng nên đoàn ca kịch Kim Thoa. Vở tuồng khai trương là "Lấp Sông Gianh". Nhưng vừa trình

diễn thì trái lựu đạn tung lên sân khấu, giết chết nam nghệ sĩ Ba Cương và làm cho soạn giả kiêm kịch sĩ Duy Lâm bị thương nặng phải cưa một giò. Kỳ trình diễn khai trương ấy, Sơn Nam theo thi sĩ kiêm soạn giả cải lương Kiên Giang Hà Huy Hà được mời vào xem. Theo anh tường thuật thì:... Lấp Sông Gianh, tự cái nhan đề gợi ý thức xóa bỏ phân chia Bắc-Nam, người Việt cùng chung dân tộc. Trên sân khấu, từng đoàn người dùng thùng đựng đất đổ xuống con sông tượng trưng rồi một diễn viên nói to: "Chúng ta là nạn nhân của một chế độ đau lòng" Tức thì một tiếng nô ầm, lóe sáng, đèn sân khấu vụt tắt. Có tiếng kêu rú. Tôi nắm tay anh Kiên Giang: " Lạ quá, mình chạy ra". K.G nói tỉnh táo: "Ảo thuật trên sân khấu". Nhưng rồi mọi người ùn ùn tuôn ra đường cái. Lựu đạn nổ! Ai là thủ phạm? Dễ hiểu quá. Hôm sau, phía "Quốc Gia" tung dư luận, đó là sự căm thù tự phát của một anh "lính Quốc gia", lén đem lựu đạn vào rạp. Sau đó, chẳng nghe truy tầm, công bố tên họ thủ phạm. (trang 26)

Như chúng ta biết, Bình Nguyên Lộc sinh trưởng ở Tân Uyên (Biên Hòa). Cho nên văn chương của anh lấy những địa danh miền Đông Sài Gòn làm bối cảnh như: Biên Hòa, Tân Uyên, Đất Bái, Bình Dương, Lái Thiêu, Lò Chén Chòm Sao ở xã Hưng Định (Lái Thiêu). Thế mà trong truyện ngắn "Rừng Mắm", anh lại lấy khung cảnh vùng duyên hải Cực Nam đất nước. Truyện này gây tiếng vang dữ dội, thấp sáng huy hoàng cho văn nghiệp của anh. Xin hãy nghe Sơn Nam kể lại hành trình ngòi bút của Bình Nguyên Lộc từ thuở thai nghén và sinh đẻ ra truyện ngắn bắt hủ này:... Trước kia trong tuần báo Nhân Loại, anh (tức là Bình Nguyên Lộc) hỏi về khung cảnh vùng biển phía Tây, đặc biệt là mũi Cà Mau. Và thú nhận anh chỉ đi đến chợ Cần Thơ, bờ sông Hậu mà thôi. Vì yêu mến phía Rạch Giá, Cà Mau mà nhiều người cho rằng kém cỏi về văn hóa, anh nhờ tôi cung cấp vài tư liệu cần thiết về cây đước, cây mắm. Tôi bảo rằng mắm là lính tiên phong giữ đất, cây đước xuất hiện sau lưng cây mắm. Và để gây không khí, tôi tìm đến anh bạn Trần Tấn Thanh từ chiến khu về, từng là chủ lò than ở Cà Mau. Anh Thanh bèn tìm giấy bồi thứ cứng, loại cạt-tông cách nhiệt; vài hôm sau anh trao cho tôi bức tranh đơn sơ: nước gần bờ đục ngầu, ngoài khơi thì xanh, thấp thoáng bóng dáng Hòn khoai, vẽ miễn phí. Dem ực tranh tới nhà anh B.N.L, tôi thấy mình đã làm xong sứ mạng, giữa bạn bè văn nghệ, tạo cho nhau nguồn hứng là sự đóng góp quý giá nhất. Một tuần sau, anh viết xong chuyện Rừng Mắm, tôi nhớ lần đầu tiên ra mắt ở tạp chí Bách Khoa, anh ghi lời: "Tặng họa sĩ Trần Tấn Thanh". Như tiếng sét vang, truyện này tạo thanh thế cho anh, bạn bè nể mặt, mãi đến nay, người thuộc lứa tuổi 60 cứ nhắc nhở... (trang 24)

o o
o

Sơn Nam là một nhà văn có tài, một nhà văn lớn. Vào hai thời kỳ Đệ nhất và Đệ nhị Cộng Hòa ở Miền Nam Việt Nam, anh mang tiếng là kẻ nằm vùng. Nhưng hoạt động của anh cho Cộng Sản không mấy quan trọng, hầu như không có. Vào cuộc đổi đời chắc anh cũng sáng mắt vì dù được bọn Cộng Sản đãi ngộ, nhưng anh vẫn không được tự do cầm bút như thuở xưa. Vẫn phải sống theo chế độ, nhưng anh không hoàn toàn buông xuôi. Anh gần gượng níu lại chút liêm sỉ cuối cùng để khỏi ca tụng xả lảng chủ nghĩa mà anh đã từng lầm lạc theo đuổi từ đầu mùa khói lửa vào giữ thập niên 40.

Sơn Nam không có cái sĩ khí liêm liệt như nhà văn Lao Xá trước bạo lực của cuộc Cách Mạng Văn Hóa do Giang Thành cầm đầu. Anh cũng không hèn nhát như Quách Mạt Nhược chạy theo bạo quyền, ca tụng mụ Giang Thanh và nhóm Vệ Binh Đỏ không hề biết tiết kiệm lời tâng bốc, để rồi khi Giang Thanh bị hạ bệ, Quách văn gia quay lại công kích kẻ mà ông đã từng suy tôn ca tụng.

Bút giả nghe nói gần đây nhà cầm quyền Cộng Sản cho phép dựng tượng Sơn Nam trong đô thành Sài Gòn, nhưng không rõ ở đâu. Ước mong sau này, nếu phe Quốc Gia chúng ta giành lại chủ quyền trên đất nước, tượng ấy sẽ không bị phá hủy. Sơn Nam là kẻ đáng thương hơn đáng ghét đáng khinh dù phẩm tiết anh vậy bùn lam nam đi nữa. Cái tài hoa cùng cái công trình văn chương của anh làm sao chúng ta có thể phủ nhận?

Các quyền biên khảo chế độ cũ đã từng dựng tượng cho Sơn Nam trong khu vườn văn chương của Miền Nam Việt Nam từ lâu rồi. Dù cái tượng bằng đá hoa cương hay bằng xi-măng cốt sắt của anh có bị phá hủy đi nữa thì những trang sách viết về Sơn Nam cũng đủ làm thành những bức tượng nguy nga

tráng lệ cho anh rồi.

CHƯƠNG 5: SONG THI VỚI TÂM SỰ THIẾT THẠ QUÀ TUYÊN TẬP THƠ VĂN "DỖ GIẤC ĐÊM DÀI"

"Dỗ Giác Đêm Dài" là tác phẩm văn chương thứ hai của nữ sĩ Song Thi. Đây là một tuyển tập thơ văn bát ngát tình người, tình quê hương tổ quốc. Và dưới ngòi bút của chị, tiềm lực đấu tranh chống bạo lực luôn luôn thao thức; ngọn lửa chính khí vẫn cháy âm ỉ, hễ gặp cơ hội thuận tiện là chúng bùng lên, soi rõ cái hoài bão và cái tâm nguyện của tác giả đối với đất mẹ quê cha.

Dù dưới hình thức thơ hay văn xuôi, dù là ở mỗi tác phẩm nào, Song Thi vẫn là một cây bút đem tâm lòng nhân hậu, đem thiên lương ra chống đối cái Ác, cái dối láo bất lương. Chị không chạy theo cam ngôn mỹ từ nguy trang những điều ngôn xảo ngữ, hay những tư tưởng uốn éo cầu kỳ để nhận định tình trạng khốn cùng của đất nước và hoàn cảnh lâm than của dân tộc. Có như thế, chị khỏi rơi vào lưới bẫy của kẻ thù chúng ta là bọn Cộng Sản. Chị nhìn thời cuộc, chủ nghĩa, chính kiến bằng trái tim chân thành, bằng ý thức đơn giản nhưng rất thù thắng, bằng một trực giác trong sáng tuyệt vời. Những cây bút đấu tranh như chị càng ngày càng hiếm hoi. Nhưng dân tộc chúng ta nói chung, kiều bào chúng ta nói riêng không hoàn toàn tuyệt vọng đâu. Trước đây chúng ta đã có Tạ Tỵ, Bắc Phong, Vũ Kiện, Lê Khắc Anh Hào, Hồ Công Tâm, Nguyễn Mạnh An Dân, Võ Kỳ Điền, Diệu Tần, Vũ Nam... (nam), Thanh Phương, Vi Khuê, Nhã Ca, Diệp Mỹ Linh, Linh Linh Ngọc, Trần Mộng Tú, Hoàng thị Đào Tiệp... (nữ). Gần đây, bên các đảng râu mày bỏ cuộc rất nhiều chỉ còn Hồ Công Tâm, Hải Bằng, Lê Khắc Anh Hào, Thy Lan Thảo... Riêng bên nữ giới còn có thêm Song Thi, Trương Anh Thụy, Ngô Minh Hằng, Dư thị Diễm Buồn, Ý Nga... Niềm tin tất thắng, sự tồn tại của chính nghĩa, sự bại vong của cái Ác làm sao tắt lịm trong cuộc bút trình của Song Thi và của những bạn đồng hành của chị được?

◦ ◦
◦

Trước hết chúng ta hãy bàn về thơ của Song Thi trong "Dỗ Giác Đêm Dài".

Về hình thức, "Dỗ Giác Đêm Dài" không phải gồm nhiều bài thơ suông đuột. Tác phẩm vẫn có tình ý sâu sắc, có ngôn từ không trơn nhẵn tầm thường. Trong văn chương của vài cây bút đấu tranh cho chính nghĩa, những tình ý, những ngôn từ tuy đã vào được cõi thơ nhưng vẫn không vùng vẫy được trong môi trường thơ, không thể thấp hào quang cho thơ được. Song Thi vốn không chọn nhiều ngữ pháp hoa lệ, không nhiều cụm từ mới lạ, không có luôn cách diễn tả cầu kỳ. Nhưng chị vẫn săn tìm những tình ý rất đặc biệt làm cho thơ lồng lộng nét sáng tạo, làm cho từng câu theo reo lãnh lót trong cõi ẩn tượng và cõi thương ngoạn của độc giả. Như thế khi làm thơ hay viết văn xuôi, Song Thi không làm một người thợ thêu, đưa đây từng mũi kim tinh xảo trên nền lụa óng ả. Chị không thích hình thành những bức tranh thêu kết hợp bằng thứ chỉ ngũ sắc lòe loẹt. Chị cũng không làm một nghệ nhân kim hoàn chạm trổ những nét tỉ mỉ chăm chút trên món trắng sứ bằng bạc, bằng vàng hay bằng bạch kim. Chị làm thơ trơn ngọt, thống khoái như con én đưa thoi trong ánh thiêu quang tươi sáng, thoải mái như con cá vẫy vùng dưới lớp nước trong vắt, làm cho độc giả không vật lộn một cách quá mệt nhọc với chữ nghĩa và với ý tưởng của chị.

Anh đừng tìm anh trong thơ tôi viết
Góc hồn hoang không có mặt anh đâu
Văn tên anh tôi quên mất từ lâu
Dấu hỏi ngã không dấu nào ghi đúng
Vùng kỷ niệm anh như trang giấy mỏng
Gió sang mùa cũng đủ chóng bay đi
Khúc sông dài tôi không thấy vết ghi
Mặt biển rộng sao vết tằm chẳng thấy?
("Chớ Tìm", trang 77)

Một vùng sương muối mênh mông
Một vùng gió lạnh, một vùng thông reo.
Một vùng chân núi lưng đèo
Mây thương khắc khoải còn treo ngọn ngành.
Rung rung cất bước viễn hành
Một trời ảo ảnh ai dành cho tôi!
Buồn sao thương nhớ không nguôi
Tôi qua biển Bắc nhớ người biển Nam.
Nhớ còn cát mịn giùm thăm
Dã tràng giúp đếm, sóng gằm giúp nghe?
Non cao nhắc đón gió hè
Suối sông nhắc đợi chuyến về hồi hương...

Sầu riêng nghìn mối trăm thương
Miên man trở giấc đêm trường ngấn ngời.
("Áo Ảnh", trang 152)

Chớ dẫn tôi về trên đường xưa
Rợp bóng tre già che nắng trưa
Gió chao tà áo người yêu cũ
Nước đọng ân tình trên vũng mưa.

*

Đừng vội bảo tôi thăm suối sông
Nuôi tiếc hương xưa lạc giữa giòng
Đem lưới chài trăm câu ước hẹn
Vớt ngàn thương nhớ buổi chiều đông.

*

Tôi chưa về thăm biển của tôi
Vết bước chân xưa đã mất rồi
Mượn dấu dã tràng mong vẽ lại
Thủy triều rồi cũng xóa mà thôi.

("Ngủ Yên", trang 80)

Thư xưa vồn vện mấy hàng:
Báo tin Mẹ mất ngút ngàn từ đây!
Áo tang không đủ vải may
Khăn tan không xé, củi thay hương trầm
Ván thô sáu miếng vừa tầm
Khít khao đủ lịm Mẹ nằm duỗi chân.
Mẹ đi không tiếc dương trần,
Em đi chỉ tiếc một lần tiễn đưa.

("Thư Chị", trang 148)

Ngôn ngữ của thơ Song Thi không bí hiểm, ý tình trong trẻo. Nhưng ngôn ngữ không quá dễ dãi, ý tình không quá hờ hang bộc tuệch. Bởi đó, đọc phớt qua thơ chị, chúng ta không bắt gặp ngay những điều gì chị muốn nói. Phải bỏ một chút thời gian, chúng ta mới tìm ra những gì tác giả đang nói và sắp sửa nói. Chỉ cần một chút suy nghĩ, chúng ta mới bắt gặp trọn vẹn những ý tình chị đã diễn tả. Như vậy, chị đã thành công một phần nào trong công việc sáng tác. Nếu đọc thơ của ai đó, chúng ta hiểu ngay tức khắc ý tình của tác giả, chúng ta không còn thú vị nữa. Miếng cơm càng nhai lâu chúng ta mới khám phá ra cái hậu vị ngọt ngào của nó. Nhưng nếu gặp loại thơ hủ nút, ý tình chôn giấu kỹ quá, chúng ta chỉ có nước nhức đầu và mệt hốc hác mà thôi. Thời tiền chiến, nếu đọc thơ của các bà Hằng Phương,

Vân Đài, Anh Thơ, Thu Hồng, ta hiểu tức khắc thế giới thi ca của họ. Nhưng khi đọc thơ của Mộng Tuyết, Ngân Giang và Mộng Sơn, chúng ta phải ngẫm nghĩ mới tìm thấy cái ẩn mật kỳ thú trong ngôn ngữ của thơ họ.

Lại nữa, chúng ta thấy gì qua những đoạn thơ mà bút giả vừa trích ở trên. Phải chăng điệu thơ lục bát của Song Thi chẳng những rất tha thiết mà còn đượm một chút ngọt ngào của tình ý ca dao, một chút đậm đà của thơ Nguyễn Bính? Thử hỏi chúng ta khi làm thơ lục bát, nếu thơ chúng ta không đượm hơi hướm mộc mạc của ca dao và của Nguyễn Bính thì thơ chúng ta cũng phảng phất một chút khói sương của thơ Huy Cận, của thơ Cung Trầm Tưởng. Cho nên, chỉ có loại thơ tám chữ mới hoàn toàn là thơ của Song Thi, mới thuần chất sáng tạo của chị. Dù sao, thơ lục bát của chị vẫn phản ánh trung thực tâm tình của chị (qua bài "Ảo Ảnh") và cũng vẽ nên một cách sống động những cảnh bi thảm trên quê hương (qua bài "Thư Chị").

Trong thế giới thi ca của Song Thi, chúng ta đôi lúc bắt gặp một không gian bao la lồng trong thơ. Hoặc cũng có thể thơ của chị mở một không gian bát ngát trong tâm hồn và trong trái tim người đọc:

Triều dâng sóng cuốn xa khơi
Tôi đi giữa sóng mờ côi một mình
Triều dâng sóng dậy bình minh
Tôi đi giữa sóng với nghìn nhớ thương
Triều dâng sóng vọng quê hương
Tôi đi giữa sóng vãn vương nỗi niềm...
("Sóng Triều", trang 52)

Không gian rộng khi tấm lòng thương yêu của nhà thơ mở rộng. Song Thi họa hoàn hảo mới viết về tình yêu đôi lứa. Chị trải nguồn cảm hứng của mình lên tình yêu những đối tượng rộng rãi hơn, những đề tài lớn hơn: đó là non sông nước Việt nằm bên bờ Thái Bình dương:

Tôi vẫn yêu một người yêu bé nhỏ
Nằm trải dài đón gió muôn phương
Tình kết chung muối mặn đại dương
Xõa tóc rối cho Thái Bình nổi sóng
Tôi yêu Người vì Người là mộng
Là Biển xanh, là Mây bồng trên trời
Là Núi cao, là Sông nước quê tôi
Là chữ S ân tình ghi nét đậm
Người Yêu ơi, dấu cách xa vạn dặm
Tôi yêu Người, Người cũng vẫn yêu tôi...
("Tôi Có Người Yêu", trang 32)

◦ ◦
◦

Về phần nội dung, thơ của Song Thi trong "Đỗ Giác Đêm Dài" vẫn là phần nội dung trong thi tập "Đất Tạm Dung". Có thể bảo phần thơ ở quyển sau là phần nối dài của quyển trước. Bởi vậy đường lối sáng tác của chị là đường lối nhất quán, trước sau vậy. Quân thù của chúng ta hãy còn lộng hành trên đất nước Việt Nam. Dĩ nhiên một kẻ ưu thời mẫn thế như chị Song Thi thì làm sao không còn thao thức trong đêm đen của lịch sử bị tổn thương? Làm sao không chờ đợi hoài hoài một bình minh tươi sáng của dân tộc?

Chẳng lẽ đi hoài đêm ba mươi?
Lạc lõng chân mềm có hồ ngưi?
Đếm thêm tóc bạc sầu vong quốc
Pháo đón giao thừa hận chẳng vui.

*

Chẳng lẽ đi hoài đêm ba mươi?
Bao nhiêu năm bâng lảng qua rồi?
Nén nhang ai đốt đêm trừ tịch?
Gió quện hương cùng mây nước trôi...

*

Khắc khoải buồn ơi, đêm ba mươi!
Nhà ai kín cửa dừng dừng thôi
Khói sương đan phủ lòng thương nhớ
Tuyết lấp hồn đau tê cứng môi.

*

Chẳng lẽ đi hoài đêm ba mươi
Ngày mai rạng sáng ở bên trời
Quê xa rục rờ mùa sum họp
Trở bước tôi về non nước tôi.

("Đêm Ba Mươi", trang 162)

Quê hương còn dưới bạo quyền, nhưng kiêu bào chúng ta đa số quên quốc hận, lơ là với quốc nhục. Tuy vậy Song Thi vẫn không quên. Tinh yêu nước của chị trước sau như một. Đó là thứ giấy hồng cầm tiên diễm sao kim nhũ dùng để viết liên Tết, dù gió mưa sương giá vẫn không làm nó phai lạt sắc thắm rục rờ như nước mực sơn tươi. Trong khi đó, lòng ái quốc của đa số nhà thơ bùng lửa tranh đấu lúc đầu và trong một thời gian ngắn ngủi, tắt lịm dễ dàng. Lòng son của họ giống như giấy hồng đơn đậm thắm màu đỏ trộn sắc xám trần châu, hay như giấy kim tương lộng lẫy màu hồng quê, cũng diễm sao kim nhũ; nhưng cả hai thứ giấy này không dẻo dai và mau chóng phai màu lợt sắc.

Đếm những lần xuân... Lại đếm thêm!

Bao nhiêu Xuân gói mỗi chân mềm

Ghe neo bên lạ mong trừ tịch

Thuyền ghé lạc bờ đợi nửa đêm.

Hỏi nước, nước đau niềm cá nòi

Gạn non, non xót cảnh chim chìm

Đón đưa Xuân sắc thêm lần nữa

Nhót kín giao thừa tận cuối tim.

("Đếm Những Lần Xuân", trang 195)

Song Thi và những người bạn chung tâm huyết với chị làm sao khỏi đau lòng trước đa số những kẻ khi ra hải ngoại chỉ với mục đích trốn cộng mà không có ý nghĩ chống cộng? Khi an cư lạc nghiệp hoặc vinh thân phì gia trên đất nước tạm dung rồi thì họ chỉ nghĩ tới hưởng thụ. Nhục nhã nhất là bọn lòn cúi kẻ thù để được về thăm Việt Nam cốt khoe của cái và cốt chơi bởi trụ lạc chứ không phải cốt viếng thăm, giúp đỡ người thân còn sống sót hay viếng thăm mái từ đường xưa cùng mồ mả tổ tiên.

Về cầm bó bạc trên tay

Mua Thương bán Khó kéo dài khổ đau

Xua tình cốt nhục đi mau

Đón tên cướp nước chia nhau miếng đường.

Em về đón gió một phương

Em về dầm nát mảnh vườn quê cha

Em mang gấm vóc lượt là

Nổi tay cho giặc cướp nhà tổ tiên.

Em đi cho hết ba miền

Vỗ tay cười cợt vung tiền làm vui

Thù chung năm cũ đã vơi.

Hận chung em cũng đã nguôi lâu rồi.

("Hỏi Thăm", trang 106)

Đối với những kẻ vong bản ấy, chị chỉ than van, bộc lộ nỗi niềm của mình tuy bằng một giọng chì chiết đấng cay, nhưng chị không hề tình cảm bùng vỡ thành những lời gào thét phẫn nộ. Chị biết tự chế để khỏi vừa bù lu bù loa vừa nguyên rủa, chửi bới bọn chúng. Vốn là một nhà thơ tình lý đồng cân, chị giải bày cho họ hiểu nỗi đau khổ lầm than của đồng bào chủng tộc, những u uất mang nặng cạnh tranh bên lòng của mình:

Em có thương về cho núi sông
Mười lăm năm nước chảy xuôi dòng
Mười lăm năm đá chau mày khóc
Mây phủ ngang trời, em biết không?

*

Em có thương và em có hay
Bao nhiêu năm nước mắt đọng đầy
Cây xanh héo úa vì cay nghiệt
Ruộng bỏ hoang tàn em có hay?

*

Em có thương và có xót xa
Phong ba vùi dập chốn quê nhà
Đau thương loang lỗ tươm thành máu
Cùng cực in hằn trên lớp da.

*

Em đã xa và em đã quên
Hai mươi năm chữa cạn ưu phiền
Thêm bao năm đá tan thành cát
Nước chảy xuôi dòng trôi mất tên.

*

Em ngất ngư chìm trong biển quên
Buồn cho phố cũ đổi thay tên
Xóm thôn thay xác nên tù ngục...
Em sống quê người, thương gác bên.

("Em Có Thương?", các trang 90, 91)

Có những kiều bào về thăm Việt Nam, thấy các thành phố có những chung cư nguy nga, những tòa kiến trúc tráng lệ nên đồ hồ là đất nước đã phú cường, đã lột xác thành đất nước văn minh tân tiến. Họ có biết đâu ở thôn quê hay ở các xóm xinh tươi trên đất nước, đa số là dân nghèo khó, ốm đói, sống lây lất như lũ ma đói. Cái thiên đường mà họ rêu rao đối với tác giả Song Thi vẫn chỉ là một thiên đường giả. Đó cũng như khuôn mặt rỡ rỡ chẳng chịt của một cô gái già được lớp son phấn dày cui tô trét lên. Đó cũng như tấm thân còi cọc đầy vết sẹo của cô gái xấu xí được y phục bằng nhung gấm lộng lẫy, được nữ trang bừa bộn hào nhoáng lấp lánh.

Cái gọi là Xã Hội Chủ Nghĩa được xây dựng trên ảo tưởng điên cuồng của ông Karl Max, trên ác mộng của dân lành thì thực tế làm sao đáp ứng cho bọn Cộng Sản hoang tưởng và cuồng tín thành sự thật? Đó chỉ là cái phù du giả tạo ẩn núp sau những hình người cười toe toét trong những tấm tranh cổ động, trong khi đó tác giả những tấm tranh ấy nghèo túng thiếu ăn. Chúng chỉ gọi cho kẻ nhẹ dạ, kẻ mê muội cái hình bóng phát phơ của thiên đường, cái ảo ảnh rực rỡ trong giấc mơ phù phiếm mà thôi.

Thành quách em đang thấy ở xa
Chừng như đô thị sắc nguy nga
Em ơi có biết thiên đàng đó

Là chốn âm hồn chứa bóng ma.

*

Bước lại gần đi, mở mắt trông
Em ơi có thấy máu loang hồng
Khổ đau thấm ướt vành khăn lệ
Người khóc cho người giữa hố chông.

*

Sắc sỡ cờ treo như rủ rê
Sáng đèn hung lụa chốn âm mê
Hồn trơn, ý trượt, tình đi lạc
Giận kẻ ngu ngơ hồi hải về.

*

Thắm máu em về cứ dẫm lên
Máu từ đồng nội góc trời quên
Máu trên thành phố người đông đúc
Đó chốn "thiên đàng" không có tên.

("Thiên Đàng Giả", trang 121)

Cái thiên đường đích thực xa xưa đã thật sự mất rồi. Người lưu vong trở về thaãm lại ngơ ngác trước cuộc đổi thay; Xin đọc:

Có người đứng giữa cơn mưa
Dang tay đứng đợi nắng mưa trở về.
Ngõ hoang xóm vắng cận kề
Soãi chân muốn bước bên lề phố đông.
Chèo ghe trên nước ngược dòng
Đêm đen tối mịt tường trong ánh đèn.
Ngẩn ngơ giữa chợ đua chen
Ngỡ như đóng cổng cài then quanh mình.
Bước chân lên thác xuống ghềnh
Tuởng đi suốt cuộc hành trình gấm nhung.
Dò đây hỏi đó mông lung...
Có ai biết được tên khùng mất quê.

Ra đi mất lối quay về

Thất thơ giữ một chân hề lưu vong.

("Hề Lưu Vong", trang 102)

o o

o

Rải rác đâu đó những hình ảnh thân thương trên đất nước, những kỷ niệm hạnh phúc len lỏi vào thi ca của Song Thi. Đó là những ám ảnh không nguôi trong ký ức của chị như vết xăm bám chặt suốt đời trên da. Và đó cũng là những ngọn lửa thiêng giúp chị nuôi vũng bền tình yêu đối với giang sơn chủng tộc để chị tranh đấu chống bạo quyền không bằng súng ống giáo gươm mà bằng ngòi bút nhiệt thành vấn vương linh hồn Tổ Quốc. Chị xứng đáng là kẻ đi theo những bậc thi nhân ái quốc tiền bối trong đo có nhà chí sĩ Nguyễn Đình Chiểu với hai câu thơ lục bát bất hủ: "Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm"/ "Đâm mấy thằng gia bút chẳng tà".

Nhớ gốc đa bên bờ đậu xanh
Làng xưa ần bóng khóm tre lành
Một mái hiên đình sơn thép bạc
Một rặng dừa đón ánh trăng thanh.

*

Nhớ tiếng chuông chùa ngân vắng xa
Trầm hương thơm thoảng cõi ta bà
Áo nâu cung kính bên bàn Phật
Bài kinh chiều gọi nhớ thiết tha.

*

Nhớ cánh đồng trái ngàn lúa non
Hồn quê ấp ủ chén cơm ngon
Áo ai tay xắn trong mùa gặt
Chiều mục đồng ca hát véo von.

*

Nhớ đô thành con đường Duy Tân
Đường mang tình ái tuổi thanh xuân
Gốc me đón đợi giờ tan học
Lá rụng vàng non, lá bàng khuâng 1.

*

Nhớ nhịp cầu bắc nổi sang sông
Hôm xưa áo trắng có còn không?
Có đủ sáu vầy mười hai nhịp
U uất tràn khuấy đục nước trong 2.

*

Nhớ biển xanh nước trời bao la
Ngút ngọn thùy dương trên bãi xa
Bọt biển có tràn trên cát mịn?
Có đã trăng đợi ngắm sao sa 3.

*

Nhớ gió đòi thông thoảng mặt hồ
Non cao rày phủ đắp khăn xô
Có ai lên viếng vùng cao đó
Hái giúp nụ hồng đã héo khô 4.

("Thư Tình Đêm Xuân", các trang 164, 165)

Đã có những ngày xa xưa, có lẽ vào thuở tác giả đang độ hoa niên hay vào thời kỳ thanh xuân, chị đã từng tuân tợ phơi lụa tím, lụa xanh, lụa đỏ trong nắng đẹp miền Nam, đã sống trong tình yêu thơ mộng, đã bơi lội trong biển hạnh phúc bao la với người yêu. Nhưng rồi giông bão tràn tới quê hương đất nước, chị phải ra hải ngoại. Kỷ niệm cũ vẫn sống mãi trong ký ức của chị. Nhưng trên đất khách chị không còn phơi những thứ lụa có màu thuở trước nữa. Chị phơi lụa trắng với tâm nguyện để tang cho Tổ Quốc. Chị phơi lụa vàng với hoài bão dựng lại ngọn cờ xưa. Với tấm lòng thành khẩn thiết tha, chị mong rằng khi bóng cờ đỏ không còn trên giang san gấm vóc của chúng ta, chị sẽ trở về Việt Nam, làm lại từ đầu, tức là phơi màu khăn tím trong xóm cũ làng xưa.

Bạt gió trời lên cơn bão giông
Giây phơi khăn đỏ máu loang hồng
Tình ngưng không kết thành mơ ước
Nắng trở đem buồn cho nhớ mong.

*

Khăn trắng mang phơi thấy xót xa
Ai phơi tang khó trắng quê nhà?
Dung xứ tạm người chan chứa hận,

Nhục nhần dầu dãi bước Kinh Kha.

*

Đất tạm hong phơi tấm lụa vàng
Cờ bay trong gió nắng xuân sang
Sào giầy nổi thẳng ba đường máu
Quốc hận vơi đầy chung ý mang.

*

Ai mơ chút nắng buổi hoàng hôn
Nắng chờ mây xa trở nước nguồn
Khăn đỏ đi rồi thôi ác mộng
Tôi về phơi lụa tím cô thôn.

("Phơi Lụa", các trang 108, 109)

Chúng ta đã từng đọc loại thơ văn dĩ tải đạo nói chung, loại văn thơ ái quốc nói riêng, chúng ta chỉ bắt gặp những đường cũ lối mòn, những ngôn từ quen thuộc, những ý tình như đúc cùng một cái khuôn. Ở thi ca của Song Thi, chúng ta vẫn thấy những yếu tố, những tính chất mà tôi vừa kể. Nhưng chị vẫn tạo cho thơ mình những cái kỳ đặc hơn, le lói thần trí sáng tạo lấp lánh hơn. Chị biết trồng vài thứ kỳ hoa dị thảo hai bên đường cũ lối mòn. Chị canh cải đôi chút ngôn từ cho đặc sắc hơn mà khỏi cần thêu hoa dệt gấm. Chị nhìn sâu vào niềm rung cảm của mình để tìm những ý tình thâm thúy hơn. Nhưng dù gì thì dù, chị vẫn giữ nguyên vẹn cái văn dĩ tải đạo của mình như một tín đồ ngoan đạo giữ vẹn tấm lòng tín ngưỡng kiến cổ của mình. Như người trinh nữ trong điện thánh Hỏa Giáo bên xứ Ba Tư giữ mãi vết thủ cung sa đỏ thắm trên cánh tay trắng nõn như ngó sen ngó cần của mình.

Sau đây là bài "Áo Thêu" nói lên nỗi niềm tha thiết, cái tâm nguyện của kẻ hướng về một lý tưởng, một đất nước và một ngọn cờ. Xin đọc:

Chị gửi cho em chiếc áo dài

Thêu cảnh hoa bướm với mây bay

- Hoa tươi có nở trời bên ấy

Bướm có sục sùi, mây có bay?

*

Chị gửi cho em chiếc áo vàng

Thêu cảnh hoa cúc đón xuân sang

- Sao không thêu áo màu tươi tắn

Loang lổ trên nền thước gấm sang?

*

Chị gửi sang em chiếc áo rồng

Đếm bao nhiêu vẩy, mấy chờ mong

Thiên Long uốn khúc vờn châu ngọc

- Thừa chỉ kim nào thêu núi sông?

*

Một chiếc áo thêu màu lúa thơm

Đồng xanh vương thắm buổi chiều hôm

Lúa thêu trên áo tròn như mộng...

- Lúa lép bên nhà có đủ cơm?

*

Chị gửi sang em tà áo bay

Của người thiếu phụ mắt hoen cay

Khóc con vượt biển mời cho cá

Chồng chôn lao lung vương đọa đầy

*

Xin chị thôi đừng gửi áo thêm
Quê hương bày bán dưới đèn đêm
Te tua vá víu màu sang cả
Gạt lũ chim non yếu cánh mềm.

*

Chị nhé thôi đừng gửi áo thêm
Lầm than phủ giầu lớp nhiều điều
Gấm nhung không ấm lòng cô lữ
Chị gửi sang giùm tiếng quốc kêu.

*

Chị nhé xin thôi đừng gửi áo!
Giữ gìn mà phủ bọc giang san
Đau thương kết chỉ luôn trong máu
Kim nào thêu được nét tan hoang?

(các trang 84, 85)

o o

o

Bước sang tản văn, Song Thi vẫn không buông bỏ đường lối, khuynh hướng đả phá cái Ác để duy trì và phát huy cái Thiện của mình. Giọng điệu văn chương miền Nam thường véo von, bọc trực, xí xọn đượm hơi hướm của ngôn ngữ dân quê. Văn phong của Hồ Biểu Chánh, Vương Hồng Sển, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, bà Vân Trang, bà Nguyễn Thị Thụy Vũ, nhất là của Lê Xuyên đều quê rít quê rang nhưng rất quyến rũ mặn mà, gây cho độc giả ngoài cái kiến thức uyên bác, còn thêm niềm thú vị đậm đà. Văn phong của lớp sau như Xuân Vũ, Phạm Thăng, Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Nguyễn Văn Sâm, Võ Kỳ Điền, Phùng Nhân, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Tấn Hưng, Sĩ Liêm...(nam), Phượng Khánh, Phương Hoài Nam, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Tiểu Thu, Hồng Lan, Dư Thị Diễm Buồn... (nữ) cũng quê mùa không thuốc chữa, nhưng vẫn mở đầu tiếng nói của một thế hệ đau thương mất mát vì chiến tranh, vì hoàn cảnh vong gia khứ quốc. Đó cũng phản ánh được tiếng nói vang vọng từ lòng đất nước Nam Kỳ Lục Tỉnh thân thương. Cho nên họ cũng không cần thuốc chữa làm gì. Trái lại, dù áp dụng ngôn ngữ Nam Kỳ nhưng văn phong trong thơ Song Thi, bút pháp trong văn xuôi của chị, chẳng những không quê mùa mà đôi lúc còn đượm âm sắc cao sang thanh thoát. Chị không cần chuốc lọc mà văn phong bút pháp chị vẫn trong sáng như pha lê và óng ả như mặt gỗ cẩm lai, gỗ giáng hương, huỳnh đàn giò bóng. Chị không ồng ẹo mà bút pháp vẫn quyến rũ ở giọng điệu đoan trang thùy mị.

Phản văn xuôi có những bài tùy bút như "Kỷ Vật Trong Đời", với tính chất thuyết thoại (la narration) trộn lẫn hồi ức (flash back), nhắc lại thuở học trò với quyến lưu bút cùng các khuôn mặt bạn bè của tác giả. Chị cũng nhắc lại quyến lưu bút ghi bút tích các văn nghệ sĩ, nhắc luôn thời kỳ tác giả viết văn, làm báo, làm phóng viên chiến trường và vài món kỷ vật lúc chị cùng chồng con vượt biên.

Tập lưu bút thuở học trò mang cái tên "văn vẽ đượm mùi học trò": Lưu Bút Ngày Xanh mà thời kỳ tôi còn trung học gần như đưa học trò nào cũng có. Tập lưu bút của tôi thật dày với hàng trăm nét bút kỷ niệm, ngay trang đầu là ảnh của "chủ nhơn" với mái tóc kết hai chiếc bím dài và nụ cười thật tươi, thật vô tư. Bạn bè của tôi suốt những năm trung học hầu hết đều có mặt trong đó. Ảnh người nào cũng được trang trí hoa hòe bằng những tấm carte postale thuở đó có cảnh tuyết mùa đông, lá mùa thu, có hoa mùa hè sáng rỡ lấp lánh đầy kim tuyến. Miền Nam Việt Nam của tôi không có bốn mùa nhưng tập lưu bút có đủ hình ảnh Xuân Hạ Thu Đông! Cho đến bây giờ, đã mấy mươi năm qua, từng trang lưu niệm vẫn hiển hiện rõ trong trí nhớ tôi: ảnh Cao thị Nhung, bạn lớp nhì, đôi mắt mơ màng, tô màu son thật đậm; ảnh Nguyễn thị Chính, cũng môi son đậm nhắc tôi tiếng cười trẻ hơn năm học lớp nhất; ảnh "học trò ngoan nhất lớp" Đào thị Lê trong bộ y tá trắng có chữ thập trên mũ (dạo đó có phong trào chụp ảnh

giả trai, giả tá v.v..., không ngờ sau này Lê cũng đi vào ngành y tế để trở thành nữ hộ sinh bệnh viện Từ Dũ); ảnh Lý thị Thảo, hai chị em Nguyễn thị Nâu và Nguyễn thị Kim Liên, ảnh Hồ thị Ngọc, Nguyễn Ngọc Ninh và nhiều lắm, nhiều lắm... Các bạn nam cũng đầy đủ: Trưởng lớp Nguyễn Huy Phú đội nón hướng đạo cười vui; Nguyễn Hiếu Tín nước da bánh mật, "đi khu" trong Phong Trào Bảo Vệ Hòa Bình, sau anh trở về Sài Gòn trở thành con sâu rọu vì bất mãn lỡ ngu dại lao đầu vào "đảng cướp"; Lý Thanh Điền vẫn số chết trận, có cặp chân mày châu lại rất gần; Phạm văn Ne, Nguyễn Hữu Kỳ, Nguyễn văn Hội và Giang văn Vui bốn "yên hùng" không bao giờ thiếu mặt trong những công tác văn nghệ xã hội... Còn nhiều, nhiều nữa..., những bạn học trò mà ngày nay có đứa còn ở lại quê nhà, có đứa trôi giạt khắp Năm Châu, có đứa thất lạc mất tung mất tích...

Thời gian "lăn lộn" trong làng báo và giới văn nghệ, tôi có thêm một tập lưu bút khác. Tập lưu bút này rất trang nhã không có ảnh nhưng có thủ bút các nhà văn, nhà thơ, nhà báo như Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Ang Ca, Giang Tân, An Khê, Lý Cẩm Tâm, Ngô Ty, Anh Quân, Ngọc Linh v.v... Tập kỷ niệm đầy những trang chưa viết thì biến có 75 xảy đến.

("Kỷ Vật Trong Đời", các trang 314, 315)

* "Chuyện Những Dòng Sông" cũng là thiên tùy bút nhắc nhở người bạn gái đồng nghiệp tên Phương khi cả hai cộng tác cho Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (đài VOA). Chúng ta thừa biết đó là nữ sĩ Thanh Phương, người cầm bút hơn 3/ 4 cuộc đời. Tác giả và chị Thanh Phương trước kia ở bên nhánh sông Đồng Nai từ sông từ Biên hoà chảy ngang thành phố Sài Gòn, ra Nhà Bè rồi tuôn ra biển. Chẳng biết có phải con sông có nối liền số mệnh cả hai trong việc cầm bút, trong cơn việc làm phóng viên cho Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ hay không? Nhưng nó nối liền tấm lòng cảm thông của cả hai với nhau dù tác giả sống bên bờ biển thuộc tiểu bang Oregon (Hoa Kỳ), còn chị Thanh Phương sống bên bờ sông Seine trên nước Pháp:

Hai đứa tôi ở cách nhau hai đầu cầu và một dòng sông. Phương ở bên kia cầu Trương Minh Giảng, tôi ở bên này sông cầu Kiệu. Dòng sông thì không có tên nào nhất định: ở hướng Cầu Kiệu thì gọi là sông Cầu Kiệu, hướng Trương Minh Giảng thì cứ gọi là sông Trương Minh Giảng. Tựu trung, đây là nhánh sông nhỏ chi lưu của sông Đồng Nai, đổ từ Biên Hòa xuống Thủ Đức, Cầu Sơn, mạch lớn chảy qua Thị Nghè, hợp lưu với sông Sài Gòn chảy vòng dưới dạ cầu Tân Thuận, qua Nhà Bè để ra cửa Soài Rạp và tuôn ra biển.

Mạch sông nhỏ len lỏi đổi hướng chảy về Cầu Bông làm gạch nối giữa Đa Kao và Gia Định, men về phía Tân Định làm ranh giới cho Xóm Chùa và một vùng ruộng lúa nhiều lau lách. Tôi biết rõ đám ruộng này vì thuở học lớp Đệ Thất, Đệ Lục, tôi vẫn thường theo mấy đứa bạn vào Chùa Vạn Thọ trong Xóm Chùa để lạy Phật mỗi khi chuẩn bị kỳ thi lục hay tam cá nguyệt. Chúng tôi kéo nhau ra sân sau chùa ngồi học bài. Chùa ở sát bờ sông, nhìn qua bên kia đám ruộng lúa, ở tít mù xa, đám bạn tôi nói đó là hướng đường Chi Lăng Phú Nhuận, và có vài lần, chúng tôi mạo hiểm mướn xuồng băng qua sông hái lúa trộm, ép trong sách học trò..., nhưng chưa bao giờ tôi được đi ngả tắt đó mà đến Phú Nhuận cả.

Từ Xóm Chùa, con sông nhỏ tiếp tục chảy luồn dưới gầm cầu Kiệu, lẩn gạch nối giữa Tân Định và Phú Nhuận, như mối liên hệ giữa đường Hai Bà Trưng và Võ Di Nguy. Nhánh sông nhỏ càng đi tới càng khó khăn khi phải chen lách giữa những khu nhà sàn càng ngày càng bành trướng. Khúc sông cuối cùng bị nghẽn lối sau khi đã cố gắng chui qua cho được thêm hai chiếc cầu Công Lý và Trương Minh Giảng.

(các trang 273, 274)

Gặp lại người bạn gái đồng nghiệp năm xưa bên dòng sông Seine chảy thao thao, có thuyền chở du khách ngoạn cảnh hai bên bờ sông (bateau- mouche), tác giả được chị Thanh Phương cho biết con sông chảy qua khúc cầu Trương Minh Giảng đã nghẹt ứ vì rác rến lấp đầy. Cả hai cùng buồn cảnh quốc phá gia vong và cảnh tha hương ngộ cố nhân. Dòng sông bị bít lối ở đây ẩn dụ hay tượng trưng cho một điều gì? Có phải là mạch cảm thông của tình đồng bào, của mạch sống dạt dào của Đất Mẹ

thiên lương bị ngăn chặn bởi bạo quyền của chế độ hiện tại trên cô quốc hay không?

* "Người Bán Trắng": nói về cảnh khốn cùng của một người mù hát dạo trong chuyến xe buýt sau cuộc đổi đời. Anh hát bài thơ "Hàn Mặc Tử" của Trần Thiện Thanh với 2 câu mở đầu: "Ai mua trắng? Tôi bán trắng cho"/ "Không bán tình duyên ước hẹn hò". Sau đó, anh ta hát trong Sở Thú bên cạnh loại ác thú bị giam cầm. Đất nước nghèo, thú trong chuồng thiếu ăn, người ăn mày ốm đói. Chỉ có các anh nón cối thầy loài thú lạ mà từ bấy lâu nay dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa ở ngoài Bắc không có, tỏ ra thích thú thôi.

* "Người Nghệ Sĩ Tên Nhon": Chàng họa sĩ tên Nhon tuy cùng vợ đã đến định cư trên đất nước Hoa Kỳ, nhưng anh không thích ứng với đời sống hiện tại ở đây. Anh không đủ sức làm phu khuân vác, anh không có vốn liếng Anh ngữ để học ngành điện tử. Anh đành thất nghiệp, vẽ tranh bán lai rai. Anh rất ghét màu đỏ vì đó là màu cờ Cộng Sản nên anh cố tránh đưa màu máu dữ dằn này vào các họa phẩm của anh. Cuối truyện, anh lại chết vì bạo bệnh.

"Người Nghệ Sĩ Tên Nhon" cũng như "Người Bán Trắng" là hai bức tranh xã hội rất sống động trên hai xứ sở khác nhau. Nhưng cả hai truyện ngắn đều có một mẫu số chung: sự điều đúng của những kẻ mất nước.

* "Con Thần Lăn": Nhân vật tên Lăn mắc bệnh suyễn kinh niên, chạy chữa thuốc Tây, thuốc ta đều vô hiệu nghiệm. Khi chàng đi quân dịch, có một lần nhờ người bạn tên Ánh giúp chàng qua cơn bệnh suyễn ngặt nghèo bằng cách cho chàng nuốt con thần lăn bạch. May mắn cho Lăn vào ngày hấp hối của chế độ Cộng Hòa của Miền Nam Việt Nam, chàng cùng Ánh qua đảo Guam và rồi định cư ở Hoa Kỳ. Ở hai nơi này, chàng không có con thần lăn bạch để trị suyễn. Trên đất nước Hoa Kỳ chỉ có con thần lăn xanh vì được nuôi bằng rau cỏ, trông gớm ghiếc, không thể nuốt trôi. Ánh gửi thư về Việt Nam xin thằng bạn khác tên Sơn gửi qua con thần lăn bạch cho Lăn. Nhưng Sơn chỉ gửi xác khô con thần lăn dán ở góc bức thư? Sơn cho biết ở Việt Nam bây giờ, thần lăn khó kiếm. Các nhà tối tân có máy điều hòa không khí rất kín mít nên thần lăn không thể chui vào. Còn trong các nhà nghèo, người không có đủ cơm ăn thì đâu có gì để dành cho loài vật.

* "Sợ Chuột": Đây là chuyện tai nạn nhưng là chuyện vui. Tác giả sợ chuột từ nhỏ, dù là thứ chuột đồng nuôi sống bằng lúa nếp có thịt tinh khiết thơm ngon. Khi định cư trên đất nước Hợp Chúng Quốc, tác giả khổ vì chuột hí lộng trong nhà mình nên chị tìm cách trừ chuột. Nhưng không ngờ, chị giết được vợ chồng con chuột cuối cùng bằng thứ thuốc làm chúng khát nước nên rồi tổ để uống nước tới căng bụng mà chết. Chúng để lại lũ con trong ổ chuột dưới sàn ván trong căn bếp. Bầy chuột con chết vì thiếu sữa mẹ, mùi thối tha bốc lên khó chịu. Trải bao ngày vợ chồng chị phải chịu trận, không kiếm được chỗ nào để tìm ra chuột chết. Sau cùng, cạy sàn ván lên, chị mới hay nguyên do tự sự. Con ác mộng chấm dứt, nhưng dù trong cơn ác mộng hay vào lúc kết cuộc của cơn ác mộng ấy chị diễn tả bằng lời văn ôn nhu lẫn dí dỏm để thay đổi không khí u trầm, thể thiết của các mẫu truyện khác.

* "Học Trò": Nhân vật xưng tôi (có thể là tác giả) ngày xưa đi dạy lớp bình dân học vụ cho các bậc lão niên mù chữ, được họ "dạ thưa cô" một cách cung kính dù đương sự van xin họ nên gọi mình bằng con hay bằng cháu. Nhưng họ không nghe vì họ tôn trọng lời dạy Đức Khổng Tử qua câu "quân sư phụ", làm cô thầy thì chỉ có dưới vua mà thôi.

Trên đất Mỹ, nhân vật xưng tôi dạy tình nguyện miễn phí tiếng Việt cho lũ choai choai thuộc hạn đầu bò bấu cổ. Nhưng nhờ sự tận tâm và sự tể nhị của đương sự mà lớp học được suông sẻ. Không hiểu có phải do hồn thiêng Tổ Quốc và do tiền nhân phù hộ, hoặc do dòng máu chủng tộc luân lưu trong huyết quản của lũ học trò hay không mà chúng học mau giỏi tiếng mẹ đẻ, chẳng những chúng nói rành tiếng Việt mà còn có đứa viết thư về Việt Nam cho bà ngoại bằng tiếng Việt nữa. Món quà thưởng tinh thần này làm nhân vật xưng tôi hạnh phúc đến nỗi không sao cầm được nước mắt.

* "Sue": Đây là người bạn đồng nghiệp Mỹ của tác giả tên Sue khi cả hai làm việc tại hãng điện tử Textronix tại Oregon. Đây là người phụ nữ da trắng giàu lòng từ thiện, không phân biệt chủng tộc màu da. Chị ta lấy chồng gốc người Phi Châu. Chị ta giúp đỡ dân tị nạn Đông Dương và những ai đang

khôn khô. Chị ta đã nuôi đứa bé Cầm-bột mồ côi, nuôi luôn hai thằng bạn lạc loài của nó. Hơn 10 năm trước, Sue đã ly dị chồng vì anh ta đã tăng tịu với một phụ nữ khác. Nhưng chị vẫn ở vậy để nuôi ba đứa con ruột, ba đứa con nuôi và một bà mẹ già.

Khi tác giả viết truyện ngắn này thì Sue đã thiên cư về New York. Mẹ chị ta đã chết. Chị ở chung với cô trưởng nữ cũng lấy chồng gốc Phi Châu như chị ta. Rồi một hôm, Sue gọi điện thoại cho tác giả để hàn huyên, để nhắc nhở những ngày cùng làm việc chung với tác giả ở hãng Textronix.

Đây là một khúc hoan ca tán tụng một tâm hồn thu nhỏ tự ái (kết hôn với người đàn ông da màu mà không mặc cảm, giúp tha nhân mà còn bị eo sèo bởi miệng lẫn lưỡi mối, ly dị người chồng phản bội mà không thù oán). Sue thu nhỏ tự ái vẫn chưa đủ mà còn nói rộng tình bác ái thêm bao la. Một nhân vật như thế chúng ta khó gặp ở trong cuộc đời. Nhưng đối với cây bút tin cây cuộc đời như Song Thi thì mới có được cơ duyên kỳ diệu đưa đẩy tới để chị kết bạn với đương sự. Có vậy, tác giả mới có dịp viết về cuộc đời của đương sự để rọi ánh sáng tin yêu vào tâm hồn độc giả giữa cuộc sống lọc lừa, dối trá và tàn ác này.

* "Thư Không Niêm": Đây là chuyện tình bạn bè của 5 học sinh gồm có Tin, Vui, Ne, Kỳ, Hội và cô nữ sinh Phạm thị Minh Trí (tên cúng cơm của tác giả). Họ là những học sinh tràn trề nhiệt huyết, thường làm công tác từ thiện cho xã hội và công tác văn nghệ cho nhà trường. Thật ra, Tín hoạt động hăng say cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, bị bắt, trốn tù và chạy vào mật khu. Sau ngày sụp đổ của Miền Nam Việt nNam, Tín trở về Sài Gòn với thân vóc gầy gò, khuôn mặt tiêu tụy, thường xa lánh các bạn cũ. Vui, Kỳ, Hội nghĩ rằng Tín không muốn dây dưa với bạn cũ vì hấn không muốn họ lợi dụng tình bạn cô tri để khỏi bị họ xin xỏ điều này điều nọ với hấn. Nhưng thật ra, Tín chán ngán chế độ mà trước kia hấn cho là lý tưởng cao quý của đời mình. Khi tác giả vượt biên và được định cư trên đất nước HợpChúng Quốc, được nghe bạn cũ kể lại rằng Tín bây giờ dùng rượu để quên nỗi thất vọng vì đi sai lầm đường để rồi dút đầu vào một chủ nghĩa không đáp ứng được cái lý tưởng xa xưa của mình. Bức thư không niêm của tác giả viết cho Tín vẫn là bức thư thông cảm để chị chia sẻ nỗi khổ tâm của người bạn cũ. Niềm thông cảm của chị đối với người bạn xưa không vì chính kiến, chủ nghĩa mà hao hót, lụn tàn. Nguyễn Hiếu Tín, Phạm văn Ne, Nguyễn Hữu Kỳ, Giang văn Vui được tác giả nhắc lại trong truyện ngắn "Kỷ Vật Trong Đời".

* "Chiếc Quan Tài Quỳnh Đàn": người bác của tác giả là một trưởng giả có hai đứa con trai đầu theo Cộng Sản. Nhưng người con thứ ba là một chiến sĩ phe chủ nghĩa Quốc Gia. Cô con gái kế là giáo sư Hội Việt Mỹ; còn cô út thuộc thành phần tiểu tư sản, có sạp vải ngoài chợ Đa Kao. Người bác chỉ mong có ngày đất nước thanh bình, con cái bác sẽ quay về để bác chia gia tài gồm ngôi nhà đồ sộ của mình. Nhưng khi Cộng Sản bạo chiếm Miền Nam thì nhà bác bị sung công, tụi chúng dành cho bác căn phố nhỏ có thể bày cỗ hậu sự bằng gỗ huỳnh đàn. Tác giả đã nhả nhủ với người bác ấy như sau:

Con vẫn nhớ rõ một buổi trưa nắng cháy, lũ nửa người nửa ngợm thao dượt "đánh trận trong thành phố" đã leo theo ống máng xối lên nóc nhà Bác và trở xuống theo đường nhà tắm, cầu tiêu. Bác giận dữ đi tìm tên chỉ huy để phản đối, khiếu nại về hành động xâm nhập gia cư mà không xin phép, thằng chỉ huy tuổi đáng cháu ngoại Bác đã hách dịch hỏi ngược Bác: ngày chúng tôi đánh vào Sài Gòn chúng tôi có cần xin phép "chú" hay không?

(trang 284)

Đây chỉ là một trong muôn ngàn thí dụ điển hình của bọn cướp được chủ nghĩa tồ tệ ủng hộ (cướp đất, cướp nhà, cướp gia sản, cướp cả tự do suy nghĩ, tự do tín ngưỡng...). Xưa kia, nhà thơ ngụ ngôn La Fontaine có bảo: "Lý luận kẻ mạnh bao giờ cũng thắng thế". Có lẽ câu ấy đúng trong trường hợp của tên chỉ huy kia

* "Đóa Hồng Cho Quê Hương": Đó là thời gian tác giả làm việc cho hãng điện tử Textronix. Vào chiều 30 tháng Chạp, chị nhớ cái Tết nơi quê nhà nên khóc tức tưởi các bạn đồng nghiệp ngơ ngác không hiểu vì sao chị khóc như thế. Tới chừng rõ nguồn cơn tự sự, ông Ted Wollam, xếp của chị hôm sau đến chị một bình có cắm hai đóa hồng vàng và tấm thiệp Happy New

Year.

Hai mươi năm sau, tác giả về hưu. Ông Wollam cũng đã hồi hưu trước đó khá lâu. Các bạn đồng nghiệp của chị phân rẽ tứ tán, nhưng hai đóa hồng còn sáng mãi trong ký ức và trong niềm cảm khái sâu xa của chị. Lại nữa, đây là một câu chuyện tin yêu giữa con người với con người, nhất là con người có tổ quốc đối với con người mất nước sống nơi khách địa với tâm trạng bơ vơ lạc loài.

* Sau hết, chúng ta có thể xem các truyện ngắn "Thư Gửi Chị", "Chị Hai Tôi", "Hiếu Bình", "Mối Lo Của Người Chị" thành 4 chương của một truyện vừa. Chuyện kể: người chị lớn của tác giả (trong truyện gọi là Chị Hai) khi còn ở Việt Nam, sau cái chết của anh học sinh Trần Văn Ôn, chị cùng nhóm sinh viên học sinh chống chính quyền Thuộc địa Pháp. Nhưng chị sa vào lưới bẫy của bọn Việt Minh, thứ Cộng Sản trá hình mượn chiêu bài chống Tây để dụ dỗ những kẻ ái quốc chân chính theo chủ nghĩa chúng. Chị Hai bị chánh quyền Tây bắt giam, nhưng nhờ ông thân sinh của chị vốn là bạn thân của Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm dàn xếp, chị được phóng thích và được sang Pháp du học. Trên đất Pháp, chị vẫn mê say chủ nghĩa Việt Cộng để chống Mỹ mà chị cho rằng đó là bọn Đé Quốc bởi vì chị nghe lời tuyên truyền xảo trá của Việt Cộng về vụ Mỹ dội bom B 52 trên đất Bắc. Sau khi đỗ bằng kỹ sư ngành dệt, chị về Miền Bắc với tinh thần phục vụ quê hương. Trước đó, chị lấy chồng ở Pháp, nhưng sinh đứa con độc nhất là Hiếu Bình trên đất Bắc. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Miền Nam rơi vào tay giặc Cộng, chị trở về Sài Gòn phục vụ cho "bọn họ". Chị có vẻ thất vọng vì những lý do như sau:

Hai vợ chồng chị ở trong một chung cư chỉ tiêu vừa rộng hơn một sàn gỗ trải chiếu đủ hai người nằm; chiếc thùng đựng xe đạp chở từ Pháp về được dựng lên vừa làm vách phòng, vừa làm kệ tủ. Bếp là một lò duy nhất kê sát tường lâu ngày ám khói đen kịt. Cầu tiêu là cầu công cộng để người ta lấy phân bón rau cải. Chị vui, hãnh diện vì thời gian đầu "nhà nước" đưa chị và các bạn Việt Kiều yêu nước" của chị lên nút tầng mây bằng những lần tuyên dương các chị là những "phụ nữ bắn máy bay Mỹ" Suốt thời gian ở Hà Nội, chị không hề được ăn nước mắm, nước mắm của chị là loại nước tương pha thêm muối, chị không dám ăn một miếng thịt vì chỉ tiêu của hai vợ chồng gom lại chỉ đủ mua thịt cho thằng con cưng Hiếu Bình.

Cũng theo lời chị tiết lộ trong những lúc vui miệng: chỉ "tuyên dương" được vài năm đầu, "nhà nước" bắt đầu bỏ rơi những "Việt kiều yêu nước". Không những "nhà nước" làm lơ với những hy sinh cao đẹp của chị cùng các bạn chị, mà cứ đôi ba tháng, công an cứ "gọi" chị đến văn phòng để vấn nạn chị một câu được lập đi lập lại nhiều lần: "Chị ở Pháp được đầy đủ tiện nghi, đời sông sung túc... Chị về đây làm gì? Chị là thành phần cộng sản Pháp, có phải chị về để làm gián điệp cho Pháp chăng?". ("Chị Hai Tôi", trang 302)

Chị Hai có phải người Cộng Sản thuần túy không? Có lẽ là không. Chị vẫn còn nặng óc gia đình, đó là cái óc lụn bại của thành phần tiểu tư sản đối với Cộng Sản. Chị vẫn thương yêu cô em Minh Trí ương ngạnh của mình vì đương sự luôn tôn thờ chủ nghĩa Quốc Gia. Chị sau khi định cư ở Sài Gòn, vẫn tìm việc làm cho tác giả nhưng tác giả không thấy thích hợp ngành nghề nào mà chị Hai đề nghị. Riêng tác giả vẫn thương yêu thằng cháu Hiếu Bình của mình, vẫn vừa thương vừa giận người chị ruột của mình. Thế rồi tác giả cùng chồng con vượt biên, được định cư ở tiểu bang Oregon, trên đất nước Hợp Chúng Quốc.

Tác giả vẫn thừa biết một điều: trong tận cùng sâu kín của ý thức, chị Hai vẫn thấy mình lầm. Nhưng tác giả cảm thấy thất vọng vì người chị ấy luôn bám riết cái lý tưởng sai lầm của mình và vào cái ảo ảnh của thiên đường cộng sản. Cho nên trong truyện "Thư Gửi Chị", tác giả đã viết:

Tiếc rằng hai chị em mình chọn hai con đường khác nhau, hai ý thức hệ đối nghịch, hai chị em mình cách biệt hai chiến tuyến, dù chị Hai biết sự chọn lựa mình là sai lầm chị vẫn tiếp tục nhắm mắt phục vụ, không "phản bội đảng", sự lì lợm, ương ngạnh đó là do giòng máu của Ba chúng mình để lại, em không chấp nhận con đường chị đi nhưng đôi khi em phân vân không biết mình nên chê trách hay nghiêng mình kính phục chị ở sự trung thành, dù biết mình lầm nhưng vẫn không đón gió, trở cờ. Thôi đành vậy, đường ai nấy đi, em vẫn tự hứa "nhất định không về khi CS còn ngự trị trên đất nước Việt

Nam của chúng mình".

Hai mươi lăm năm, chị em mình như người xa lạ, không một bức thư thăm hỏi, không một gói quà chia xẻ những khó khăn chật vật mà em nghe về chị Hai, có nhiều lúc em tàn nhẫn tự bảo lòng: chị đã chọn thì chị phải chịu trách nhiệm về sự chọn lựa của mình...

("Thư Gửi Chị", trang 294).

Nhưng bởi sợi dây huyết thống thiêng liêng, bởi lòng vị tha mãnh liệt, bởi niềm thông cảm dạt dào, cho nên khi nghe thằng cháu Hiếu Bình của mình điện thoại báo tin chị Hai nằm bệnh viện chờ chết, tác giả vội vã về Việt Nam thăm chị lần chót để khỏi ân hận suốt đời. Và đương sự vẫn thương yêu thằng cháu như hồi 25 năm về trước.

Chị Hai lạc đường là do lý tưởng tôn thờ sự công bình nhân ái đối với nhân loại, do sự yêu chuộng nền tự do độc lập dành cho xứ sở của chúng ta mà ra. Ở đây có một vận sự đau lòng mà chị Song Thi không nêu ra. Trên đất Pháp, sinh viên của nền Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam đã từng khổ sở điều đứng bởi bọn đại sứ và bọn ngoại giao của hai nền Đế nhất và Đế nhị Cộng Hòa gây ra. Đó là bọn ngu xuẩn với căn tính ti tiện trên đội dưới đạp, làm như nhuốc danh nghĩa ngành Ngoại Giao của đất nước Miền Nam Việt Nam. Chúng khinh rẻ sinh viên Việt Nam nghèo, ưa làm khó dễ đối với họ để nịnh bợ bọn con ông cháu cha. Trong khi đó, bọn đại sứ và bọn ngoại giao của phe Cộng Sản luôn o bế và giúp đỡ các sinh viên nghèo, dụ dỗ họ vào đảng hoặc gieo cho họ lý tưởng và mầm mống thiên tả, hay gieo cái ảo tưởng thiên đường được xây dựng tên Xã Hội Chủ Nghĩa của bọn chúng. Do đó mà các sinh viên Việt Nam trên đất Pháp bị lừa phỉnh. Kẻ nào hồ hởi về phục vụ Việt Nam sau khi bọn giặc phương Bắc cưỡng chiếm Miền Nam Việt Nam, mới bật ngửa ra: mình đứt cổ vào tròng dây thông lọng. Như thế, cái nguyên nhân chính yếu, cái gốc rễ của hậu quả đắng cay đó có phải là do bọn ngoại giao, bọn đại sứ phe quốc gia gây ra không? Hỏi tức là trả lời vậy.

o o
o

Thưởng thức văn chương của Song Thi, tôi liên tưởng tới văn chương của nữ sĩ Pearl S; Buck (đoạt giải Nobel văn chương năm 1939). Cả hai đều có bút pháp thiết tha, văn phong đậm đà. Cả hai lại còn chân thành và thẳng thắn, nhìn cuộc sống bằng trực giác, bằng thiên lương. Cho nên lối diễn tả của họ đều dồi dào trực tính, không nguy trang lời dối gian hay che đậy những điều giả tạo. Thế có nghĩa là họ thấy sao viết vậy, không dùng lối văn uốn éo ruột rỗng, lòng vòng rột rần, lẫn lộn ruột dê để làm đáng trí thức, hay ca tụng cái phù phiếm, cái se sua thói tha, hoặc vun quén cái thói đề tiện ác tâm của kẻ nguy quân tử. Chúng ta thử đọc toàn bộ "Good Earth" gồm 3 quyển; "Good Earth" ("Đất Lành", năm 1931), "Sons" (Những Người Con Trai", năm 1932), " " và "A House Divided" ("Ngôi Nhà Chia Cắt", năm 1935). Chúng ta thấy nữ sĩ Pearl S. Buck ca tụng cái đảm đang hiền lành của lớp nông dân, sự tận tụy của những bà vợ quê mùa, những thanh niên ưu tư với vận mạng tổ quốc. Song song đó, bà công kích kẻ đầu cơ trục lợi, bọn thỏ phỉ, bọn mất gốc chỉ thích hưởng thụ truy hoan, những kẻ cuồng tín theo Cộng Sản v. v....

Song Thi không cốt ý theo dấu chân của Pearl S. Buck khi chị làm thơ mang nặng trách nhiệm với quê hương chủng tộc. Nhưng chị giống bà Pearl S. Buck là không ưa thì ca ủy mị, thì ca tán tụng cái đẹp phù phiếm, hời hợt, rỗng tuếch. Trong cuốn thứ ba của bộ "Đất Lành", bà Pearl S. Buck đã kích thơ của anh chàng Wang Seng (Vương Tiên) khi anh ta sáng tác loại thơ ca tụng cái đẹp chết chóc của cô gái tóc vàng trên một hải đảo tưởng tượng nào đó dưới ánh trăng.

Song Thi cùng với Nhã Ca, Linh Linh Ngọc, Ngô Minh Hằng, Ý Nga, Tạ Ty, Diệu Tần, Hà Thúc Sinh, Lê Khắc Anh Hào, Hồ Công Tâm, Bắc Phong, Vũ Kiện, Phạm Quang Ngọc, Nguyễn Mạnh An Dân, Vũ Nam... là những chiến sĩ can trường trong cõi văn chương cũng như Nguyệt Ánh và Việt Dũng, Trương Sĩ Lương, Nguyễn Quyết Thắng... là các chiến sĩ đầy nhiệt huyết trong thế giới âm nhạc.

1 Sài Gòn,

- 2 Huế
- 3 Nha Trang
- 4 Đà Lạt

CHƯƠNG 6: TIÊU THU, NHÀ VĂN NỮ ĐI VÀO KHU VƯỜN KỶ NIỆM QUA TẬP TRUYỆN "TIẾNG HÓT VÀNH KHUYÊN"

Tiêu Thu là một nhà văn gốc Nam Kỳ, chuyên viết về kỷ niệm những ngày chị sống ở Cao Lãnh, Kontum và Ngã Năm Bình Hòa (Sài Gòn). Lác đác có vài truyện xảy ra trong khung cảnh thành phố Montréal (Gia-nã-đại). Nhưng từ thành phố định cư ấy, chị không quên viết những ngày hoa mộng ở trên 3 địa danh của đất nước Việt Nam mà tôi vừa kể.

Tập truyện "Tiếng Hót Vành Khuyên" là tác phẩm thứ hai của nhà văn nữ Tiêu Thu, sau quyển "Sóng Nước Tình Quê" xuất bản vào năm 2003. Trong khi giao cho tôi bản thảo của tác phẩm thứ hai vừa đóng thành tập rất đẹp, tác giả có cho biết rằng chị đang đem in nó thành sách. Đây là công trình thập thùy tầm phương (gom góp lông chim trả và tìm hoa thơm) của tác giả. Chị đã kết tập những truyện ngắn đăng trên vài tạp san ở Canada, đặc biệt là tam cá nguyệt san Cỏ Thơm ở Virginia. Đây là sự đóng góp tích cực vào mùa văn chương ở hải ngoại dù đang lúc suy thoái, nhưng dù sao cũng vẫn còn tiềm lực như mớ than hồng âm ỉ cháy dưới lớp tro mỏng.

Cũng như ở tác phẩm đầu tay, mạch văn của Tiêu Thu ở quyển sau vẫn trơn tru và thơm ngát tình quê gọi trên dòng liên tưởng người đọc các loại hương du như dầu mù u, dầu dừa chẳng hạn, khi dùng chúng thắp đèn thì ngọn lửa sáng trắng và tỏa hương thơm man mác. Văn phong của Tiêu Thu thao thao như nước khe ngòi ở đồng ruộng, từ gò nổng nhấp nhô tuôn xuống trũng thấp, xuống ao, bầu, lung, vũng, bật tiếng reo thánh thót và trong sáng. Chị viết văn rất dễ dàng, rất thoải mái, tràn đầy hứng khởi như cánh diều, dải phướn, lá cờ uyển chuyển bay trong cơn gió giữa thỉnh không bát ngát. Chị ít khi dùng tới lối viết miêu tả (la description) mà thường dùng lối thuyết thoại (la narration). Cũng như cụ Hồ Biểu Chánh hay cụ Vương Hồng Sển, chị kể chuyện tuôn tuột và ngon ơ, như nước trà Huế từ bình tích được rót ron ron vào chén sứ mỏng trắng men bạch ngọc. Lối kể chuyện của chị thật hồn nhiên, thật nhí nhảnh và duyên dáng. Nhưng trong lối kể chuyện ấy, biết bao hình ảnh kỷ niệm thân thương được hiện ra từng nét tượng hình tuy khái quát mà thật sắc sảo; những lời thuật sự tía lia, vo vành một cách nồng mặn.

Đây là đoạn văn trong truyện ngắn "Dấu Ấn Cuộc Đời"; hai người bạn gái tâm sự dưới mái nhà ở thành phố Montréal, sau nhiều năm xa cách. Họ nhắc lại thời trung học:

Trầm ngâm một chút Lan chợt hỏi Thu:

- Mày còn nhớ con Lê Quân không? Nhà nó gần kho gạo.
- Tao lạ gì. Hồi xưa nó học lớp tao. Rất thông minh. Cặp mắt nó vừa đen vừa sáng, lông lánh như hai viên ngọc.
- Tội nó lắm mày ơi. Sau 75, tụi tao đã khổ mà nó còn khổ hơn. Vì chồng nó sĩ quan, lương còn chưa đủ sống, sau đó bị đi cải tạo, nó làm vất vả nuôi con, bữa đói bữa no. Chẳng chồng nó được thả về bên vượt biên, hứa sẽ bảo lãnh vợ con sang sau. Ai ngờ qua được bên Mỹ, gặp mụ nặc nô cũng bỏ chồng. Hai đứa hạp nhau về cái món... "gì" thì mày biết rồi đó, bên bỏ luôn vợ con bên nhà, đang mong ngóng từng ngày. Sau cùng con Lê Quân rút ruột cho con gái theo di vượt biên. Chẳng hiểu lên tàu làm sao, mà con nhỏ rút xuống biển hồi nào không ai hay! Thảm một cái là tới giờ, mỗi lần em nó viết thư về, vẫn phải nói dối là con bé bình yên, khỏe mạnh. Không ai dám nói thật, vì nó có thể chết đi được Tội nghiệp, nó đâu còn trẻ trung gì để làm lại cuộc đời hả mày. Cả đám trộm trèm nửa thế kỷ hết trơn rồi!
- Ủ, ngày xưa nhìn nó lúc nào cũng cười, khoe hai cái răng khểnh, cặp mắt có đuôi. Ai ngờ đời nó thảm thương như vậy.
- Chưa đâu mày ơi! Mày còn nhớ con Lan Đài bên lớp tao không? Con nhỏ tóc dài tới thắt lưng, điệu rơi điệu rụng đó. Sau này lấy tên Thanh, anh của nhỏ Hoàng lớp mày. Sau 75, tên Thanh chạy tuốt qua Mỹ. Gia đình nhỏ Hoàng bị kiểm kê hết. Nghèo khủng khiếp! Mẹ nó từ một bà mệnh phụ phải gánh

hàng ra chợ bán. Nhưng sau chịu không thấu, hai ông bà đều bệnh nặng. Túng cùng, con Lan Đài phải hy sinh lấy cán bộ để đem tiền nuôi bố mẹ chồng. Nghe cứ như là chuyện cổ tích mây há?

Thư bùi ngùi:

- Tao chỉ mong đây là những chuyện không có thật.

Sau những tiếng thở dài sườn sượt thương cho số phận không may của đám bạn còn kẹt bên quê nhà.

Cả hai im lặng một lúc, chợt Lan cười hi hi:

- Con Lan Đài mặt coi hiền mà một cây đó mầy ơi. Tao nhớ năm đệ lục, đứa nào cũng ngổ ỏi là ngổ! Một bữa, giữa giờ ra chơi, bốn năm đứa vây quanh nó, dĩ nhiên trong đó có tao, nó bèn lấy giọng nghiêm trọng: -- Tụi bây phải nhớ cho kỹ. Đừng bao giờ để cho tụi con trai hôn lên má. Biết tại sao không? -- Cả đám ngổ lắc đầu, nó giơ một ngón tay lên điểm điểm trong không khí và gần từng tiếng cốt để cho những lời vàng ngọc của nó đi sâu vào đầu óc ngu ngơ đang chờ đợi kia: -- là vì khi được hôn lên má bên này, nó sẽ hôn tiếp má bên kia. Rồi nó sẽ hôn xuống miệng và lần lần xuống cổ... và sau đó (con bé dài giọng ra)... mình sẽ không biết gì nữa..! -- Cả đám ngổ nhìn nó một cách vừa khâm phục vừa sợ hãi.

Thư hình dung ra cái cảnh một lũ nhóc hỉ mũi chưa sạch, mặt nghệt ra vì sợ trước cái viễn ảnh bị con trai hôn mà cười chảy nước mắt. Nhứt là sự diễn tả của nhỏ Lan Đài tếu không chịu được. Chẳng bù với tụi nhỏ thời nay. Ở phòng mạch bác sĩ Quân, nhiều đứa mới 12 tuổi đầu mẹ đã phải dẫn tới xin thuốc ngừa thai.

Lối miêu tả một vận sự dưới ngòi bút chạy thoăn thoắt như ngựa phi nước đại của Tiểu Thu chỉ gồm vài nét khái quát rồi bắt chuyện qua lối miêu tả một vận sự khác. Cũng có thể chúng ta nghĩ rằng tác giả trong lúc kể chuyện, có áp dụng một nghệ thuật tả cảnh tàng hình, nghĩa là chỉ không trình bày những nét tạo hình biểu kiến (có thể để cho chúng ta thấy được) của bối cảnh. Nhưng trong lúc kể chuyện, chị vẫn có đủ năng lực đưa độc giả đứng trước một khung cảnh hay một hoạt cảnh linh động, một và nhân vật sống thực v.v.... Cứ như thế, chị có thể lần lượt tập hợp thành một bức tranh dù đơn sơ nhưng vô cùng linh hoạt. Đó là cách viết văn của các cây bút gốc Nam Kỳ rất hợp với tầng lớp độc giả có khiếu thưởng ngoạn đơn giản: họ chỉ cần thưởng thức cốt truyện, chỉ muốn thả tâm tư mình trôi theo từng diễn biến cốt truyện, không cần đi sâu vào những chi tiết miêu tả chi ly, tỉ mỉ đến độ mà họ cho là rườm rà vô ích. Với lối hành văn như thế này, Tiểu Thu đã có bạn đồng hành như Hải Bằng, Nguyễn Văn Ba... (nam), Phương Hoài Nam, Phương Khánh... (nữ).

Rồi vừa làm bếp, Thư vừa hồi tưởng lại thuở còn con gái, ở cái xứ Kontum xa tít mù khơi. Quảng đời đo sao mà êm đềm, vô tư lự! Ai chưa ghé qua Kontum, sẽ tưởng rằng nơi đó chỉ có núi rừng trùng điệp, cùng đám người thiểu số (mà dân Việt thường gọi là Mọi cà răng cặng tai). Nhưng nếu ở qua, thì sau này, dù có đi tận chân trời góc biển nào, một phần trái tim cũng đã bị xứ Kontum nhỏ bé đó giữ lại! Dân nơi đây là một sự pha trộn của ba miền Nam- Trung - Bắc. Phong cảnh đẹp một các thơ mộng với con sông Dakbla bao bọc chung quanh thành phố (có thể thật hiền hòa vào mùa nắng và rất hung hãn vào mùa mưa. Những cơn lũ lụt lắm khi cuốn trôi cả nhà cửa lẫn súc vật hai bên bờ) và thật hùng vĩ với những núi xa xa, mau xanh lam, thuộc dãy Trường Sơn trùng điệp. Cảnh đẹp và lòng người hiền hòa. Cao nguyên lạnh nên con gái cũng da trắng má hồng, không thua gì các tiểu thư xứ Hoa Anh Đào. Đặc biệt nữa là Kontum cát trắng, không giống Pleiku, dù chỉ cách 50 cây số, mà đất lại đỏ quạch. Mùa mưa rất dợt, mỗi bước đi, cặp chân cứ muốn dính chặt xuống mặt đường. Thư theo ba mẹ lên Kontum năm 12 tuổi, đúng lúc vào Đệ thất trường sơ. Những ngày đầu phải diện chiếc áo dài trắng, bước chân đi sao vương lạ lẫm.

Đối với bé Thư ngây thơ đó, các chị Đệ ngũ, Đệ tứ, chị nào cũng đẹp như tiên. Nhưng vì tình lẻ, nên sau lớp cao nhất là Đệ tứ, phần lớn các chị... theo chồng bỏ cuộc chơi hết trơn! Chẳng là Kontum có sư đoàn 22 Bộ Binh đóng. Sĩ quan đông, nên chỉ cái e lệ gật đầu là các cô trở thành bà úy, bà tá ngay (học nhiều làm gì cho nó mau tàn phai nhan sắc!).

Nếu đã từng đọc qua "Sông Nước Tỉnh Quê" rồi đọc "Tiếng Hót Vành Khuyên", chúng ta sẽ thấy Tiểu

Thu yêu thích tuốt luốt những địa danh, những xứ sở mà chị đã từng định cư như Cao Lãnh (Sa-Đéc), Kontum, Ngã Năm Bình Hòa (Sài Gòn), Montréal (Canada). Bất cứ địa danh nào mà chị cư ngụ trong một thời gian dù dài dù ngắn cũng cho chị nhiều kỷ niệm thân thương, niềm lưu luyến sâu đậm hướng hồ la những món trân cam giai nhục cùng thổ sản thủy sản ở những nơi đó.

Trừ Montréal ra, các địa danh kia khi đi vào văn chương của Tiểu Thu mang ít nhiều bóng dáng tuổi trắng lên hoa nở của chị. Trắng phỉ mỹ và sáng như gương chiếu trọn tấm lòng thanh thản, hoa phô sắc bùng hương khắp một góc nhỏ của vườn đời của một cô nữ sinh yêu nồng nàn cuộc sống.

◦◦◦

Tập truyện " Tiếng Hót Vành Khuyên" gồm 10 truyện ngắn. Xin tóm lược mỗi truyện ngắn như sau:

* "Cô Nam Kỳ Đáng Yêu": Đây là cảnh gia đình bà quả phụ Tân thuộc hạng địa chủ. Bà có 3 người con: Cậu trai lớn lưu học ở Sài Gòn. Cô cô gái kế tên Trang sau khi học xong lớp nhứt, lại phải ở nhà lo trau giồi nữ công phụ xảo theo truyền thống của các thiếu nữ theo lễ giáo gia phong thuở cựu trào. Còn cô con gái út tên Cúc thì còn ở quê nhà học bậc tiểu học. Vào dịp nghỉ Tết, Thanh rủ anh bạn thân người Bắc tên Huy xuống quê mình ăn Tết với gia đình mình. Tại đây, Huy và Trang phải lòng nhau. Dù ngôn ngữ bất đồng, dù có thành kiến lệch lạc, nhưng cả hai vẫn yêu nhau và đi đến cuộc hôn nhân hạnh phúc. Kết cuộc câu chuyện đẹp như chuyện cổ tích Đông Phương lẫn Tây phương hay như chuyện thiên phương dạ đàm của xứ Ba Tư. Ở đây, tác giả làm sống lại cái Tết cổ truyền trên dải đất Nam Kỳ Lục Tỉnh:

Những ngày sau đó Thanh, Huy dọn dẹp nhà cửa đón Tết. Trước sân nhà ông nội có cây lão mai. Năm nào Thanh cũng xin một cành cắm vào cái độc bình da rạn có vẽ bát tiên màu xanh, đặt bên cạnh bàn thờ ông Tân. Chiếc lư đồng được đánh bóng ngời. Mâm ngũ quả chưng trái cây tươi hực hờ. Trang o bế nồi thị kho nước dừa với trứng, cá lóc thiệt ngon để ba ngày Tết ăn với bánh tét. Vui nhứt là chiều ba mươi, cả nhà thức canh nồi bánh. Bánh tét nấu trong chảo đun. Hai người mới khiêng nổi cái chảo đặt trên ba ông đầu rau ngoài sau hè. Phải canh chừng cẩn thận vì đôi khi bánh không cánh mà bay đi mất tăm, chủ nhà chỉ có nước đứng chửi đồng cho đỡ tức! Bốn người ngồi chung quanh nồi bánh. Cùi khô nổ tí tách, thỉnh thoảng văng tàn đỏ như pháo bông. Thanh và Huy thay nhau kể chuyện vui khiến Trang và nhỏ Cúc cười lăn chiêng, quên cả buồn ngủ. Tới giao thừa thì bánh vừa chín. Bà Tân cúng giao thừa đón năm mới, rồi mọi người đi ngủ.

Sáng hôm sau khỏi cần kêu réo, ai cũng tự động dậy thiệt sớm để sửa soạn. Hai tên đực rựa chỉ diện quần tây, áo sơ-mi là xong. Thanh pha hai ly cà phê rồi ngồi nhâm nhi với Huy trong khi chờ đợi phái nữ làm đẹp. Bà Tân coi cũng khá mặn mà trong chiếc áo dài gấm màu huyết dụ, nổi bông mai lan cúc trúc vàng ánh. Cổ đeo chuỗi hột vàng, bông tai vàng. Chiếc cà rá hột xoàn chiếu lấp lánh nơi ngón áp út Mái tóc muối tiêu bới như thường ngày, chỉ có giắt thêm cây trâm vàng tám cần hột trai óng ánh. Nhỏ Cúc từ trong phòng chạy ào ra như cơn lốc:

- Anh hai, anh Huy coi em đẹp không nè?

Thanh chọc em:

- Nhỏ này miệng còn hôi sữa... bò mà đã điệu quá trời!

Cúc chu mỏ:

- Xí em mà còn hôi sữa hả? Cho anh hay trong lớp em...

Huy lật đật chen vô:

- Anh Thanh trêu bé thôi. Bảo đảm bé Cúc của anh xinh nhất. Chiếc áo đầm thêu hoa cúc tuyệt quá. Trông bé xinh như cô Công Chúa Bạch Tuyết.

Cúc ngo ngắc:

- Công Chúa Bạch Tuyết là ai vậy anh Huy?

- Là cô Công Chúa trong chuyện cổ tích. Thôi, để lần sau anh sẽ mang về tặng Cúc quyển "Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn".

Đang nói chột Huy ngưng ngang, mắt nhìn sững về phía buồng của hai cô gái. Trang từ trong đó bước ra. Huy nhắm mắt lại rồi mở to ra tự nhủ có thể nào là cô Trang của những ngày trước đây??? Cô nàng thấy Huy nhìn mình đăm đăm thì má ửng đỏ hồng. Thanh quay qua thấy mặt Huy thộn ra coi thiệt tức cười, bèn đưa bàn tay quơ qua quơ lại trước mặt bạn, miệng hô lên:

- Bớ ba hôn chín vía thằng Huy. Có lạc ở đâu thì về cho mau.

Trang mắc cỡ:

- Anh hai. Bộ hông chọc người khác anh ăn mất ngon hả?

Huy đập vai bạn:

- Thôi mày. Bữa nay mòng một, cấm chọc giận người khác.

Thanh làm bộ ngó trời ngó đất:

- Thiệt là quá, đâu có mưa gió gì mà sao có người bị sét đánh trúng vậy kìa? Phải không Huy?

Huy cười đáp lững lơ:

- Ủ, thì cũng có chút chút!...

Từ trước tới giờ, Thanh vẫn coi hai cô em còn nhỏ dại lắm. Bữa nay thấy thằng bạn thân bị em mình hớp hồn, Thanh mới để ý dòm kỹ và bỗng cảm thấy lần đầu chàng mới thật sự nhìn thấy em. Cái áo nhung màu hồng đào tôn làn da trắng mịn của Trang đẹp lên bội phần. Cặp lông mày nhô khéo khiến đôi mắt đen huyền như to hơn. Nàng đánh phớt một lớp phấn hồng lên má và đôi môi cũng được tô lớp son hồng lọt. Cổ chỉ đeo dây kiềng vàng trơn. Tai đeo đôi bông hột xoàn nhỏ nhưng chiếu lấp lánh. Ngón tay giữa đeo chiếc cà rá nhận hột trai thật đơn sơ. Tóc chải kiểu tango phồng trước trán và mái tóc bữa nay được kẹp bằng chiếc nơ cùng màu áo. Ủ, con nhỏ coi cũng đẹp quá, hèn chi...

* "Tiếng Hót Vành Khuyên": Đây là hồi ức của cô Mai, sau khi nghe bài hát "Trường Làng Tôi" trong buổi tối văn nghệ trường Chu Văn An.

Khi còn thơ ấu, cô bé Mai học ở các trường tại làng Tân An thuộc quận Cao Lãnh. Trường gồm hai lớp chót do thầy Tánh đảm nhiệm. Muốn đi đến trường phải trẩy đò ngang do người cha nuôi của Mai đưa đò. Sau đó là ngôi trường chỉ có lớp năm do chú họ của Mai tên Thuận dạy. Chú vừa dạy học vừa hành nghề xem mạch hốt thuốc. Năm sau, Mai không rõ vì nguyên nhân gì mà chú Thuận dẹp trường. Người chú họ khác tên Sáu Lân mở trường gồm ba lớp. Trường có cô giáo Bích và cô giáo Liêu. Cô Bích và ông hiệu trưởng Sáu Lân phải lòng nhau. Nhưng cha mẹ chú bắt chú cưới cô gái nhà giàu tên Thu làm vợ. Chú đành chiều theo cha mẹ, nhưng vẫn còn thậm thụt dan díu với cô Bích. Bà vợ nổi ghen đánh ghen một trận, cô Bích phải xin đổi đi tỉnh khác.

Khi Mai lên lớp nhì, phải theo mẹ qua Phong Mỹ để tiếp tục việc học. Trường có bốn lớp năm, ba, tư, nhì. Thầy Hiệu trưởng Lương người Bắc tốt nghiệp trường Sư Phạm, khi đổi về Phong Mỹ có mẹ theo. Bà cụ nhứt định cưới cô Bạch thủy mị đoan trang cho con trai mình. Nhưng thầy đang tự tình với chị Kim Sa cùng ngôi lớp nhì với Mai. Đám cưới vừa tổ chức thì gia đình Kim Sa thưa với Hội Đồng Xã là thầy Lương dụ dỗ chị Kim Sa tới nỗi chị mang bầu. Thầy bằng lòng bãi hôn với chị Bạch và chịu cưới Kim Sa, chịu trách nhiệm là tác giả cái bầu... giữa tiếng khóc bù lu bù loa của bà mẹ. Thì ra thầy âm mưu với Kim Sa tạo ra cái bầu chỉ ở cái miệng gia đình của Kim Sa mà không hề có cái thai nằm trong cái bầu. Và chẳng hiểu cả hai có làm cái vụ tiền dâm hậu thú hay không? Thế là bà cụ đành cưới chị Kim Sa cho con trai mình.

Truyện ngắn này được diễn tả bằng lời thuật véo von, nêm thêm mắm muối, rắc thêm tiêu tỏi hành ớt, đủ cả... Tác giả không quên kể luôn thằng bạn trong lớp ve vãn Mai, ngoài cách vẽ hình hoa lá rất đẹp mà còn ngó lén cô bé nữa. Vầy Mai là ai? Hỏi tức là trả lời rồi. Vì có ai ngoài cô bé tiền thân của nữ sĩ Tiểu Thu chớ ai trồng khoai đất này?

* "Thằng Lượm": Đây là đứa con nuôi của vợ chồng Sáu Hiến. Vợ thì thương yêu nó bằng tám lòng người mẹ, còn chồng thì chẳng đối xử khác bạc gì với nó, phiền một nỗi mỗi khi say rượu ưa về nhà đánh chửi vợ con. Chú Sáu không có việc làm nên ngày ngày đặt trúm, nôm cá để kiếm ăn. Còn thím Sáu giúp việc cho ông bà Hội Đồng Vị. Bạn thơ ấu của Lượm là con Hiếu. Cha của Hiếu nuôi rể con

trâu của Hương Quân Cư. Trâu chết, cha của Hiếu không có tiền bồi thường, phải ngồi tù. Mẹ Hiếu bắt con chị lớn của Hiếu ở đợ để lấy tiền độ nhật Đã vậy mẹ sanh tâm ngoại tình với chú Tư Lầu. Biết Hiếu nghèo khổ, bữa đói bữa no, Lượm tìm cách giúp đỡ con Hiếu bằng cách san sẻ miếng ăn cho Hiếu.

Tình cờ trong lúc gây gổ với thằng bạn cùng lớp, Lượm bị nó chửi là con hoang Về nhà Lượm hỏi mẹ. Thím Sáu xác nhận vì không con nên bà xin đứa con trai người bạn của anh mình trên Nam Vang để nuôi lấy hên, để mai sau mình sẽ được chữa ghen sanh nở. Thằng con nuôi đó chính là Lượm vậy.

Nhà ông bà Hội Đồng Vị có cô con gái tên Tố Oanh cùng chồng con từ Sài gòn về chơi, lại còn rủ thêm bà bạn tên Ái Loan. Lượm được đề cử lau chùi bàn ghế để đón khách và nhứt là bầu bạn với con gái bà Ái Loan tên Cúc Phương lên mười cùng hai con cô Tố Oanh là con bé Tố Ái lên tám và thằng bé Linh lên mười. Lượm bày đủ trò chơi cho 3 đứa trẻ nên được chúng nó mến. Riêng bà Ái Loan cũng cảm thấy mình quyến luyến thương yêu thằng Lượm mà không hiểu tại sao? Một hôm nọ vì muốn hái bông sen cho Tố Ái, Lượm ngã xuống ao sen, mình mẩy ướt mem. Bà Ái Loan cởi áo nó, lau mình mẩy cho nó, khám phá cái bột son trên ngực nó. Bà sức nhớ thuở xưa mình là người đẹp tỉnh Bình Dương đã từng yêu một thanh niên tên Sơn; cả hai dan díu nhau, cô thiếu nữ Ái Loan kia có bầu. Cha mẹ nàng bảo bà vú đưa nàng lên Đà Lạt sanh nở rồi đem con trai tư sinh kia cho một cặp vợ chồng ở tận Nam Vang và bắt buộc nàng phải lấy Thuần, bạn của Hưng (anh của nàng) vì cha mẹ Thuần và cha mẹ Ái Loan đã đính hôn cho hai trẻ.

Vụ cưỡng hôn chỉ tạo tâm thảm kịch đồng sàng dị mộng cho Ái Loan. Rồi sau đó Ái Loan mang bầu, Thuần khám phá ra vợ mình đã có con với người khác trước khi kết hôn với mình. Đứa con trong bụng nàng không phải là con đầu lòng của nàng, mà là thứ con rạ. Ái Loan sanh cho Thuần đứa con gái đặt tên Cúc Phương. Cả hai cứ gay cấn lục đục với nhau đi đến chỗ ly dị khi Sơn cùng dạy chung trường trung học với Hưng và tìm cách thăm Ái Loan với tư cách người bạn. Thuần ghen tương dần thúc nàng nên nàng xin ly dị, sống quăng đời cô đơn với con gái.

Thấy được bột son trên ngực Lượm, bà Ái Loan liền về Sài Gòn hỏi bà vú của mình về việc cha mẹ mình đem con mình cho người khác ở nơi thật xa. Bà vú khai thiệt mọi sự. Ái Loan tìm gặp lại Lượm. Tác giả Tiểu Thu đã thay thế Ngọc Hoàng Thượng Đế giữ sổ một cuộc hôn nhân cưỡng ép và làm cho mẫu tử được trùng phùng. Chưa hết đâu, trong lúc Lượm đi ra đám bấp, chị thay Ngọc Hoàng bày cho nó gặp một cảnh đánh đờ vật ạch đụi giữa chú Tư Lầu và má con Lượm trong ruộng bấp. Eo ơi, chị có bao giờ đề cập mắt nghịch ngợm của chị thoát khỏi chuyên lẹ lùng đối với trẻ nít nhưng rất... hấp dẫn đối với người lớn đâu?... Ăn cơm trưa xong, thằng Lượm theo lời dặn của má nó, đi ra ruộng bấp của chú Tư Lầu mua một chục. Nó băng qua lộ mới thì tới ruộng bấp xanh rờn. Những trái bấp no tròn nằm xiên xiên trên những cái lá dài, uốn éo, phát pho theo chiều gió. Lượm tới cái chòi lá nhưng không thấy chú Tư Lầu đâu cả. Nó nghĩ chắc chú đang hái bấp đâu đây, nên cứ vạch lá đi theo luống đất giữa hai hàng cây thẳng tắp. Đang đi bỗng nghe có tiếng gì là lạ nên nó dừng lại ngó dáo dác. Hình như có tiếng rên rí đâu đây. Lượm vánh lỗ tai lên nghe, rồi lần lần theo tiếng rên đi tới. Bỗng nó sựng lại vì cách chừng đó hai ba luống bấp, thấp thoáng sau những cây bấp sai oằn trái, rõ ràng là chú Tư Lầu và má con Hiếu đang... đánh nhau! Hình như tiếng rên đau đớn là của má con Hiếu. Thằng Lượm hoảng hốt thối lui ra khỏi ruộng bấp, chạy một mạch về kiếm con Hiếu. Con nhỏ đang ngồi trước hàng ba nhìn vơ vẩn ra đường, mặt lộ vẻ buồn thiu. Thằng Lượm vừa kéo tay con nhỏ vừa lắp bắp:

- Theo tao lẹ lên. Má mày với chú Tư Lầu đang vật lộn ngoài đám bấp.

* " Minh Oi!". Đây là hai câu chuyện hôn nhân của một người đẹp tên

Thanh Mây ở Đốc Vàng. Cô là con của bà Hương Hào Bá, chủ nhân tiệm bán hàng vải khá giàu. Qua cô bạn Ngọc Châu, cô được quen với cậu Út Nhơn, con ông bà Hội Đồng Đáng ở Long Xuyên nổi tiếng giàu có danh giá. Cậu tìm cách ve vãn Thanh Mây và kỳ kèo với mẹ để cưới Thanh Mây cho bằng được. Bà Hội Đồng Đáng cũng chiều con nên đi dạm hỏi Thanh Mây cho con. Nhưng bà Hội Đồng Đáng tỏ lời chê bai với má của Ngọc Châu rằng bên bà Hương Hào Thi không môn đăng hộ đối

với gia đình mình. Lời chê đó lọt vào tai cô Kim Anh, cô này từ lâu vốn thèm thuồng được làm vợ cậu Út Nhơn. Kim Anh tìm cách thuật lại lời miệt thị của bà Hội Đồng cho Thanh Mây nghe. Vì tự ái và cũng vì chưa yêu Út Nhơn sâu đậm nên Thanh Mây buộc mẹ hỏi hôn. Sau đó ít lâu, qua trò mai mối của người bác dâu, Thanh Mây được bà Cả Trọng dắt con trai là cậu Tư Tân đến nhà bà Hương Hào Bá để coi mắt Thanh Mây cho cậu Tư. Cậu Tư này quá đẹp trai gặp một cô nàng Thanh Mây yêu kiều diễm lệ thì dĩ nhiên hai bên gây cú sét nổ rầm rĩ cho nhau. Thế là cuộc hôn nhân thành tựu tốt đẹp.

Nhưng khi về nhà bà Cả Trọng làm dâu, Thanh Mây mãi mê lo việc quán xuyến tề gia nội trợ mà thiếu mặn nồng với chồng. Cậu Tư Tân ngoại tình với cô Kim Phụng. Cô này là con người tá điền của ông Cả Trọng. Mợ Tư Tân được cô em chồng thóc mách nên tìm cách bắt quả tang chồng mình tổ chức làm đám... cưới lén lút với Kim Phụng mà lễ cưới chỉ có chú rể và cô dâu. Mợ toan làm dữ thì ông chồng lẹ tay xốt vợ lên xe đạp đưa vợ về nhà để năn nỉ xin vợ tha tội.

Thấy vợ chịu mở miệng, cậu Tư mừng hóm, đi bằng hai đầu gối, sấn tới:

- Thôi, thôi mình tha thứ cho anh ghen mình. Anh thề mà. Cô Phụng thì cũng là chơi qua đường. Anh chỉ thương một mình thôi. Anh nói láo Bà bắn.

Mợ Tư trề môi, xì một tiếng dài thòn đợm mùi khinh bỉ:

- Thiệt tình, Tiết Đình San cầu Phàn Lê Huê hồi xưa chắc cũng còn thua

anh xa. Bữa nay rán mà suy nghĩ lại đi. Hồi nào tới giờ anh hứa, anh thề có bao nhiêu lần, mà có lần nào anh giữ lời được hay không?

Mợ càng nói càng tức tưởi. Cậu Tư vẫn còn quỳ, thấy vợ nói vậy thì lật đặt ôm giò của mợ đang thông dưới đất:

- Không không, lần này anh nói thiệt. Anh thề đọc cho mình tin.

- Thôi đi. Đọc tới cỡ nào tui cũng đã nghe đầy hai lỗ tai rồi. Nếu lần này anh thành tâm thì rán quỳ đó cho tới sáng. Tui mệt lắm rồi. Bây giờ để yên cho tui ngủ.

Mợ nói xong thì nhẹ hất cặp giò để rút khỏi vòng tay ông chồng đang ôm cứng ngắt. Không ngờ cậu cũng quyết bám trụ tới cùng, không chịu buông ra. Hai bên giằng co níu kéo một hồi, cái quần lãnh Mỹ A lưng thun lảng mướt chồng cự không nổi... Cậu thừa thắng xông lên, vì biết đây là cơ hội cuối cùng có thể làm xiêu lòng bà vợ đang giận cậu tái tê! Con bé Thanh My ra đời chín tháng mười ngày sau đó. Vẫn là một đề tài cũ của các cây bút viết truyện đồng quê, vẫn là cách diễn tả nghịch ngợm với giọng điệu líu lo trong bút pháp của tác giả, nhưng cái hấp dẫn của câu chuyện như lúc nào cũng mới đối với kẻ tha hương ôm nặng tình cố hương thuở còn bán khai với tập tục cổ truyền và với thứ tình cảm đơn giản mà lại đợm đà niềm thiết tha của dân tộc.

* "Thoáng Hương Xưa": Cùng với "Dấu Ấn Cuộc Đời", truyện ngắn này

là đề tài sâu sắc nhất trong tập truyện. Truyện đầu như sau: cô Kim, thư ký của Bác sĩ Thanh. Trong cuộc du ngoạn ngắn, cô đi ngang qua ngôi nhà đóng cửa kín mít của cặp vợ chồng bốn xứ là Jacques và Marie Trudeau. Họ đã lần lượt qua đời cách đây ba tháng. Cả hai cứ cãi vã hà rầm suốt trên 60 năm chung sống. Thế mà sau khi chôn cất chồng xong, bà Marie nhứt định không ăn uống để từ từ theo chồng về bên kia thế giới.

Trở về phòng mạch, Kim gặp người da đen tên Valentin làm việc ở Caisse Populaire đến xin khám bệnh nhức đầu vì theo lời hăn, dù làm việc siêng năng, nhưng tại sao hăn vẫn bị mấy cô bạn đồng nghiệp da trắng chê hăn ta lười biếng. Hăn nhứt đầu vì lời chê bắt công ấy đã đành mà cũng có thể hăn nhức đầu vì tại sao người da trắng khinh thường người da đen.

Người đến thứ hai là ông già Phan. Ông cho Kim biết vợ chồng ông về viếng tỉnh Châu Đốc, nổi tiếng có nhiều mắm ngon nhất Việt Nam. Bà vợ mê ăn đủ thứ mắm nên bị đứt mạch máu chết đi để ông ở lại cô đơn.

Rồi tên Jacques Gagné vốn là dân Canadien 100 % và cũng vốn là thư ký sinh trùng ăn bám xã hội. Thân thể, tóc tai hăn bản thủ; mùi hôi nồng nặc tỏa ra từ lum tà la. Hăn đến xin thuốc ngủ vì từ ngày chí tối, hăn chỉ coi Tivi và uống bia lu bù.

Đang lúi húi xếp hồ sơ thì Kim nghe cô bạn Mai báo tin gia đình vợ chồng cô Nga tan nát vì bà mẹ chồng ó dâm dèm pha để gây xào xáo cho vợ chồng con trai mình. Cho nên từ chỗ cãi vả đi đến chỗ thẳng con diên tiết đánh đập vợ thừa chết thiếu sống. Nga phải nhờ cảnh sát can thiệp và được cùng đưa con tạm trú nơi cơ quan bảo vệ phụ nữ. Còn ông chồng bị đưa vào bệnh viện tâm thần. Ác nghiệt cho hoàn cảnh hơn nữa là Nga đang mang bầu được 3 tháng.

Về những tấm thảm kịch gia đình kiêu bào, Kim nhớ lại một ông già nọ được con bảo lãnh qua Canada. Ông vui sống với công việc làm vườn. Dè đâu một ngày nọ ông bị cảnh sát hỏi tội vì ông hái bậy trên sở vườn của mình nên bị người hàng xóm thưa với các đấng "bạn dân" rằng ông cốt ý "khoe của". Ông già tức giận đòi về Việt Nam để được tự do "tưới cây", chẳng sợ ai làm mỏng làm dày, làm khó làm dễ...

Người khách sau cùng là cô nữ quái bụi đời vốn dân bản xứ đến xin thuốc ngủ lẫn thuốc an thần vì thẳng bồ của ả đánh cướp nhà băng bị tù nên thần kinh ả căng thẳng.

Cuối truyện là Kim bắt gặp mùi nước hoa ở đâu thoáng đến. Kim nhớ đến cô bạn chí thân ngày xưa tên Lê Hồng. Cô ta chỉ thích nước hoa hiệu Tabu, không chịu thay đổi thứ nào khác. Kim nhớ luôn bao kỷ niệm giữa Kim và cô ta trên đất nước quê hương trong tuổi thanh xuân lãng mạn mộng mơ.

*"Dấu Ấn Cuộc Đời:": Trong truyện ngắn này, tác giả Tiểu Thu dựng hai cảnh chị em thỏ thẻ trong đêm dưới mái nhà của cô Thư tại thành phố Montréal (Gia-nã-đại). Lần đầu, Thư và Lan đôi bạn cũ học trường sơ ở Kontum sau nhiều năm xa cách được dịp hàn huyên trong chuyến Lan đến Montréal viếng Thư. Lan kể hoàn cảnh bị đát của hai cô bạn chung là Lê Quân và Lan Đài. Xin xem lại đoạn kể được bút giả trích ra ở phần đầu bài viết này. Trong đêm tâm sự đó Thư có nhắc tới Kim Ánh, cô bạn chung thứ ba vốn là đầm lai xinh đẹp. Trước đó, Kim Ánh có phone từ Mỹ cho Thư có hẹn qua Montréal thăm Thư. Ít lâu sau đó, cũng lại có màn chị em thỏ thẻ đêm thanh vắng. Kim Ánh kể lại cuộc đời ba chìm bảy nổi chín cái lênh đênh của mình cho bạn nghe. Truyện kể như sau: Kim Ánh nghe lời đường mật và tin tưởng cái xảo kế điều mưu của Minh để gặp cảnh chồng chúa vợ tôi, gặp bà mẹ chồng lựu đạn nên cực nhục trăm bề. Khi Cộng Sản xâm lăng miền Nam, Minh đi học tập. Bà mẹ chồng sợ con dâu lai Âu của mình sẽ gây cho bọn Cộng Sản làm khó dễ mình nên đuổi 8 mẹ con Kim Ánh ra khỏi nhà. Sau thời gian điêu đứng, Kim Ánh gặp quới nhơn giúp đỡ buôn bán thuốc Tây nên sống khá vững. Cô gặp được anh chàng quân tử tên Phương giúp cho hai đứa con trai đầu của cô vượt biên bằng đường bộ. Còn hai đứa con kế trong chuyến 6 mẹ con vượt biên bằng đường biển thất bại, bị mất tích. Sau đó, Kim Ánh được Hội Hồng Thập Tự cho biết hai đứa con mất tích kia đã được một gia đình bên Mỹ bảo lãnh. Lần vượt biên thứ ba, Kim Ánh lại bị thất bại, bị tù, nhưng nhờ chàng quân tử tên Phương kia tìm cách giúp cô được phóng thích để cùng nhau trở thành vợ chồng và cùng vượt biên trót lọt qua Mỹ. Sau thời gian lặn lội trong cuộc mưu sinh tại xứ người, nhờ nghề bán fastfood với các món ăn Việt Nam mà Kim Ánh trở nên giàu có để nuôi 10 đứa con (8 đứa con em, 1 đứa con anh và 1 đứa con của chúng ta).

Bao giờ cũng vậy, Tiểu Thu không bao giờ ly khai lối viết tếu đậm tếu lợt. Xen giữa từng đoạn kể lể từng tấm thảm kịch kinh hoàng trong cuộc đời, hề được dịp tốt là chị xịa vài câu trào lộng, vài cụm tu hoặc vài ngữ pháp nghịch ngợm, ranh mãnh ranh mương. Cho nên những kẻ nào "lỡ" đọc văn chương của chị, bút giả bảo đảm chẳng có ai có thể ngủ gục trên trang sách cả. Đó là cái triết lý vui sống luôn luôn tươi rói của chị: Dù đời có ra sao thì hãy cứ vui lên, vui được lúc nào hay lúc ấy, dù vui một ngày, dù vui một giờ, "dẫu một phần ba phút, góc tư giây" (nói theo Nguyễn Bính) đi nữa.

* "Dưới Cội Sung Già": Truyện gồm hai thế hệ: đời bố mẹ và đời con. Số là Hậu và Lãng là đôi bạn thân; cả hai cùng đeo đuổi Cẩm Vân. Rót cuộc, Hậu chiếm được trái tim người đẹp và cưới Cẩm Vân làm vợ. Lãng đau khổ, cưới Mai làm vợ nhưng không yêu vợ. Cẩm Vân sanh cho Hậu một trai, đặt cho nó cái tên Tú. Còn Mai sanh cho Lãng một trai tên Đức và một gái tên Liễu Nhu. Nhưng khi sanh đứa thứ ba xong, Mai chết trong lúc Lãng ở sòng bạc. Chàng quyết tâm báo thù Hậu, dụ dỗ Hậu bài bạc. Cẩm Vân tìm Lãng năn nỉ Lãng đừng đưa chồng mình ngã vào bức tường

thứ ba trong tứ đồ tường (tửu, sắc, tài, phiến). Nhưng vốn đa lập tâm báo thù thì Lăng vẫn tiếp tục đẩy bạn vào con đường cùng của thú đồ đen. Rốt cuộc, vì tiêu tan sự nghiệp và thiếu nợ như chúa Chôm, Hậu tự tử. Cẩm Vân kìa khỏi tỉnh nhà, sau khi thống trách Lăng dữ dội. Ngôi nhà của Hậu bỏ hoang, người trong xóm đồn rằng đêm đêm có vong linh Hậu hiện về. Vài năm sau, Cẩm Vân tái giá với một phú thương Hoa Kiều ở Nam Vang, nuôi con trai là Tú ăn học thành tài.

Tú trở về sửa sang căn nhà của thân phụ, nhưng giấu người lối xóm tên thật của mình. Chàng xưng là Hoàng, tìm cách quen biết Liễu Nhu, con gái của Lăng và Mai. hiện giờ cô thiếu nữ ôn nhu xinh đẹp kia đang ở chung với bà nội và người vú. Trong khi quyết chiếm đoạt trái tim của nàng. Tú nhận thấy Liễu Nhu là một cô thiếu nữ hiền hậu, giàu lòng nhân từ, thường giúp đỡ dân nghèo trong xóm. Lúc đó chàng mới thú thật mình là Tú rắp tâm về Sa Đéc để quyến rũ nàng ô danh xú tiết bằng cách đưa nàng vào cảnh mang hoang thai để báo thù kẻ làm hại cho chàng tự tử, của nhà chàng tan nát. Chàng còn cho Liễu Nhu biết rằng sau khi suy đi nghĩ lại, việc báo thù rửa hận chỉ gây thêm cái ác nghiệp oan oan tương báo mà thôi; hướng hồ chàng chân thành yêu nàng bằng cả con tim nguyên vẹn. Vả lại, Tú cũng được biết ông Lăng cũng đã từng tỏ lời hối hận với bà Cẩm Vân trước khi bà bỗng con đi xa. Tú xin cưới Liễu Nhu làm vợ và được nàng nhận lời.

Cốt truyện hơi giống các cuốn phim tình cảm xã hội Ý-đại-lợi đã từng đưa tên tuổi các diễn viên Ý và diễn viên Âu Châu, Mễ-tây-cơ lên đài vinh quang như Marta Toren, Maria Félix, Yvonne Sanson, Yvonne Furneaux, Nadia Gray, Anna Maria Ferrero, Gianna Maria Canale, Lucia Bose, Eleonora Drossi Drago, Eva Bartok, Rossana Podesta, Silvana Pampanini, Antonella Lualdi... (nữ), Amédéo Nazzari, Ettore Manni, Jacques Sernas, Franco Interlenghi, Tomas Milan, Pierre Cressoy, Vittorio Gasmann, Pedro Armendariz (nam)... Nhưng ở đây, tác giả tiết kiệm súng đạn, gươm giáo, máu me và ác mộng hơn. Nhờ cái kết cuộc chói chan màu hồng hạnh phúc nên các độc giả bà già trầu têm cho mình một miếng trầu ngon, các độc giả ông già ống vôi nhồi thêm thuốc lá Gò Vấp vào tẩu thuốc, các người trẻ tuổi trời giông du dương; họ vừa hút thuốc hoặc ăn trầu, ca hát vừa hả hê thưởng thức cái hậu tốt lành của truyện kể dưới ngòi bút của nhà văn nữ đất Cao Lãnh này.

* "Đời Còn Có Nhau": Đây là tình sử của cậu Út Hào, con ông Hội Đồng

Phú, tốt nghiệp trường Đại Học Dược Khoa về quê vinh quy bái tổ. Cha mẹ cậu đã chọn cô Thu Thảo dung nhan sắc sảo, con gái bác sĩ Dương cho con mình cưới làm vợ. Nhưng khi về quê nhà, cậu nhận thấy Lua, con gái mụ tở Hai Nhiên trở mã mỵ miều, đậm ra thèm khát cô ta nên tìm cách quyến rũ cô ta, chiếm đoạt tấm băng trinh cô ta. Sau đó, cậu cưới Thu Thảo. Hai vợ chồng chẳng những môn đăng hộ đối, lại còn đẹp đôi nên cả hai mê man tâng tịch với nhau. Lua sau lần ân ái với cậu Út Hào lỡ mang thai. Ông bà Hội Đồng cho mẹ con thím Hai Nhiên một số tiền bảo họ bỏ đi cho thật xa.

Ai dè trong chuyến đi ra Vũng Tàu hứng mát, cậu Út Hào bị tai nạn xe hơi, rồi bị chứng bất lực sinh lý. Từ đó vợ chồng cậu sống trong cảnh đồng sàng dị mộng. Thu Thảo thường vắng nhà để lui tới với người bạn trai cũ. Bà Hội Đồng Phú buồn rầu lo sợ con mình bị tuyệt tự và hối hận đã đuổi Lua ra đi nên gia đình bà bị Trời trả báo. Về phần Lua, nàng đã yêu Hào khi vừa mới lớn. Tuy bị Hào đánh trống bỏ dùi nhưng nàng tự hứa sẽ ở độc thân suốt đời để nuôi con nên người. Không được làm vợ Hào, nhưng có một đứa con với Hào là nàng đủ mãn nguyện rồi. Lua sanh một đứa con trai đặt tên là Hiệp. Ai ngờ má con của thím Hai Nhiên ăn nên làm ra, có cơ ngơi vững chắc, tuy không giàu có gì. Tình cờ, Hào gặp Lua, hiện làm chủ sạp vải ở ngoài chợ Bến Thành. Cuộc tái ngộ dần dà đi đến chỗ thông cảm nhau, mọi sẵn sượng gút mắc tan rã. Nhưng Hào nghĩ mình bất túc sinh lý nên không dám đòi hỏi gì ở Lua, chỉ mong được nhìn nhận Hiệp là con chính thức của mình. Nhưng Lua gieo cho chàng một hy vọng rằng nàng sẽ đưa chàng tới ông danh y giỏi khoa châm cứu để giúp chàng lấy lại một thể chất bình thường. Câu chuyện chấm dứt ở đây.

Ở truyện ngắn này, Tiểu Thu đề cao tấm làm đẹp của mẹ con thím Hai Nhiên. Chị không đả kích hay buộc tội Thu Thảo. Hào dưới ngòi bút chị là kẻ không luyện đạt nhân tình thế thái. Khi du học ra ngoại quốc, chàng đã làm tình với Mylène, em gái của bạn chàng, sống cuộc đời tình dục phóng

khoảng, không yêu nhau nữa là anh đi đường anh, tôi đường tôi. Với Lua, chàng chơi hoa cho biết mùi hoa, rồi bỏ mặc nàng gánh vác hệ lụy mà chàng quên rằng ở xứ ta, người đàn bà sa ngã khó làm lại cuộc đời. Vậy mà Lua can đảm gánh vác cái tình yêu đơn phương của mình, không oán trách Hào. Còn thím Hai Nhiên bị tên hào phú cưỡng bức mới sinh ra Lua, cũng không oán trời trách đất. Gặp được chú Hai Nhiên cưới làm vợ rồi ít lâu lại gặp cảnh góa bụa, thím nhận nuôi thằng Cầm, đứa con riêng của chồng, coi nó như con ruột. Và dù bị bà Hội Đồng cho một ít tiền rồi đuổi đi, thím cũng không oán trách bà vì thím chỉ nghĩ lúc thím chữa hoang để lạnh, bà đã ra tay cứu giúp thím.

Đàn bà Việt Nam dưới ngòi bút của Tiểu Thu trội hơn đàn ông Việt Nam nhiều.

* "Hạnh Phúc Nơi Nào?": Đây là cuộc đời của Hoa, một thiếu nữ bạc phước, đa truân đa khổ lụy. Sớm mồ côi mẹ phải ở với cậu ruột, bị mợ dâu ngược đãi. Sau đó, được bà Năm, một nghiệp chủ giúp đỡ mưu mang nên khi lớn lên, từ con Xíu ốm o lu lút trở thành một cô Hoa xinh đẹp. Rồi cô yêu một tên Chệt lai đẹp trai tên Hiếu, bị bà mẹ y ta chửi mắng bêu xấu nên cả hai phải chia tay. Cô yêu hấn chân thành sâu đậm, còn hấn yêu cô hời hợt. Sau đó cô yêu tên Hưng, cũng bảnh trai, cũng hời hợt. Khi cô mang thai, hấn toan bỏ mặc cô với cái bào thai, nhưng nhờ bà Năm can thiệp, hấn phải cưới cô, rồi lén lút đi đêm với một cô chiêu đãi viên ở quán Chiều Tím. Sự tan vỡ không sao tránh khỏi. Bà Năm giúp Hoa mở cái sạp bán cơm ngoài góc chợ. Rồi cô lại yêu một tên trung sĩ từ Nha Trang đổi vào. Hấn có vợ nhưng bảo rằng vợ chết. Cả hai ăn ở nhau rất hạnh phúc. Rồi mụ vợ hay được đến phá tan nát ổ uyên ương. Vãi là mỗi tình thứ ba kết liễu một cách tức tưởi. Trong số thực khách ăn cơm ở sạp có chàng đập xích-lô tên Minh thì rái lại yêu Hoa chân thành. Cảm tình của hai nhen nhúm dần dà mới tượng hình thành tình yêu. Cả hai toan đi tới hôn nhân. Nhưng Minh gặp tai nạn xe cộ: một chiếc quân xa đụng chiếc xích lô của Minh. Đầu Minh bị đập vào chân cột đèn. Tác giả buông lửng ở đây, không cho biết Minh sống chết ra sao.

Đây là một truyện ngắn duy nhất có cái kết cục bi thảm trong tập truyện "Tiếng Hót Vành Khuyên". Hoa, cô gái luôn đi tìm kiếm hạnh phúc không nhàm mỏi. Nhưng hạnh phúc như bức thư trao lầm hết địa chỉ này sang địa chỉ nọ. Nhưng tới khi thư trao trúng địa chỉ thì người nhận thư chưa kịp đọc hoặc chỉ đọc sơ qua thì bị định mệnh tàn ác giáng xuống đương sự một cú ngã quy. Trong phạm vi truyện ngắn, tác giả có nhiều tài liệu, nhiều chất liệu nên khó phô diễn văn tài. Cho nên chị đành dùng văn pháp thuyết thoại. Nếu "Hạnh Phúc Nơi Nào?" được trình bày tỉ mỉ hơn và diễn tả chi ly hơn sẽ hành một truyện dài.

* "Đời Vắn Đẹp": Chàng thanh niên tân học tên Phát và cô Xẩm lai (cha Tàu mẹ Việt) yêu nhau. Phát muốn cưới Mỹ Linh, nhưng ông bố Chệt Xương đã hứa gả con gái mình cho anh chàng Chệt Quân. Vả lại, người Tàu vốn chủ trương thờ cưới vợ dỉ chừng cho con trai mình, còn con gái mình thì phải kết hôn với người đồng chủng. Dù được bà vợ năn nỉ cho tới gãy lưỡi, dù Mỹ Linh có kháng cự cách nào đi nữa, nhưng lão Chệt Xương vẫn giữ lòng dạ cứng hơn gang và dẻo hơn thép. Túng thế, Tâm người anh con nhà bác của Phát bày kế cho Mỹ Linh khai dối với cha rằng nàng đã có mang với Phát. Vãi là nhờ cách liêu lĩnh của Mỹ Linh mà ông cha đành hồi hôn với Chệt Quân.

Đề tài của truyện ngắn này cũng chỉ tầm thường thôi, nhưng tác giả xen lác đác trong lối kể chuyện của mình vài đoạn tả cảnh, tả người. Vả lại, lối diễn tả mọi tình tiết của tác giả rất duyên dáng nên câu chuyện có một hấp lực mặn mà. Như vậy, chị Tiểu Thu cho chúng ta biết rằng: trong lối hành văn, chọn đề tài không quan trọng bằng diễn tả đề tài. Đề tài dù có hay ho cho cách mấy thì cũng như một miếng thịt tươi ngon mà cách diễn tả vụng về thì món ăn sẽ dở tệ. Còn đề tài xoàng xĩnh mà được diễn tả khéo léo thì đó cũng như miếng thịt kém phẩm chất nhưng nhờ gặp tay đầu bếp cừ khôi, nó sẽ biến thành một món ăn ngon như được làm bằng giai nhục trên cam.

○ ○

○

Cái đặc điểm trong văn chương của Tiểu Thu là cảnh vợ chồng âu yếm nhau. Thường là bà vợ nũng nịu còn ông chồng thì mơn trớn vuốt ve, vỗ về. Cảnh lứa đôi mùi mẫn với nhau một cách mặn nồng như

diễn ra trước mắt người đọc làm họ có thể liên tưởng đến Điều Thuyền ông ọ với Lữ Bố trong tuồng "Phụng Nghi Đình", đến màn Tây Thi giỡn nhột vua Ngô Phù Sai trong vở "Tây Thi Gái Nước Việt". Tác giả dùng lối đối thoại đậm đà kịch tính để thêm mặn muối cay gừng và xông ướp thơm tho mùi trầm hương ngọc quế vào câu chuyện.

Đây là một pha vợ Nam chồng Nam đùa cợt nhau trong truyện ngắn "Cô Nam Kỳ Đáng Yêu". Tác giả không vẽ ra một hoạt cảnh với những cử chỉ những động tác gợi hình, mà chỉ dùng lời nói bông đùa, pha lửng một cách nghịch ngợm. Đó là những lời đối thoại trong các vở hài kịch nhẹ nhàng, nhưng ý tình nào kém nồng mặn:

Cúc như chợt nhớ ra điều gì, cặp mắt chợt sáng như hai đèn pha:

- Anh ơi, em nhớ ra rồi. Năm nay vừa đúng 40 năm đám cưới chị Trang.

Tụi mình sẽ dành cho anh chỉ một "sự ngạc nhiên" thích thú. Em sẽ tổ chức một bữa tiệc kỷ niệm tưng bừng. Mời đám bạn bè của tụi mình tới hát karaoke cho vui. Anh thấy vợ anh có sáng kiến hay chưa?

Hung giở giọng Út Trà Ôn:

- Hỡi ơi, có ai hiểu vợ anh hơn anh nữa??? Ừa, anh thấy cái hỗn danh mà hời anh Thanh với chị Trang đặt cho em "nhỏ Cúc xí xọn" sao mà đúng "một chằm phân chằm"...

Cúc véo vô bắp về Hung một cái đau điếng:

- Cho chừa cái tật nói xâu vợ! Thôi, ra coi hockey đi cho em dọn dẹp.

Chuyện chị Trang hạ hời phân giải.

Hung đứng lên một cái rột:

- Xin tuân lệnh... bà lớn!

Cúc trợn mắt:

- Nè, bộ muốn có... bà nhỏ hay sao mà bữa nay phong tui lên chúc bà lớn vậy cà? Nói thiệt đi cho tui liệu... mua xăng!

- Chi vậy cưng?

- Chèn dec ời! Bộ anh quên chuyện cô Hườn rồi hả?

Nghe tới đây Hung vội vàng đưa tay lên trời:

- Xin Thượng Đế làm chứng cho con. Đời con chỉ yêu có một nàng. Đó chính là "cô Cúc xí xọn"!

Cúc cười xòa:

-Thôi được rồi. Tha cho anh.

Hai đứa nhỏ đưa mắt nhìn nhau: Thiệt hết ý hai cái ông bà già này!!!

Còn đây là cảnh vợ Nam chồng Bắc đang âu yếm cũng bằng ngôn ngữ ồm ờ, vui nhộn trong truyện ngắn "Tiếng Hót Vành Khuyên". Ông chồng có lẽ là Bắc di cư sống lâu ngày trên đất nước Nam Kỳ Lục Tỉnh, cố tập nói tiếng Nam Kỳ cho đẹp lòng người vợ gốc Nam Kỳ. Nhưng đương sự nói không hoàn toàn bằng ngôn ngữ Nam Kỳ, thỉnh thoảng chen một vài tiếng Bắc. Điều đó cũng như trong mớ giá sống có lẫn lộn vài sợi rau muống chẻ:

Sáng hôm sau dậy trễ, Mai ra bếp đã thấy Tiến đang ngồi nhâm nhi ly cà phê phin bốc khói thơm lừng, vừa đọc báo. Thấy vợ ra Tiến buông tờ báo xuống hỏi:

- Làm gì mà đêm qua cứ lẫn lộn hoài vậy cưng?

Mai bung ly cà phê của chồng uống một hớp:

- Nghe bài "Trường Làng Tôi", em nhớ tới những mái trường xưa dưới quê lúc còn nhỏ. Nhớ muốn chết luôn!

Tiến giả bộ hốt hoảng:

- Ấy ầy, nhớ thì cứ nhớ nhưng đừng chết. Bỏ tui cu ky một mình tội lắm à nha!

Mai xì một tiếng:

- Người ta nói vậy thôi, chớ bộ ngu sao chết! Còn anh nữa, sao không bao giờ em thấy anh nói nhớ về miền Bắc?

Tiến lấy giọng bí hiểm:

-Ồi giờ, bà xã yêu quý, bộ bà tưởng ông chồng bà có trái tim bằng sắt hay sao chứ? Nhiều khi tui nhớ da nhớ diết cái xứ Hưng Yên. Nhất là vào mùa hè, mỗi khi bà mua nhãn về ăn, là lòng tui đứt ra từng đoạn (?) vì nhớ tới mấy cây nhãn ngon không thể tả trong vườn bà ngoại ngày xưa...

- Thơ mộng dữ hôn! Nhớ gì mà không nhớ, chỉ nhớ mấy cây nhãn!

Tiến cười hà hà:

- Cung ơi, cổ nhân có phán rằng: có thực mới vực được đạo. Chà, nói đến đây anh lại cảm thấy đói bụng. Thôi, đi hâm nồi bún riêu đi cung.

Mai vừa mở tủ lạnh vừa nói:

- Thưa ông tướng có ngay. Trong khi chờ đợi, gọi dùm mấy nhóc tì ăn luôn.

Tiến đứng dậy cái rụp:

- Xin tuân lệnh bà nội... tướng!

Ngôn ngữ và nghệ thuật đối thoại trong các tác phẩm truyện ngắn của Tiểu Thu là thứ ngôn ngữ phổ thông trong giới trung lưu cấp thấp trở xuống, nhưng vì chúng duyên dáng quá đổi nên giới thượng lưu dùng để đùa nghịch cùng với những bạn bè chí thân hay trong khuê phòng với người yêu của mình. Chỉ có Lê Xuyên hồi trước 1975 và Nguyên Đức Lập ở hải ngoại mới đạt được thứ ngôn ngữ và nghệ thuật đối thoại thăm thiết hồn thiêng đất nước Nam Kỳ như thế. Bên phái nữ chỉ có Tiểu Thu mà thôi. Xin đọc tiếp đoạn chót của truyện ngắn "Mình Ơi!":

Tối đó, dọn dẹp xong xuôi, vợ Tư vô buồng ngồi trước bàn phấn, xoa mớ tóc đen mun ra chải. Cậu Tư vô sau, rón rén tới đứng sau lưng vợ, đưa tay vén mớ tóc, cúi xuống hôn lên cái gáy trắng ngần như ngó sen. Vợ Tư dựa đầu vô ngực chồng, cặp mắt lim dim, cảm thấy niềm hạnh phúc dâng lên rào rạt. Có tiếng cậu thì thầm bên tai:

- Anh có cái này tặng cho mình. Anh đưa trước để tới Tết mình đeo.

Nghe nói vậy vợ Tư bừng mắt, ngồi thẳng lên. Trên tay cậu Tư có cái hộp bằng nhung đỏ. Cậu mở nắp hộp, đưa tới trước mặt vợ. Đôi bông tai nhận hột xoàn chiếu lóng lánh. Vợ Tư cầm cái hộp từ tay chồng mà cảm động đến nghẹn lời. Cặp hột xoàn nhỏ hơn đôi bông hồi xưa bà Hội Đông Đáng đi cho vợ rất nhiều. Nhưng đây là quà tặng của người chồng mà vợ thương yêu nhứt đời. Nhớ lại hồi đám hỏi rồi đám cưới với cậu Tư, bà Cả cho vợ đồ trang sức bằng vàng y. Bạn bè, chị em trong gia đình ai cũng chê là nhà quê, nhưng vợ đâu có thèm để ý. Miễn vợ lấy được cậu Tân là hạnh phúc rồi. Những thứ khác chỉ là chuyện nhỏ! Bây giờ vợ đã có hột xoàn để chung diện với chị em. Có thua gì ai đâu? Hột xoàn lớn nhỏ thì quan trọng gì, miễn cậu yêu thương nhau nồng nàn là đủ.

Mợ Tư đưa cặp mắt ướt rượt nhìn chồng thổn thức:

- Mình ơi, Tết này em là bà vợ sung sướng nhứt. Em sẽ đeo đôi bông này cho mấy con em xí xọn của em hết chê bai nhún trề. Tụi nó chê em đeo vàng quê quá là quê! Cám ơn mình.

- Cám ơn suông thôi sao? Phải có cái gì cụ thể hơn mới được.

Cậu Tư vừa nói vừa mơn trớn bờ vai tròn trịa của vợ. Mợ Tư đặt cái hộp nhung lên bàn phấn, quay lại đưa hai cánh tay nuột nà ôm lấy cổ chồng nũng nịu:

- Mình biết lúc nào em cũng chiều mình mà... Mình thích là em vui rồi.

- Vậy anh tắt đèn à nghe.

Cầu vừa dứt lời thì ngọn đèn ống khói để trên bàn tắt phụt. Trong phòng vẫn còn sáng lờ mờ của ánh trăng mười sáu chiếu qua rèm cửa sổ. Còn mười lăm ngày nữa là Tết, mợ nghĩ thầm. Chưa bao giờ mợ mong cái Tết đến sớm như bữa nay. Cậu Tư nửa đùa nửa ảm vợ lại giường.

Có tiếng mợ Tư cười khúc khích, rồi kêu lên: Mình Ơi!!!

Vẫn là một đề tài cũ của các cây bút viết truyện đồng quê, vẫn là cách diễn tả nghịch ngợm với giọng điệu líu lo của tác giả, nhưng cái hấp dẫn của câu truyện như lúc nào cũng mới đối với kẻ ta hương ôm nặng tình cái cổ hương thuở còn bán khai với tập tục cổ truyền và với cái tình cảm đơn giản mà lại được đà tình ý thiết tha của dân tộc.

Những truyện ngắn của Tiểu Thu giống như truyện dài của Hồ Biểu Chánh, của Duyên Anh, của Nguyễn Đình Thiều đều có ngôn ngữ điện ảnh (langage cinématographique) từ diễn biến câu chuyện đến lời đối thoại. Nếu nhà viết kịch bản (le scénariste) nào đó có thể kéo dài một ít chi tiết trong truyện thì có thể đưa cho điện ảnh gia thực hiện thành một cuốn phim với đủ hỉ, nộ, ái ố. Điều này thì đâu phải là vấn đề khó khăn. Những truyện dài án mạng của nữ sĩ Agatha Christie có thể thực hiện thành phim dễ dàng đã đành, mà truyện ngắn "Le Miroir" của bà chẳng hạn khi thực hiện thành phim qua sự diễn xuất của nữ minh tinh Jane Seymour cũng hay luôn!

Những nhà văn nữ thường có vài tật chung: nếu sắc diện họ không ngoạn mục, để bù đắp sự hụt hẫng về phương diện tâm lý, họ chăm sóc và trang điểm câu văn nếu không làm đáng trí thức cũng o bế cho ngôn từ hoa lệ, chuốt ngót văn phong cho uốn éo cầu kỳ. Và có nhiều bà rất tiện tặn về cách ăn xài, nhưng không bao giờ tiết kiệm về chuyện phô trương kiến thức lẫn phong độ trí thức của mình.

Tiểu Thu không như thế. Khi viết văn chị không thích lối văn uyển chuyển đến độ ưỡn ẹo, chị không tô điểm màu sắc đến độ lòe loẹt rườm rà cho văn phong của mình. Đúng là lối viết Nam Kỳ, hơi cẩu thả một chút, nhưng cực kỳ phóng khoáng. Chị nghĩ sao viết vậy, văn viết gần giống văn nói 80 %. Chúng ta có thể liên tưởng đó là những loại man thảo bò chằng chịt trên mặt đất hoặc leo trên lùm bụi cây khô còn trơ những nhánh chà. Nhưng mà, man thảo có loại dẻo dai hơn thép như dây choại, dây mây trong rừng tràm Cà Mau âm u. Man thảo có những loại trổ hoa đẹp như dây bìm, dây sắn với bông hoa hình chuông màu xanh thủy ngọc hay mau tím nhạt, như dây phấn trang trổ hoa màu hồng đào kết từng chùm. Man thảo cũng có loại trổ hoa thơm ngát không kém lá loài phương thảo; đó là dây thiên lý với chuông hoa màu xanh nõn, như dây dạ lý hương trổ từng chùm hoa ngọc thạch lún phún như pháo bông...

Trong cuộc bút trình trơn như mỡ, lưu loát như tuôn mưa rào rào trên mái ngói mái tranh, Tiểu Thu dựa vào kỷ niệm thời con gái để làm sống lại hình ảnh cố hương. Trên đất nước định cư ở hải ngoại, rất có thể vì cuộc sống hối hả, chúng ta quên biết bao hình ảnh giang sơn gấm vóc trên cố hương. Nhưng chúng như những mảnh thủy tinh của lọ, của chén đĩa bị vứt đâu đó trong bụi rậm hoang sơ, mà bình thường chẳng ai để ý đến. Nhưng rồi một phút hoài niệm hiển linh nào đó đến mạch cảm hoài chúng ta. Nó như ánh nắng tơ vàng, như ánh trăng trắng êm dịu chiếu sáng lên những mảnh vụn thủy tinh ấy. Chúng nổi bật lên, sáng lóng lánh như được giát vàng giát bạc. Những cái vụn vật hèn mọn kia trong lúc được ánh nắng hay ánh trăng chiếu cố tới, kêu gọi chúng ta nghĩ về sự hiện hữu và sự trường tồn của chúng. Cũng thế, văn chương của Tiểu Thu đúng là ánh nắng, ánh trăng soi từng mảnh vụn của cuộc đời chị, biến chúng thành mẫu số chung cho biết bao hồi ức và tình hoài hương của kiều bào trên đất khách.

CHƯƠNG 7: PHƯƠNG TRIỀU, NGƯỜI LỮ HÀNH ĐI VÀO BÍ NHIỆM CUỘC SỐNG QUA THI TẬP

Sa Đéc là một tỉnh nhỏ xinh xinh nằm bên bờ Sa Giang êm đềm, một phụ lưu của dòng Tiền Giang. Tôi không nghĩ rằng đây là một chốn địa linh nhân kiệt. Nhưng về nghệ thuật sân khấu, nữ nghệ sĩ Năm Sa Đéc được vang danh khắp Nam Kỳ Lục Tỉnh. Bà nổi danh từ bộ môn hát bội, rồi hát cải lương, sau hết là ở lãnh vực thoại kịch và điện ảnh. Bà là kiện tướng của nghệ thuật trình diễn không nhờ thanh sắc mà ở nghệ thuật diễn xuất. Nhắc tới bà, chúng ta nghĩ tới nữ nghệ sĩ Françoise Rosay của Pháp, hay nữ nghệ sĩ Marguerith Rutherford của Anh, Judith Anderson của Mỹ. Và ngoài ra, vào đầu thế kỷ 20 có 2 tay kiện tướng khoa bản như Luật sư Trần Ngươn Hanh, Kỵ sư Lưu văn Lang (xuất thân từ trường Đại Học Bách Khoa Trung Ương tại Pháp). Về văn chương trước năm 1975 có Sa Giang Trần Tuấn Kiệt nổi tiếng về thơ. Bên văn xuôi có chị Linh Trang (tác giả tập truyện Mưa Chiều) và Phương Triều. Nhưng lúc đó công việc sáng tác của họ chỉ như hoa chớm nụ, trăng vừa tròn gương. Cả hai chỉ tung hoành bên báo chí nhiều hơn.

Vận nước đổi thay, cơ trời xoay chuyển. Khi ra hải ngoại, bên văn xuôi, hai nhà văn gốc tỉnh Sa Đéc là Nguyễn văn Ba, nữ sĩ Tiểu Thu tung ra những tập truyện viết về phong tục trên đất nước quê hương với bút pháp dí dỏm nồng mặn. Còn Phương Triều bắt đầu khởi sắc ở nghệ thuật sáng tác thi ca. Bởi anh không cộng tác với các báo văn học nổi tiếng như Văn, Văn Học, Thế Kỷ 21, Khởi Hành v.v... nên không được giới sành điệu biết đến nhiều.

Văn nghiệp của Phương Triều gồm có: Còn Nhớ Còn Thương (tập truyện, 1966), Tiếng Hát Hoàng Hôn (tập truyện, 1966), Sầu Hương Phấn (tập truyện, 1972), Thơ Phương Triều (thi tập, 1995), Trăm Bài Thơ Xuân (thi tập, 2000), Xóm Mộ (thi tập, 2001), Giọt Sữa Đất (thi tập, 2002). Và sau hết là Xương Rồng Đen (thi tập, 2004).

Xếp lại tập thơ Xương Rồng Đen, tôi bắt đầu ngáp đã dưới. Không phải tôi không thích thú khi đọc nó. Không phải tôi chán ngấy với cái ý tình huyền bí mông lung của anh. Không phải thơ anh không mở cho tôi một cánh cửa, một lối đi, một dòng sông để tôi viễn du vào trong đó. Tôi chỉ sợ khi bình thơ anh, tôi không đủ khả năng diễn tả cái cảm nhận của tôi đối với thơ anh.

Những bạn văn của tôi như 2 nhà thơ nữ Thụy Khanh, Nguyễn Thị Thanh Bình và anh Vũ Tiến Lập có cho tôi biết Phương Triều là một trong các nhà thơ trội nhất trong các nhà thơ gốc Nam Kỳ hiện định cư khắp bốn phương trời hải ngoại. Anh dù không thể song hành với Trần Tuấn Kiệt, Tô Thùy Yên khi còn ở trong nước, nhưng anh vẫn bước vào loại thơ có lác đác một vài tư tưởng mà vẫn giữ nguyên vẹn vóc dáng và cốt tủy của thơ. Anh không có sở tri thâm hậu về Phật pháp như Võ Chân Cửu qua các tập thơ Đại Mộng và Thăng Lai Thi, không thuần túy sáng tác loại thơ bề ngoài là Trữ Tình Ca, nhưng bên trong chói rạng tinh thần Bát-nhã chẳng hạn như Như Chi Lê Thị Hiền (qua thi tập Thơ Hiền). Tuy nhiên, thơ anh vẫn phảng phất bóng dáng tư tưởng về cái ảo ảnh của cuộc phù thế, về cái khao khát niềm hạnh phúc vĩnh cửu của con người qua thơ của Ngô Nguyên Dũng, của Đặng Thị Quế Phương.

Có một điều đáng nói là các thơ gốc Nam Kỳ là Phan Ni Tấn và Lâm Hảo Dũng dù không phải là thơ tư tưởng mà là thơ cảm hoài, nhưng thơ của cả hai phản ánh được tâm trạng thế hệ của một lớp người khổ đau, chịu nhiều hệ lụy, chứng kiến biết bao cảnh tang thương và chịu nhiều mất mát về phương diện tinh thần. Cũng vậy, cái đề tài của thơ Phương Triều cũng không thoát ra ngoài cái quỹ đạo của hai anh Phan, Lâm để tạo cho mình một cương vị sáng sủa trong thi giới. Một lẽ dễ hiểu: anh đã từng sống đọa đầy dưới chế độ mới, đã nghiệm chứng được cái đau khổ của con người mình bị tước đoạt, đã chứng kiến mọi giá trị tinh thần bị cơn bão thời đại làm sụp đổ. Anh cũng đã đau khổ vì mọi cái quý báu của lý tưởng, của những giấc mơ vừa chớm hình thành mà vẫn chưa có cơ hội nào thực hiện nổi nên đành bị dập tắt một cách tức tưởi. Riêng thi tập Việt Nam Thương Khúc của Kiệt Tấn là một tác phẩm của dân tháp ngà học đòi làm giang hồ kiếm khách, làm chiến sĩ xông pha trước mũi đạn lần

tên. Dương sự chỉ dùng lời thơ song thất lục bát viết lại những thảm trạng trên quê hương qua các sách vở, chớ không có dịp dấn thân vào cuộc sống vào thời giông bão nhiều như ông. Đó là dương sự làm thơ qua đồng tài liệu chết, qua những câu truyện truyền khẩu được tượng trưng bằng những cái xác ướp lâu đời trong các ngôi cổ mộ. Đã vậy, ngôn từ của thơ anh ta ít có công phu sáng tạo, ngôn ngữ thơ thiếu chất men quyến rũ. Tập thơ này thua xa tác phẩm đầu tay rất dễ thương của dương sự là tập thơ *Điệp Khúc Tình Yêu Và Trái Phá*.

Trở về thi tập *Xương Rồng Đen*, trong số chúng ta sẽ có người tự hỏi: Những tư tưởng nào mà được Phương Triều đưa vào thơ? Triết lý hiện sinh hay triết lý nhân bản? Phật pháp hay triết học Lão Trang? Thật khó xác định được. Thơ anh bàng bạc nhiều thứ tư tưởng triết học lẫn tâm linh, không có tư tưởng nào rõ nét và kéo dài tràng giang đại hải. Có như thế tư tưởng trong thơ anh khỏi trở thành một thứ vay mượn lộ liễu. Song mọi tư tưởng anh đi vào thơ không nhắm vào cái rỗng rang khuỷu của hiện tượng, mà như những mũi tên nhắm vào bản thể hiện hữu. Nếu nhà văn hay nhà thơ cứ đào xới cái uyên chuyên, cái éo le, cái phức tạp của hiện tượng thì chỉ có thể khai thác những nhân sinh quan của mình. Đi vào bản thể, người cầm bút mới đào sâu vấn đề triết học và tư tưởng tâm linh. Chúng ta thử đọc bài khai đề cùng tựa với thi tập của Phương Triều: *Hoa Xương Rồng Đen*:

Bụi xương rồng trong chậu

Nở được nụ hoa đen

Mong đợi kẻ thấp đèn

Soi mặt mình hơn hờ!

*

Mùa đông tưới nước sôi

Mùa hè dội nước đá

Hoa xương rồng nghiêng ngả

Theo vận đời nổi trôi...

*

Buổi tối ma vương về

Nhìn quanh cười hả hê

Gai xương rồng có thật

Nhưng hoa là cơn mê!

(trang 3)

Đây có phải là bản tuyên ngôn ẩn núp sau bài thơ giáo đầu cho ý tình trong toàn thể thi tập chăng? Hoa đen chỉ là cơn mê biểu tượng cho cái gì và điều gì? Gai nhọn có thật thì lại được ẩn dụ cho cái gì và điều gì? Có phải chăng cuộc đời dưới ánh sáng Bát-nhã của nhà Phật là cơn đại mộng đầy đây hoàn cảnh đen tối để trở thành ác mộng đối với kẻ lún sâu vào cơn mê lầm? Cuộc đời vốn là huyền mộng và bởi nó là mộng nên các chúng sinh mới thấy nỗi đau khổ, mọi tai ương hoạn nạn (những gai độc đấy!) đều là có thật.

Trong thi tập *Xương Rồng Đen*, tư tưởng nhà Phật bàng bạc ở rất nhiều câu thơ hoặc ở nhiều đoạn trong bài thơ. Tác giả không đề đầu đề cổ Phật pháp để ép uổng chúng vào thi ca đâu. Một khi ngọn bút anh nở hoa, bóng Phật và bóng Bồ-tát nườm nượp hiện về. Dù là cái bóng, dù dưới thiên hình vạn trạng khác biệt nhau đều sản sinh từ một thực thể cả.

Xuôi mát dòng sông chưa thấy biển

Nghe chừng chân trượt hóa hư vô

Lỡ tay mọi hết từng mê hoặc

Từ đáy hồn reo tiếng bão xô!

*

Rót bao nước đủ cho đời khát?

Rửa mặt hiền nhân đặc sấp khô

Kéo thêm chỉ nôi điều hoan lạc
Dầu một trùng dương cũng hải hồ!

*

Cho chút trăng xưa về bến cũ
Mắt già thôi lạnh nếp khăn sô
Tiếng ai âm ỉ ngày chiêu niệm
Còn chút từ tâm cũng ý đồ!

*

Ghé qua hương gió cười xanh mộng
Ngọn tóc hài nhi nắng nhấp nhô
Đời bắt đầu dư năm tháng lạnh
Như đời có thật giữa hư vô!

(Có Thật, trang 57)

Cái mà chúng ta thấy biết qua năm giác quan, qua khái niệm chỉ là cái thấy biết dựa trên cái vô thường huyền hoặc. Cho nên tác giả hoài nghi những khuôn mặt thánh hiền chỉ là cái mặt nạ bằng sáp. Con người vốn có dục vọng to tát và bất tuyệt thì làm sao họ nắm bắt sự thật tuyệt đối. Ngay cả cái chút từ tâm của con người chưa chắc phải là lòng bác ái chân thật mà là một ý đồ cầu danh hay cầu lợi gì đó. Cuộc đời ở cõi Ta bà này không phải là cái có thật tuyệt đối vì trong sắc có không, trong không có sắc (như đời có thật giữa hư vô). Nếu hiểu được như thế, chúng ta mới có thể khởi hành vào chứng ngộ.

Lộn đêm thành giấc ngủ ngày
Kéo theo bóng mộng mệt nhoài giữa trưa
Nắng vàng chưa kịp xanh dưa
Đã rơi rụng xuống chỗ vừa mưa qua!

*

Mời trăng ngủ nán hiên nhà
Tiếng thơ thủy mặc hương trà thủy tiên!

*

Bút đầu vẩy mực hảo huyền
Vung tay vẽ lối đào nguyên kẹt đường!
Xe đồ chạy sớm tinh sương
Bồn binh kẻ chợ thảm thương vật vờ

*

Lạc từ ngọn cỏ phát phơ
Tùng con bướm mộng bơ vơ giữa đời...

(Bóng Mộng, trang 8)

Bài thơ nói lên cái trái trắc đảo điên trong cuộc sống Trong cõi phù du nhồn nháo và trái trắc đó, có những điều chưa kịp thành hình mà phải chịu cảnh dập tắt một ách tức tưởi (Nắng vàng chưa kịp xanh dưa / Đã rơi rụng xuống chỗ vừa mưa qua). Ở đây chúng ta có thể nghĩ đến những con người chưa kịp trưởng thành mà phải yếu mệnh chết non. Và cũng trong cõi ấy, mọi thương ngoạn, mọi sáng tác của người nghệ sĩ cũng trở nên huyền hoặc và sa vào ngõ bí (xin đọc phân đoạn thứ 2 của bài thơ). Nhưng dù có bị đưa đẩy bởi nghiệp lực như ngọn cỏ phát phơ trong gió, con người vẫn cứ mộng, chưa thức tỉnh để nhận diện cái bản lai diện mục của hiện hữu (xin đọc hai câu cuối của bài thơ).

Từ đó vong thân vào nghiệp chướng
Mặt đời ràn rụa bóng chiêm bao
Đêm đen trông mắt ngày râu trắng
Tùng lớp môi khô bật máu đào.

*

Xúm nhau diễn tới cùng im lặng
Rồi bật cười như mới được đau!
Neo hồn thương tích vào thương tật
Rồi lại buồn như chẳng thể nào....

(Nẻo Hồn, trang 85)

Như thế, còn mê là còn trầm luân trong bể khổ. Đây là hồi chuông cảnh tỉnh giống già của Đức Phật đưa con người tránh khỏi Neo hồn thương tích vào thương tật / Rồi lại buồn như chẳng thể nào....

Con người nếu có cuộc sống bình ổn, nếu mọi ao ước của ai đó được thực hiện bằng cách này hay cách khác, đương sự thường sẵn tìm những mộng ước mới. Y ta không có thời giờ nhìn sâu vào những hiện tượng của mọi hiện hữu trong cuộc đời hướng hồ là cái bản thể chung của mọi hiện tượng. Chính những con người đau khổ mới có dịp tư duy, mới có dịp nhìn sâu vào những hiện tượng tiêu cực của đời sống: những tai ương, những đau khổ, những tan vỡ của mọi ước vọng, những tranh chấp và mâu thuẫn trong xã hội, cái phù du huyền hoặc của kiếp nhân sinh... Do đó, họ tìm tòi ra cái nguồn gốc tiêu cực lẫn tích cực chung của vạn hữu. Từ đó, vấn đề tâm linh và vấn đề triết học mới được họ quan tâm. Ở trường hợp Phương Triều, dưới chánh thể Việt Nam Cộng Hòa ở Miền Nam Việt Nam, anh sống tương đối thoải mái. Nhưng sau cuộc đổi đời kể từ sau ngày 30/ 4/ 1975 cho tới khi ra hải ngoại, cuộc sống của anh đã trở thành khổ ải lầm than. Anh mới có dịp nhìn sâu vào cái góc rẽ của niềm bất hạnh mình, cái trầm luân của nhân sinh. Dù có tiếp xúc với 2 bộ môn triết học và tâm linh hay không, anh vẫn phải tìm cho mình một hệ thống nhân sinh quan nào đó để trực diện với hoàn cảnh mới, để đương đầu với mọi trắc trở trước một cuộc sống tối đen đầy chàm bầy. Do đó, thơ anh không còn đơn giản và thâm uớt mạch trữ tình im lặng nữa. Nó lột xác thành một loại thi ca có chiều sâu hun hút, choáng ngợp cái bí nhiệm của cuộc sống.

Khi giấc ngủ không còn mộng được
Trái trời xanh rụng trắng mặt đêm hoang
Tiếng trống vọng xôn xao vào ngõ ruột
Vỗ hồn khon thẳng thốt gọi trắng tàn!

*

Cuối lưu vực sỏi chao dòng nghịch thủy
Vác nhục nhần sông lặng xuống đa mang
Tay cỡi thể nổi mưa vào đợt nổi
Bởi kỳ dư gốc gác đắm sương tan!

*

Tay vấy đậm những lần rơi rớt vụn
Người vô tư ngồi giữa mộng vô vàn
Miếng vinh nhục mấy khi mà lơ lảo
Chút dây thông sao thắt đủ nghiệt oan?

*

Tiếng trống chợ tưởng đâu mùa tựu học
Cắt trầm luân chia đủ giọng rao hàng
Ông Tám hôm qua bà Ba bữa trước
Tắm rửa bao lần chưa tới được cao sang!

*

Chơi bản ruột sao đờn theo trật ý?
Rớt nhịp mơ hồ sao cất giọng lên ngang?
Bao tội vạ đổ lên đầu tội nghiệp
Nước sông đầy sao đáy ruộng khô khan?

(‘Bản Ruột, 50, 51)



Chúng ta hãy ngưng bước viễn du vào các lãnh vực tư tưởng, hãy hượm dừng vội vào các môi trường nhân sinh quan của nhà thơ Phương Triều. Bây giờ có nhiều người tự hỏi: Phương Triều oằn vai gánh vác tư tưởng vào thơ, nhưng thơ có chấp nhận chúng không? Thơ anh có bị dị ứng với những ý tưởng chỉ có thể hiện diện trong các cuốn biên khảo triết học và tâm linh không? Có phải đó là những ý tưởng không thể phù hợp với môi trường thi ca làm cho thi ca không thể tiêu hóa chúng nổi và phải thượng thổ hạ tả chúng ra ngoài không? Xin thưa, Phương Triều trước khi đưa tư tưởng hay nhân sinh quan vào thơ của mình thì anh đã biến ngôn ngữ của hai môn học khô khan ấy thành ngôn ngữ tạo hình rất gợi cảm và thơ mộng, tức là ngôn ngữ của thơ. Như thế, đã là ngôn ngữ thơ thì lẽ nào lại chui vào thơ một cách khó khăn hay sao? Lẽ nào con cá không thể chuôi vào nước để được bơi lội vẫy vùng hay sao?

Nhưng mà ngôn ngữ thơ của Phương Triều không quá giản dị, bộc trực và nhất là không suông đuột như thân thể cô gái già ốm yếu chẳng có ngực, không có hông tức là không có nét gồ ghề ngoạn mục gì ráo trọi. Trái lại, nó được canh tân, được cải tiến, được mỹ lệ hóa để được trở thành một thứ ngôn ngữ thuần óc sáng tạo, thuần túy... phương triều, không trùng lẫn ngôn ngữ thơ của ai khác.

Xé một chỗ mọc lành trăm ghẻ lạnh
Đêm địa cầu da thịt đất đâm gai
Bầy rập vô tư khuôn vàng thước ngọc
Chân đạp nhằm bóng mộng xác xanh phai.

*

Mưa hào sảng hù từ trên miệng thê
Nụ cười đen xối xả mặt u hoài
Một lẽ sống có muôn vàn nhiều sự
Thân nhọc nhằn lê lét nổi chua cay!

*

Người dờ chết mím môi ghìm ngán lệ
Kẻ tồn sinh hồi hộp thở hương phai
Mặt thỏ hôm qua mặt mèo hôm trước
Thêm miệng lẫn lưỡi mỗi giọng bi ai!

*

Cá ngộp thở ngậm rong vàng giữa bụng
Kịch trường đen chợt trắng mặt bi hài
Nói tao vớng ru xanh ngày tĩnh mịch
Chút tàn tro lò lò máu xương ai!

*

Chưa kịp tới tương đâu còn kịp lúc
Tới kịp rồi hồi hộp chỗ lung lay!...

(Nụ Cười Đen, trang 148)

Đây là một bài thơ đưa chúng ta đối diện với cái bi đát của con người, cái ngang trái nhục nhằn của cuộc sống, cái thảm thương của những kẻ lao thân vào cạm bẫy tai ương, chắc có lẽ vì mê say một ảo ảnh nào đó. Ngôn ngữ thơ mờ mờ nhân ảnh, xen vài câu thơ huyền bí rất thơ rất mộng chẳng hạn như: Nói tao vớng ru xanh đời tĩnh mịch. Nhưng nó cũng không hủ nút như thơ của nhóm Xuân Thu Nhã Tập, như thơ của Bùi Giáng. Nó được che phủ bởi một màn sương mỏng, vừa đủ để hiện le lói những châm đèn lửa quạnh hiu. Có vậy, nó mới làm cho hơi thơ thêm se sắt ngậm ngùi, làm cho ý tình thêm thâm thúy, và nhất là khơi dậy óc liên tưởng của người đọc thêm dằng dặc bao la. Chúng ta ngỡ ngợ ẩn sau mặt chữ, tác giả còn có điều gì muốn nói mà không thể nói ra vì chữ nghĩa vón bắt lực, chưa đủ

khả năng diễn tả những ý tình, những thâm u ẩn mật của sự thật toàn vẹn và rốt ráo.

Vũng đục trắng nghiêng ngày nước cạn

Mặt bùn ửng lại sắc nghi trang

Dò ra tăm tích đường đô hội

Vỡ vụn trăm lần một nát tan!

*

Có phải thêm xưa thành vũng mới

Hay bóng đời trôi vào ngõ hoang

Bàn tay buồn bã rời gương lược

Mà hốt đầy vơi chút bụi tàn?

*

Nhặt cánh hồn trôi vào vạt ruộng

Gói tròn cơ cực ủ lấm than

Mắt vô sinh ngó trời hoang mộng

Sao bật rèm mi ngấn lệ tràn?

*

Chân mây chạm rạt triền vai gió

Làm bật đường tơ khúc lở làng

Mặt bùn nhuộm ánh trắng khuya lạnh

Người gượng vui cùng khóc lạc quan!...

(“Chân Mây, trang 73)

Ở đây, ngôn ngữ thơ đen đậm đặc hơn, nhưng cách sắp xếp chữ vẫn tinh vi và gợi cảm như ngôn ngữ trong toàn thi tập, hình ảnh được săn tìm và chọn lọc cho thơ vẫn quyến rũ như tự bao giờ. Đó là ngôn ngữ dành riêng cho thơ, mà phải là thơ của Phương Triều. Chẳng hạn: Bàn tay buồn bã rời gương lược / Mà hốt đầy vơi chút bụi tàn. Và chẳng hạn: Nhặt cánh hồn trôi vào vạt ruộng/ Gói tròn cơ cực ủ lấm than. Tôi đồ ai giải thích những câu thơ đẹp ấy cho đúng ý tình của tác giả. Và dù chúng ta không HIỂU THẤU nhưng ai cảm chúng ta không CẢM NH

N? Cái hiểu thấu chắc gì thù thắng bằng cảm nhận dù hai cái đều là những cái tiếp thu hay hấp thụ vạn hữu bằng trực giác.

Mai đi một lại ngập ngừng

Quay ra chưa kịp nửa chừng trở vô

Ván đầu đầu đã tri hô

Chút thương tích cũ hồ đồ kêu oan!

*

Bé em nhỏ nhẹ tiếng đàn

Sao tung bừng những rộn ràng tới lui?

Nén buồn nhẩn nhẹn mua vui

Tới khi vui lại bùi ngùi nỗi riêng!

*

Ghép lòng theo mảnh biển thiên

Thấy nhau hồi hộp ngửa nghiêng tác lòng

Nửa ngoài còn ở ngoài không

Nửa trong ở trong sao còn trông tròn?

*

Nỗi đời chỗ thiệt chỗ hơn

Chút hơn thiệt cũng giận hờn thiệt sao?

Không từ không thể có nhau

Nên không đâu có thể nào cũng không!

(Cũng Không, trang 151)

Đi hay ở, được hay thua, đừng vội hồ đồ la toáng lên. Buồn hay vui đều tùy lúc, có khi buồn mà phải giả bộ vui; cái vui đó không thật. Có khi vui, nhưng trong cái vui đó còn lớn vớn cái ngậm ngùi riêng tư. Thôi thì hãy tùy theo cái biến thiên của hoàn cảnh, của thế sự. Vì sao? Vì dưới mắt tác giả cái gì cũng có cái phân nửa ở ngoài và cái phân nửa ở trong. Nhưng anh lại tự hỏi: cái ở ngoài lẫn cái ở trong quả có thật hay không? Ngoài và trong là 2 điều mà tác giả cho chúng ta cái ý niệm về hư vô, về huyền hoặc

o o

o

Lác đác đâu đó, một vài cảnh nghèo cực trong một góc phố u buồn xen vào thơ. Chẳng hạn bài Con Phố Đen vẫn chỉ là một hình ảnh cư ngụ của lớp người ở cấp bậc thấp trong cái xã hội chốn thị thành. Nhưng nó được diễn tả bằng một phong thái mới với ngôn từ mới:

Con phố màu đen ngủ mùa đông xám

Ngách hẹp ngõ tàn chuột chạy bơ vơ

Con phố đêm đêm xong mùi chua rác

Người vắng hơi người thương nhớ ngẩn ngơ!

*

Con phố màu đen ngủ ngày vất vả

Cơn bệnh mùa đông nhuốm mặt xuân sơ

Trên lớp phấn son có màu gió bụi

Ngày xuân xanh... tím lạnh vết bơ phờ!

*

Con phố màu đen vắn mình trốn bão

Bếp lửa xuân về leo lét thờ ơ

Chút cháo hâm chiều húp lại băng quơ!

*

Con phố màu đen rêu dài lưng ngói

Nỗi nhớ thương khô cháy vào ngăn lệ

Đêm gục đầu âm vọng gió se tơ!...

(trang 77)

Bài thơ Hơi Cơm Cháo cũng là một hột trong râu chuỗi thơ hiện thực của Phương Triều. Trước đây, văn hào Dostoevski sống trong hoàn cảnh khó khăn về mặt tài chánh. Ông mới có dịp được gần gũi người thất bại, những kẻ thất thời thất chí; ông lân la với những kẻ bần hàn và nhất là những bậc trí thức có cuộc sống đạm bạc. Đó là những kẻ có óc chống đối với hoàn cảnh hiện tại, chống đối với niềm tin tưởng về phương diện tâm linh, mặc dù các đương sự ấy yêu thương cuộc sống, yêu thương tha nhân và hay thắc mắc những vấn đề siêu hình cùng vấn đề thần linh. Điều này báo hiệu cho chúng ta biết trước cái thế giới văn chương của Dostoevski đầy đầy những nhân vật khó thể thỏa hiệp với đời sống. Họ sống bằng những bản năng thô bạo, bằng khao khát những vấn đề siêu hình; trong bọn họ có lắm kẻ thác loạn thần kinh. Cái phần tối tăm, dữ dằn của họ chiếm rộng trong cái nội giới bị ít nhiều thương tích của họ. Riêng Phương Triều trước năm 1975 chỉ viết những truyện ngắn hiện lành. Sau thời gian bị tù đầy dài dằng dặc, anh còn phải sống thiếu thốn cơ cực dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, gánh vác biết bao hệ lụy oan khiên. Sau khi ra hải ngoại, anh vẫn còn bị ác mộng kinh hoàng trên quê hương ám ảnh. Thi ca của anh lúc đầu còn bát ngát niềm hoài cảm, nhưng dần dần những cơn ác mộng trong tiềm thức đen sâu trời ra đưa đẩy nguồn sáng tác của anh vào trong cái thế giới đen tối hơn, có những cái bí nhiệm kỳ đặc hơn, tạo cho anh một loại thi ca làm bàng hoàng người đọc.

Bài thơ Nước Đen vẫn nằm trong đề tài nói về cảnh nghèo nàn thiếu thốn. Nhưng ở trường hợp này, nó

không phải chỉ là bức tranh xã hội đề tác giả triển lãm cho độc giả ưa thích thơ văn hiện thực hay thơ văn tân hiện thực thường ngoạn mà là để cho những ai thích tìm về những cái siêu hình trong cuộc sống, trong mọi cá thể của thể nhân. Anh đưa bức tranh xã hội vượt cao hơn thơ của trường phái hiện thực hay trường phái tân hiện thực nhiều cung bậc. Xin đọc:

Có loài cỏ còn cao hơn cỏ dại
Nhánh chìa tay đơm những giọt sương tan
Chao ngọn gió thổi ngang bình địa mộng
Dắt hồn lên đường ngược cỏi điêu tàn!

*

Nên bắt chợt lãnh nguyên đôn trái trắc
Đời chơi khăm hay đời vẫn ngược ngang
Người keo kiệt trách than người biển lận
Vớt trắng tàn soi lại ngổ đêm hoang...

*

Nên tự tiện kê môi lên khoe mộng
Hôn phù du náu vội bóng mây ngàn
Mưa gõ lá lại nghe chừng long óc
Rỗ mặt đời xanh ngọn gió cường toan!

*

Bao đói lạnh cứ mong kỳ ngộ lúa
Hột trời cho thành mộng ước cao sang
Đem bán rẻ tuổi vàng cho kẻ chợ
Rồi hồn nhiên ăn uống bữa đàng hoàng:

*

Từ vực kiếp vang vang lời phản nộ
Suối hồn đơn cuộn cuộn nước đen tràn...

(trang 128)

Bài thơ Giấc Lúa phơi bày vài nét khái quát cảnh thiếu thốn của những kẻ ở thôn quê, nhưng nếu ta xếp nó vào loại thơ hiện thực thì không mấy xứng cái tài sáng tạo ngôn ngữ vừa mới mẻ vừa truyền cảm của Phương Triều. Đọc xong bài thơ này, chúng ta có thể nhìn sâu vào cảnh ngộ, vào thân phận con người hơn loại thơ hiện thực:

Thêm như nặng chỗ tay bồi
Hột muối tiện dịp đắng đời khổ qua
Đắng dùm cho ngọt xót xa
Miếng cơm đất lạnh đắng ra miệng người!

*

Thêm vui trên miệng thiếu cười
Trẻ thơ bú mớm nửa vời rụng răng!
Hạ về đất gió xua trắng
Miếng bánh không tưởng cũng bằng không ngo!

*

Thêm mơ vào mộng vật vờ
Ngủ quên giấc lúa sân chờ thóc xưa
Tay chiều chải mượt tóc mưa
Trán sơn thủy ướt chỗ vừa rát đau!

*

Se chung gốc ngọn hồi nào

Tơ duyên rời rã dính nhau chỗ buồn!

(trang 54)

Bài thơ Bóng Tối cũng phơi bày sơ sơ cảnh nghèo, cảnh lọc lừa gian trá, cảnh đổi thay ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông mà tác giả vừa làm chứng nhân vừa lặn hụp sống trong đó. Chính những cảnh đau thương như vậy chẳng những tạo cho anh lối thơ hiện thực có tầm vóc mà còn đẩy nếp tư duy anh đi xa hơn, vào một khung trời tư tưởng để người đọc có dịp chia sẻ với anh:

Đêm ru đường chia nhau bóng tối
Không chắc gì... no đói bữa sau!
Người tắt tả đi để không còn ngồi lại
Thêm bước lạc loài đâu vội có nhau!

*

Thân trúc chẻ ra làm cây tăm nhỏ
Manh áo thời danh mưa gió cũ nhàu
Vết máu mệnh mông chảy từ vết bụi
Hồn bút vật vờ rỏ mực thương đau!

*

Kẻ sĩ xuôi tay kê đầu lên sóng
Mẹ trùng dương về rửa mộng hư hao
Đứa trẻ năm xưa mặt mày non nớt
Giờ nhăn nheo cần cỗi giống quân nào!

*

Treo bảng phân bán rao đồ giả hiệu
Thiếu viện mồ côi thơ ấu bôn đào
Lão pháp sư buồn sửa câu thần chú
Lờn mặt từ trong tiếng gọi mây tao!

*

Người xếp ga chiều đón thêm tàu chợ
Thiên hạ âm thầm bán rẻ đời nhau
Kết học đôi ngày thành danh hốt bạc
Chúa chồm quay về vay nợ ăn khao!

*

Khói cay rộ niềm đau của củi
Tre già khô che ngọn bích đào
Thế kỷ hoang mang từ năm thứ nhứt
Người sống thiệt thà giống chuyện tào lao!

*

Người còn đốt lá soi tìm thanh sử
Bảng hiệu đèn khuya sáng rộ chỗ nào?

(các trang 136, 137)

◦ ◦

◦

Thơ Phương Triều trong thi tập Xương Rồng Đen có rất nhiều vấn đề để tác giả bày giải nỗi u tư của mình. Nói thế các bạn sẽ thắc mắc bút giả: Ủa ngộ dữ không! Làm thơ là để hưởng cái đẹp của cuộc đời, để được hạnh phúc trong nếp sống thường nhật, để tinh thần được thăng hoa vào cõi mộng tuyệt vời, vào bầu tâm cảnh không còn liên lạc với đời sống bon chen, hỗn độn và lảm than này. Có sao ông lại dám cho rằng Phương Triều trông cái trọng lương nặng nề vào thơ như người nông phu trông cái ách vào cổ con trâu? Làm thơ và viết văn là để thưởng ngoạn chứ đâu phải để suy tư. Sao ông cầu kỳ,

phiên phức và rườm rà như vậy?.

Xin thưa, khiếu thiếu ngoạn của những kẻ sành thơ bây giờ đã đổi khác, đâu quá đơn giản như kẻ làm loại thơ tô hồng chuốc lụy cho ảo tưởng mình độc giả như thơ của trường phái duy mỹ vào thời đại xa xưa nào đó. Nó thích những cái gì phản ánh được những điều bí nhiệm của cuộc sống, ngoài cái sinh hoạt của xã hội hiện tiền. Nắm bắt được những điều đó, chẳng những người sáng tác sung sướng ở công trình khám phá của mình mà những độc giả cũng khoái lạc vì kiến thức mình được bồi bổ. Độc giả lại còn tưởng chừng mình có thể tìm được một vài cánh cửa để phóng mắt vào những chân trời mới mà trong cuộc sống trước đó họ đã từng đóng chúng bùng bít.

Ngay những chuyện tầm thường trong cuộc sống gỏi chẵn của anh cũng đã có vài vấn đề nho nhỏ, tuy không làm anh tổn thương hay bức dọc, nhưng làm anh bồn ngổ sơ sơ và lo nghĩ chút chút nên anh phải bật ra những câu dí dỏm:

Phía bên kia khóc là cười

Ở trong rộn rịp có người ngủ quên

Ta từ xác mộng khiêng lên

Làm con bướm rụng cánh trên vai đời...

*

Đêm chơi trò ngủ hai nơi

Nhọc nhằn phiên thức ru người gỏi chẵn

Cứ đêm mỗi gỏi hai lần

Ăn gian mấy được một phần nghỉ ngơi!

*

Nhân danh tình nghĩa không dòi

Trái tim ngàn lượng rụng rời năm trăm!

Ái ân lỡ dịp ăn nằm

Nằm ăn đứng ngủ bởi nhằm phiên quên!...

(Hù, trang 130)

o o

o

Còn vô số vấn đề quan trọng hơn, bi đát hơn buồn vô số câu tra vấn, vô số phiền não cho con người có ý thức về sự hiện hữu. Có ý thức được sự đau khổ trong cơn đại mộng trên trần thế, con người mới bắt đầu tìm kiếm cái chân hạnh phúc đồng hóa với cái bản thể của hiện hữu. Đó là sự giải phóng vĩ đại để chúng ta thoát ra bể khổ, để chúng ta tìm gặp sự an lạc vĩnh viễn. Nhưng ở đây, Phương Triều chỉ ở chặng đầu của con người ý thức về cuộc sống. Cho nên anh ngơ ngác trước bao hệ lụy tràn ngập trên đường đời. Đó là cái đau khổ chung cho những nhà thơ mới tiếp nhận một tia lóe sáng trong đêm tối bao la vốn đã từng che lấp tâm thức con người sống lê lêu, không thềm đặt vấn đề về cái ẩn mật trong cuộc sống.

Điểm mặt hồn nhiên nét mộng cười

Đóm trắng huyền thoại gạt người chơi

Nai lưng mà vác từng cơ cực

Rồi tận tình vui tới hột hơi!

*

Quán nhỏ băng khuâng chiều thở bụi

Ngó người ảo mộng thịt da phơi

Chút chi gai góc trên tròn trịa

Như nổi buồn dư giữa thắm tươi!

*

Gỗ trống bày thêm trò thưởng phạt

Tiền tay vẽ lai kiêu môi cười
Có khi đau quá đời vô vọng
Mà vội vàng rao bán mặt người!

*

Đất cũ đêm hoang ùn gió bão
Cội mai nào hé nụ xinh tươi?
Miếng cơm vừa nuốt chưa qua cổ
Đã nghẹn lòng đau tận rã rời!

*

Đâu một lần Xuân không vội Tết
Đời qua như thể hết Xuân người!...
(Xuân Người, trang 5)

Tác giả vẽ nên cảnh cô đơn của một ông lão đồn cò đã góa vợ, đã giải nghệ, hiện sống trong cảnh tuổi già yếu, thiếu thốn vật chất và rất cô đơn. Ông chia sẻ nỗi lòng cùng con để tận nguyên vì đã gây cánh nên gáy không ra tiếng. Sự tương lân tương ái nảy sinh giữa người và con cò trùng trùng trong đêm mưa gió. Hoàn cảnh bi đát có thể nổi lên qua sự giao cảm tuyệt vời của cả hai chỉ có một nhân chứng tuyệt vời duy nhất như Phương Triều mới hiểu thấu bằng trực giác thần diệu. Trục giấy ấy hóa thân thành bài Đóm Sương:

Ông lão đồn cò cười khô miệng móm
Chiếc răng cuối cùng đánh bọt cháo hoa
Hột muối mặn xé buồn trong ruột lạnh
Ông lão băng khuâng ngời nhớ lão bà!

*

Nắm mộ sần sùi trên vòng đất lở
Con dế thần thờ gặm đóm sương sa
Đôi cánh tận nguyên gáy không thành tiếng
Từng đêm thao thức như đôi bạn già!

*

Ông lão sững nhìn đôi tay tĩnh vật
Sợi dây đồn xưa giờ ở đâu xa
Âm hưởng mơ hồ điệu ru của gió
Từ trong mịt mờ vọng tiếng mưa qua...

*

Sấm nổi đui về gầm rung lều cỏ
Thân vẫn như người hay đã tiêu ma
Tấm thân từ đất còn nhiều nợ đất
Tay đất ôm người lẫn lộn thịt da!

*

Đôi bạn già chơi trò câm lặng
Đất vắn mình đau bao nỗi ruột rà
Cây lá lộn hồn từ phương thất thổ
Mưa lại chột về cho cỏ đơm hoa!...

(trang 30)

Hoàn cảnh giữa lão già và tác giả Phương Triều vốn khác biệt nhau. Nhưng một kẻ hay nhìn sâu vào những thân phận cô đơn của tha nhân, nên tác giả nhiều lúc cảm thấy mình cũng khốn khổ cô đơn vì tưởng chừng mình mất một số điểm tựa tinh thần nào đó. Những lúc ấy, trong tâm tưởng, anh cũng cảm thấy mình hóa thân thành lão già.

Theo thói thường của những kẻ cô đơn khôn khổ thường mượn men rượu giải sầu. Phương Triều thì mượn men rượu để thắt chặt tình bạn đồng nghiệp trong giới làng văn trận bút. Thét rồi anh đâm ra nghiện. Cái hậu quả của men say vẫn có khía cạnh tiêu cực lẫn tích cực. Men rượu đưa người vào cơn nghiện trầm kha để phá hỏng cuộc đời họ. Nhưng men rượu cũng có thể giúp cho các nghệ sĩ biết bao cảm hứng lai láng và phồn thịnh. Thuở trước, thi hào Omar Khayyam xứ Ba-tur và thi hào Lý Bạch xứ Trung Hoa há không phải thuộc hạng túy tửu phiên vương hay sao? Văn hào Francis Scott Fitzgerald há không phải là ông thần ve chai cự phách hay sao? Các nhà văn Việt Nam nổi tiếng như Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo, Thanh Nam cùng nhạc sĩ Phạm Đình Chương há không phải là những tên tuổi sáng chói trên văn đàn nhạc giới hay sao? Riêng ở trường hợp Trần Tuấn Kiệt và Phương Triều, rượu dìu họ vào một thế giới thi ca lạ lẫm và bí nhiệm mà ít có nhà thơ nào can đảm lần kiên nhẫn ghé mắt tới

Người ngủ đêm vàng trên sóng rượu

Không thấy ngày thức vội hôm sau

Ngàn cân rót nhẹ ly hồ hải

Buồn vụn lần đôi một vui sao?

*

Gối đá nằm co say tĩnh vật

Nhà hoang tường dậy bước chiêm bao

Nắng khô lá nỡn màu vàng đọt

Biển dội tràn sông ngọn sóng nào?

*

Khép đôi tay ấm vào chân lạnh

Chút nhiệt tình dư ử hụt hao

Tiếng mộng vo ve từng huyền hoặc

Xương tàn cốt rụi cỏ xanh xao!

*

Đạo chơi vào ngõ hồn hiu quạnh

Thây chữ nằm co lại đáng đau

Thơ như vắn điệu tuôn nhảm chỗ

Nên vận vui buồn xiên xỏ nhau!

*

Đất trú chiều dâng chân gió bão

Ngựa qua cầu nhỏ nắng lao xao

Môi lạt thêm thơm hơi lục bát

Vân đau ghép vội nỗi đau nào?

(Đất Trú, các trang 110, 111)

◦ ◦

◦

Các bạn độc giả thân mến, nhà thơ Phương Triều của chúng ta dù mê say dong ruổi trên những ngã rẽ hào hứng của thi ca, nhưng anh không bao giờ quên các bạn, quên cái tuổi trẻ mộng mơ của chúng ta, không quên luôn thời kỳ tình tự yêu đương khi tóc anh còn xanh mượt, khi mắt anh vẫn long lanh sáng với ý tình khi một bóng ý trung nhân đang đi sâu ào khắp ngõ ngách của trái tim anh. Do đó, những bài thơ lãng mạn mới có dịp hồi sinh trong quyển thi tập chuyên chở quá nhiều tư tưởng như thi tập Xương Rồng Đen này. Nhưng anh kiến thiết ngôn ngữ tình yêu trong thơ. Mỗi bài thơ vẫn có như câu và những chữ lăm cẩm rất thơ, xen vào đó là những câu có ngôn ngữ tân kỳ. Những câu, những chữ lăm cẩm ấy biểu dương nồng độ yêu đương thật đậm đà, thật thắm thiết. Trong cơn yêu dấu, ai đó nói những câu quá tỉnh táo, những câu sáng suốt thì ý tình sẽ nguội lạnh và loãng nhạt đi.

Một lần đi tưởng đi luôn

Vừa qua gặp mặt lại tuồng như quên!

*

Tưởng rằng được vậy đã hên

Dè đâu bởi vậy cho nên mới buồn!

Dẫu gì cũng lỡ nhớ thương

Dẫu rằng lỡ vậy, vậy luôn mới buồn!

*

Bột về thắc mắc hỏi khuôn

Sao trên mặt bột rải đường khác nhau?

(trang 4)

Cái thời thơ mộng và hiền như mực tím (nói theo Nhã Ca) là thời cấp sách đến trường, vào ngưỡng cửa tuổi hoa niên. Những mối tình học trò lấy bối cảnh sân trường lớp học, bảng phấn tường vôi đã được nhiều nhà thơ từ tiền chiến tới nay khai thác bấy bấy rồi. Bây giờ vẫn có Vũ Thi An tiếp tục viết những vần thơ tình học trò qua hai thi tập Tình Quê Tình Thơ và Cuối Đường Hạnh Phúc. Thường là những bài thơ rất... học trò, nếu không sẵn tìm được những hình ảnh độc đáo, những tứ hơ kỳ đặc, và nếu không canh tân ngôn ngữ cho thơ thì nên đưa những bài thơ ấy vào quyển nhật ký hay quyển lưu bút mới thích hợp hơn. PhươngTriều dù đã gần tuổi thất tuần, nhưng anh không dị ứng với loại thơ thời mớ tuổi mộng, không ngại quay về dĩ vãng để khơi lại nguồn thơ đầu mùa của mình.

Mưa về cho nắng hạ trong

Cho thăm phượng hồng đỏ sắc môi em!

Góc ngồi tay múa que kem

Nhìn ra mộng mị đời lem luốc buồn!

*

Điều ve nhịp guốc sân trường

Mực xanh lưu bút dễ thương chừng nào?

Ngõ đời sóng chợt lao xao

Bạn từ hôm đó lạc nhau lần hồi...

*

Trăng nào thấp được tuổi tôi

Nhờn như đóm đóm ngồi chơi khắp vườn

Se lòng nhả gió nhủ sương

Ngóng em chừng đổi dễ thường ngoài ngoai!

*

Mưa dầm không ướt kẽ tay

Còn chen chân chỗ khô ngoài ướt trong!...

(trang 20)

Để mai lỗi hẹn thành ra mốt

Ta lạc nhau từ hẹn bữa qua

Người đi như thể không về kịp

Mà kịp về không kịp cách xa!

*

Xô nhau thức giữa ngày Thu ngủ

Một chút trăng non bông sáng lòe

Người đưa tay hứng sương Thu tới

Mà tưởng chưa hề Hạ chớm hoa!

*

Nên chi phượng cũ không về nữa

Trường lớp mưa giăng bóng nhạt nhòa
Tiếng trống trường xưa dồn tĩnh mạch
Nghiên sầu bút lạnh giữa phôi pha...

(Lữ Hện, trang 26)

Những bài thơ tình của Phương Triều chẳng những có vóc dáng riêng biệt mà còn có ý tình đặc thù. Loại thơ này không mặc đồng phục với các bài thơ tình yêu của kẻ khác. Thuần chất sáng tạo là đây! Những kẻ có tình yêu đơn phương hay trong tình yêu nhạt nhẽo thường tra vấn cái nguyên do tình cảm của mình lẫn của người đối tượng. Họ còn thắc mắc hoàn cảnh nào mà cái cung không đáp ứng trọn vẹn cái cầu, cái hệ lụy nào khiến cho hạnh phúc đậm chân tại chỗ hay cất cánh bay đi. Nói theo Xuân Diệu là: Cho rất nhiều song nhận chẳng bao nhiêu/ Người ta phụ hay thờ ơ chẳng biết. Các đương sự cứ hời lung tung, cứ thắc mắc liên tu bất tận, nhưng rồi ra vẫn ở trong ngõ bí, trong mê cung hoặc trong bát quái đồ hình.

Yêu lâu rồi mà như chưa yêu
Cho bao nhiêu mà như chưa nhiều
Lấy ra đếm lại rồi đem cất
Nên bấy nhiêu thành chẳng được nhiều!

*

Dầu cho thí tử mà như vậy
Thì cứ yêu dầu chẳng được yêu
Dầu gì cũng chẳng buồn cho lắm
Thì chút buồn kia chẳng đáng nhiều!

*

Hết yêu đâu lẽ còn yêu được
Dầu có yêu hoài cũng bấy nhiêu!
Dầu rằng đã vậy thì thôi vậy
Mà chút yêu thôi cũng lụy nhiều!

*

Hỏi rằng tới tuổi bao nhiêu
Thì quên được hết những điều chưa quên!...

(Nhiều, trang 78)

Tác giả cứ o bế ngôn ngữ lắm cảm dễ thương của một kẻ chưa có kinh nghiệm sâu sắc và dồi dào trong tình yêu. Điều này rất dễ làm mủi lòng người đọc. Và hình như bởi lẽ đó mà anh hơi lãnh đạm với ngôn ngữ của thơ. Bài thơ thiếu nét tạo hình, thiếu cảnh vật lót nền cho bài thơ. Ngôn ngữ thơ ít quá! Nhưng ở bài Dư tác giả chuộc lại điều sơ sót của mình bằng cách nâng thơ tình yêu lên vài cung bậc cao, đưa thơ vào cái bí nhiệm, cái thắc mắc siêu hình. Xin đọc:

Em thiệt tình quên không thể nhớ
Mà ta tình thiệt lại không quên!
Dầu cho chỉ một lần không nhớ
Mà ngỡ mình thành thương nhớ thêm!

*

Ghé qua gặp lúc không còn gặp
Chút nghĩa tình thôi chắc chẳng bền
Ta thiệt tình cho nên mất thiệt
Chút tình đâu đủ nghĩa nhân duyên!

*

Cứ như điệp khúc đời đơn điệu
Người dặt nhau vào cuộc ngựa nghiêng

Tới đêm lần lút về thăm mộng
Chợt thấy tiền thân rời căn nguyên!

*

Biển đi còn vết sấu trên cát
Chân dãi tràng chao bóng đảo điên
Hồn ủ vào miền trường tĩnh vật
Tay một đời dư chỗ tật nguyên!
(trang 140)

◦ ◦

◦

Trong nghệ thuật thi ca, Phương Triều lột xác từ từ, chậm chạp. Nhưng những bước chân thẳng tiến trên lộ trình bằng phẳng hay những bước đăng sơn của anh thật vững chắc. So với thi tập Thơ Phương Triều gồm những bài thơ cảm hoài, thơ hiện thực, rồi thì tới thi tập Xóm Mộ, anh bắt đầu chỗi dậy để hưởng ứng những loại thơ viển thâm tình ý, loại thơ khám phá cái bí nhiệm của cuộc đời. Những bài thơ trong 2 thi tập áp chót (Xóm Mộ và Giọt Sữa Đất) bắt đầu sửa soạn một cuộc hóa thân ngoạn mục nên có tầm vóc khả quan. Như thế, tập thơ Giọt Sữa Đất như vàng chiều dương đỏ ối trời lên góc biển phương Đông, nhuộm hồng chân mây, còn thi tập Xương Rồng Đen như mặt trời vừa leo lên đỉnh ngọ, tỏa sáng khắp sum la vạn tượng.

CHƯƠNG 8: ANH VÂN, MỘT CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ ƯU TƯ QUA VĂN PHẨM "ÁC MỘNG ĐÊM DÀI"

Anh Vân là một cây bút nhiệt tình với thời cuộc trong và ngoài nước, với mỗi biến động của lịch sử. Anh cũng là một cây bút trữ tình, tâm hồn rất bén nhạy với tình yêu đôi lứa, đôi khi tình yêu có lỡ trượt ngã vào tình dục đi nữa, nhưng chẳng những tình yêu không đâm uế mà lại thắm thiết sắc son tươi rực rỡ.

Quyển trường thiên Ác Mộng Đêm Dài là phản ảnh một giai đoạn lịch sử từ những ngày tháng Miền Nam Việt Nam sắp rơi vào tay bạo quyền Cộng Sản cho tới giai đoạn những nhân vật chánh hay một vài nhân vật nòng cốt trong truyện ra hải ngoại. Ở nơi khách địa, kiều bào chúng ta hòa hợp vào cuộc sống xa lạ với người bản xứ đã là khó khăn. Vậy mà còn vì nhiệt thành yêu nước, họ lại bị bọn tổ chức kháng chiến ma với những cái tên Hoàng Cơ Định, Trần Xuân Ninh, Nguyễn Xuân Nghĩa... và tên đầu sỏ Hoàng Cơ Minh đưa những kẻ hăm hở với đại cuộc vào cơn hỏa mù để bọn chúng thu hoạch tiền yểm trợ do kiều bào đóng góp.

Trong War and Peace (Chiến Tranh và Hòa Bình) của Leo Tolstoi, trong cuốn Gone With Wind (Cuốn Theo Chiều Gió) của nữ sĩ Margaret Mitchell, cuộc chiến chỉ kéo dài chẳng bao lâu, trên một năm hoặc vài năm là cùng. Còn cuộc nội chiến giữa Quốc Cộng chẳng những kéo dài 15 năm (từ 1960 đến 1975) mà còn gây cho những người chiến bại Miền Nam Việt Nam biết bao lầm than oan trái. Người còn kẹt lại trong nước sống trong cảnh nghèo đói, bị bức hiếp, bóc lột, tù đầy. Người vượt biên ra hải ngoại còn bị bọn đầu cơ chánh trị lừa đảo và còn bị bọn Cộng Sản len lỏi vào các cộng đồng để phá tan hàng ngũ đoàn kết của kiều bào để đưa họ tới giai đoạn nghi kỵ thù ghét nhau.

Nguyên do nào, động cơ nào thúc đẩy tác giả viết quyển Ác Mộng Đêm Dài? Xin đọc một đoạn trong Lời Tựa:

Tôi là một nhân chứng sống của cuộc chiến, tôi từng cầm súng chiến đấu trong hàng ngũ quốc gia. Sau 30-4-1975, tôi là tù binh của chế độ lao tù cộng sản. Tôi nghĩ chỉ có những kẻ trực tiếp tham dự cuộc chiến mới cảm nhận được hết nỗi đau đớn đến biến thành căm hận, nỗi sợ hãi đến kinh hoàng của những kẻ trong cuộc.

Là một nhân chứng sống, tôi nghĩ, tôi có bổn phận phản ảnh lại một giai đoạn lịch sử bi thảm của đất nước, cũng để trả món nợ mà tôi đã cưu mang trong đời sống, món nợ đối với quê hương, đối với đồng bào tôi đang sống khắc khoải trong chủ nghĩa cộng sản, món nợ đối với các chiến hữu tôi đã nằm xuống trong cuộc chiến Việt Nam, món nợ đối với các bạn tù tôi đã chết lặng lẽ trong những trại giam được mệnh danh là "trại cải tạo", món nợ với đồng bào tôi đã vui thây trong lòng biển lạnh.

(các trang 9, 10)

Bộ trường thiên Ác Mộng Đêm Dài được trình làng vào năm 2003, sau khi Mặt Trận Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam do Hoàng Cơ Minh làm chủ tịch bị lộ mặt nạ gian trá, sau khi bọn chớp bu đê tiện của cái gọi là mặt trận ấy bị thua kiện tại pháp đình, hết dám sùng sỡ với những kẻ dám vạch trần tội lường gạt của chúng đối với kiều bào nhiệt tâm yêu nước.

Nhưng vận sự nhuốc nhơ bị ối đó đâu đã hết. Bọn thành viên gia đình trị và băng hữu trị của Hoàng Cơ Minh còn gom góp nhóm tàn binh của chúng để lập ra tổ chức khác, với danh xưng khác để bành trướng cái thói thân của cái gọi là mặt trận ấy.

Bây giờ cái tên của nó thun ngắn lại còn có hai chữ Việt Tân cụt ngủn và nhỏ xíu như con đũa. Bọn đầu sỏ của chúng cứ tìm cách củng cố nó hoài hoài để mong nó lớn mạnh như xưa. Nhưng kiều bào đại gì góp tiền mua thuốc tẩm bổ cho nó. Nó chỉ còn là thứ hữu danh vô thực mà thôi.

°
°
°

Sau đây là cốt truyện của tác phẩm tâm huyết Ác Mộng Đêm Dài của Anh Vân. Nó chứng minh rằng

tác giả là một nhà văn ưu thời mẫn thế trước những khuynh hướng chính trị đảo điên ở hải ngoại. Câu chuyện bắt đầu vào năm cận kề ngày Miền Nam Việt Nam bị làn sóng đỏ tràn ngập. Lê Quốc Nam vốn là một sĩ quan tác chiến thuộc Sư Đoàn 9 Bộ Binh, được một tuần lễ nghỉ phép, từ tiền đồn về tỉnh nhà Bạc Liêu thăm mẹ và thăm luôn Hiền người yêu của chàng. Mẹ Nam là một phụ nữ có kiến thức, ham đọc sách, ưa suy nghĩ về vận nước thăng trầm điên đảo. Bà có 5 người con. Cô Hai đã bỏ mạng trong kỳ Tổng Tấn Công của Việt Cộng vào Tết Mậu Thân. Cậu Ba là một sĩ quan của ngành Cảnh Sát. Cậu Tư và cậu Năm theo phía bên kia, tập kết ra Bắc sau Hiệp Định Genève; cậu Năm chết dưới trận oanh tạc bom B 52 của Mỹ. Người con út của bà là Trung úy Lê Quốc Nam.

Hiền là con của bà Ngời và cũng là em của Vinh (bạn chí thân của Nam). Bà Ngời là quả phụ trẻ đẹp của một sĩ quan cao cấp. Khi chồng qua đời vì viên đạn thù, bà vẫn phây phây giao thiệp phóng túng để móc nối với các sĩ quan cao cấp phe Quốc Gia, để lươn lẹo buôn bán vũ khí cho Việt Cộng. Còn Vinh là một sĩ quan phòng 1 (phòng Quân Số) của Tiểu Khu. Vinh không hay biết một chút gì về việc làm tác tệ của mẹ. Nhưng Sử, sĩ quan Phòng Tình Báo Tiểu Khu, bạn chung của Nam và Vinh biết đã có lần cho Nam biết được hành tung mờ ám của bà,

Rồi ngày chung cuộc Miền Nam Việt Nam tới. Vinh và Nam phải đi học tập cải tạo. Sử không chịu đăng ký với ban Quân quản để đi học tập như mọi sĩ quan khác vì chàng thừa biết một sĩ quan ngành tình báo như mình là kẻ thù không đội trời chung của Cộng Sản; nếu chàng lọt vào tay chúng thì chàng chỉ có nước bị tù đầy tới chết rứt xương. Sử móc nối với tên cán bộ trưởng công an tỉnh tên là Tư Thống. Tên này là chồng của người chị họ của Sử. Sử giúp hắn tổ chức các cuộc vượt biên cho bọn Hoa Kiều để nhận vàng của họ. Chẳng những chàng được Tư Thống chia vàng mà còn cấp giấy chứng nhận chàng có công với cách mạng trước năm 1975.

Hiền một lòng chung thủy, đợi ngày Nam được phóng thích. Nhưng bà Ngời vì muốn bảo vệ tài sản của mình nên giao du với Tư Thống. Bà bắt buộc nàng thành hôn với Bác sĩ Việt Công tên Đức, con trai của Tư Thống. Hiền phản đối mẹ và thường đến nhà mẹ của Nam để chăm sóc cho bà. Về riêng phần mẹ của Nam thì thằng Ba trưởng nam của bà cũng phải đi học tập cải tạo như Nam. Còn thằng Tư nhất định không giúp Nam được phóng thích. Hắn viện lý do em Năm của hắn bị chết vì bom oanh tạc của Mỹ, cậu út Nam đã làm tay sai cho Mỹ Ngụy thì Nam đắc tội với nhân dân, phải trả nợ máu cho nhân dân. Từ đó tình mẹ con giữa bà mẹ và thằng con bên kia hàng ngũ Quốc Gia coi như đoạn tuyệt.

Bà Ngời và Hiền đi thăm nuôi Vinh. Bà tỏ ra lạnh nhạt với Nam. Riêng Hiền thì vẫn thiết tha gắn bó với Nam. Rồi Vinh được phóng thích trước Nam vì mẹ của Vinh có công với cách mạng. Hỏi ra, Vinh mới biết việc làm tác tệ của bà Ngời. Vinh nhục nhã và đau khổ vô cùng.

Khi Nam được phóng thích thì bà Ngời đổi thái độ tỏ ra niềm nở với Nam và có đến thăm mẹ chàng. Sử rủ Vinh, Nam và Lan (một cựu nữ quân nhân) cũng đã đi học tập cải tạo trở về cùng các bạn đồng chí khác lập một tổ chức kháng chiến chống bạo quyền Cộng Sản. Lan yêu Nam với mối tình đơn phương. Sử cũng yêu thầm thương trộm Lan nhưng không dám ngỏ lời với Lan tâm sự bí ẩn của mình. Tổ chức kháng chiến của họ trước hết lập mưu giải vây Hà, một thành viên của tổ cùng vợ con Hà. Gia đình Hà bị bắt trong chuyến vượt biên và hiện giờ họ bị giam ở trạm kiểm soát Sóc Đồn. Cuộc giải vây thành công, chẳng những cứu thoát Hà và vợ con Hà mà còn giết vài tên địch. Nhưng Vinh phải thiệt mạng. Sử ra tay giúp Nam vượt biên để tránh hậu hoạn vì địch đang truy nã Nam gắt gao.

Nam vượt biên vào hải phận Mã Lai và tấp vào Pulau Kapas. Lính Mã Lai vợ vét tiền bạc và nữ trang của bạn đồng hành với chàng. Tại đây họ chờ ngày được đưa đến định cư tại Đệ tam quốc gia. Và cũng tại Pulau Kapas, Nam có quen một cựu quân nhân tên Trạc vốn người thắng thùng ruột ngựa, nhưng rất sáng suốt trong lãnh vực tình hình thời cuộc và mọi biến chuyển tráo trở thuộc vấn đề chính trị đã và đang xảy ra trên đất nước.

Mẹ Nam bệnh nặng, phải vào bệnh viện thì đã có Lan thăm nom chăm sóc. Bà qua đời thì được bà Ngời và Hiền chôn cất tử tế. Sử giúp Hiền vượt biên. Trên chuyến hải trình, Hiền bị bọn hải tặc Thái Lan cưỡng hiếp tả tơi tới nỗi phải hôn mê bất tỉnh và may mắn được người Tây phương đi trực hăng

bay ngang qua đó đưa đến bệnh xá dành cho người tị nạn ở trại Tanjung Unggat thuộc tỉnh Tanjung Pinang (Nam Dương).

Bà Ngời bị chiếm nhà. Sau cái chết của Vinh, bà căm thù bọn Cộng Sản tàn xương tủy nên không muốn tài sản của mình mà bao năm bà đã từng chắt chiu để rồi lọt vào tay chúng. Bà phục rượu bọn chúng cho say rồi rưới xăng châm lửa đốt nhà và tự thiêu trong đám cháy.

Sử bị Tư Thống nghi ngờ về vụ Sóc Đồn. Sau cuộc tranh biện với tên anh rể, chàng trở về nhà thì bị bọn công an áo vàng sát hại. Trong cơn hấp hối, Sử được Lan ôm trong tay. Chàng ngỏ lời yêu Lan. Lan mới khám phá ra rằng sau khi Nam đi rồi, nàng cùng Sử hoạt động bên nhau, tấm can trường và sự thông minh quyền biến của Sử đã chinh phục trái tim của nàng. Nàng chỉ kịp bảo rằng nàng cũng yêu Sử thì Sử mỉm cười tắt ngấm. Chàng chết trong niềm hạnh phúc cuối cùng.

Nam được định cư trên đất nước Hợp Chúng Quốc. Chàng vừa đi làm vừa đi học. Chàng gặp lại Trạc, người bạn tâm đầu mà chàng đã gặp gỡ tại Pulau Kapas. Chàng cũng có nhận thư của Lan báo tin mẹ chàng qua đời, nhận luôn lá thư của Hiền viết từ Nam Dương, trong đó Hiền kể rõ nguồn cơn chuyện tai nạn ô nhục của nàng. Chàng làm giấy bảo lãnh để Hiền qua Mỹ sum họp cùng chàng.

Hiền được tái ngộ cùng Nam, được sống những ngày hạnh phúc diễm ảo với chàng. Trong dịp từ Tanjun Pinang qua Sinapour, để rồi sau cùng đến San Francisco, Hiền gặp Quỳnh, một cô bạn đường cùng đến định cư trên đất Mỹ. Cả hai mến nhau, để rồi sau này cả hai kết làm chị em với nhau. Quỳnh kết hôn với Dương, chủ thầu may quần áo, nên Hiền có việc làm để phụ giúp chồng trong việc chi tiêu. Trong khi chờ đợi cùng Hiền sum họp, Nam và Trạc nghe được tin cựu Trung Tá An Ninh Quân Đội Lục Phương Ninh thành lập tổ chức kháng chiến với cái tên Lực Lượng Quân Nhân Việt Nam Hải Ngoại (về sau đổi lại là Lực Lượng Quân Dân Việt Nam Hải Ngoại) có những khuôn mặt "vĩ đại" quen thuộc như Đại Tá Phạm Văn Liễu, Đại Tá Trần Minh Công, Đề Dốc Hoàng Cơ Minh, Tướng Nguyễn Chánh Thi bên cạnh. Trạc và Nam đi San Diego dự lễ tuyên thệ và xin gia nhập vào lực lượng. Chưa chi mà đã có sự phân hóa trong hàng ngũ lực lượng. Lục Phương Ninh muốn theo cánh Trương Như Tảng, một tên đầu sỏ trong Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam bị đá đít ra hải ngoại, muốn tìm sự giúp đỡ của Trung Cộng. Bị Hoàng Cơ Minh phản đối, Lục Phương Ninh ra quyết nghị khai trừ 6 tên đầu não: Phạm Văn Liễu, Trần Minh Công, Hoàng Cơ Minh, Nguyễn Chánh Thi, Lê Hồng, Lê Văn Trục.

Hoàng Cơ Minh cùng nhóm người bị Lục Phương Ninh sa thải nhảy ra thành lập Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam có Phạm Văn Liễu nắm vai trò Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hải Ngoại, nhưng tiền bạc kiều bào yểm trợ thì lọt vào tay Hoàng Cơ Định, em ruột của Minh (tên nay giữ chức Vụ Trưởng Vụ Tài Chánh kiêm chức vụ Tổng Thư Ký Tổng Vụ Hải Ngoại).

Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam phát triển nhanh chóng làm rúng động kiều bào khắp bốn phương trời hải ngoại. Nhưng lần lần nó lộ bộ mặt hư ngụy ra. Cuốn video Đồng Tiến trình chiếu cho kiều bào xem tại Nam California đã cho kiều bào nào có óc nhận xét tinh tế như Trạc và Nam thấy các hoạt động của kháng chiến là một sự dàn cảnh cầu thả vụng về. Cái căn cứ kháng chiến không phải ở trong rừng núi Việt nam mà ở bên này phần đất Thái Lan. Các kháng chiến quân chỉ là người Thái hay người Lào. Tuy vậy mà đa số kiều bào vẫn tin là thật, vẫn tặng tiền yểm trợ xối xả. Từ đó, những ai mà lớn tiếng công kích cái dỏm dang, dối láo của tổ chức mặt trận như ký giả Đạm Phong, vợ chồng Lê Triết, Hoài Điệp Từ, Cao Thế Dung đều bị ám sát. Chỉ có Cao Thế Dung không bị thiệt mạng mà thôi.

Trạc biết được cái lươn lẹo bất chánh của gia đình họ Hoàng Cơ. Nhưng Nam không tỏ thái độ bất tín nhiệm mặt trận một cách minh bạch và dứt khoát như Trạc. Nhân dịp cựu Trung Tá Lê Hồng với cái tên mới là tướng Đặng Quốc Hiền và với chức vụ Tư Lệnh Lực Lượng Võ Trang từ Thái Lan về Cali báo cáo tình trạng kháng chiến thì Nam đi dự cuộc diễn thuyết của tên Đặng Quốc Hiền kia và theo hẳn vào chiến khu, sau khi điện thoại từ già vợ. Hiền không biết chồng mình đi vào ngày nào. Nàng vẫn làm việc cho xưởng may của vợ chồng Dương, sống âm áp trong gia đình bạn, theo dõi tin tức mặt trận

cho tới lúc nó tan rã thành bọt thành bèo, ghi vết nhơ nhuốc trên lịch sử định cư của kiều bào khắp bốn phương trời hải ngoại.

Hiền sinh được đứa con trai đặt tên là Lê Quốc Việt. Nàng nhận được lá thư nặc danh mà tác giả bức thư ấy xưng là bạn của Nam, báo tin Nam cùng Hoàng Cơ Minh đã tử trận trong chiến dịch Đồng Tiến II vào ngày 28/08/1987. Nàng nhờ Quỳnh điện thoại tới Văn Phòng Tổng Vụ Hải Ngoại thì bên kia đầu dây điện thoại có người không chịu xưng tên và chức vụ của hắn trong mặt trận cho biết rằng đó là cái tin vịt do Cộng Sản tung ra để phá rối mặt trận, rằng Nam vẫn khỏe mạnh, vẫn chiến đấu bên cạnh Hoàng Cơ Minh.

Hiền tuy ghét Hoàng Cơ Minh và mặt trận của hắn, nhưng vẫn tin Nam vẫn còn sống. Nàng chiều chiều ra bờ biển để ôn lại những ngày sống hạnh phúc bên Nam và kiên quyết đợi chàng trở về sum họp với nàng.

Cái thọ mạng của kế hoạch bòn tiền của kiều bào qua danh xưng Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam do bè lũ Hoàng Cơ Minh chủ trương đã kết thúc như sau:

Thế rồi sau ngày ký Quyết Định cách chức Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hải Ngoại Phạm Văn Liễu, chỉ mười tám ngày sau, tức là ngày 29 tháng 12 năm 1984, ngày Đại Hội toàn bộ đoàn viên của Mặt Trận do Phạm Văn Liễu và Trần Minh Công triệu tập tại Santa Ana, trình bày về quỹ kháng chiến cho các đoàn viên. Sau phiên họp, coi như Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam tan vỡ, lòng nhiệt thành của các đoàn viên, những đứa con yêu của tổ quốc tan vỡ, giấc mơ nhìn thấy một nước Việt Nam tự do, hạnh phúc, thoát được tai ách cộng sản của người Việt tị nạn tan vỡ, giấc mơ của những bà mẹ già được nằm xuống trên mảnh đất quê hương yêu quý ngàn đời tan vỡ, chỉ riêng tiền quỹ kháng chiến đã bỏ vào túi gia đình họ Hoàng Cơ còn nguyên. Người thắng lớn trong trận đánh này là Phan Vụ Quang tức Hoàng Cơ Định, em ruột Hoàng Cơ Minh. Người vô tình hay cố ý đã làm lợi cho Việt cộng trong việc phá vỡ Mặt Trận là Nguyễn Xuân Nghĩa. Lòng tin của người Việt tị nạn cộng sản, thêm một lần nữa bị Mặt Trận Hoàng Cơ Minh bị chà đạp tan tành.

(trang 772)

Nguyễn Xuân Nghĩa là cháu của tên Mười Cúc, tức là Nguyễn Văn Linh. Tên Linh này là Tổng bí thư của đảng Cộng Sản. Dưới chánh thể Đệ nhị Cộng Hòa, Nghĩa đã từng làm phụ tá cho Tổng trưởng kinh tế ngân hàng. Sau ngày miền Nam lọt vào tay bọn Cộng Sản miền Bắc, Nghĩa không đi học tập cải tạo. Y ta cho mọi người quen biết rằng bọn Cộng Sản muốn khai thác kiến thức về ngân hàng của y ta nên tạm dùng y ta, tha cho y ta cảnh tù tội. Trong mặt trận của bè lũ Hoàng Cơ Minh, Nghĩa đứng vào hàng thứ ba.

o o

o

Ác Mộng Đêm Dài là một tác phẩm lớn cũng như quyển trường giang Chuyển Mùa của nữ sĩ Trương Anh Thụy. Tiếc thay, tác giả không có đội kèn trống quân nhạc để khua chiêng gióng trống ầm ỉ trong chiến dịch quảng cáo nên nó cam phận mặc áo gấm đi đêm. Và lại, nó chào đời trong giai đoạn suy thoái của nền văn chương hải ngoại nên nó chịu số phận hẩm hiu, bị rẻ rúng của lớp độc giả quen coi phim tập Hồng Kông và phim tập Đại Han hoặc các chương trình ca nhạc Paris By Night, Asia, Vân Sơn v.v... Nhưng với thức giả thì khác. Nó sẽ mãi mãi là một pho phương cao để họ suy nghiệm cái sâu khấu chính trị do phường hám lợi ở Hoa Kỳ dựng nên.

Về kỹ thuật dựng truyện, Anh Vân tỏ ra khéo léo trong việc dàn xếp mọi chi tiết để tác phẩm có một bố cục chặt chẽ. Mọi tình tiết được xỏ khoen vào nhau một cách tinh tế như những khoen của sợi dây lòi tói (sợi xích sắt). Mọi diễn biến tuần tự được trình bày một cách trơn tru óng ả như dòng mật rót vào chén sứ mỏng tanh, dù đôi lúc có xen vài đoạn hồi ức đi nữa. Độc giả có thể lao từ trang đầu tới trang cuối thoăn thoắt như con thoi mà không cảm thấy mệt nhọc vì đầu óc họ khỏi phải đánh đờ vật với chữ nghĩa. Nhưng thật ra, để có được mạch diễn tả dễ gây thông khoái cho người đọc như thế, tác giả phải ra tay chăm sóc từng cách sắp xếp mọi chi tiết một cách tỉ mỉ chi ly. Anh làm cho chúng ta nghĩ đến

người chơi hoa lan sành điệu như bà Thục Nhân, một cung tần của Hoàng Đế Minh Mạng. Chẳng những bà chăm bón, tỉa đẹp cho khóm lá mà còn dùng bút cọ mềm mại để phủ bụi bám trong lòng đóa hoa. Lại nữa bút pháp của anh đơn giản và trong sáng như nước sông thu chiếu lấp lánh ánh nắng. Sự diễn tả của anh đạt dào tình cảm mà không ướm sùng cảm tính đến mức cường điệu và thái thẳm. Cái đơn giản, cái trong suốt, cái điềm đạm của anh trong văn phong làm chúng ta nghĩ đến văn chương của Thạch Lam trong các tập truyện Gió Đầu Mùa, Nắng Trong Vườn vào thuở tiền chiến, hoặc văn chương của Nguyễn Thị Vĩnh trong truyện dài Thương Yêu, Cô Mai, Nỗi Sóng, Vết Chàm trước năm 1975 hay văn chương của Trương Anh Thụy trong bộ trường giang tiểu thuyết (le roman fleuve) Chuyện Mùa vào tân niên kỷ ở hải ngoại.

Quyển Ác Mộng Đêm Dài đầy ắp những biến cố, những chất liệu cần thiết để xây dựng nên một giai đoạn lịch sử máu xương trong văn chương. Tác giả không dùng một nhúm gạo nhỏ để nấu một nồi cháo to. Anh viết quyển Ác Mộng Đêm Dài như làm một cái bánh bao với nhân to bột mỏng, rất ngon miệng. Thường những kẻ có vốn sống ít ỏi, một khi cầm bút viết văn thường kể lể chuyện dạy đời xoàng xĩnh chẳng có chút giá trị gì cho nhu cầu kiến thức của độc giả. Hoặc gặp những tay khéo léo hơn là độc giả mệt ngất ngư trước lối diễn tả cảm xúc theo kiểu một anh thợ chạm điêu khắc khúc gỗ bé tí những hình thù vô vị vô duyên. Cho nên muốn đưa hết những vận hành của thời cuộc, những khúc quanh của lịch sử vào tác phẩm, tác giả hy sinh một phần cách dựng hoạt cảnh (tả người, tả vật, tả tâm trạng nhân vật). Anh nghiêng về thuyết thoại (la narration) hơn. Tuy nhiên, anh vẫn không quên công việc miêu tả, dù đôi lúc chỉ bằng vài nét phác thảo, vài nét khái quát, Nhưng những đoạn ấy được diễn tả bằng lối văn đôn hậu, thuần phác và ngập tràn sinh lực như cây dừa tơ, khóm chuối xanh tươi đang sức lớn nên dễ khắc ghi vào cảm quan lẫn ấn tượng độc giả những dấu ấn tuyệt vời.

Xin cùng đọc một đoạn đời thơ mộng trong hồi ức của Nam được chàng ghi vào lá thư gửi cho Hiền. Đây là đoạn tác giả đem nghệ thuật tả cảnh nhập vào lối kể truyện, chứ không phải chỉ là đoạn miêu tả, hay chỉ là đoạn kể truyện suông trơn mà thôi.

Có những đêm trăng, nằm trên chiếc võng nhà binh, nhìn bầu trời đầy sao, xanh mát, nhìn ánh trăng nhuộm vàng những ngọn dừa, những mái lá, những ngọn trâm bầu, anh nhớ vô cùng những đám cỏ dại xanh um điểm hoa vàng, viền theo hai bên lề con đường đất đỏ dẫn tới căn nhà lá nhỏ, chung quanh được bao bọc bằng hàng giậu cây me tây, nơi đó có một bà mẹ già sống trong lo âu, sợ hãi hằng ngày cho sự bình yên của anh. Anh nhớ cái ao sùng sau nhà, sóng sánh ánh trăng nghiêng với những con cá chép vàng rực rỡ lượn vòng quanh. Và anh cũng nhớ rất rõ, nơi đó một thời anh đã lớn lên và cắp sách đến trường trong tình thương yêu của bà mẹ hiền lành. Anh cũng nhớ vô cùng ngôi nhà ngói đỏ khang trang ở ngay góc một ngã tư đường, nơi đó anh đã sống và lớn lên, nơi đó chúng ta đã gặp nhau, yêu nhau và cũng nơi đó có những buổi trưa hè chúng ta ngồi dưới gốc cây mít Tố Nữ, nhìn bầu trời xanh ngắt mơ ước chuyện mai sau. Những hình ảnh đó sáng ngời trong anh vào những đêm trăng sáng vàng vạc trên chiến trường, chỉ riêng một mình anh thao thức nhớ em...

(trang 112)

Cõi Quê Nam chúng ta đáng yêu như thế, bút pháp Anh Vân diễn tả những hình ảnh thân thương như thế nhất định là phải xứng hợp với nhau. Nhưng khi quê hương rơi vào tay bọn xâm lược Bắc phương thì nó đổi khác. Bút pháp của Anh Vân cũng đổi khác. Bút pháp đó trở thành u trầm buồn bã hơn, tiếng thở dài của anh trên những dòng diễn tả tuy nhẹ mà thấm sâu vào mọi hẻm hóc của nội tâm chúng ta.

Cảnh bờ sông bên phà Mỹ Thuận sau ngày Việt Cộng cưỡng chiếm Miền Nam Việt Nam ít lâu cũng được trình bày vài nét tạo hình chung chung, nhưng cũng đủ gieo vào tâm hồn người đọc biết bao se sắt ngậm ngùi:... Những cái cầu tiêu công cộng cất bằng gỗ và ván dọc theo bờ sông từ trước 1975, nay đã xiêu vẹo, đổ nát nhưng không được cất lại, không có chỗ tiêu tiểu cho phụ nữ khiến họ phải tiểu bên vệ đường. Mỗi lần có chuyến xe qua bắc là có cả chục người đàn bà, con gái vén quần tiểu tiện, cạnh những lùm cây, trông thật tội nghiệp! Một luồng gió thoáng qua khiến Nam nhăn mũi. Mọi người mãi mê làm việc như quên mùi hôi hám đến muốn nín thở, bốc ra từ những đồng rác đổ vát bên lề

đường và những đàn ruồi xanh đánh âm âm trên những đồng xác mía bên cạnh những xe nước mía. Nam lắc đầu thở dài trước cảnh đất nước hoang tàn khác hẳn thời kỳ còn chiến tranh. Bao nhiêu máu xương đã đổ ra để đổi lấy một đất nước nghèo khổ đến tận cùng. Những kẻ chiến thắng tự hào đã giứt sập ngôi nhà cũ, vẫn còn ở được nhưng họ không xây được ngôi nhà mới khiến toàn dân phải chịu cảnh màn trời chiếu đất. Nam nhìn quang cảnh nhộn nhịp chung quanh, mọi người tất bật làm việc mà trên người chỉ có manh áo tả tơi, vài cụ già đang xin ăn gần đó, những đứa trẻ ở lứa tuổi đến trường đang mang những thùng cà-rem, những bọc nước mía, những ly trà đá chạy tới chạy lui, rã hòng mời gọi khách. Sự tàn phá của chiến tranh vẫn còn để lại trong ánh mắt mọi người dấu vết mệt mỏi, chán nản và tuyệt vọng.

(các trang 299, 300)

Cảnh phụ nữ vượt biên bị bọn hải tặc Thái Lan cưỡng bức mới ghê tởm thế nào! Chẳng hiểu tác giả Anh Vân có chứng kiến cái thảm nạn đau lòng đó hay không? Hay là anh nghe các nạn nhân kể lại rồi dùng óc tưởng tượng tinh nhuệ vẽ vờ thêm? Sao sao cũng được. Sao sao đều không quan hệ. Anh đã viết theo lối tường thuật trộn lẫn lối miêu tả thật linh động, như vậy cũng đã đưa đoạn văn này vào nghệ thuật văn chương, cũng đủ thuyết phục độc giả đang theo dõi từng bước diễn tả của anh rồi.

Đêm xuống dần, nổi kinh hoàng phủ trùm lên hòn đảo nhỏ. Mọi người im thin thít, chỉ còn nghe tiếng u u của muỗi rừng và tiếng oang oác của loài chim ăn đêm, tiếng sóng gào ngoài xa. Địa ngục trần gian là đây! Trong lúc những người đàn bà bất hạnh đang sợ hãi giấu mình trong bóng đêm thì những tiếng reo hò man rợ thỉnh thoảng nổi lên từ bờ biển. Ánh sáng của những ngọn đèn măng-sông chói lòa trên trên những chiếc tàu đánh cá, cho thấy rõ những tên cướp biển đã trở lại, đang từ trên tàu nhảy xuống. Bọn chúng, mình trần trụi, miệng ngậm dao găm, một số, tay cầm dao dài, cầm búa vừa chạy vừa rú lên từng hồi man rợ. Chúng chạy cùng khắp, tìm những nhánh chà, những cành khô, chất lại thành nhiều đống rồi nổi lửa lên. Lửa thấp sáng một vùng hoang dã.

Cuộc săn người bắt đầu. Chúng đưa tay lên che miệng, hú từng tràng dài man rợ, vừa chạy đến những bụi cây, những hốc đá kéo những người đàn bà bất hạnh ra gần đống lửa. Chúng lột trần truồng những người đàn bà ra, thi nhau hãm hiếp. Trong cảnh hỗn mang đó, Hiền cũng bị lôi đến gần đống lửa. Nàng chỉ muốn lao người vào đống lửa, chết đi cho khỏi tủi nhục, nhưng cơ thể nàng đã rú liệt, không sao cất nhắc nổi tay chân. Những tên Thái Lan lại bắt đầu thay phiên nhau thỏa mãn trên thân xác nàng đến lúc Hiền chỉ còn thoi thóp, không kêu la nổi nữa. Dưới những ánh lửa bập bùng, bọn cướp la hét, chạy tới chạy lui, nói năng bi bô những tràng dài bằng ngôn ngữ lạ tai, những tràng cười khoái trá hòa lẫn với tiếng khóc van xin tạo nên một khung cảnh man rợ chưa từng thấy.

Đến khuya, bọn chúng bỏ đi thì mỗi người đàn bà phải qua tay năm ba tên man rợ trong đó có cả những đứa bé gái mới mười hai, mười ba tuổi.

Hai ngày trôi qua trong kinh hoàng. Những người đàn bà bất hạnh đã mất hết sinh lực. Họ tiêu tụy một cách đáng sợ với đôi mắt trũng sâu, thâm quầng, trên gương mặt nhợt nhạt xanh xao như người chết. Vài người không quần áo mặc, ngồi co ro hai tay ôm ngực vừa khóc lóc tí te. Họ chỉ biết khóc nhưng một phần lớn, im lặng không khóc, cố nuốt nỗi đau đớn tủi nhục vào lòng.

Buổi trưa một người đàn bà nổi cơn điên, cởi hết quần áo đi lang thang dọc theo bờ biển vừa đi vừa ca hát. Một chiếc trực thăng vô tình bay qua, nhìn thấy cảnh đó, lập tức quay lại, bay quanh nhiều vòng. Nhiều người trên đảo còn tỉnh trí, vội vàng chạy ra vừa kêu gào la hét. Chiếc trực thăng từ từ hạ xuống. Ba người Tây phương mặc thường phục, gồm hai người đàn ông, một người đàn bà tức tốc nhảy xuống. Họ mang lên trực thăng những người bị thương nặng chở về chuyển đầu tiên. Người đàn ông tay cầm súng trường ở lại để săn sóc những người bị thương nặng và cũng để cho người đi chuyển sau yên lòng. Hiền may mắn được đi chuyển đầu tiên trong lúc còn mê man, bất tỉnh và được đưa ngay vào bệnh xá dành cho người tị nạn ở trại Tanjung Unggat thuộc tỉnh Tanjung Pinang, Nam Dương.

(các trang 461, 462, 463)

Những nhân vật chính diện trong Ác Mộng Đêm Dài như Nam, Vinh, Sử, Trạc, Lan, Hiền đều có mẫu số chung: tình yêu nước và niềm tôn thờ chính nghĩa. Nam yêu nước một cách trong sáng và nhiệt thành; với nhiệm vụ một sĩ quan tác chiến, anh cầm súng đứng bên hàng ngũ Quốc Gia để chống Cộng cứu nước một cách hồn nhiên, không coi đó là bổn phận mà là muốn bảo vệ chính nghĩa và thắp sáng tình yêu nước trong chí tang bồng hồ tử của mình để xứng đáng là một công dân thời loạn. Sau ngày mất nước, chàng lao vào tổ chức kháng địch nhỏ nhoi dù biết đó chỉ là việc làm châu chấu chống xe, nắm chắc phần thua thiệt trong tay, biết đâu mình phải chịu thiệt mạng. Nhưng chàng muốn gióng lên một tiếng chuông cảnh cáo bạo quyền rằng mầm mống phản kháng chính sách hà khắc của họ không thể trường tồn vững chãi vì trong dân chúng sự chống đối vẫn là ngọn lửa tiềm sinh cháy âm ỉ ở những tâm can trường giống như hòn than vùi dưới lớp tro mỏng.

Độc giả tức đến nghẹt thở trước hành trạng và sự chọn lựa của Nam. Có kẻ sẽ tự hỏi: "Có phải Nam cuồng tín và nhiệt thành tới độ ngu si dân dốt không? Chàng há chẳng biết cái mặt thật của tổ chức kháng chiến ma qua lời nhận định và phân tích của Trạc hay sao? Nếu chàng không biết cái trí trá của bọn Hoàng Cơ Minh thì cũng đã xem cuốn video Đồng Tâm, cũng đã tỏ rõ tiền trợ của kiều bào đang nằm trong tay Hoàng Cơ Định hay sao?". Duy có một điều đáng chú ý: trước khi bỏ Hiền theo mặt trận, Nam chưa kịp nghe thấy sự chia rẽ, tranh đoạt quyền lực trong mặt trận mà con mẫn xà hung hăng Phạm Văn Liễu đang kinh chống với bầy lang sói có cái họ Hoàng Cơ.

Nam được tác giả cấu trúc bằng nét ngoại hình khôi vĩ, bảnh bao. Cách cư xử mềm mỏng của chàng đối với mọi người, cách chiều chuộng phụ nữ của chàng tạo cho chàng một hấp lực say sưa lôi cuốn họ. Nhưng Nam không phải là hạng sở Khanh xỏ lá, thích ve gái, thích hưởng thụ, lánh trốn trách nhiệm khi nước nhà đang lúc ngửa nghiêng. Chàng có một trái tim nhân ái, một tấm lòng yêu nước thương nhà thật đậm đà, thật kỳ diệu và đơn giản. Chàng là một chiến sĩ dũng cảm nhưng không thể nào có sự bén nhọn và quyền biến để lao vào lãnh vực trí trá, uyển chuyển và phức tạp của chính trị được. Chính Sử là cái đầu óc trong nhóm kháng chiến chống Cộng, còn Nam là người thừa lệnh để hoàn thành sứ mạng mà Sử giao phó một cách vuông tròn. Chàng tư duy về tình hình thời cuộc theo một chiều xuôi, không hề đặt vấn đề trước mọi biến chuyển, mọi ngã rẽ của sự việc. Chàng khi trở thành một thành viên vận động cho mặt trận, dám bỏ công ăn việc làm, bỏ việc học ngành kỹ sư cơ khí, chỉ còn hơn một năm nữa là tốt nghiệp. Trái tim mẫn cảm của chàng, tài văn chương tiềm tàng ở chàng chỉ giúp chàng trở thành một nhà văn có địa vị trên văn đàn. Chàng không thể là một cây bút viết những tác phẩm văn chương pha trộn chính trị được. Vả lại, trong lãnh vực văn chương, một khi có chính trị len lỏi theo cách rón rén bước vào, tác giả đừng nên để nó bành trướng để khỏi hy sinh ít nhiều tính chất nghệ thuật. Đương sự phải dùng chính trị như một phương tiện để khai thác tâm tình, nhân sinh quan, niềm khao khát của nhân vật, chứ không nên dùng chính trị như mục đích huy hoàng để nhắm tới.

Khi dựng lên nhân vật Nam, tác giả đã in cái phóng ảnh của mình vào Nam: Nam tức là hình ảnh của anh qua một khía cạnh nào đó. Anh Vân dùng mặt trận của bè lũ Hoàng Cơ Minh để đào sâu nhân vật Lê Quốc Nam của mình, chứ không phải nhắm vào mặt trận để làm đề tài chánh cho quyển Ác Mộng Đêm Dài. Do đó, quyển trường thiên tiểu thuyết này không bị giảm sút tinh thần văn chương đúng nghĩa.

Những người có đầu óc tôn thờ lý tưởng thường là những kẻ nhiệt tâm nhiệt huyết; nhưng bầu nhiệt huyết nhiều khi che mờ óc phán đoán của họ. Cho nên họ thường bị kẻ gian tà lợi dụng hoặc bị đưa vào cạm bẫy của chúng.

Dưới cặp mắt nhận xét của Hiền, Nam là một nhân vật đáng yêu. Nàng không cho cái lý tưởng của chàng thấp thoáng đôi chút mầm mống cuồng tín, mà đó là sự hy sinh thuần khiết phát xuất từ cái căn tính bất vụ lợi:

Nhìn Nam cầm cúi làm việc, Hiền thấy Nam là một con người nhiều nghị lực. Đường như trong mỗi con người có những thao thức riêng tư được ấp ủ và giấu kín dưới gương mặt bình thản như lòng ham

muôn giàu sang, danh vọng, địa vị, khát vọng tình yêu hoặc đeo đuổi theo một lý tưởng nào đó. Trong tình yêu, Hiền biết rõ Nam là kẻ đam mê. Trong những lần làm tình với nàng, Nam như một ngọn lửa đốt cháy nàng, như muốn lột da nàng để nhìn rõ tường tận trong cõi sâu thẳm của nàng. Ngoài ra Nam còn ấp ủ một hoài bão là được góp công và nhìn thấy quê hương an bình, trong đó đồng bào anh được sống hạnh phúc. Với Nam, dường như tiền tài không quyến rũ được anh. Nam say sưa viết lách, dằn trải tâm tình, ước vọng của anh lên trang giấy. Anh kết tội chủ nghĩa cộng sản đã làm kiệt quệ đất nước, đã vắt cạn sinh lực và tinh hoa của người dân, làm thui chột mấy thế hệ tuổi thơ. Nam viết say sưa, viết bằng tất cả sự rung cảm chân thành và tấm lòng yêu nước của anh. Đọc Nam, Hiền cảm nhận được hết những điều đó.

(các trang 702, 703)

Trạc nhận định Nam cũng qua một khía cạnh bao dung khoan hồng, không gán cho Nam cái tội cuồng tín:

Nhìn khuôn mặt trầm ngâm của Nam, Trạc thở dài. Anh hiểu Nam lắm. Nam, bạn anh, con sư tử lừng mạn đâu chịu nằm yên trong cũi. Anh đâu còn lạ gì về đức tính hy sinh của Nam, khó ai bì kịp. Bỏ nước, bỏ mẹ già ra đi trong nhục nhã, cái chết của Vinh, của Sử, những ngày tháng đen tối trong tù, cảnh nô lệ của người dân vẫn còn là một vết thương rướm máu trong lòng Nam. Mỗi hận này chưa rửa được, Nam sẽ sống những ngày khắc khoải không yên; nhưng về chiến khu trong lúc này, theo Trạc nghĩ là một hành động vội vã, thiếu cân nhắc. Một tổ chức đấu tranh mà hầu hết anh em gia đình họ Hoàng đều giữ chức vụ quan trọng, trong đó tiền bạc giao trọn cho Hoàng Cơ Định, một tay tham nhũng khi còn giữ chức Giám Đốc trường Cao Đẳng Hóa Học ở Việt Nam. Sau đó bị đưa ra Giám Sát Viện xét xử và bị cách chức. Hoàng Cơ Định đi đến đâu cũng thúc giục các trưởng cơ sở phải tận dụng khả năng quyền tiền đồng bào bằng mọi cách.

(trang 738)

Việc bỏ chốn định cư để vào chiến khu của Nam phải có thêm một động cơ nào khác nữa thôi thúc, chứ không phải chỉ vì yêu nước bùng bột. Cái đó, tác giả Anh Văn không nói ra, độc giả cũng không đoán ra. Nhưng cái bí ẩn vẫn thấp thoáng sau lưng sự việc mà tác giả cùng Hiền và Trạc đã trình bày. Cái chết của Nam lại càng kỳ bí hơn. Chuyến ra đi cùng cái chung cuộc thê thảm của chàng bị gói trọn trong lớp màn tối đen huyền bí. Lịch sử trong vòng 10 năm hay 20 năm có thể sẽ trả lời chúng ta đâu là sự thật hay một bóng dáng hoặc một khía cạnh của sự thật. Nhưng Nam thì vẫn là một cái bóng thấp thấp trong huyền sử mờ mờ nhân ảnh từ khi chàng sửa soạn vào khu chiến cho tới cái chết của Hoàng Cơ Minh đã bị tiết lộ. Về phương diện nghệ thuật, Nam làm cho chúng ta nghĩ ngợi nhiều hơn các nhân vật khác. Chàng hiện thánh trong ánh sáng nghệ thuật trong khi tông tích về sau của chàng trở thành bóng chim tăm cá giữa cái thế giới u huyền mập mờ.

o o

o

Những nhân vật phản diện như Tư Thống và một vài tên quân giáo trong Ác Mộng Đêm Dài xuất hiện trên diễn tiến quyền sách quá ít. Còn những nhân vật trong mặt trận kháng chiến ma của bọn Hoàng Cơ Minh chỉ được xuất hiện trong lời tường thuật của tác giả qua đồng tài liệu đăng rải rác trên các sách báo ở hải ngoại mà anh thu thập được Trái lại, bên cạnh Nam hoặc bên cạnh hay chung quanh Hiền, nhân vật chính diện xuất hiện nườm nượp. Xin được lần lượt kê khai:

* Vinh là con một viên sĩ quan cao cấp chỉ biết ăn chơi và một người đàn bà phóng đảng hám lợi. Chàng yêu nước với tấm lòng ngay dạ thẳng và niềm son sắt thiết tha như tấm lòng dũng tướng Triệu Tử Long thờ chúa của mình là Tây Thục Tiên Chúa Lưu Huyền Đức (tức là Lưu Bị). Chàng đau khổ và cảm thấy nhục nhã khi biết mẹ buôn lậu vũ khí cho địch. Và chàng còn ân hận sao mình trước kia với tinh thần yêu nước cao độ mà không đi tác chiến mà lại chịu làm việc Phòng 1 của Tiểu Khu Bạc Liêu. Cho nên muốn chuộc lại lỗi lầm của mẹ và sự chọn lựa cầu an của mình, dù không có kinh nghiệm về chiến trường mà chàng vẫn tham gia vào tổ chức kháng chiến do Sử và các bạn đồng tâm

chung hướng của chàng tổ chức. Chàng hy sinh can đảm vào hôm tấn công căn cứ Sóc Đồn nên phải bỏ mạng.

Trại tù vắng vẻ đến lạnh lẽo, chỉ một mình Vinh và một anh tù binh đang đau nằm ở cuối trại. Vinh nằm dài xuống chiếu hút thuốc, nghĩ vẩn vơ, chờ đợi tới giờ lên ban giảng huấn. Vinh rùng mình. Trời này mà ngâm mình dưới nước, móc đất là một khổ hình. Cuộc chiến này đã mang đến những gì tốt đẹp, chưa thấy, chỉ thấy toàn quân dân mình Nam đang trả một cái giá quá đắt. Vinh nuôi tiếc những ngày tháng cũ và có cảm tưởng những gì tốt đẹp đã đổ nát, hoang tàn trong tim anh. Vinh thấy phục Nam. Nam đã sống hết mình với cuộc đời, hi sinh và chịu đựng gian khổ ngoài chiến trường một cách can đảm và bây giờ Nam chấp nhận một cách thần nhiên kiếp sống đọa đày của một tù binh. Vinh biết, Nam đã hết sức cố gắng luyện tập yoga hằng đêm để giữ vững tinh thần, không tỏ ra hèn yếu trước kẻ thù. Không bao giờ Vinh nhìn thấy Nam khúm núm trước mặt những tên bộ đội hay cán bộ giảng huấn như một vài tù binh khác. Anh phục thái độ sống của Nam, muốn được như Nam. Anh thêm khát được cầm súng chiến đấu nhưng tất cả đã muộn màng.

(các trang 213, 214)

*Sử khi còn làm việc ở Phòng Tình Báo Tiểu Khu là một kẻ mặt sắt, một hung thần với bọn địch trà trộn vào dân chúng hay địch nằm vùng. Chàng thâm trầm nhiều mưu mẹo và có óc quyền biến tinh nhuệ. Nhưng chàng không phải là hạng người dùng cái lợi khí thiên bẩm của mình để kiếm tư lợi hay để phụng sự cho cái Ác, cho bạo quyền. Chàng là một kẻ ái quốc chân chính. Cái tổ kháng chiến của chàng do chàng coi sóc mọi việc quan trọng đòi hỏi sự thông tuệ lẫn kiến thức. Chính việc tấn công Sóc Đồn do chàng đặt kế hoạch và chỉ huy. Giúp Nam và Hiền vượt biên cũng do chàng chớ do ai? Chàng yêu thầm kín Lan mà không dám thổ lộ, để tới phút lâm chung mới bày tỏ nỗi lòng với Lan. Chàng tuy là vai phụ trong Ác Mộng Đêm Dài, nhưng chói sáng có phần hơn Nam... Âm thầm yêu Lan nhưng Sử không chịu ngỏ lời. Anh biết tỏ tình trong lúc tâm hồn Lan đầy ắp hình ảnh Nam, chỉ chuốc lấy sự bẽ bàng. Tỏ tình không đúng lúc, anh sẽ mất Lan vĩnh viễn vì tình yêu không thể ngỏ lần thứ hai. Sử biết Nam có những điều hơn hẳn anh. Nam có dáng dấp cao ráo, gương mặt dễ nhìn và nhất là Nam lúc nào cũng dịu dàng và tỏ ra sẵn sàng đàn bà. Những yếu tố đó anh không thể có được. Bây giờ Nam bỏ đi, Sử định một thời gian sau khi tình cảm của Lan dành cho Nam nhạt dần, anh sẽ tỏ tình cùng Lan và hi vọng sẽ thành công.

(trang 495)

Nắng hôm nay như vàng hơn, rực rỡ hơn. Cuộc đời bỗng dưng rực rỡ dưới mắt Sử. Từ ngày Nam bỏ đi cho tới giờ, Sử mất đi một cánh tay đắc lực, gánh nặng của tổ chức sẽ đè nặng hơn trên vai Sử. Tất cả vấn đề quan trọng Sử chỉ biết thảo luận với Lan. Hoạt động bên nhau, cùng gánh vác một việc và cùng chia sẻ hiểm nguy với nhau, tình cảm giữa anh và Lan càng ngày càng khấn khít.

(trang 496)

* Nhân vật Trạc, một nhân vật xương sống, một chứng nhân sáng suốt trong tác phẩm Ác Mộng Đêm Dài. Khi Lục Phương Ninh đuổi bọn Hoàng Cơ, Phạm Văn Liễu và Trần Minh Công ra khỏi Lực Lượng Quân Dân Việt Nam hải ngoại, anh có nhận xét như sau:

Trạc thở dài, một lúc rồi nói tiếp:

- Nghe nói tổ chức đang rạn nứt. Lục Phương Ninh theo Đinh Thạch Bích, sắp kéo lực lượng ủng hộ Trương Như Tảng, tìm sự yểm trợ của Trung Cộng. Cánh thứ hai gồm có Hoàng Cơ Minh, Phạm Văn Liễu và Trần Minh Công. Mẹ! Chưa làm việc gì đã chia năm xẻ bảy. Nóng lòng nhập cuộc rồi mình chỉ làm viên gạch lót đường cho tham vọng của họ.

Nam nhìn Trạc một giây, anh thấy trong mắt người bạn thân một chút bơ vơ, lạc lõng. Nam biết trái tim Trạc bắt đầu nguội lạnh. Một con người giàu nhiệt tình với đất nước như Trạc đã bắt đầu mất hết niềm tin. Dường như Trạc nhập cuộc để khỏi bị lương tâm cắn rứt, để được yên lòng sống những ngày còn lại trên xứ người...

(các trang 611, 612)

Sau khi xem cuốn phim video Đồng Tâm trình chiếu ở nhà một chiến hữu tại Santa Ana (Nam California), Trạc không tin căn cứ khu chiến đặt tại quốc nội. Xin cùng đọc:

Trạc nhìn ra ngoài xe, chửi thề:

- Đ.m! Chưa gì Mặt Trận đã lừa gạt anh em và buộc mình lừa gạt đồng bào.

Tao lặn lội khắp nơi, tao cá với mây đó không phải là rừng Việt Nam.

Nam yên lặng lái xe, một lúc sau mới lên tiếng:

- Thôi, để trình chiếu cuốn video xong, xem phản ứng của đồng bào ra sao.

Việc tạo niềm tin trong đồng bào để tìm sự yểm trợ là điều cần thiết trong giai đoạn đầu.

Trạc lớn tiếng:

- Tại sao không dám nói thẳng với đồng bào là khu chiến đặt tại Thái Lan? Việc giải phóng đất nước trong tay giặc là chuyện đội đá vá trời có phải như lấy đồ trong túi ra đâu. Giai đoạn đầu tìm được một nơi để lập khu chiến đã là hay lắm rồi. Tại sao phải nói láo? Nói láo được một lần, họ sẽ không dừng lại ở đó đâu. Chưa gì đã lọt về Việt Nam và lập chiến khu. Làm như tụi Việt cộng đã chết hết và họ đã coi tụi mình như những đứa con nít.

(trang 624)

Vào ngày 30/4/1983, tại Washington D.C, chủ tịch Hoàng Cơ Minh của Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam đã tuyên bố: từ khi thành lập mặt trận vào ngày 30/4/1980 cho đến ngày 8/3/1982 mặt trận đã liên lạc và kết hợp 36 tổ chức kháng chiến khác nhau trên toàn quốc, Trạc chỉ chiết liên:

- Mẹ! Nội cái chiến khu quốc nội nghe đã không ổn rồi, nay lại kết hợp được 36 tổ chức kháng chiến với số kháng quân khoảng hơn mười ngàn người, ngồi đó vẽ cũng còn không kịp. Bọn nó coi chúng mình như lũ con nít. Chắc tao sẽ ra khỏi Mặt Trận một ngày gần đây. Đòi tao, không thằng nào có thể coi tao như con nít được. Mẹ! Thằng anh thì làm Chủ Tịch, thằng em thì làm thủ quỹ, toàn quyền trong việc chi thu. Có tổ chức nào lạ đòi như tổ chức này không? Tao sẽ không thu tiền của đồng bào và anh em trong chi bộ nữa để khỏi hối hận sau này. Nếu cần tao sẽ giải tán chi bộ luôn. Tổ chức này không đồ võ vì chuyện tiền bạc, tao thề sẽ đi bằng hai tay. Cả Liễu, Công cũng chỉ là hai thằng ngu. Tên nào cũng nói là mình phục vụ Tổ Quốc nhưng khi nhìn thấy thái độ hống hách và chuyện tiền bạc thiếu minh bạch của Hoàng Cơ Định, không tên nào dám lên tiếng. Con c...tao không làm gì cho cá nhân tao, tao cóc ngán thằng nào.

(các trang 747, 748)

* Hiền là cô gái mới lớn chỉ biết yêu Nam, chỉ biết chung thủy với Nam, chỉ biết cầu nguyện Chúa Kitô phù hộ mình thoát khỏi hoạn nạn tai ương để hưởng hạnh phúc vương tròn. Ngoài ra, nàng chẳng hề biết những chuyện trọng đại khác. Tai nạn trong chuyến vượt biên càng làm nàng gần gũi Chúa hơn. Linh mục Antonio là kim chỉ nam cho nàng tìm về sự cứu rỗi của Chúa, soi rọi tâm hồn bình an và tìm gặp hạnh phúc ẩn núp sau tai ương. Nhưng khi Nam bỏ đi theo mặt trận, Hiền bắt đầu tìm hiểu về thời cuộc và về diễn biến hoạt động của họ. Đó cũng chỉ là động lực do tình yêu thôi thúc mà thôi. Hiền là hiện thân của một thiên thần, sống trong tuân phục ý Chúa. Nàng hoàn toàn quá, thuần khiết quá nên không có cá tính mãnh liệt nào ngoài niềm chung thủy đối với mối tình đầu và Đức Tin. Ánh sáng thiên lương không hướng dẫn nàng theo chuyện nào khác hơn là vấn đề tâm linh hướng về Chúa để noi gương Chúa vác cây Thánh Giá khi nàng phải gồng mình gánh vác hệ lụy:

Kính lạy Chúa! Cha nhân từ của con. Chúa ôi! Kính xin Chúa thương xót, tha thứ cho con mọi tội lỗi. Xin Chúa cứu vớt con, đừng rơi bỏ con, nhất là trong lúc này. Xin Chúa ở cùng con luôn, giúp con vượt qua những cảnh đời mà sức con không còn kham nổi. Cả tháng nay, con đã và đang sống trong bóng tối sâu thẳm của địa ngục, giữa lằn ranh của sự sống và nỗi chết. Con đã nhận lãnh bao ngọn roi đời tàn bạo trên thân xác yếu đuối và tâm hồn đã rướm máu của con. Hiện con đang chết dần mòn và sự sống như sắp rời khỏi con. Con không xin Chúa cắt chén đắng ra khỏi môi miệng con. Tất cả đã muộn màng vì con đã uống chén đắng đó. Con chỉ xin Chúa giúp con ném giọt đắng cuối cùng một

cách can đảm, không lúc nào bằng lúc này, con đến để cầu nguyện cho những vết thương trên thánh thể Chúa cũng như những vết thương trong tâm hồn và thể xác con. Những vết thương đau đớn trên thân thể con đã giúp con cảm nhận được nỗi đau tột cùng mà Chúa đã phải chịu đựng trên thập tự giá vì tội lỗi của nhân loại và cũng vì tội lỗi của riêng con. Chúa nhân từ của con ôi! Trên con đường khổ nạn của dân tộc mà con đang đi, một điều mà con nhất thiết van xin Chúa, cho con gặp lại Nam. Xin Chúa mở rộng tấm lòng Nam, đừng để Nam khinh ghét con vì những đau đớn tủi nhục đó đâu phải do con gây ra mà nó đến từ những tấm lòng độc ác của loài người.

(các trang 466, 467)

* Lan là một nữ quân nhân có tâm huyết. Không phải chỉ có tình yêu của nàng dành cho Nam thúc đẩy nàng tham gia vào tổ chức chống Cộng mà nàng cần phải làm một cái gì đó cho tổ quốc, cho công bằng, chính nghĩa. Lý tưởng nàng rất sâu sắc và hào hùng hiếm có ở một phụ nữ chân yếu tay mềm.

Xin đọc đoạn nói về ý kiến của Lan trong dự định tổ chức kháng chiến, trong đó Lan sẽ tham gia:

Nam hỏi:

- Lan nghĩ gì về việc làm của chúng mình?

Lan đáp với giọng bùi ngùi:

- Lan chỉ nói ý nghĩ của Lan với anh thôi. Làm thì làm, làm cho thỏa mãn con

người phản kháng bên trong tâm hồn mình nhưng Lan thấy nản lòng lắm. Vài chục tay súng thì làm được gì trong lúc này nhưng anh em đã góp phần chẳng lẽ mình đứng ngoài. Bây giờ có anh nhập cuộc. Lan thấy như được khích lệ hơn. Thôi thì một kiếp người, sống thế nào để không phải hổ thẹn với mình là được.

Nam nhìn Lan với ánh mắt trìu mến. Anh thấy thương Lan, thương Sử, thương mến những chiến hữu của anh đã can đảm, coi nhẹ mạng sống, coi thường hạnh phúc riêng tư của đời mình, kết hợp để gây lại cuộc chơi với hai bàn tay trắng. Cuộc chơi mà mọi người gần như biết trước, khó mà thắng được, nhưng ở đời người ta làm những việc xét ra phải làm và chấp nhận chết cho những điều mình tin tưởng.

Nam hỏi:

- Lan không nghĩ rằng, ở nhiều nơi khác cũng có những anh em đang âm thầm chiến đấu như chúng mình sao? Việc gom anh em lại để làm một cái gì cho đất nước trong lúc này, giống như mình đốt lên một ngọn lửa và cố gắng giữ cho nó đừng tắt. Biết đâu sau đó sẽ có nhiều người tiếp tay với mình.

- Lan có nghĩ đến điều đó nên còn nần ná ở lại, bằng không em đã tìm đường ra đi rồi.

(các trang 286, 287)

Tâm lý của Lan được tác giả diễn đạt theo một tiến trình rất lớp lang, rất hợp lý. Nàng yêu Nam ở cái lý tưởng sáng ngời chính nghĩa lẫn cái phong cách hào hoa của chàng. Nhưng đó chỉ là tình yêu đơn phương tuyệt vọng. Nhưng rồi xa Nam, không hy vọng sẽ có ngày gặp lại Nam, mà dù gặp lại Nam thì chàng vẫn thuộc về Hiền, cho nên nàng nhìn lại Sử thường xuyên ở cạnh nàng, cùng nàng hoạt động cho đại cuộc. Cái quyền biến, cái tài đứng vững ở đầu sóng ngọn gió, lẫn cái tâm địa rộng rãi và phong độ hào hùng của Sử dần dà chiếm đoạt trái tim nàng bằng từng bước tuy chậm chạp mà vững chắc. Ôi, cái tình yêu đó lúc Sử còn sinh tiền âm thầm đến Lan bằng những bước chân nhẹ quá, rón rén và mong manh quá nên nàng chưa cảm nhận rõ rệt. Nhưng đến giây phút chàng chết trong tay nàng, mối tình ấy như một bông hoa ánh ánh nở tung ra, soi rọi khắp nội giới nàng.

Khác với Hiền, Lan tuy không phải là kẻ vô thần, vô tín ngưỡng, nhưng nàng hoài nghi về linh hồn, về cõi chết. Bình thường nàng không đặt nặng vấn đề này. Nhưng trong lần đi viếng mộ Sử, ánh sáng tâm linh dù bạc nhược vẫn len lỏi vào nội giới nàng, để nàng đối diện với nó, đặt vấn đề về nó. Có lẽ nàng đã gặp một vài biến cố thần bí không sao giải thích trên con đường hành hương tìm những kẻ tuần đạo cho chính nghĩa, trong đó có sự hiện diện của Sử. Xin cùng đọc những giờ phút hoài niệm cùng những dòng tư duy thuộc lãnh vực tâm linh của Lan trong lần nàng đi viếng mộ Sử:

Đến nơi, Lan ngồi cạnh nắm mộ nghỉ mệt, mắt nhìn chăm chăm vào tấm mộ bia. "Tạ Thành Sử" sinh

năm 1948, mất năm 1979". Sử chết vào năm 31 tuổi, cái tuổi mà người Việt Nam cho là xuôi xẻ. Lan lấy trong cái giỏ xách miếng vải nhỏ, lau chùi tấm mộ bia. Lau xong, Lan ngồi thừ bên cạnh mộ, mắt nhìn về phía trời xa. Một con chim lẻ loi, kiếm ăn về muộn đang mệt mỏi vỗ cánh bay về tổ. Chung quanh Lan giờ này hoang vắng quá, chỉ mình Lan với nấm mộ cô đơn. Tự nhiên Lan cảm thấy mình già đi, tâm hồn cần cỗi, tràn ngập nỗi buồn, như vạt nắng chiều đang hấp hối ở cuối trời xa thẳm. Lan tự hỏi: "Con người thật sự có linh hồn chăng?". Sử vẫn quan niệm rằng "chết là hết". Thật sự có phải chết là hết không? Nếu có linh hồn thì thân xác đã về với cát bụi rồi, linh hồn nương tựa vào đâu? Khi còn sống Sử lúc nào cũng nóng nảy bồn chồn. Dường như Sử không có một giây phút an bình, những âu lo thay phiên xuất hiện trong đời sống. Và bây giờ Sử đã chết, tấm thân đã vùi xuống lòng đất lạnh, liệu ở thế giới bên kia, linh hồn Sử có được bình an không? Một thứ bình an vĩnh cửu hay còn vương mắc với những vay trả cuộc đời mà lúc sống, Sử chưa thanh toán được. Quốc gia, cộng sản, dân chủ, độc tài, tự do, nô lệ, những thứ đó có làm bận lòng Sử không? Nếu linh hồn còn đó, liệu Sử có nhìn thấy những giọt nước long lanh niềm khổ hận dưới mắt nàng không? Giọt nước mắt của một cuộc tình mà khi nhận ra đã quá muộn màng để khổ hận cho người sống cũng như kẻ chết...

(các trang 572, 573)

◦◦

◦

Trong Ác Mộng Đêm Dài còn có hai nhân vật đáng chú ý. Đó là mẹ của Nam và bà Ngời (mẹ của Vinh và Hiền). Mẹ của Nam là người đàn bà thuộc hạng trí tuệ, hiểu rõ tình hình và thời cuộc. Tác giả không nói rõ do đâu mà bà có được một kiến thức viển vông ấy, ngoài sự ham mê đọc sách. Trong những ngày Nam và Vinh vừa rã ngũ tan hàng, bà nhận định như sau:

- Các con rồi sẽ không yên với họ đâu. Mẹ lo lắm! Nếu giết được hết thành phần như các con mà không mang đến hậu quả xấu nào, họ sẽ làm ngay. Họ không nhân đạo mà nghĩ "cùng là người Việt với nhau" như các con nghĩ đâu. Các con còn nhớ các mồ chôn tập thể ở Huế tết Mậu Thân, những lần họ ném lựu đạn vào các chợ hay rạp hát. Đó là những việc làm có chủ trương cả. Họ đâu có nghĩ đến sinh mạng của những người dân vô tội kể cả đàn bà và trẻ thơ. Họ tự phong cho họ cái quyền giết người vì hạnh phúc con người, giết người để cứu người. Họ được dạy dỗ như vậy, giết một số người nhỏ để cứu một số người khác đông hơn. Vì vậy mà họ giết người không gớm tay đâu, nhưng họ giết người mà có cứu được người không? Đó là chuyện khác. Họ cần đạt được mục đích, cướp được miền Nam và bằng mọi giá phải giữ được miền Nam. Giết các con thì họ không làm vì vì thành phần tập kết khá đông. Đem con cháu của của những người tập kết ra giết hết, sẽ có loạn ngay và kéo theo sự nổi loạn dây chuyền của những gia đình có con em là sĩ quan. Thời phong trào Việt Minh, nhiều người ra thành, chỉ mua một hộp sữa đặc cho thân nhân đang bệnh uống mà chúng khám xét gấp, chúng tra khảo đến chết rồi quăng vào bao bố, cột miệng lại, ném xuống sông mà họ gọi là "cho đi mò tôm". Vì vậy mà mẹ lo cho các con lắm! Chuyện tàn ác nào mà họ không dám làm. Cái chiến thắng này vẫn còn làm họ ngỡ ngàng như đang sống trong mơ như các con. Cái mà họ phải làm ngay bây giờ là gom các con lại để ổn định tình thế. Ngày bắt giữ các con sẽ gần đây thôi, còn ngày về của các con thì không ai có thể đoán được. Sau lần chiến thắng ở Trung Quốc một số sĩ quan cao cấp của Trung Hoa quốc gia bị giết, một số vẫn còn bị giam giữ cho tới giờ này. Họ sẽ không giết các con ngay, nhưng họ sẽ giết dần mòn các con ở trong tù. Việc làm này còn tàn ác hơn nhưng đối với người ngoại quốc, họ vẫn được tiếng nhân đạo vì không có cảnh tắm máu ở miền Nam như nhiều người dự đoán.

(các trang 129, 130)

Trong văn chương Việt Nam của chúng ta, hình ảnh bà mẹ của các nhân vật chính diện thường được lồng trong các bà lão nếu không quê mùa thì cũng không có vốn liếng kiến thức và không có trình độ học vấn bao nhiêu. Bà mẹ của Nam là một nhân vật đặc biệt mà ngay phần đầu câu chuyện tác giả Anh Vân đã giới thiệu là bà thích đọc sách. Cho nên gặp một bà già như thế trong Ác Mộng Đêm Dài chúng ta không ngỡ. Kiến thức của bà không phải chỉ nhặt nhạnh ở sách vở mà còn ở kinh nghiệm sống

dồi dào của bà nữa. Bà còn làm cho chúng ta lạnh xương sống hơn nữa khi khuyên Nam trước khi đi học tập cải tạo:

Nam hỏi:

- Sao mẹ lo lắng như vậy? Thông cáo đã nói rõ ràng là chuẩn bị đồ ăn trong mười ngày.

Mẹ Nam thở dài:

- Nếu được như vậy là điều may mắn.

- Mẹ có vẻ không tin.

Mẹ Nam nghiêm mặt:

- Mẹ đã dặn các con bao nhiêu lần, những gì người cộng sản nói thì không nên tin. Con lại quên lời mẹ dặn rồi.

- Họ đã ra thông cáo và người dân đã nghe rõ thông cáo đó. Chẳng lẽ, họ dám nói láo hay sao?

- Chuyện gì họ cũng dám làm miễn có lợi cho họ.

Nhìn sắc mặt có nét giận của mẹ, Nam không dám nói thêm.

Giọng mẹ Nam dịu dàng hơn:

- Dù không tin thì mình không biết phải làm sao nhưng nhớ, trong tù, họ sẽ kêu

con khai lý lịch và những việc làm của con trong quân đội. Con đã khai gì, phải nhớ ghi lại để khai lần sau cho giống. Nhớ khai trong bản lý lịch, hai người anh của con đi tập kết vào năm 1954. Họ sẽ bắt các con khai đi khai lại nhiều lần để xem những lời khai có mâu thuẫn không. Phải dùng cái khôn ngoan của mình đối phó với kẻ thù. Phải nhớ lần đầu tiên, con khai những gì thì lần thứ hai cũng chỉ có thế. Nếu mỗi lần khai, con thêm một số chi tiết thì họ cứ bắt con phải khai hoài để tìm hiểu thêm những việc con đã làm. Chuyện gì giấu được thì cứ giấu. Thà họ chụp tay mình còn chớ đừng tự ý đưa tay cho kẻ thù còng. Con nhớ chưa?

(các trang 161, 162)

Có thể mẹ của Nam nhờ đọc hồi ký của các tù nhân chánh trị dưới chế độ Cộng Sản nên có sự hiểu biết sâu rộng như thế. Nam quả thật có một bà mẹ tuyệt vời. Bà là ngọn đuốc soi sáng cho Nam đi trên con đường yêu nước, soi cho Nam nhận diện bộ mặt tàn ác nhưng luôn giả nhân giả nghĩa của Cộng Sản. Nhưng tiếc thay vì còn ở trong vòng phong tỏa của Cộng Sản nên bà không soi được cái trí trá của bè lũ con buôn chính trị bên phía Quốc Gia của chúng ta ở hải ngoại.

Riêng bà Ngõi, mẹ của Vinh và Hiền có học lực cao hơn mẹ của Nam, nhưng không có nhận định sâu sắc như mẹ của Nam. Hoàn cảnh và tâm sự của bà lại có chỗ ngắc ngoáo, éo le. Bà có người yêu tên Ngân theo phe Việt Minh chống Tây. Đang sự hoạt động ở thành phố, bị Tây bắt đưa về bót Catinat tra khảo cho đến chết. Do đó bà ghét Tây, ghét luôn Mỹ và phe Quốc Gia. Bà nghiêng cảm tình về phe Việt Cộng vốn là thù thân của phe Việt Minh. Bà kết hôn với Thiếu Tá Nghiêm (thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa), cha của Vinh và Hiền để có chỗ che chở. Hôn nhân không có tình yêu làm bà thất vọng. Cho nên bà ham tiền, làm đủ mọi cách để có tiền, dù phải lén lút làm ăn với bọn Cộng Sản để bán đứng Miền Nam Việt Nam đi nữa. Lỗi hồng tâm lý của bà phải có tiền trám đầy mới tạo cho bà sự thăng bằng. Sau ngày 30/4/1975, lúc đầu bà chạy theo chánh thể mới để bảo vệ tài sản của mình. Nhưng sau bao lần chứng kiến cái cách cướp nhà đoạt của do các cán bộ miền Bắc lòng hành, bà bắt đầu suy nghĩ và đặt lại vấn đề. Cái chết của Vinh làm cho bà khám phá một sự thật đau lòng: người con trai yêu quý của bà muốn chuộc lại lỗi lầm của bà nên hy sinh thân vào tổ chức kháng chiến chống bạo quyền, không ngại hiểm nguy đến sinh mệnh.

Với hành động đốt nhà của mình rồi tự thiêu luôn, bà Ngõi chứng tỏ sự phản kháng của mình là cách phản kháng song đôi, tiêu cực và tích cực, chủ động lẫn thụ động. Trong truyện, sau khi phục rượu cho bọn công an say như chết, bà nổi lửa tự thiêu, nhưng tác giả không nói rõ bọn công an có thoát khỏi biển lửa hay không? Nhưng người đọc tin rằng, men rượu cực mạnh làm cho tứ chi bọn chúng rũ liệt, nếu chúng không biến thành tro than thì cũng bị quay bị nướng như lợn như gà.

Sau đây là tâm sự của bà Ngồi vào đêm cuối đời của bà:

Cái chết của đứa con thương yêu vẫn còn rỉ máu trong tim bà. Nhu cầu tình cảm hiện giờ của bà là hai đứa con, nay chúng đã bỏ ra đi thì bà cần gì nữa? Sợ gì nữa? Trong đời sống, điều làm người ta sợ hãi là sự chết, nhưng với bà bây giờ cái chết không còn làm bà sợ thì bà sợ gì mấy thằng trong Ủy Ban Hành Chánh. Cái chết đối với bà là lối thoát êm đẹp nhất, một mơ ước quái đản mà bà đã nghĩ ngợi tới luôn và bà đã chuẩn bị tất cả cho bà. Sở dĩ bà vẫn còn nán ná đến ngày hôm nay cũng chỉ để chờ tin tức Hiền, xem con bà đã đến bến bờ tự do chưa để bà yên tâm ra đi. Bây giờ tình thế bắt buộc phải đi sớm hơn dự định thì đi, có gì mà sợ. Biết đâu trong cõi thiên thu đó, bà sẽ gặp lại Vinh, đứa con trai thương yêu của bà và biết đâu trong cõi sống không thù hận đó, con bà sẽ tha thứ cho bà.

Đến lúc tuổi già, bao nhiêu bất hạnh xảy đến, bà mới hối hận là trong quá khứ, bà đã sống với quan niệm sai lầm, coi tiền bạc mới là điều đáng kể. Bà đã không ngần ngại gây ra bao tội lỗi với chồng con, với đất nước. Những ngày tháng cuối đời, bà đã ý thức được điều đó nên chẳng còn tha thiết gì đến sản nghiệp này và cũng lần đầu tiên trong đời bà cảm thấy hối tiếc về những chuyện đã làm. Bà muốn quay về với Chúa một lần nữa, nhưng chiếc cầu liên lạc giữa bà và Chúa đã gãy.

Thuở trẻ, nhiều lần bà đứng cầu nguyện trong Hội Thánh, xưng mọi tội lỗi ra với Cha để được thanh thoi vì tin rằng tội lỗi đã được tha. Bà muốn được trong sạch, không một vết nhơ tội lỗi nào để được giống như Chúa, nhưng đồng tiền đã đẩy bà xa cách Chúa. Bà đã có một thứ thần tượng khác để tôn thờ. Đó là tiền! Là Tiền! Đồng tiền là tất cả. Bà đã không ngần ngại tiếp tay với kẻ thù để đặt một thứ chủ nghĩa phi nhân lên đầu lên cổ đồng bào bà, cái thứ chủ nghĩa coi mạng sống con người như rơm rác và đang biến đồng bào bà thành những con người không có trái tim. Bà từng chuyên vũ khí, thuốc tây trên đường thủy bằng những chiếc thuyền bán hàng bông trên sông. Bà đã từng tổ chức những đám tang mà trong quan tài không có người chết, chỉ chứa vũ khí và thuốc tây rồi ban đêm kẻ thù đến đào mang lấy về. Trong lúc tiền bạc tuôn vào như nước, bà say tiền, không nhìn thấy tội lỗi. Càng ngày bà càng đi sâu vào tội lỗi hơn.

(các trang 479, 480, 481)

◦ ◦

◦

Có thể bảo ngòi bút của Anh Vân làm một cuộc viễn du hào hứng qua bốn giai đoạn lịch sử: ngày tàn của Miền Nam Việt Nam, giai đoạn đầu của nền cai trị độc ác của bọn giặc đỏ sau khi cưỡng chiếm miền Nam, giai đoạn nhục nhằn khôn khổ của những kẻ vượt biên phải trả giá tự do rất đắt. Và sau hết là sinh hoạt của lũ mị dân và của những kiêu bào nhiệt tâm yêu nước ở hải ngoại.

Đa số những nhà văn có tâm huyết thường đem tâm tình viết lịch sử. Sử gia thì chỉ có việc ghi chép mọi lớp sóng phé hưng của lịch sử dân tộc sao cho trung thực, cho chính xác. Thỉnh thoảng, họ phê phán các chính sách của các triều đại, của các chế độ, phê phán hành động của các nhân vật lịch sử, chứ không dám đá động tới nhân sinh quan, cảm nghĩ của các nhân vật lịch sử đó. Còn nhà văn thì dùng một giai đoạn lịch sử nào đó để làm đề tài cho tác phẩm của mình. Họ có quyền sửa đổi chút ít hành động của các nhân vật lịch sử mà họ dùng làm nhân vật cho tác phẩm mình. Họ có quyền thêm thắt vai nhân vật giả tưởng có liên quan tới các nhân vật lịch sử để đôi bên cùng hoạt động hay tương tranh trên các ván cờ lịch sử. Và để tác phẩm tươi mát hoặc ướt át sương mưa trữ tình lãng mạn, tác giả lịch sử tiểu thuyết có thể nặn ra những giai nhân tượng tượng để cho họ bắt liên hệ cùng nhân vật anh hùng dân tộc. Đó là trường hợp Lan Khai đã cấu tạo cô nàng nữ hiệp giả trai mặc áo xanh để bắt tình với Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ trong quyển Chàng Áo Xanh. Nữ sĩ Kathleen Windsor trong quyển Ambre đã tạo ra nàng Ambre sắc nước hương trời để đan díu với vua George Đệ Nhị nước Anh. Tác giả cuốn Phản Đường hay tác giả quyển dân thư Như Ý Quân đã tạo ra chàng Tiết Ngao Tào với tài sành điệu trong thú gối chăn để làm thỏa mãn tình dục cho Nữ Hoàng Vũ Tắc Thiên...

Ác Mộng Đêm Dài nêu trình làng trước đây 15 năm là một cuốn tiểu thuyết hiện thực phản ánh sinh hoạt các cộng đồng kiêu bào ở hải ngoại. Bây giờ nó trở thành một cuốn dã sử tiểu thuyết với các nhân

vật hư cấu chường mặt ra sân khấu cuộc đời, còn những nhân vật có thật như Hoàng Cơ Minh và bè lũ của mặt trận chỉ được xuất hiện trên những dòng thuyết thoại đơn sơ và gầy gò... Hay đúng ra đây là quyển tiểu thuyết hiện thực lấy bốn giai đoạn lịch sử khác nhau để dựng nên bối cảnh khác nhau trong bốn giai đoạn thời gian kế tiếp nhau.

Tác giả Anh Vân viết tác phẩm Ác Mộng Đêm Dài bằng nước mắt, bằng trái tim thành khẩn. Anh như nhập vào mỗi nhân vật và đồng hóa với họ để cảm xúc, để tư duy theo mệnh nước nổi trôi, theo sự tráo trở của bọn người giả danh đi làm lịch sử bằng cách buôn người ái quốc, bằng cách hủy diệt truyền thống tin yêu của dân tộc. Đây cũng là bản cáo trạng đen, một bản tường trình đẫm máu để chúng ta suy gẫm, để những thế hệ mai sau nắm vững sự thật đau lòng về những kẻ trưởng thành từ cuộc nội chiến Quốc Cộng cho đến khi họ thoát ly địa ngục Cộng Sản để định cư ở hải ngoại. Và tác phẩm còn cho chúng ta thấy tác giả là một kẻ yêu đương nồng nhiệt thiết thành khi anh hóa thân nhập cuộc vào các nhân vật xương sống trong tác phẩm như Nam, Sử, Hiền và Lan, làm cho tác phẩm đa dạng tình người và tươi mát mạch sống. Ngoài ra, anh còn chứng tỏ mình là một tác giả ưu tư với căn phận thâm trầm của tổ quốc qua hành động và nếp tư duy của các nhân vật ấy.

CHƯƠNG 9: TỔNG QUAN VĂN CHƯƠNG CỦA NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

Từ khi khởi nghiệp vào năm 1967 cho tới năm 1975, Nguyễn thị Thụy Vũ đã trình làng 10 tác phẩm như sau: "Mèo Đêm" (tập truyện), "Lao Vào Lửa" (tập truyện), "Ngọn Pháo Bông" (truyện dài), "Thú Hoang" (truyện dài), "Chiều Mênh Mông" (tập truyện), "Khung Rêu" (truyện dài), "Nhu Thiên Đường Lạnh" (truyện dài), "Nhang Tàn Thấp Khuya" (truyện dài), "Chiều Xuống Êm Đềm" (truyện dài), "Cho Trần Gió Kinh Thiên" (truyện dài). Chị chường mặt trên văn đàn giữa lúc Nhã Ca viết chuyện anh tiên tuyền em hậu phương pha một chút bóng dáng văn chương thời thượng, giữa lúc Túy Hồng le lói văn chương hâm hấp tình dục, giữa lúc Trùng Dương và Nguyễn Thị Hoàng mãi miết chạy theo văn chương hiện sinh...

Văn chương Thụy Vũ thật khó xác định. Chị viết về tâm sự cô đơn của các cô gái già, chị viết về xã hội các cô gái buôn hương bán phấn, chị viết về sinh hoạt của gia đình nhiều biến cố có liên quan đến thời cuộc và đến những khúc quanh của lịch sử. Đó là thứ văn chương hiện thực xã hội pha trộn một chút bóng dáng văn chương nổi loạn vốn là tàn dư sót muộn của văn chương hiện sinh. Trừ Nhã Ca ra, bốn nhà văn nữ Trùng Dương, Túy Hồng, Thụy Vũ và Nguyễn Thị Hoàng xiên dương thứ văn chương tình yêu trượt qua tình dục, không cần miễn cưỡng, không cần chống đối sự trượt ngã ấy. Văn chương của họ phải tách ra phong cách cô giáo, phải phản ánh trung thực cái ước vọng của họ, không cần nguy trang nẹp suy nghĩ của mình. Họ sống sượng, ngang ngược, rồi bù lu bù loa, rồi tru tréo, rồi dầy dặt đạch với thứ cảm tính bung vỡ như trái lựu đạn rút chốt nổ tứ tung. Nhưng Nhã Ca vẫn có những truyện ngắn khá nổi loạn, tách rời lối văn những kẻ đi trước mình như Thụy An, Mộng Sơn Nguyễn Thị Vinh, Linh Bảo, Đặng Thị Thanh Phương, Minh Quân, Minh Đức Hoài Trinh... Cho nên Nhã Ca, Túy Hồng, Thụy Vũ, Nguyễn Thị Hoàng trở thành 5 cây bút phụ nữ thời danh lẫn thời thượng gây biết bao dao động trong văn giới. Nhã Ca cũng dùng bút pháp khi thì rống la khóc lóc, khi thì mơn man quá trớn, chị cũng tô đậm sắc thái tình cảm một cách cầu thả, buông lung. Nhưng cả năm mở rộng cách yêu đương đôi lứa rồi đặt lại vấn đề về yêu cái tự do cá nhân, sự mến chuộng cuộc sống riêng tư. Họ xiên dương sự thành khẩn với chính mình, sự can đảm đập nhàu lên cách thưởng ngoạn cổ truyền của thành phần đa số độc giả có đầu óc bị đóng khung trong lễ thói đạo đức. Đó là một đặc điểm rất kỳ đặc, rất lộng lẫy trong văn giới làm chấn động một thời đại của nền văn chương Miền Nam Việt Nam trong bối cảnh ngập tràn khói lửa máu xương.

◦◦
◦

Xin điểm qua các cuốn sách của Nguyễn Thị Thụy Vũ đã xuất bản: * "Mèo Đêm": Khi quyển sách này nhà xuất bản Thời Mới trình làng thì chỉ gồm có 4 truyện ngắn. Hai truyện ngắn " Một Buổi Chiều", "Đợi Chuyến Đi Xa" nói về tâm trạng ray rứt thêm thường tình yêu lẫn tình dục của một cô gái già. Hai truyện ngắn " Mèo Đêm", "Nắng Chiều Vàng" viết về các cô bán snack bar đan díu với bọn lính Mỹ. Khi được nhà xuất bản Kim Anh tái bản thì có thêm 2 truyện ngắn " Bóng Mát Trên Đường" và "Miền Ngoại Ô Tình Lẻ"; hai truyện ngắn này cũng chỉ nói lên niềm cô đơn của tác giả được thể hiện qua hai nữ nhân vật chánh. Văn chương tình tự của tác giả êm dịu, đôi lúc thơ mộng nữa là khác, nhưng đôi lúc lại le lói mằm mồm nổi loạn.

* "Lao Vào Lửa": Đây là quyển sách thuần túy viết về nếp sinh hoạt của các cô điểm trá hình các cô chiêu đãi viên trong các snack bar. Hai truyện ngắn "Chiếc Giường" và "Lao Vào Lửa" lấy bối cảnh tại một snack bar ở Sài Gòn, còn truyện ngắn "Đêm Nổi Lửa" lấy bối cảnh ở nhà thương khám bệnh hoa liễu mà thời nhân gọi là Nhà Thương Bạc Hà. Nhân vật chánh bị bắt đi 'lục-xì' và bị giam lỏng ở nhà thương ấy. Muốn thoát ra khỏi nhà thương ấy, đương sự thông đồng với kẻ bị giam đồng cảnh ngộ với mình và người tình nhân Việt Nam ở bên ngoài. Đợi vào tới đêm cận Tết, cả bọn nổi lửa gây hỏa

hoàn đề thừa lúc hôn loạn chạy thoát ra ngoài.

* "Chiều Mênh Mông": Tập truyện này gồm có một truyện tả tâm trạng những nhân vật cô đơn như truyện ngắn "Chiều Mênh Mông"(cùng tựa với tập truyện). Truyện ngắn "Tiếng Hát" miêu tả cái bờ ngõ cô thiếu nữ lạc loài theo kiểu tha phương cầu thực. Tình cờ cô bước vào cái xã hội văn nghệ sĩ thời thượng và chịu ăn nằm với một chàng du ca mà không thể nghĩ sự dan díu sẽ đi tới đâu sau cuộc làm tình không mấy hào hứng đó. Truyện ngắn "Lia Sông" mô tả cô gái già may mắn tìm được tấm chồng rồi đi đến cuộc hôn nhân ở phần kết thúc câu chuyện; nhưng trong cuộc hành trình của cây bút, tác giả cho cô gái rên siết đầy dứa, than thân trách phận nghe mà ớn ớn. Truyện ngắn "Cây Độc Không Trái" mô tả cô gái bán snack bar đi phá thai. Cách phá thai được tác giả mô tả đến nơi đến chốn làm người đọc rung mình. Rồi tác giả mô tả luôn mặc cảm phạm tội của cô gái cùng cái ý tưởng mai sau mình sẽ tuyệt tự. Truyện ngắn "Trôi Sông" và truyện "Đêm Tối Bao La" với bút pháp dử dẩn, với cốt truyện phan phui tàn nhẫn cái bản năng giông bão của hạng cùng đinh trong xã hội. Bút giả sẽ khai thác 2 truyện ngắn này sau.

* Thú Hoang: Mô tả cái thế giới nữ sinh trong trường công lập tại tỉnh lẻ. Các độc giả đừng hòng gặp cái thời kỳ thơ mộng quý báu của thuở học trò. Ba nữ nhân vật chánh, cô thứ ba thì bị tên nam sinh trường khác cưỡng dâm, cô thứ hai thì dan díu với tên nam sinh sở khanh đến nỗi ôm hoang thai và ả ta lại phải phá thai, còn nữ nhân vật thứ nhất xưng tôi vì chán không khí u trầm nơi tỉnh lỵ cổ hương nên bỏ nhà lên Sài Gòn để làm cuộc đời mới. Nhưng trong chuyến xe đò, y thì gặp tên nam sinh sở khanh, cảm thấy mềm lòng lỏng dạ khi được hấn ve vãn. Tới đây tác giả chấm dứt câu chuyện. Không ai có thể đoán biết cuộc đam mê sẽ đưa đẩy y thị tới đâu.

* "Ngọn Pháo Bông": Đây là truyện dài mô tả tâm trạng một cô gái buôn hương bán phấn về chiều, nhưng vẫn còn hấp dẫn mấy anh lính G.I trẻ trung. Khốn nỗi cô ta lại yêu loại trai đồng chủng bị chúng rút rĩa bòn tiền. Rồi cô ta bị đâm chết trong căn apartment mà nhà chức trách không sao tìm ra thủ phạm. Đây là một nhân vật có thật tên Yến có hồn danh là Yến Ngựa mà giới "chị em ta" và giới vũ nữ trong các vũ trường hoa lệ ở Sài Gòn đều biết tiếng. Nhưng tác giả đổi tên cô ta là Thắm Ngựa. Cái chết của cô ta được báo chí xôn xao cả tuần.

* "Như Thiên Đường Lạnh": Chuyện đời sống của đôi vợ chồng định cư trên một giang đảo (cù lao An Thành đối diện với chợ tỉnh Vĩnh Long qua nhánh sông Cổ Chiên). Chồng là thầy giáo tiểu học, tánh lông bông, ưa ngoại tình, không hẳn là người tham thanh chuộng lạ, không hẳn là thứ ưa thú vui tửu sắc, mà là chán cái lập đi lập lại rất vô vị của cuộc sống không biến cố. Vợ là người đàn bà đảm đang, ghen tương, hờn hờn nhưng hết dạ yêu chồng. Người chồng vốn thích cuộc sống thay đổi, nhưng không dám sống dù có gặp sự thay đổi thực sự đi nữa. Y ta cảm thấy cuộc sống hầu như ngưng đọng ở vùng nửa chợ nửa quê, rồi vì tinh thần bạc nhược nên y ta vẫn giữ nghề gõ đầu trẻ, lóng ngóng một sự thay đổi, nhưng sự thay đổi không hề xảy đến. Cuốn sách toát ra không khí chán nản, uể oải như không khí trong truyện dài "Bản Khoăn" của Khải Hưng.

* "Nhang Tàn Thấp Khuya": Đây là câu chuyện người vợ đang yêu chồng, gánh vác hoàn bị giang sơn nhà chồng vốn là đại gia thuộc thành phần trưởng giả. Nhưng không ngờ, một người bạn chồng hiện đến. Y ta bạc nhược tinh thần, trái hẳn cái vững chãi lạnh mạnh của chồng. Người vợ vốn cảm thông, rất bao dung và hay mềm lòng đối với kẻ yếu đuối. Nàng không ngờ từ tấm lòng hào sảng của mình, nàng lún sâu vào tình yêu. Người bạn chồng và nàng đều hiểu nhau rằng họ đã yêu nhau, người bạn hăm hở tiến tới, còn người vợ vì lễ giáo nên chỉ biết đau khổ trốn vào bốn phen vợ hiền. Song song với tình yêu chồng, người vợ có một niềm bí mật vạn phần lộng lẫy để cất giấu trong kho tàng kỷ niệm của riêng mình.

* "Chiều Xuông Êm Đêm": Truyện xảy ra vào thập niên thập niên áp chót của thế kỷ 19. Đôi vợ chồng già trưởng giả ở làng Đạo Thạnh, tỉnh Mỹ Tho sống cô đơn, nương tựa vào nhau. Hồi xưa, vào tuổi hoa niên, người chồng đã từng chứng kiến người cô ruột hầy còn là xử nữ của mình trong chuyện hải trình từ Huế vào Nam Kỳ bị làm lễ tế thủy thần cầu cho biển lặng sóng êm.

Chủ thuyền và cả bọn hành khách mê tín trong thuyền nhấn tâm liệng người thiếu nữ ấy xuống biển cho Long Vương làm vợ bé. Khi trưởng thành, đương sự cưới một người thiếu nữ họ hàng với ngài Tả Quân Lê Văn Duyệt làm vợ. Nhưng nghiệt thay, sau đó Lê văn Khôi, con nuôi ngài Tả Quân khởi loạn, rồi bị triều đình tiêu diệt. Họ hàng của ngài Tả Quân đều bị xử tử theo án tru di tam tộc. Người vợ họ Lê dùng bột tỳ sương tự vận để khỏi bị lôi ra pháp trường xử chém. Người chồng khốn khổ đó sau đó ít lâu tái hôn với một thiếu nữ khác. Dù được người vợ sau yêu thương và tận tụy săn sóc, nhưng hai vết thương trong tâm khảm người đàn ông khốn khổ kia không thể nào phai mờ. Người vợ sau chỉ sinh hai cô con gái. Cả hai đều xinh đẹp và hiếu hạnh, đều được lấy chồng có địa vị cao sang trong xã hội, làm vẻ vang cho cha mẹ. Con gái lần lượt theo chồng. Dưới mái nhà cổ kính âm u chỉ còn đôi vợ chồng già. Đây là lúc lão ông sông hoàn toàn với dĩ vãng đau thương. Và đây là lúc lão bà lo sợ cái chết cướp mất một ai trong hai vợ chồng để người ở lại chịu cảnh lẻ loi trong buổi hoàng hôn cuộc đời.

* "Cho Trận Gió Kinh Thiên": Đây là một xã hội thu nhỏ ở một xóm lao động ở chặng giữa Chợ Đũi và bót cảnh sát Quận 3 của Thủ Đô Sài Gòn. Khu xóm ở gần đình Phú Thạnh và tòa Đại Sứ Cầm-bốt trước năm 1975. Trong xóm ấy có nhà chứa điểm, có các chiếu bạc sòng bài, có quán nhậu, có chỗ hút nha phiến... Trong khung cảnh có tứ đồ tường ấy, trừ hai nhân vật chánh có ăn học là đôi tình nhân Đồng và Nguyệt, còn ngoài ra thì gồm những nam nhân vật thuộc hạng đá cá lặn dưa, những nữ nhân vật thuộc hạng Chăn ăn trần quán. Mỗi nhân vật đều có cá tánh riêng, có cuộc sống riêng tư bề bộn riêng. Đàn bà gặp lúc phong trào Mỹ qua Việt Nam tham chiến, đua nhau lấy Mỹ. Rồi còn vụ ngoại tình, vụ tham dâm chuồng dục, chuyện mê bài bạc sa đà, chuyện buông thả bán thánh. Tác giả dùng ngòi bút của mình đập mạnh vào hoàn cảnh và nội tâm mỗi nhân vật để họ lòi ra nguyên vẹn cái bản năng đề tiện lẫn một vài căn tánh được thiên lương soi sáng. Nhiều chi tiết sinh động làm cho tác phẩm lồ lộ nét sống thực tươi rói. Trước đó, quyển truyện dài "Thềm Hoang" của Nhật Tiến dù đoạt giải nhất về văn chương của giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc lại thiếu chi tiết đặc thù và sống thực. Cho nên khi được tái bản ở Việt Nam dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa thì nó bị chê bai dè bĩu là tác giả chỉ viết được vài chuyện chung chung hoặc chuyện hư cấu mà ai ai cũng đã biết qua rồi. Văn hào Léon Tolstoi cho rằng chi tiết làm nên đại cuộc. Nhật Tiến không có chi tiết đặc sắc theo nhu cầu đòi hỏi của văn chương. Trái lại Thụy Vũ tìm gặp những chi tiết ấy trong một cái xã hội có thật nên nét đặc thù của chúng được hiển lộ toàn vẹn và được khai thác triệt để. Chắc chẳng có ai chịu khai thác chuyện bà mẹ trong căn gác xếp ngôi niệm Phật thì cô con gái lợi dụng đêm tối không trăng, chỗ khuất cột đèn nên đem tình nhân của mình hì hục làm tình ở ngoài bao lon khiến bà ta than thở rồi rầy rà: "Mèn ơi, mỗi khi mình mở miệng niệm Phật thì ở ngoài tụi nó làm đùng đùng như cù dầy". Lại có một vận sự nữa. Đôi vợ chồng già chỉ ở chung với nhau vì nghĩa, hết còn vì tình. Ông chồng đau ốm dầy dưa làm phèn bà vợ trong khi bà mê sa bài bạc. Khi ông hấp hối, đưa cháu đến sòng bài tứ sắc báo tin cho bà hay. Bà nhứt định đánh cho tới đứt chén mới về nhà lo ma chay cho chồng. Bà già này có đứa em gái vừa câm vừa điếc. Vầy mà y thị tìm đâu được vài tên đàn ông vô danh nào đó gieo giông để y thị lần lượt đẻ hai đứa con cho chị mình nuôi. Đến khi y thị lần lượt ra chết, bà già mê bài bạc kia vẫn tiếp tục đánh tứ sắc trong khi xác em gái mình còn nằm trên gác chưa tẩn liệm.

◦◦◦

Nếu bình tâm mà xét, trong mười tác phẩm gồm truyện ngắn lẫn truyện dài thì chỉ có "Cho Trận Gió Kinh Thiên" (truyện dài) cùng ba truyện ngắn "Trôi Sông", "Đêm Tối Bao La" và "Lòng Trần" là đáng nói hơn vì những tác phẩm này đập mạnh vào cõi ấn tượng độc giả bằng những nhát búa khốc liệt. Những truyện ngắn lẫn truyện dài khác, kể cả quyển "Khung Rêu" đã từng đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc năm 1970 cũng chỉ xây được cái nền móng và các rường cột cho ngôi nhà văn chương của Nguyễn Thị Thụy Vũ mà thôi. Chính 1 truyện dài và 3 truyện ngắn mà tôi vừa kể mới thấp hào quang cho văn nghiệp kia, mới làm rạng ngời thần trí sáng tạo của tác giả. Nhã Ca viết về cảnh

hậu phương xa tâm lửa đạn khói súng. Văn chương quá hiền. Túy Hồng rông la tru tréo thân phận đàn bà bị thiệt thòi. Cũng còn hiền thôi. Trùng Dương và Nguyễn Thị Hoàng chạy theo gót văn chương mệt mỏi, chán chường, bồn nôn, bợn dạ, ối mửa lung tung của chủ nghĩa hiện sinh. Cũng vẫn còn hiền. Nhưng Nguyễn Thị Thụy Vũ qua 3 truyện ngắn và 1 truyện dài kia có thể cửa mạnh vào tâm khảm độc giả những nhát dao độc địa, những lần roi tàn nhẫn. Còn ngoài ra những tác phẩm truyện dài truyện ngắn khác chỉ đọc được thôi, không khởi sắc, không làm khách thưởng ngoạn sành điệu khác khởi hứng bao nhiêu.

Những cây bút phụ nữ ở hải ngoại chỉ có Hàn Song Tường, Nguyễn Thị Thanh Bình và Lê Thị Thẩm Vân với các tác phẩm xuất hiện vào đầu thế kỷ 20 là triển khai cái dữ dằn của Dostoievski, của Yukio Mishima nên văn chương họ đôi lúc làm bàng hoàng và xây xẩm người đọc. Họ đã trở thành ngoại lệ. Họ thăng hoa bằng một tốc độ khủng khiếp. Họ tràn lướt qua 5 cây bút thời danh vào thập niên 50 của thế kỷ vừa qua như Lê Thị Huệ, Phan thị Trọng Tuyển, Trần Diệu Hằng, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Thị Hoàng Bắc bằng những bước chân khua động hơn. Còn những nhà văn nữ khác hoặc đồng thời hoặc hậu bối với quý bà có lối văn chương dữ dằn kia, lớp thì lờn vờn chút khói sương lãng mạn như Hoàng Nga, lớp thì gọt dũa và chạm trổ cảm xúc hoặc thêu thùa hoa lá cành trên cái mặt ngoài của cuộc sống; đó là trường hợp của Đặng Mai Lan, Lê Thị Minh Hà. Còn lớp thì còn nắm nuôi loại văn chương hiện thực đang hồi héo úa như Trần Thị Diệu Tâm. Tìm không ra, kiếm không nổi nhiều cây bút phụ nữ khác dám đương đầu với những cái thô bạo, cái nhám nhúa sần sùi trong cuộc sống. Lại còn không có cây bút phụ nữ nào khác dám lột trần lớp nguy trang cái bình diện an lành đối trá, cái thỏa hiệp hèn mọn đối với cuộc sống giả tạo.

Ở hải ngoại, 4 truyện ngắn của Nguyễn Thị Thụy Vũ được các báo đăng đi đăng lại nhiều nhất là: "Đêm Tới Bao La", "Lòng Trần" và "Quê Nhà". Truyện ngắn "Lòng Trần" đạt đến phạm vi Duy Thức Học của Phật giáo. Điều đó đã đưa tên tuổi tác giả lên cao trong khoảng đầu thập niên 70 của Thế kỷ 20.

Nguyễn Thị Thụy Vũ không hề nêu tình ý gì rõ ràng trên mặt chữ. Chị viết khơi khơi, chỉ trình bày diễn biến của sự việc. Nhưng ở truyện ngắn "Lòng Trần", ẩn sau mặt chữ của chị thấp thoáng bao điều làm chúng ta ray rứt bàng hoàng khiến chúng nghĩ ngợi không thôi. Một chân trời tư tưởng mệnh mông và thăm thẳm? Một bí nhiệm nằm sau lưng cuộc sống hay ở ngay trong cuộc sống? Làm sao chúng ta nắm bắt được trọn vẹn ý tình của chị? Tuy nhiên, chúng ta vẫn cứ tiếp tục ray rứt bàng hoàng, vẫn cứ tiếp tục suy gẫm...

* "Trôi Sông": Truyện ngắn này gồm 2 nhân vật bị hắt ngoài lề của xã hội giàu sang mà họ đã từng ao ước. Một lão già có cô gái làm hầu thiếp cho một viên quan tri phủ về hưu. Lão chỉ được cấp dưỡng bằng số tiền quá ít ỏi, ăn uống đạm bạc theo bậc tôi tớ trong nhà. Một mù đào hát bội già nua đã hết thời từ lâu, phải về cái xóm ngoại ô tỉnh Vĩnh Long hằm hút cháo rau cho qua ngày đoạn tháng. Nhưng ai cấm lão già mơ vào một ngày đẹp trời nào đó, con gái lão được Trời ngó lại để xui khiến cho quan phủ sủng ái y thị, chu cấp tiền bạc bộn bành cho y thị? Ai cấm mù đào hát bội nhớ tiếc vào thời dĩ vãng vàng son, mình được các bậc hào phú trưởng giả đưa đón và nuông chiều? Trong lúc quăng mình thăng hoa vào ảo tưởng chói lọi ánh vinh quang, họ tưởng chừng mình hóa thân vào một người hào hoa khác hẳn con người hiện tại. Họ cần phải hưởng thụ. Cho nên họ cụp lạt với nhau. Lão già trong lúc hành dâm, chết trên mình mù đào hát bội già. Tới sáng, mù mới biết người bạn chăn gối với mình tối hôm qua đã cưỡi ngựa gió châu Ngọc Hoàng Thượng Đế rồi. Mù nổi cơn điên la hét khủng khiếp.

* "Đêm Tối bao La": Khi được đóng góp vào quyển tuyển tập truyện ngắn của nhiều tác giả "Ba Miền Mười Khuôn Mặt", truyện ngắn này có cái tựa là "Bà Điếc". Khi được vào tập truyện "Chiều Mênh Mông" của Nguyễn Thị Thụy Vũ thì cái tựa của nó được đổi thành "Đêm Tối Bao La". Cốt truyện như sau: Trong ngôi nhà cổ kính của một gia đình địa chủ đang hồi suy sụp có cô gái già mập ú tên Linh ở chung với bà đầy tớ già điếc lác được gọi là "bà Điếc". Cha mẹ cô Linh đi làm ăn ở xa. Cô mòn mỏi đợi có người đến hỏi cưới, nhưng chẳng có anh chàng nào tình nguyện cho

cô trao thân gửi phận Túng thế cô đan dúi với một người đàn ông tên Duy xấu trai, gia thế và tung tích mơ hồ, tư cách và tâm địa chẳng có gì đặc sắc. Bên cạnh cô, bà Diệc sống náo nhiệt hơn cô với tâm tánh quái dị, với tình trạng dở điên dở khùng. Với thân phận tội tở không thể lấy chồng được, không có tiền ăn diện lại già nua xấu xí, cho nên bà Diệc dù rưng rưng cũng tỏ ra mình vẫn mình tân thời như ai. Bà mua kem chà răng... để đánh nướu răng, chắt mót tiền đi uốn tóc, nhưng vì biết bà khùng nặng nên các tiệm uốn tóc từ chối. Bà yêu một ông già có vợ, nhưng ông ta chỉ cặp xách bà qua đường mỗi khi từ dưới quê lên chợ tỉnh mua sắm. Rồi bỗng dưng cái ảo tưởng (les illusions) muốn làm trẻ đẹp, muốn có cuộc sống người tân thời, muốn có tình yêu của bà ta vụt biến thái thành những khả tượng (les visions) quái đản. Bà thấy giữa ngày có ác thú hoặc cơn lụt lội hay cơn hỏa hoạn xảy đến. Có đêm bà thấy Linh bị kẻ lạ cưỡng bức. Kết cuộc câu chuyện, bà Diệc chết vì chứng xơ gan, còn Linh bị tên Duy tặng cho cái bầu, nên cô phải phá thai và dự định lên Sài Gòn để xa lánh cuộc sống hẩm hiu trong ngôi nhà quanh vắng tại miền ngoại ô tỉnh lỵ.

Xin đọc đoạn chót trong truyện "Bà Diệc" tiền thân của "Đêm Tối Bao La" đã đăng trên đặc san Phù Sa Sông Cửu vào dịp Tết năm Giáp Tuất (2004) do Hội Ái Hữu Vĩnh Long & Vĩnh Bình & Sa Đéc ở Houston, Texas thực hiện:

Anh Duy! Sau vụ phá thai, em sứt mất mười hai ký thịt. Em gầy gò, xanh xao. Đàn ông như anh là kẻ vô trách nhiệm. Anh chớ tưởng sức mảy mà em trả đũa chuyện anh bỏ em bỏ vợ với cái bào thai trong bụng được ba tháng. Đêm đêm, em giựt mình, có cảm tưởng mình là kẻ sát nhân. Mai sau xuống âm ti địa ngục, cũng riêng mình em chịu tội. Càng tội hơn là lúc đầu, em chẳng may bị lương tâm cắn rứt.

Bà Bảy Diệc đã chết. Tới phút lâm chung, bà chịu rửa tội để về với Chúa. Lẽ nào, một cô gái trẻ như em ở bên lề cái thế giới âm hồn như vậy mãi sao anh?

Bây giờ em chỉ còn hai lượng vàng và vài cái máy may. Đợi cho da thắm thịt để che mặt thể gian, em sẽ tiếp tục may thuê cho thiên hạ. Đời em chưa hẳn tàn như cảnh chợ chiều. Em sẽ chắt mót từng đồng để tìm bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ. Em sẽ cho bơm cái ngực teo trở thành cái ngực vĩ đại, sẽ nhờ ông ta vá lại màn trình. Để rồi anh xem. Em sẽ lấy chồng sĩ quan Thủ Đức. Nhứt định đời em chưa lâm vào ngõ bí đâu. Trả thù anh, chẳng lẽ em mượn du côn đánh anh. Em sẽ làm một người đàn bà phong nhã. Đôi lúc em còn mơ đi học hát để trở thành ca sĩ phòng trà.

Giờ đây thì em cô đơn quá. Ba má em trị cái tội lầm lỡ của em bằng thái độ hắt hủi, bỏ liêu. Quần áo em giờ đây rộng phùng phình. Phải sửa sang lối ăn mặc, trang diện, em mới báo thù anh, cho anh sáng mắt ra là con Linh này không phải là thứ gái gặp chuyện rủi ro là đem nước mắt ra giải quyết.

Nhìn trẻ con lồi xóm, em đau lòng. Phải chi anh chịu làm cha thì con chúng ta sẽ chường mặt với thể gian. Trời sẽ phạt em. Mai sau dù có chồng đàng hoàng, em sẽ tuyệt tự. Em vốn hiền lành, nhân đạo, tại anh, tại anh đó, em mới làm kẻ sát nhân.

Em sẽ đi r a khỏi tỉnh nhà, chạy trốn ám ảnh quá khứ. Mùa này có ốc gạo và xoài tượng. Các bà mang bầu tha hồ ăn cho thỏa thích bù tới lúc nằm giường cũ chỉ ăn cơm trắng với cá kho khô. Bây giờ em bệnh hoạn, chẳng ăn gì ngon, lại ngủ không được. Nhắm mắt lại em thấy đứa nhỏ bò qua bò lại, nhe hai cái nướu trống trơn ra cười với em. Lại nữa hình ảnh bà Diệc ám ảnh em từng giây phút, ban đêm lẫn ban ngày. Biết đâu em sẽ là phản ảnh của bà sau này, điên cuồng vì khát vọng mà quên mất tuổi già.

Ồi! Em sẽ chết trong êm vắng, trong ám ảnh vậy vò chẳng? Em phải đi, phải đi...

(trang 140)

o o

o

Truyện ngắn "Lòng Trần" trong tuyển tập truyện ngắn gồm nhiều tác giả "Những Truyện Ngắn Hay Nhất Trên Quê Hương Chúng Ta" do Sóng xuất bản vào năm 1973. Trước đó, hình như vào năm 1969 thì phải, truyện ngắn này được đăng trên tập san Văn do Nguyễn Đình Vượng làm chủ nhiệm, nó có cái tựa là "Muồng Nước Mắm". Truyện kể như sau: Năm Thành là cô đào hát bội, thanh sắc lẫy lừng được

một ông phú hộ say mê. Ông tình nguyện gia nhập gánh hát để được theo bước lưu diễn của cô. Ông săn sóc cô và soạn tuồng để cô diễn. Cảm động tâm chung tình của ông, cô bỏ nghề hát để làm vợ ông. Rồi đó, ông chồng chết vì tai nạn sét đánh, đứa con của cả hai cũng chết sau đó ít lâu. Cô Năm Thành cắt tóc đi tu, lấy pháp danh là Diệu Tâm, sống khổ hạnh, giữ trai giới rất nghiêm ngặt cho tới tuổi già bóng xế. Ngờ đâu, trong phút hấp hối, sư nữ Diệu Tâm đòi húp một muống nước mắm. Nhưng họ hàng thân tộc của bà cho rằng bà sắp thành chánh quả mà còn bị quỷ ma theo khuấy phá để bà bị tội phạm giới. Cho nên họ nhất định không chiều theo ý của bà. Bà chết trong cơn hành hạ của thể xác, trong cơn thèm thuồng không được thỏa mãn. Càng chua xót hơn, trong phút lâm chung, bà quên mình là kẻ tu hành mà chỉ nhớ mình là cô đào hát bội Năm Thành:... Tất cả đứng im lặng chung quanh giường chờ đợi phút nghiêm trọng của ni cô trong khi ni cô vật vã từng đợt với Tử thần. Tiếng nói của bà vụt sang sảng như lúc còn trên sân khấu. Giọng nói trong trẻo, tỉnh táo nhưng đôi mắt bà vẫn nhắm nghiền:

- Tôi mới biết thương mình, mấy năm mình khổ công theo đuổi tôi, mình đặt tuồng cho tôi hát.
- Con gắng học hành cho đỗ đạt làm quan nghe con cung của má.
- Tôi chỉ thích sắm vai Đoàn Hồng Ngọc hơn làm Phàn Lê Huê. Mình thích tôi diễn vai nào nhứt?
- Bớ này Tiết Giao! Ở này bạc tình lang! Mặt chàng đẹp mà làm chi? Lờn chàng ngọt ngào làm chi? Để thiếp ngày nay mất ngọc, thân thiếp bơ vơ.

Cả một ký ức trời nhanh lên óc bà rõ rệt và nhanh như một phim quay hết tốc lực của nó. Bà độc thoại từ quãng đời sân khấu đến quãng đời làm vợ ông phú hộ Thọ. Giọng bà đang sang sảng vụt dừng lại, dưới ánh đèn hiu hắt, ni cô mở trừng trừng đôi mắt trắng nhợt như cổ thu hình ảnh sau cùng của đời sống và ni cô quờ quạng hai bàn tay tro xương với lời van vi đứt nối:

- Hãy cứu tôi, cho tôi một muống nước mắm thôi.

Cô cháu dâu nhìn bà em họ:

- Mợ ơi! Mợ nhờ sư sãi đọc kinh trừ tà ghen. Cần nhứt là canh giữ đừng cho ai đem nước mắm lại. Bà em họ tức mình:

- Để tôi đọc kinh cứu khổ. Hồi xưa Phật Thích Ca gần đắc đạo thì ma vương tới phá. Còn chị này sắp về Tây Phương tới nơi cũng chưa yên thân.

Tác giả trình bày sự việc theo lối kể truyện ở đoạn hồi ức về dĩ vãng vàng son của ni cô Diệu Tâm. Nhưng ở đoạn tả cảnh chùa trong phần nhập đề, ở đoạn bà nằm trên giường bệnh, tác giả mới thật sự viết văn. Bút pháp của chị đơn giản, đôn hậu và chân phương qua lối dụng ngữ miền Nam Kỳ Lục Tỉnh rất hồn nhiên và linh hoạt.

Từ nếp sống lưu diễn vinh quang, kinh qua nếp sống khuê các trên nhung lụa để đi đến nếp sống tịnh trai khổ hạnh trong chùa, ni cô Diệu Tâm (hậu thân của nữ nghệ sĩ Năm Thành) phải gồng mình khép mình trong trai giới. Đó không phải bà tu vì giác ngộ lẽ vô thường mà là để trốn tránh nỗi bất hạnh đau thương. Từ khởi điểm, bà đã đi lạc đường lối tâm linh. Bà trốn tránh cái thất vọng chứ không chịu quán niệm về cái Tánh Không của vạn hữu để thấy cái phù ảo huyền hoặc của thuận cảnh hay nghịch cảnh trong kiếp sống. Bà không dám đối diện với thất vọng đau thương để phá mê diệt khổ. Đau thương, thất vọng, đam mê, dắc ý, khoái lạc, tất cả đều là phiền não do cái Ngã tạo nên. Càng trốn tránh cái Ngã, nó chỉ tạm thời lặn sâu dưới Tầng Thức chúng ta. Nhưng hễ có cơ hội thuận tiện là nó trồi lên bình diện của ý thức. Nó vùng vẫy, hung hăng đánh phá tâm thức chúng ta. Đó cũng giống như cái lò so mạnh bạo bị dồn nén tới đa. Nhưng đến một khi nào đó, sự dồn nén lơi đi, nó bung ra với sức vùng vẫy cũng không kém dữ tợn. Trong trường hợp ni cô Diệu Tâm, bà càng gồng mình trì giới, thì càng bị sức quyến rũ của giới cầm thu hút. Khi còn mạnh khỏe, bà còn đủ sức áp đảo nó bằng ý chí kiên cố. Nhưng khi đau yếu, ý chí đó trở nên bạc nhược nếu không tiêu tan rời rã đi. Nó vùng lên như hòng hỏa diệm sơn khắc lửa và tuôn phúng xuất thạch không ai cưỡng nổi. Nó như quả bóng ném mạnh vào bức tường để rồi dội ngược vào người ném một cách thô bạo.

Thân xác bà mòn mỏi trong giấc hôn mê chập chờn, bà nghe tiếng tụng niệm ngoài chánh điện. Trong bóng tối mù mờ, loáng thoáng có tiếng muỗi vo ve, đột nhiên ni cô Diệu Tâm cảm thấy miệng mình lạt

quá, lạt kinh khủng! Phải chỉ có một chút nước tương để bà nêm thử. Trí óc bà dán chặt vào ý nghĩ đó, lưỡi bà khô đi đồng thời nước dãi tuôn ra đầy miệng. Thế rồi ý nghĩ bà trôi xa hơn, nước tàu vị iều, rồi tới nước mắm. Cơ thể bà vụt bùng lên. Nước mắm! Nước mắm! Ni cô Diệu Tâm nuốt ực nước miếng. Một nỗi xót xa là nước mắt bà ướt đầm. Có cái gì chống đối trong từng thớ thịt, khớp xương của bà.

Bà vụt nghĩ, nếu có một muổng nước mắm chui vào bao tử của bà thì có lẽ những chấn động, phản đối trong cơ thể mòn mỏi sinh lực của bà sẽ dịu xuống, và muổng nước mắm sẽ đem lại cho bà cái khỏe khoắn để bà ngủ một giấc thật ngon và ngày mai bà sẽ tiếp tục sinh hoạt lại như cũ dưới mái chùa này.

- Nước mắm! Muổng nước mắm!

Ni cô hoàn toàn quên mất cái hiện tại trong chùa, quên cả mười năm tu hành. Bà rơi trong ý thức mù mờ chỉ có hình bóng muổng nước mắm bằng sứ trắng chứa một thứ nước vàng trong suốt như nước trà. Kê miệng mà nêm thử phải biết. Ni cô Diệu Tâm co rúm lại, thở hắt hắt. Ba tiếng "muổng nước mắm" như ba nhát búa đập vào đầu óc bà làm bà lão đảo.

Bà phải uống một muổng nước mắm. Ngày mai dầu có phải đọc kinh sám hối, bà cũng không màng. Bà tin chắc chắn rằng dầu đọc kinh cứu khổ cứu nạn với Đức Bạch Y Quán Thế Âm Bồ Tát cũng chưa chắc mầu nhiệm bằng một muổng nước mắm. Nước mắm sẽ là món thuốc tiên làm cho cây khô trở bông, làm cho bao nhiêu sinh lực của bà bùng sống lại. Cố gắng hết tận hơi, bà thều thào gọi chú tiểu kiếm cho bà một muổng nước mắm. Tất cả những người có mặt quanh giường đều ngạc nhiên lẫn hốt hoảng.

Diệu Tâm lập đi lập lại mấy lần:

- Mô Phật! Cho tôi một muổng nước mắm, tôi uống vào sẽ hết bệnh liền.

Tiếng kêu gọi van vỉ, thê thảm. Hai tay Diệu Tâm chìa ra tuyệt vọng. Chú tiểu bung đến gần bà tách trà ướp sen, kê gần miệng bà. Ni cô khép chặt môi phản đối:

- Tôi chỉ cần uống một chút nước mắm cho mặn mòi.

Nói xong, ni cô chìm hồn vào cơn đồng thiếp; hai cánh tay gầy guộc còn giương ra quờ quạng van xin. Đè nén quá khứ đau buồn vào quên lãng, đè nén thất vọng vì những mơ ước không thành. Đó không phải là tu hành đúng phép, đúng cách. Tu là dùng ánh sáng trí tuệ để soi bản thể vạn pháp trong vòng tham sân si rồi đưa tất cả vào Tuệ Giác, vào Tánh Không (cái Không tuyệt đối, cái gốc rễ rốt ráo) của chúng. Có vậy, bậc hành giả sẽ tu hành một cách hạnh phúc và thanh thoi. Đè nén dĩ vãng và niềm đau khổ, nhưng có ai giết chết được chúng đâu? Chỉ có xoa dịu chúng, âu yếm vỗ về chúng và để rồi quán chiếu cái gốc rễ của chúng, xem chúng không có thật để ta không bám víu vào chúng nữa. Nếu được vậy, hành giả sẽ thành công như người thợ săn bắt được con trăn bằng cách nắm chặt cổ nó, khác hẳn trường hợp kẻ nắm đuôi trăn bị trăn quay đầu lại quật ngã. Chỉ có ánh sáng Tuệ Giác trong những phút quán niệm, lần hồi ni cô Diệu Tâm sẽ giác ngộ rằng cái quá khứ vàng son của mình là vô thường, nỗi đau khổ của mình cũng là vô thường do sự giả hợp của nhiều yếu tố mà hình thành. Ánh sáng Tuệ Giác sẽ cho bà thấy tất cả đều là không thật, đều là như huyễn, do đó bà sẽ giác ngộ.

Tôi xin lập lại: tu là tìm phương cách giác ngộ chứ không phải để tránh đau khổ. Đau khổ sẽ đuổi theo người u mê lánh khổ cho tới tận cùng dù nó có bị chìm sâu vào đáy thẳm tận cùng của tiềm thức đương sự đi nữa. Phật gọi đó là thức thứ 8, Tàng Thức hay là A-lợi-da thức, kho tàng bao la không ngăn mé chất chứa những kỷ niệm, biến cố, thiện nghiệp hay ác nghiệp từ vô lượng kiếp đến hiện kiếp. Mỗi tác nhân, mỗi tác nghiệp dù nhỏ như mảy lông sợi tóc vẫn còn tồn tại mãi trong cái Tàng Thức ấy, không bao giờ mất đi. Đến cơ duyên chín muồi là chúng tuôn tự hiện hành.

Muổng nước mắm đâu thể làm cho ni cô Diệu Tâm mang tội sát sanh. Nhưng nó là đầu mối, là cánh cửa mở ra để bà thấy lại con đường phạm phu thế tục quyến rũ vụt hiện bày trở lại trước mắt bà. Dù bằng ý thức chưa rõ rệt đi nữa, nhưng bà vẫn còn muốn đi trở lại trên con đường ấy, sau nhiều năm bà phải buộc mình sống trai giới chốn cửa Thiền. Nói rõ hơn, vì không còn phương tiện, cơ hội, sức khỏe và nghị lực, cho nên bà không thể trở lại đường cũ nên bà phải tiếp tục nương nấu chốn chùa chiền để

tìm chỗ nương thân và điểm tựa cho tinh thần mình.

Lại nữa, tu hành mà ép xác thái quá thì tinh thần cũng bị dồn ép theo lẽ thân tâm tương ứng. Đức Phật chủ trương Trung Đạo trong đó có phần Trung Dung trong cách tu hành: đừng nuông chiều xác thân trong những thú khoái lạc, nhưng cũng không nên ép xác thân đến độ hành hạ khốc liệt xác thân. Dây đàn chùng quá sẽ không nảy bật ra âm thanh. Nhưng nếu căng thẳng nó quá, nó sẽ đứt.

Qua truyện ngắn "Lòng Trần", tác giả Nguyễn thị Thụy Vũ trình bày một khía cạnh tâm linh khá đặc thù: lánh tục bằng cách nương nấu chồn am vân chưa chắc là ngộ. Vấn đề mê và ngộ vốn phức tạp và phiền toái. Mê vốn dễ bao trùm giăng bủa khắp mỗi loại chúng sinh. Các bậc hành giả nếu đi sai một lần tơ kẽ tóc là bước qua đường tà có nhiều biển khổ bên mê đón đợi. Tu hành phải dựa vào nền tảng Chánh Kiến và phải do Chánh Tư Duy soi sáng hướng dẫn. Con đường đưa tới bờ chứng ngộ thấp thoáng nhiều bóng ma. Bóng ma! Đó chỉ là cách nói những chướng ngại nội tâm tuy vi tế nhưng mãnh liệt kinh khiếp được cụ thể hóa bằng hình ảnh ghê rợn để cảnh giác các hành giả đề phòng và xa lánh. Còn chướng ngại ở ngoại giới dễ tránh hơn vì nó thô tháp và diễn biến nhãn tiền nên dễ làm cho hành giả nhận chân được chúng ngay.

Trong quyển tuyển tập "Những Truyện Ngắn Hay Nhất Trên Quê Hương Chúng Ta", có lẽ truyện ngắn "Lòng Trần" của Nguyễn thị Thụy Vũ được nói tới nhiều. Không hiểu các nhà biên khảo và các nhà phê bình khi đề cập tới truyện ngắn ấy đã nắm bắt những gì qua khía cạnh tâm linh? Tuy nhiên, hình như chẳng có ai nhìn nó qua lăng kính Duy Thức Học, trong đó có một phần nói về Tàng Thức. Họ chú ý tới nó vì hồi kết cuộc của câu truyện quá bất ngờ, như trái lựu đạn nổ tung vào tín ngưỡng và vào ảo tưởng của họ.

◦ ◦
◦

Nhà văn Võ Phiến không bắt gặp được cái nét đặc thù dữ dằn trong vài tác phẩm mà bút giả vừa kê khai. Nhưng cái tổng quan của ông về đặc tánh chung trong văn chương của Nguyễn Thị Thụy Vũ rất là sắc bén. Xin cùng đọc bài viết về Nguyễn Thị Thụy Vũ trong quyển 2 của bộ biên khảo "Văn Học Miền Nam" do Văn Nghệ xuất bản:... Đàn bà cầm bút, đa số viết chuyện tình ái hoặc lâm ly hoặc éo le, chuyện vui chuyện buồn loanh quanh trong gia đình, giữa các chàng với các nàng v. v... Bà Nguyễn xông vào cơn gió bụi, phanh phui những cảnh đời lầm than, làm lắm kẻ sững sờ, nhả mặt. Ở nước ta, từ trước tới nay chuyện bà Nguyễn làm là chuyện của đàn ông. Nam phái vẫn xông xáo hơn nữ phái. Chuyện kéo xe, người ngựa ngựa người, chuyện làm đĩ, chuyện lục-xì, móc túi, đánh cướp, buôn lậu v.v... thường do các ông tìm hiểu và kể lại cho nhau nghe. Các bà các cô không tiện tìm, không tiện kể, mà cũng không mấy thích nghe. Bà là người đàn bà khác thường. Tôi ngờ không hẳn do năng khiếu, chẳng qua do một trường hợp ngẫu nhiên. Có một độ, hình như lúc từ dưới tỉnh về Sài Gòn, bà dạy Anh văn cho những cô gái có công việc làm ăn giao thiệp với Mỹ, hay có chồng Mỹ. Nhiều người trong số ấy đem tâm sự tỉ tê với bà. Cuộc đời và tâm sự của họ xúc động bà, thành đề tài sáng tác của bà. Người đọc nhận thấy trong các truyện của bà Nguyễn thỉnh thoảng có một cô giáo Anh văn xuất hiện. Tình cờ, vì lý do sinh kế, mà bà Nguyễn làm cây bút tả chân đầu tiên ở xứ ta, về phía nữ phái, mạnh dạn phơi bày một phương diện của thực trạng xã hội ta vào một thời điểm đặc biệt. Bà có vị trí riêng trong thời kỳ văn học bấy giờ.

(các trang 1117, 1118)

CHƯƠNG 10: HOÀNG XUYỀN ANH, NGƯỜI CÔ PHỤ RƠI DÒNG DƯ LỆ TRÊN NHỮNG BÀI THƠ SÀU VẠN CỔ

Tỉnh Trà Vinh (từ hồi Đệ nhất Cộng Hòa của Miền Nam Việt Nam được gọi là thị xã Vĩnh Bình) là một thành phố gần biển. Đất đai ở đó không có sông rạch chằng chịt chảy qua nên đa số nóc gia phải đào giếng. Trà Vinh có nhiều người Miên cư ngụ, có Ao Bà Om là nơi thắng cảnh, có dưa hấu ở Cầu Ngang ngon như dưa hấu Trảng hoặc dưa hấu Trà Bang. Dòng nước lợ tức là nước ngọt và nước biển trộn nhau chảy qua những địa danh nào trong lãnh thổ của tỉnh đều có loại cá thác lác và cá chái ngon nổi tiếng. Cá chái thịt béo lại có hai thỏi trứng to, được đem nấu ngót để chan lên bún và rau xắt ghém là một món ngon hiếm quý. Nhưng món bún nước lèo mới là một món ăn độc đáo của người Miên được biến cải đôi chút để hợp khẩu vị người Việt. Đó là món mắm sắt kho chan lên bún, bắp chuối thái nhuyễn điểm lát phát rau quế, rồi được đem thịt phay, tôm luộc và rắc hành ngò, tiêu, ớt. Đến viếng Trà Vinh mà không ăn món bún nước lèo cũng như đi qua vùng Champagne nước Pháp mà quên thưởng thức món dồi heo và rượu sâm banh.

Tôi viếng Trà Vinh vài lần. Lần chót vào năm 1961. Bây giờ nghĩ về tỉnh ấy, tôi có thể tưởng tượng những mái chùa Miên vàng rực với những ngôi tháp nhọn trong ánh nắng tơ vàng, những cây sa-kê cao khẳng khiu xòa chùm lá mềm mại trong đêm trăng, những giếng nước ngọt trong mát, những trái dưa hấu Cầu Ngang khi được bổ ra phơi ruột đỏ lòng son lộng lẫy và điểm hột đen lánh trong lớp vỏ xanh màu ngọc thạch óng mượt. Tôi nào biết nơi đó là chốn sinh quán cô nữ sinh kiều diễm Ôn Quế Anh đa sầu đa cảm để rồi cô lên Vĩnh Long, tỉnh lỵ sinh quán của tôi để làm cô bạn hàng xóm của tôi, để tiếp tục việc học tại trường Sư Phạm Vĩnh Long... Và rồi năm tháng trôi qua, khi bước chân ra đời, cô phải nhận lãnh gánh hệ lụy đè nặng vai mềm. Con đường oan trái lại trải rộng ra, định mạng khốc liệt xô cô dần bước vào. Tuy nhiên định mệnh oái oăm ấy chẳng những không giết chết nỗi Ôn Quế Anh, mà biến cô thành nhà thơ nữ Hoàng Xuyền Anh, một tên tuổi quen thuộc trong chi hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại - Bắc Cali.

Tôi xin giới thiệu hai thi tập "Nỗi Lòng Cô Phụ" và "Khung Trời Kỷ Niệm" của Hoàng Xuyền Anh trong niềm cảm thông giữa tác giả và bút giả. Đọc thơ chị, tôi nghĩ rằng đó là loại thơ đơn giản về ngôn ngữ lẫn tình ý. Chúng vẽ lên tầm chân dung một cuộc đời đáng lẽ phải bình thường, nhưng tai ương và thống khổ đã đưa nó vượt lên cái tầm thường, biến cái bình thường đó thành một cuộc sống tuyệt vời trong cõi thi ca.

Cuộc đất Trà Vinh đã sản sinh thi sĩ Khổng Dương 1 vào thời tiền chiến, thi sĩ Truy Phong 2 vào thời chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh, cùng hai nhà thơ nữ Hoàng Xuyền Anh và Vũ Thi An 3 nơi hải ngoại. Và Trà Vinh được nhà thơ nữ Hoàng Xuyền Anh vẽ lên tầm chân dung của nó qua bài "Nhớ Tỉnh Trà Vinh" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm".

"Biển Ba Động nước xanh, cát trắng,
Ao Bà Om thắng cảnh miền Tây,
Xin mời du khách về đây,
Xem qua thì rõ chốn này thần tiên".

*

Làng tôi nghèo bên cạnh dòng sông Cửu,
Trà Vinh buồn trồng đủ lúa, ngô, khoai.
Miền Tây vừa lúa quanh con sông dài,
Dân quê chất phác miệt mài đồng áng.

*

Biển Ba Động hoàng hôn rơi bảng lảng,

Tiếng ai hò man mác khúc tình ca.
Bóng dừa cao lẩn khuất trong sương nhòa,
Ôi! Đẹp quá! Chiều tà trên bãi biển.

*

Lượn sóng nhấp nhô đưa thuyền cập bến,
Bao dân chài gác mái trở về dinh.
Hàng tre xanh ấp ủ mộng yên bình,
Niềm hạnh phúc chan tình lên sức sống.

*

Ao Bà Om khắc ghi đôi hình bóng,
"Khà-Me" tình trai gái thuở xa xưa.
Yêu quê hương, nói sao hết cho vừa,
Ao sen trắng giữa bùn nhơ vẫn đẹp.

*

Trung học Vĩnh Bình nữ sinh khép nép,
Nón lá che nghiêng, áo trắng tung bay.
Trần Trung Tiên đào tạo bậc anh tài,
Tình giao hảo, tuổi ô mai đầy mộng.

*

Ngả Ba Đuôi Cá thềm thang gió lộng,
Vườn dừa trĩu trái in bóng hắt nga.
Gái trai làng vui hát khúc hoan ca,
Đêm thôn dã, tiếng "dù kê" rộn rã.

(các trang 82, 83)

Bài thơ đầy những hình ảnh thân thương, những nét tạo hình óng chuốt. Ngôn ngữ thơ bình đạm. Ý thơ trong vắt như nước giếng sâu và đầy sinh lực như cây dừa, khóm chuối, rẫy mía, vòng dừa sau cơn mưa mát mẻ.

Chỉ có tình quê hương mới nâng bước chân nhà thơ vào lối hoa mộng của quá khứ. Trong giây lát nào đó, chẳng hạn lúc cất bút làm những bài tình tự hoài hương, tác giả mới tạm quên cuộc sống ngang trái đau thương. Ý thơ chập chờn hân hân lên, sáng lấp lánh như sóng biển Ba Động dưới bầu trời ngát xanh màu lam ngọc.

Vườn quê hương trái ngọt,
Bóng mát rặng cây xanh,
Gió ru giấc mộng lành,
Đàn chim xa về tụ.

*

Cánh đồng vàng bát ngát,
Khúc khuỷu con đê dài,
Nhộn nhịp tiếng gái trai,
Mùa vụ vui gặt hái.

*

Dòng sông xanh uốn khúc,
Xuồng ba lá lênh đênh,
Đàn vịt bầu rủa rúc,
Mặt trời bóng xế nghiêng.

*

Nhớ chiều xưa.. thu vàng,

Gặp anh nơi cô quận,
Nhìn nhau... mắt chứa chan,
Tình yêu vừa chợt hiện.

*

Xanh xanh màu mạ mới,
Tình ta giấc mộng đầy,
Thoáng hương đồng cỏ nội,
Ân tình ấm vòng tay.

*

Mây trời trôi lãng đãng,
Tiếng hạc buồn kêu sương.
Ngân ngơ đàn cò trắng,
Biển tình ngát yêu thương.

*

Gió lao xao lá cành,
Vũ trụ đẹp như tranh.
Tim em hồng dĩ vãng,
Ngàn hôn đọng môi xinh.

*

Tình Quê xao xuyến lạ,
Hoa bướm quyện thiết tha.
Men tình say giấc điệp,
Triền miên lịm hôn ta.

*

Hoàng hôn lau lách tím,
Quê hương cỗi xa mờ.
Sao xác bìm bịp gọi,
Xứ người em bơ vơ.

(các trang 77, 78)

Qua những đoạn thơ trích dẫn trên đây, chúng ta có thể tìm phong vị thơ quê hương đất nước của Anh Thơ, Bằng Bá Lân, Nguyễn Bính, Đoàn Văn Cừ vào thời tiền chiến. Chúng ta có thể bắt gặp hơi hướm âu yếm thiết tha trong thơ quê

hương của Tường Linh 4 và của Kiên Giang Hà Huy Hà 5 vào hai thời Cộng Hòa của Miền Nam Việt Nam, sau Hiệp Định Geneva. Chúng ta có thể gặp lại tình ý trong thơ Lê Ngọc Hồ, Dư Thị Diễm Buồn nơi hải ngoại.

Nhưng cái thú vị của người đọc là tìm gặp trong khung cảnh đồng quê trên đất nước thân thương chúng ta có lòng mỗi tình của đôi lứa thiếu niên. Nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội 6 quê ở Hà Tiên có núi rục sắc thùy màu lam, có hồ mộng trải gương trong, có Bách Phương Viên và Úc Viên với hoa quỳnh, hoa cúc, có Tân Nguyệt Hiên để bà đêm đêm ngắm vành trăng non thượng tuần và ngôi sao hôm sáng long lanh. Thế mà bà không thể làm một bài thơ tình yêu mà chỉ làm vài bài thơ vịnh cảnh. Hoàng Xuyên Anh có một quê hương ven biển với khung cảnh đồng ruộng bao la, nhưng không có kỳ hoa dị thảo, không có thanh sơn thủy tú, cũng không có nhiều địa linh nhân kiệt. Vậy mà chị có một mỗi tình để dệt thành những bài thơ kỷ niệm.

Từ tình yêu lứa đôi, chị phóng chiếu nó lên tình yêu non nước, tức là phóng đại nó vào một tình cảm vĩ đại hơn, hùng tráng và thiêng liêng hơn. Xin đọc bài "Trường Ca Nỗi Nhớ" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm":

Đã từ lâu không còn gì để nói,

Giấu cuộc tình vào đêm tối mênh mông,
Đời u buồn như xuân, hạ, thu, đông,
Cổ chôn lấp sau bức rèm phủ kín.

*

Hai bốn năm quốc hận đành câm nín,
Dấu vết tình áo nã tím buồng tim,
Cảnh phù du anh trôi nổi kiếm tìm,
Em nức nở hồi sinh trong kiếp nhớ.

*

Quốc lộ một dặm dài còn bờ ngõ,
Nỗi tình thương giữa Hà Nội Sài Gòn.
Dòng giống Tiên Rồng xanh biếc núi non,
Giang san gấm vóc cha ông gìn giữ.

*

Bắc, Trung, Nam lời ca dao tình tự,
Con đường làng sỏi đá uốn quanh thôn
Hàng dừa cao che mát chợ chiều hôm,
Em réo gọi tình hồng in đáy mắt.

(trang 88)

Hai tập thơ "Nỗi Lòng Cô Phụ" và "Khung Trời Kỷ Niệm" là hai môi trường để tác giả ký thác nỗi đau thương của mình. Nhưng ai biết đâu ở một con người thi sĩ thường có hai ba cuộc sống, nếu bỏ qua cuộc sống thực tế thường nhật qua một bên. Ở Hoàng Xuyên Anh, chị sống bằng ba cuộc đời buộc chặt vào thi ca: cuộc đời đam mê của người cô phụ, cuộc đời của kẻ hoài vọng quê hương và cuộc đời ngưỡng vọng ánh vinh quang của Tổ Quốc và Dân Tộc. Nhưng cuộc sống tâm tình mới chiếm rộng lớn trong vòng sinh hoạt của chị. Tâm hồn và trái tim chị chia ra làm ba ngăn: ngăn tình cảm ủy mị tràn ngập nhân tính, ngăn bát ngát phong vị cổ hương cách xa đất nước nửa bán cầu và ngăn rực sáng lửa thiêng của nòi giống.

◦ ◦

◦

Bước vào cõi thi ca của Hoàng Xuyên Anh, khách thưởng ngoạn có thể tưởng tượng như bước vào mảnh sân trước hay mảnh sân sau của một ngôi thảo am trong vùng châu thổ nằm giữa dòng Tiền Giang và dòng Hậu Giang. Mảnh vườn nào cũng nho nhỏ xinh xinh, có trồng những loại hoa phổ thông như hoa chuối nước màu vàng tái lấm tấm chấm đỏ; hoa móng tay đỏ viền vàng; hoa trúc đào và hoa đông hầu (tức là hoa mười giờ) màu hồng đào; hoa sao nháy màu hoàng yến; hoa trang màu vàng mờ ngổng; hoa sơn chi (tức là hoa dành dành) cùng hoa bạch ngọc (tức là hoa lài trâu), và hoa mộc đều có màu trắng tinh anh như tờ giấy ngọc cốt; hoa huệ lan màu hồng ửng tía ngọt lịm; hoa cẩm nhung vốn là loại cẩm chương với màu trắng có sọc tím... Cạnh vuông đất trồng hoa là khu trồng rau với các loại sơ thái như cải diếp, cải ngồng, cải ngọt, cải cúc cùng là các loại rau thơm như húng, quế, kinh giới, rau răm, ngò gai, tía tô v. v... Hoa và các loại sơ thái tuy rất phổ thông, nhưng trong khu vườn thưởng ngoạn của những kẻ yêu quê mến đất, chúng luôn muôn tươi ngăn ngắt, mát dịu như tấm sương mưa. Chúng rất gần gũi tâm tình và khẩu vị những dân miệt vườn an phận thủ thường, quen thanh thưởng các bữa cơm rau đậm bạc.

Nhưng mà các bạn độc giả chớ quên: Khu vườn của Hoàng Xuyên Anh dù gọi trong cõi mừng tượng chúng ta những hoa đẹp cỏ thơm, dù vẽ trong óc tưởng tượng chúng ta biết bao cây lành trái ngọt, nhưng các bạn chớ quên tưởng tượng thêm trong đó còn có những cây gởi nên niềm bi ai thống khổ. Đó là những cây lệ liễu buông nhánh la đà xuống mặt đất như những dòng lệ tóc tang khóc người tình quá cố. Những cây thùy dương vì vút trong gió như trời giọng than thở thiết tha. Những dây ti-gôn trở hoa

có hình quả tim vỡ đôi đã gieo cho nhà thơ TT. Kh biết bao hoài cảm ngậm ngùi, biết bao tâm sự cay đắng. Những cây mua hoang dại (giống như cây sim) trổ hoa tím man mác băng khuâng cùng những trái tím than gọi nên những vết thương dập nát mà máu bầm vẫn còn ứ đọng chưa tan...

Xin đọc bài "Dòng Sông Kỷ Niệm" trong thi tập "Nỗi Lòng Cô Phụ" 7:

Xa vắng đôi bờ cách núi sông
Tơ tình anh có bận lòng không?
Em thờ thần đọc dòng thơ cũ,
Thương nhớ người ơi! Lệ đổ dòng.
Mỗi chiều về lặng đứng bên sông,
Nhật ánh tà dương nhạt sắc hồng.
Nguồn nước yêu đương, ôi! Ngọt quá!
Bây chừ vẫn đục những rêu rong.
Sao em thấy trong dòng sông ấy,
Có dáng anh ngồi mỗi mắt trông,
Em khẽ gọi anh qua nắng nhạt:
"Mình ơi! Cá lội có xuôi dòng?
Có đem trăng nước về bên ấy?
Thả cánh bướm yêu ấp ủ lòng.
Có ngược thời gian về dĩ vãng?
Giòng sông bến lữ vẫn chờ mong;"

(trang 111)
Những kẻ bất hạnh trong tình yêu, trong hôn nhân thường ưa trở về thời dĩ vãng của cuộc hạnh ngộ. Bài "Ai Biết... Tình Ai?" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm" mở cho người đọc một thuở yêu đương thơ mộng của tác giả Hoàng Xuyên Anh giữa cảnh hoa bướm xôn xao màu sắc và ngào ngạt hương xuân. Nhưng cái thừa ấy đã bị lớp tro dĩ vãng phủ lên tuy không để lại trong lòng chị một vết thương khó lành lặn, nhưng vẫn giăng mắc trong tâm hồn chị một lớp mây xám thê lương của cảnh tiêu sơ:

Thuở ấy yêu xuân ai biết nào?
Trầm trồ anh ngắm áng mây cao,
Nắng xuân dịu dịu tươi hồng má,
Nắng ở trên mây, nắng ghen ngào.

*

E ấp làm sao một đoá hồng!
Nụ xuân biêng biếc đợi chờ mong.
Bướm ong bay lượn phương trời lạ,
Một chút tình xa chẳng ấm lòng.

*

Lan, mai, cúc, trúc dáng khoe xinh,
Xuân đợi chờ ai? Xuân hữu tình.
"Xuân khứ, xuân lai, xuân bất diệt",
Xuân nào vương vấn chuyện đôi mình?

*

Bây chừ anh chờ nổi sầu cay!
Sao để ngày qua lại tháng ngày?
Héo hắt nàng xuân lạc lối mộng,
Bao mùa thu đổ lá vàng bay.

*

Ai biết tình anh có trắng trong?

Có yêu... nhưng sợ xuân phai hồng?

Ngắm nhìn cũng đủ lòng vui sướng?

Ca tụng muôn lời thỏa ước mong?

(trang 53)

Bài "Tâm Sự Đêm Trăng" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm" không vẽ bối cảnh chập chờn phiêu diêu dưới ánh trăng, mà chỉ nói tới cái hạnh phúc trong phút vai kề má tựa. Ngoại cảnh thiếu vắng, nhưng cái lẩn thẩn, cái lảm cẩm của kẻ đang yêu và được yêu làm cho bài thơ thập phần thơ mộng.

Hãy nghe:

Hãy xích gần nhau chút nữa anh

Vỗ về em nhé suốt năm canh,

Cho vơi tâm sự nhiều cay đắng,

Cho mắt thôi buồn lệ chảy quanh.

*

Anh hãy lau khô giọt lệ sâu,

Xây thành vọng nguyệt chống thương đau.

Đêm trăng đàm đạo hồn tha thiết,

Bóng nguyệt xuyên màn, ta có nhau.

*

Hãy nói đi anh chuyện nước non,

Nghìn năm thanh sử mãi lưu son,

Anh hùng, hào kiệt trong kim cổ,

Vị quốc vong thân dạ sắt son.

*

Hãy nói đi anh chuyện đất trời

Khai thiên lập địa một lần thôi.

Adong, Evà cùng chung bước,

Vườn địa đàng. Ôi! Cảnh tuyệt vời.

*

Rồi chuyện tương lai của chúng mình,

Ông bà ghi dấu thưở lưu sinh,

Cho em một chút niềm hy vọng,

Vườn mộng huy hoàng, xinh thật xinh!

(trang 56)

Bài "Đợi Tình" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm" cũng là phút hồi tưởng quá khứ thơ mộng để rồi phải đối diện cái hiện tại ảo não chán chường. Đây là cái bóng phản chiếu thơ của các thi nhân thời tiền chiến khi phong trào thơ văn lãng mạn dâng cao, làm ngập lụt và ứ đọng những tâm hồn thanh xuân khao khát sống.

Anh ạ, hôm nay chiều thứ bảy,

Đường phố xôn xao lẫn tiếng cười,

Tài tử giai nhân đi tấp nập,

Em ngồi chờ đợi một niềm vui.

*

Nghĩ thầm anh sẽ đến thăm em,

Tiếng sáo nhà ai trải khúc êm,

Dấy động tâm tư niềm hạnh phúc,

Xiêm y yêu điệu dáng tơ mềm.

*

Soi gương, điểm phấn hồng đôi má,
Kề mắt, mày xanh thắm nét tươi.
Thấp thỏm tim lòng nôn nóng lạ,
Đứng lên, ngồi xuống, ngóng xa xôi.

*

Chiều nhẹ trôi nhanh phủ bóng mây,
Sương khuya lạnh lạnh cánh hoa gầy.
Chập chùng ảo mộng theo sương khói,
Mờ mịt chân trời dáng chim bay.

*

Đường mây cánh nhận dạo nơi nao,
Bến vắng tơ vương ngọn trúc đào.
Cành liễu nhớ ai buồn rũ rượi?
Đêm dài tĩnh mịch bóng trăng sao.

(trang 50)

Những kẻ bắt hụt tình yêu hoặc tìm gặp được tình yêu nhưng để nó trơn trượt vượt khỏi tay mình thường sống trong cái ảo ảnh lộng lẫy được vẽ vờ trong trí tưởng tượng của mình. Xin đọc bài "Tắm Ánh Trăng Vàng" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm". Ở đây, tác giả pha vào thơ trữ tình một chút hơi hướm của thơ siêu thực, một chút phấn hương của loại thơ ẩn tượng.

Ta về tắm ánh trăng mờ,
Đường hoa lối mộng ngẩn ngơ mắt nhìn.
Thuyền trăng bóng nước lung linh,
Chứa bao ân ái kết tình tụ hồn.
Nhạc lòng thổn thức tình son.
Sóng xao ánh mắt xoay mòn tim em.
Đắm say trong phút trao duyên,
Tâm tư giao động rộn thêm trăng yêu.
Tình ơi! Giác mộng diễm kiều,
Một vàng trăng tỏ vạn điều ước mong.
Trăng xưa, đêm cũ tình nồng,
Bướm hoa chung lối, tiếng lòng thân thương.
Tơ trời giăng mắc muôn phương,
Nụ hôn ngọt mật ướp hương men tình.
Vườn lòng một đóa hoa xanh,
Vùng trời thương nhớ phiêu linh mơ màng.
Gió ơi! Đừng thôi tình tan,
Để em tắm ánh trăng vàng yêu thương.

(trang 116)

Tuy nhiên bài "Tình Trong Ảo Mộng" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm" là bài tiêu biểu tiếng lòng của một nhà thơ bất hạnh dù có ước mơ hoang tưởng, nhưng đây là một bài tâm sự của kẻ cô đơn gọi lên mối thương tâm sâu đậm cho người đọc đúng hơn:

Bên anh lòng thấy vui tươi,
Mấy ngày thơ mộng bằng mười năm sầu.
Thời gian nước chảy qua cầu,
Thúy đình hiên trúc vương màu nhớ nhung.
Hắt hiu ngọn gió lạnh lòng,
Người trong sương gió mịt mù khuất xa.

Con tàu hò hẹn nhạt nhòa,
Bóng đêm đen thẳm mình ta độc hành.
Lạc đàn tiếng hạc mong manh,
Chạnh lòng cô lữ mắt xanh lệ tràn.
Bơ vơ kiếp sống lang thang,
Thoáng vui phút chốc vỡ vàng canh thâu.
Dở dang ôm ấp mộng đầu,
Ve u buồn trôi khúc sầu đơn côi.
Thuận Hòa thung lũng ngâm ngùi,
Dù trong ảo mộng trọn đời nhớ thương.
(trang 68)

◦ ◦
◦

Hoàng Xuyên Anh đến với độc giả khắp bốn phương trời hải ngoại bằng tâm sự thiết tha của nữ sĩ Lý Thanh Chiêu vào thời mạt điệp nhà Tống để khóc thời hạnh phúc lứa đôi ngắn ngủi. Chị đến bằng giọt lệ của nữ sĩ Trương Phổ 8 khóc người chồng yếu mệnh. Nhưng cả hai bà kia chỉ khóc chồng. Đằng này, nữ sĩ Hoàng Xuyên Anh còn phải khóc con, khóc luôn cái dung nhan bị tai nạn phi cơ tàn phá. Ngày nay, dù chị được các nhà giải phẫu thẩm mỹ tái thiết trùng tu lại gương mặt. Nhưng họ làm sao trả lại cho chị một khuôn mặt bén nhạy với cảm xúc? Làm sao trả lại cho chị cái chân dung phản ánh một tâm hồn thơ mộng và tràn ngập phong vị trữ tình? Làm sao trả chị một ánh mắt âu yếm, một nụ cười tươi đẹp vì hạnh phúc trong sáng dịu lành? Cho nên thơ của chị là những khúc bi ca dội sâu vào nội giới người đọc một nỗi buồn bén nhọn để họ đối diện với căn phần oan nghiệt đã lạnh lùng giáng xuống cuộc đời một phụ nữ có một thời thanh xuân hạnh phúc hiền hòa như chị.

Xin đọc bài thơ "Kiếp Sau" trong thi tập "Nỗi Lòng Cô Phụ" để được nghe những lời tâm sự chân thành của người cô phụ đất San Jose:

Nếu kiếp trước em nhiều tội lỗi,
Kiếp này xin làm trâu ngựa đền bồi.
Đày đọa làm chi thân tàn tật,
Đêm dài không ánh trăng soi.
Không hương, không sắc, không danh vọng,
Và cũng không niềm tin cuộc đời.
Gió hờn rít khẽ qua môi,
Rêu phong phủ kín một đời sầu đau.
Đường đời lỡ bước chân vào,
Say mê bến đục tỉnh sao bây giờ?
Gió hời gió bao giờ hết kiếp?
Trăng hời trăng có biết cho chăng?
Kiếp này đày đọa xác thân,
Kiếp sau chẳng làm thông rét muốt,
Cũng không làm người,
Không làm bướm lạ lả lướt vườn hoa.
Không làm màu sắc kiêu sa,
Không làm ve ru mùa hạ,
Không làm nhà thủy tạ,
Cho thiên hạ thóc mách xem chơi.
Mà làm thần gió chơi vơi,
Thanh thoi đi khắp chân trời em yêu.

(các trang 128 129)

Phật bảo rằng có hình thể, có sắc tướng là có hoại diệt theo vòng sinh, lão, bệnh, tử. Trước hết là cái già làm cho nhan sắc tàn phai, thân vóc lệch lạc héo úa. Rồi sau khi bất cứ một mỹ nhân nào hoặc là ta chết đi, hình hài xương cốt ta tan rã, trở về với cát bụi. Cái tai nạn khủng khiếp xưa đã cố tình hủy hoại nhan sắc tác giả, nhưng nó vẫn gieo vào tâm thức chị một tia sáng về sự khởi sinh và sự hoại diệt. Cho nên chị không muốn kiếp sau mình mang nặng tấm chân dung và tấm hình hài nữa. Và chị muốn làm thần gió vô ảnh vô hình, thông dong tự tại lưu hành khắp bốn phương trời bao la khoáng đạt. Ở đây, từ khái niệm tư tưởng Phật Giáo chị đưa thơ bước sang lãnh vực Lão Trang.

Nhưng đó chỉ là giấc mơ thì bao giờ cũng vẫn... là giấc mơ. Giấc mơ ấy vượt qua sức người và vẫn ở trong bàn tay Tạo Hóa thì dễ gì giúp cho nhà thơ nữ Hoàng Xuyên Anh của chúng ta thực hiện nổi. Bất hạnh xưa, tang tóc cũ đã khắc ghi vào tâm khảm chị một vết thương sâu đậm và dù giờ đây nó đã lành lặn nhưng nó vẫn để lại cho chị một vết sẹo khó phai. Cho nên ở bài "Mười Năm Tình Nhớ" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm", chị cho chúng ta biết rằng chuyện tai ương cũ và cái chết của người chồng yêu quý vẫn là một ám ảnh khó phai pha đối với chị:

Mười năm tình tự còn nguyên,
Mười năm nhung nhớ triền miên nổi sầu.

Gọi anh đâu? Tìm anh đâu?

Trăng soi bên lạnh, nương dâu bể bàng.

Đường trần lê gót dỏ dang,

Mưa tuôn, nắng hạ, lệ tràn trắng thanh,

Còn đâu những chuỗi ngày xanh,

Phượng loan riu rít trên cành yêu đương.

Tìm đâu tiếng ngọt thân thương,

Đất trời nghiêng ngã theo đường anh đi.

Dam mê ôm mối tình si,

Bao nhiêu kỷ niệm khắc ghi trong lòng.

Thần thờ gối chiếc phòng không,

Nhìn qua di ảnh mặt nồng lửa đôi.

Vì sao tình phải chia phôi,

Nghìn năm em mãi ngâm ngùi bóng mây.

(trang 75)

Bài thơ chan hòa "giọt lệ thu" của Tương Phố, soi lại một đoạn đời nổi dậy "mưa gió sông Tương" của bà nữ sĩ ấy. Tiếng khóc chồng trong thơ của Hoàng Xuyên Anh là bức phóng ảnh tiếng khóc trong thơ của nữ sĩ Tương Phố. Nhưng câu kết lại khéo léo hơn, đưa độc giả đến ý niệm cái hạnh phúc thời quá khứ trôi qua không bao giờ trở lại. Như bóng mây trôi qua để rồi sa mưa hoặc tan theo gió, nếu có trở lại chẳng nữa thì nó đâu còn hình hài nguyên vẹn thuở xưa. Nó gợi lên ý tình trong bài thơ "La Fuite de la Jeunesse" ("Tuổi Xanh Trôi Mất") của Joachim du Bellay; bài này được đưa vào quyển giáo khoa trung học "Les Auteurs du Nouveau Programme" ("Những Tác Giả Chương Trình Mới"). Ngày xanh trôi qua mang theo luôn hạnh phúc thắm tươi của những tâm hồn lành mạnh trẻ trung.

Người chồng yêu dấu của tác giả đã ở bên kia cõi sống, cuộc gặp gỡ chỉ có thể trong cơn đồng thiếp và trong giấc chiêm bao, nếu vong hồn của chàng hiển linh, nếu giấc chiêm bao là phản ảnh của thực thể. Tuy vậy, chị vẫn mơ một cuộc gặp gỡ nên chị ký thác tâm sự mình cho tâm sự người cô phụ tìm chồng khắp nơi chân trời góc biển như nàng Mạnh Khương thuở xa xưa tìm chồng bên Vạn Lý Trường Thành ngoài biên ải. Xin cùng đọc bài "Tìm Anh" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm":

Tìm anh khắp quả địa cầu,

Tuyết sương trắng phủ con tàu đông đưa.

Tìm anh giải nắng dầm mưa,

Rừng thay bao lá, người chưa thấy về.
Tìm anh khắp nẻo sơn khê,
Cầu bao nhiêu nhịp lê thê nổi sầu.
Gập ghềnh mỗi bước về đâu?
Đường đi muôn ngã, niềm đau chất chồng.
Tìm anh xuân, hạ, thu, đông,
Vết thương loang lổ lạnh vòng tay tiên.
Lang thang em mãi kiếm tìm,
Mệnh mông nổi nhớ triền miên ngập lòng.
Tìm anh bóng xế hoàng hôn,
Sương pha màu tóc, sóng cồn dậy khơi.
Tìm anh suốt cả cuộc đời,
Duyên đi sai hướng, tình trôi sai chiều.
Âm thầm trong cảnh cô liêu,
Sông dài, bến vắng, đò chiều ngẩn ngơ.
Kiếp tầm thì phải nhả tơ,
Em tìm cánh nhận mật mờ khói sương.

(trang 74)

Tâm sự tóc tang được thể hiện rõ rệt nhất trong bài "Tình Người Cô Phụ" trong thi tập "Nỗi Lòng Cô Phụ". Đây là ném tâm hương để tác giả thả lên, hoài niệm người quá cố mà cũng ghi lại giai đoạn cáo chung của thời kỳ hạnh phúc trong cuộc sống lứa đôi. Và đây cũng là một trong những bài thơ bùng vỡ cảm tính của tác giả. Bao nhiêu thống khổ, mất mát trước đó dồn chị vào một con đường tối đen, không một tia sáng bạc nhược nào lóe bên chân trời viễn ảnh. Cho nên giờ đây, chị không thể để cho đôi dòng lệ tuôn chảy âm thầm. Ngọn trào lòng phải bật ra thành tiếng mới làm cho chị bớt bị đè nén bởi sự đau đớn tuyệt vọng nghìn cân đè nặng lên nội giới của chị.

Tình em như áng mây ngàn,
Phương trời vô định thênh thang dậm dài.
Tình nào cho kẻ đắng cay?
Bẽ bàng duyên kiếp đọa đày xác thân.
Tình tròn cho kẻ chinh nhân,
Sơn hà xã tắc dấn thân bụi mờ
Tình thương cho kẻ không bờ,
Con thuyền lạc bến bơ vơ giữa dòng.
Tình thơ cho kẻ long đong,
Thi nhân, kiếm khách vẫy vùng dọc ngang.
Tình hờ cho kẻ lỡ làng,
Con đò bến cũ ngõ ngang chào nhau.
Tình đầy cho kẻ thương đau,
Nửa chừng xuân mộng lao đao trọn đời.
Tình mơ theo kẻ ra khơi,
Nhớ người viễn xứ lệ rơi đôi hàng.
Tình non, tình nước, tình chàng,
Tình người nồng ấm phủ quàng đôi vai.
Bao nhiêu tình ấy hôm mai,
Gom hoa phủ trắng quan tài cho anh.
Nén hương khấn nguyện lòng thành,
Môi son má phấn tro cành cây khô.

Sao trời lạc bên hư vô,
Tiếng than ai oán, tiếng thơ ngân sâu.
Mưa tuôn nước cuốn lệ trào,
Bao nhiêu tình nghĩa chôn vào mồ anh.
Còn đâu ân ái ngày xanh?
Trời gieo tang tóc vây quanh năm mờ.
Anh đi tan tác cơ đồ,
Em nào có khác cùng mồ với anh.
Trầm luân vũ điệu thông hành,
Kiếp hoa mảnh hạt sương mảnh treo chuông.
Dật dờ khói trắng chiều buông,
Bao giờ hết kiếp đoạn trường trần gian?
(các trang 36, 37)

Nhà thơ nữ Hoàng Xuyên Anh không nghĩ rằng mình là nạn nhân của định mệnh mà là mình phải chịu trả cái nghiệp quả của thời tiền kiếp khi chị nhìn cuộc đời xuyên qua giáo lý nhà Phật. Chị còn tin rằng mình phải tuân theo ý Chúa khi chị quỳ dưới tượng Nữ Thánh Đồng Trinh Maria. Cho nên chị không oán Trời, không trách đất, không chửi đời hay nguyên rửa thế nhân. Ở bài "Hồi Chuông Chiêu Mộ" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm", chị cầu xin Phật Tổ soi đường đạo pháp cho chị trước là cầu cho vong linh người quá cố tỉnh "giác mê thường" (sic) và sau là cầu cho mình lánh xa phiền não để được sống an vui.

Ta về gióng một hồi chuông,
Gọi anh tỉnh giấc mê thường mộng lung.
Lời kinh như sóng trùng dương,
Bao la bát ngát tỉnh đường tu thân.
Giọt sương hồi hướng trong ngần,
Đời anh sương gió hồng trần đam mê.
Điệu ru man mác sơn khê,
Tay nâng tràng hạt bồ đề từ tâm.
Nam mô Phật Tổ cao thâm,
Soi đường đạo pháp thấm nhuần người thương.
Mau mau về dưới Phật đường,
Hồi chuông chiêu mộ tìm đường an vui.
(trang 117)

Ở bài "Thì Thầm Cầu Mẹ La Vang", cũng trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm", tác giả cầu Đức Mẹ Maria giúp chị tìm lại chuỗi ngày an lạc và hạnh phúc xa xưa với trái tim nguyên vẹn không tí vết. Như thế, chỉ có vấn đề tâm linh mới làm những điểm tựa tinh thần kiên cố cho tác giả:

Thì thầm cầu mẹ LA VANG,
Làm sao tẩy sạch vết hằn trong tim?
Đời con đau khổ triền miên,
Sóng xô biển dập, ướt mềm lá hoa.
Thở than dưới ánh trăng tà,
Mẹ ơi! Ban chút lụa là thương yêu.
Sông Ngân một giải dịu hui,
Hồng trần ô trọc dập dền quỷ ma.
Tình, tiền vun vút bay xa,
Hồn con vất vưởng la đà gió lay.
Chấp tay khăn mẹ van nài,

Xin cho con được chuỗi ngày yêu xưa.

Quyền năng của mẹ dư thừa.

Xin cho con hết nắng mưa dãi dầu.

Con quỳ lạy mẹ ơn sâu,

Tình yêu của mẹ nhiệm mầu đời con.

(trang 118)

o o

o

Trên con đường đưa vào thi ca lãng mạn êm ái như gương mặt hồ, bát ngát cảm khái trữ tình như khói tỏa sương lan, đôi lúc Hoàng Xuyên Anh theo lối cũ rêu phong, trở về lối thơ thất ngôn bát cú đẹp như cảnh đình viện cổ kính trong ánh nắng bàng bạc không khí vào hai triều đại Đường Tống bên Tàu.

Thường là những bài thù tạc giữa tác giả với kim băng thân hữu hoặc với kẻ thân tộc ruột rà. Thường là những bài chúc tụng những cái đẹp của những tâm hồn thiết tha với văn hóa xã hội.

Xin đọc bài "Mừng Sinh Nhật Lương Anh Thu" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm":

Mừng con sinh nhật tuổi trăng tròn,

Chân sáo tung tăng hót véo von.

Mắt biếc long lanh ươm sắc mộng,

Tóc huyền óng ả xoa vai thon.

Xuân xanh tuổi đại chưa tròn giắc,

Dáng ngọc môi khờ ửng nét son.

Mơn mơn vườn hồng tươi tấn nụ,

Khung trời diễm tuyết ngọt mắng non.

(trang 124)

Vóc dáng thơ bông đôi ra đài các, đẹp như gấm, óng ả vóc nhưng tơ, duộm âm sắc thơ thất ngôn bát cú thuộc loại tân cổ điển của nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội.

Và cũng như hai nữ sĩ gốc Nam Kỳ Lục Tỉnh hồi cuối thế kỷ 19 và bước qua thập niên 10 của Thế Kỷ 21 là Trần Ngọc Lâu và Trần Kim Phụng 9, nhà thơ đất Vĩnh Bình Hoàng Xuyên Anh song song với thơ cảm hoài thân phận, nhưng vẫn không quên trách nhiệm một công dân vào thời thế nhiều nhưng mà những anh hùng hào kiệt hiếm hoi, bao thánh hiền triết gia tịch mịch. Chị mượn bài thơ "Xuân" cũng theo thể thức thất ngôn bát cú trong thi tập "Nỗi Lòng Cô Phụ" để nhắn nhủ kẻ lưu vong hãy nuôi ngọn lửa thiêng dành cho ơn nhà nợ nước.

Xuân này mười chín cái xuân qua,

Nuôi mộng chinh nhân trở lại nhà.

Bút luyện đường thơ phơi tác dạ,

Mực mài gan thép rạng đời hoa.

Năm canh, nhớ nước, quê người lạ,

Đôi hương, thương mình, lối xóm xa.

Xa cách nghìn trùng non với nước,

Đạt thành chí lớn quyết xông pha.

(trang 92)

Cũng vậy bài "Xuân Tha Hương" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm" cũng là bài thơ đề tác giả ký thác tâm sự ái quốc của mình trước cảnh lưu vong biệt xứ. Đây cũng là tâm sự phổ thông, là mẫu số chung của những nhà thơ tuy có thích ứng cuộc sống trên đất nước định cư, nhưng không tìm ra điểm tựa tinh thần đích thực kiên cố và trường cửu.

Én lượn trời xa luống ngõ ngang,

Quê người hoài vọng mây quan san.

Chạnh lòng tưởng nhớ xuân năm cũ

Lưu niệm băng khuâng mắt lệ tràn.
Một phút sa cơ anh hùng lụy,
Nghìn năm hỉ hạ lũ gian nhân.
Thiên liêng anh gọi hồn xuân ngự,
Thấp sáng dùm anh ngọn đuốc vàng.
(trang 93)

Nhưng rồi cũng ở hình thức thơ cổ kính ấy, tác giả vẫn thả vào thơ biết bao tình ý bi ai nảo nuốt như theo một dòng cảm xúc có hữu bất biến. Thơ chị trở nên đơn giản và quen thuộc về phương diện ngôn từ, như bao nhiêu bài than thân trách phận của các bà quả phụ xa xưa trong thi giới như Cao Ngọc Anh, Đào Vân Khanh 10, Trương Phố... Đây là bài "Nhớ Ai?" trong thi tập "Khung Trời Kỷ Niệm":

Hồn đơn, tủi phận, nhớ thương ai?
Gió lạnh xuyên song, bóng nguyệt cài,
Sông nước đầu nguồn lờ lững chảy,
Mây trời cuối nẻo lững lờ bay.
Đêm sâu nhớ bướm, hoa còn thức,
Ngày cạn trông người, phấn nhạt phai.
Tuyết phủ vườn xuân, tim giá lạnh,
Dầm sương bốn bề đợi tương lai.

*

Dầm sương bốn bề đợi tương lai,
Cánh nhạn trời xa mãi miệt mài.
Giấc bướm Trang Chu chưa thức tỉnh,
Hồn thơ Lý Bạch vẫn mê say.
Chập chùng mây khói mờ nhân ảnh,
Khúc khuỷu đường tình lạc bến nhai.
Héo hắt hoa tàn trôi viễn xứ,
Tương tư gầy guộc mảnh hình hài.

(trang 73)

Ở cái thế hệ của Hoàng Xuyến Anh, thử hỏi có mấy ai làm thơ Đường luật vững vàng niêm luật như Hoàng Xuyến Anh?

o o

o

Hoàng Xuyến Anh là một nhà thơ xấn từng mảnh tim của mình rải vào thơ. Chẳng những thế, chị còn vắt những dòng dự lệ sau bao mùa tang tóc cùng máu thấm của con tim mình để rưới chan hòa vào thơ. Tiếng thơ chị chân thành, phản ánh nguyên vẹn cuộc sống tâm tình của chị. Chị không cần tìm kiếm một chân trời mới sáng rực thần trí sáng tạo cho thơ. Chị cần viết lên những câu thơ bằng sóng lòng lai láng cùng những rung cảm hồn nhiên của mình. Chị cũng không cần chăm sóc lời thơ, không cần theo đuổi chạm trổ những câu thơ tinh xảo, cũng không cần nạm khảm những ngôn từ hoa lệ kiêu sa cho thơ. Trên bước đường hành hương đưa về thế giới thi ca, chị đi chậm rãi, ai hồ hào cổ võ cái đổi mới, cái trào lưu tiếp diễn không ngừng của thi ca thì mặc ai. Chị có một cõi thơ nguy nga và tráng lệ riêng, như một tòa thánh điện được kiến trúc đồ sộ dành cho một thánh nữ giữ ngôi vị chương môn coi sóc.

1 Khổng Dương là nhà thơ tiền chiến, sinh quán ở quận Càn Long, tỉnh Trà Vinh. Xin xem tập biên khảo "Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến" của Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng.

2 Truy Phong quê ở Trà Vinh là tác giả tập thơ "Nửa Thế Kỷ Một Vần Thơ", là giáo sư môn Việt văn của trường trung học tư thục Trần Trung Tiên.

3 Vũ Thi An người Vĩnh Bình, em họ của 3 nhà văn Nguyễn thị Thụy Vũ, Hồ Trường An, Trần Long

Hồ, cháu của hai nhà thơ Mặc Khải và Phương Đài, chị dâu của nhà văn Ngô Nguyên Dũng. Đương sự đã cho xuất bản hai thi tập "Tình Quê Tình Thơ" và "Cuối Nẻo Đường Hạnh Phúc".

4 Tường Linh là nhà thơ gốc người Quảng Nam, tác giả những thi tập "Trăng Treo Đầu Súng", "Nghìn Khuya"...

5 Kiên Giang Hà Huy Hà gốc người tỉnh Rạch Giá, là nhà thơ kiêm soạn giả các tuồng hát cải lương. Ông có hai thi tập "Hoa Trắng Thôi Cài Trên Áo Tím" và "Lúa Sạ Miền Nam". Về tuồng cải lương ông có các vở nổi tiếng như "Người Đẹp Bán Tơ", "Người Vợ Không Bao Giờ Cười", "Tiếng Còi Trong Bão Tuyết"...

6 Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội gốc người tỉnh Hà Tiên, là tác giả các tác phẩm như sau: "Nàng Ái Cơ Trong Chậu Úp" (tiểu thuyết giả sử), "Dưới Mái Trắng Non" (tùy bút), "Gầy Hoa Cúc" (thi tập). Bà đoạt giải thi ca do nhóm Tự Lực Văn Đoàn chủ trương qua thi tập "Phấn Hương Rừng" vào năm 1939. Nhưng thi tập này không được xuất bản thành sách.

7 Bài thơ này, tác giả không có phân từng đoạn thơ riêng biệt (les strophes).

8 Trương Phô là nhà thơ nổi danh đầu thế kỷ 20. Bà có 2 tác phẩm "Giọt Lệ Thu" (văn xuôi lẫn văn vần) và "Mưa Gió Sông Tương" (thi tập).

9 Hai nữ sĩ Trần Ngọc Lầu và Trần Kim Phụng là hai nhà thơ đất Nam Kỳ Lục Tỉnh, đồng thời với nữ sĩ Sương Nguyệt Anh. Nhà biên khảo Thái Bạch vào năm 1948 có viết quyển bút khảo về thi ca ái quốc của ba vị nữ lưu ấy. Sách có nhan đề là "Sương Nguyệt Anh, Trần Kim Phụng, Trần Ngọc Lầu".

10 Cụ bà Cao Ngọc Anh là tác giả thi tập "Khuê Sầu Thi Thảo". Cụ Bà Đào Vân Khanh là tác giả thi tập "Khúc Nhàn Ngâm". Hai cụ được nữ sĩ Phương Lan đưa vào quyển bút khảo "Anh Thư Nước Việt".

CHƯƠNG 11: NGỌC AN, THÊ GIỚI THI CA TRỮ TÌNH TRONG MÙA THU ĐIỂM ẢO CỦA CUỘC ĐỜI

Đôi với đa số những kẻ bước vào tuổi trung niên thì quả thật khó làm một bài thơ tình mặn mà xúc cảm. Có lẽ những rung động của con tim trong tuổi hoa niên hay trong tuổi thanh xuân của họ bị rơi rụng ít nhiều trên những nẻo đường đời mà họ đã trải qua. Lại nữa, gánh mưu sinh hay gánh hệ lụy làm tâm hồn họ mất sự tươi mát, làm trái tim của họ chai lì không còn mẫn cảm nữa.

Song có một điều lạ lắm: khi đọc một vài bài thơ của Ngọc An in trong "Tuyển Tập Thơ Mùa Tình Yêu" do cơ sở Cảo Thơm thực hiện vào mùa Xuân 2000, tôi ngạc nhiên một cách kỳ thú: Thơ chị vẫn âm ập rung động, vẫn dạt dào tình ý, vẫn bát ngát men hương nồng đượm say sưa. Đường như chị sinh ra để làm loại thơ này Tuy không uớt sũng cảm tính như thơ tình yêu của của T.T.Kh, lại cũng không như loại thơ trữ tình rất dễ thương về phương diện nhân sinh quan của nữ sĩ Thu Hồng 1 thời tiền chiến, nhưng tình ý chân thành và đôn hậu trong thơ của chị cũng đã ghi nhiều dấu ấn đậm đà trong tâm hồn khách thưởng ngoạn không quá dễ dãi mà cũng không quá khó tánh.

Khuynh hướng thi ca, Ngọc An đã xác định ở bài "Màu Thời Gian" trong thi tập "Tiếng Thơ Là Những Đường Tơ Của Lòng".

Người làm thơ để giải sầu thế sự,
Em làm thơ vắt cả máu tim mình.
Dem niềm đau từ thuở tuổi sơ sinh,
Gởi hết cả đời mình theo giấy mực.

*

Em đã viết với những điều rất thực,
Với ước mơ sâu kín của riêng mình.
Với tình yêu trong trắng thuở nguyên trinh,
Thuyền định mệnh đã vô tình đưa đẩy.

(trang 85)

Vào một buổi sáng chớm hạ, tôi nhận được một bưu kiện kết xù do Ngọc An gửi tặng gọi là món quà văn chương gồm có: 1 tuyển tập thơ văn "Rừng Thu Xưa Vẫn Nhớ" (1998), 2 thi tập "Tiếng Thơ Là Những Đường Tơ Của Lòng" (1997), "Từ Miền Biển Sóng" (2000), 2 tuyển tập thơ văn gồm của nhiều tác giả trong đó có thơ của Ngọc An như "Hoa Vàng" (2003), "Nam Phong" (2005). Và đặc biệt là tập thơ của Ngọc An được phổ nhạc. Mỗi một tác phẩm là một công trình rục rờ về hình thức: ruột được trình bày khoáng đãng, sáng sủa và đầy hình ảnh văn gia thi sĩ ở Bắc California và hình ảnh những văn hữu thi hữu từ bốn phương trời xa xăm đến viếng Thung Lũng HoaVàng. Còn bìa được tráng giấy láng bóng như vóc lãnh, vóc sa-teng và được trang hoàng bằng những tranh ảnh với màu sắc cực kỳ ngoạn mục. Nhìn những bìa sách, tôi có cảm tưởng màu sắc của trăm hồng nghìn tía lộng lẫy trong hoa viên ngự uyển nào về tụ họp để mở hội quần phương trong ánh thiêu quang tươi sáng. Càng đặc biệt là quyển "Ngàn Năm Mây Trắng" (2002) gồm những bài thơ di cảo của cố thi sĩ Yên Bình, người bạn đồng tâm đồng điệu của Ngọc An và gồm thơ hoài niệm của chị cùng các bài thơ ai điệu của các tác giả khác. Đọc qua tác phẩm này, tôi liên tưởng đến giai thoại đẹp đẽ và u buồn hồi 38 năm trước. Số là thi sĩ Đông Hồ thất lộc vào năm 1969. Vợ của ông là nữ sĩ Mộng Tuyết 2 gom hết di cảo của ông để cho in thành những quyển: "Úc Viên Thi Thoại", "Bội Lan Hành", "Hương Gây Mùi Nhớ", "Dòng Cỏ Nguyệt", "Đăng Đàn", "Thiên Địa Gian"... Đó là những nén nhang tưởng niệm đáng trọng phu của bà quả phụ tài hoa kia. Cũng vậy, sau khi nữ sĩ Louise de Vilmorin từ trần, cứ mỗi tuần người tình muôn thuở của bà là đại văn hào André Malraux vào nghĩa trang thăm mộ bà và đặt trên mộ một bó hoa hồng đỏ thắm gọi là kỷ niệm mối tình say đắm của cả hai có sợi dây văn chương nối kết...

Tôi chưa hề được diện kiến Ngọc An, chỉ được ngắm chân dung chị qua nhiều tấm ảnh, đặc biệt là 2

tấm ảnh in trên bìa trước và trên bìa sau quyển "Từ Miền Biển Sóng". Ở tấm ảnh in trên bìa trước, chị có mái tóc cắt ngắn chải bầy ba như mái tóc Nữ Thần Điện Ảnh Greta Garbo vào thập niên 30 của Thế Kỷ 20. Chị mặc áo ngắn tay và chiếc maxi jupe màu đen đứng bên ghềnh đá ven biển gợn sóng màu xanh thẳm. Nét mặt chị buồn bã đăm chiêu. Ở tấm ảnh in trên bìa sau, chị có mái tóc rối rắm một cách nghệ thuật. Chị mặc áo hở cổ màu đen nổi hình tròn màu lam ngọc, khoác bên ngoài chiếc áo veste màu đỏ của hoa phượng vĩ, hoa vòng đồng. Cặp môi chị tô son màu hồng ngọc rực rỡ. Miệng chị vẫn khép kín nụ cười. Dưới đôi chân mày cong cong như viền trăng mỏng, cặp mắt của chị cũng lộ vẻ đăm chiêu, như chìm đắm vào giấc mộng xa xăm, như không còn liên hệ với thực tại trong cuộc sống. Đây là chân dung của một nhà thơ nữ kiêu diễm không tuổi tác và cũng có thể là người đẹp gợi hứng cho các thi nhân (une inspiratrice) như bà Récamier dưới triều đại Hoàng Đế Na-phá-luân Đệ Nhất. Vậy xin các bạn hãy đọc thơ tình yêu của Ngọc An để trong một giây phút nào đó, chúng ta có thể sống lại cái thời trẻ trung với trái tim mơn mớn tinh khôi. Đây bài "Giọt Nước Mắt Em" trong "Tuyển Tập Thơ Mùa Tình Yêu":

Em đã khóc... một chiều bên gối nhỏ
Mưa ngoài kia như nặng hạt ru mềm
Gió ngoài kia như cất tiếng ru đêm
Chia nỗi nhớ mây dâng sâu ảm đạm...

*

Em đã khóc... vòm trời nghiêng sắc xám
Bão điên cuồng như dừng bước phiêu du
Hoa Phong Lan thẹn mặt với sương mù
Sao Bắc Đẩu cũng sa dòng lệ nhỏ...

*

Em hãy khóc cho thành nghiêng quách đổ
Giọt sầu em là bão tố đời anh
Lệ em rơi là mầm mống xây thành
Cơn thác nổi trong tim anh từ đó
(trang 7)

Khi Em Hỏi

Rồi một hôm tình cờ anh đến hỏi
Em là ai, từ đâu đến nơi đây?
Và tìm hiểu về em thêm chút nữa,
Cuộc tình riêng ngang trái tự bao ngày.

*

Em vội vã gom hồng lên bếp lửa
Gọi tim về nhen nhúm chuyện ngày xưa
Ôi! Chóng quá thời gian trôi lặng lẽ
Hai mươi năm đau xót mấy cho vừa.
(trong thi tập "Tiếng Thơ Là
Những Đường Tơ Của Lòng", trang 111)

Lời thơ lẫn ý thơ sao mà sáng loáng như pha lê, trong vắt như dải suối mà kẻ văn cảnh có thể nhìn suốt đáy để thấy những hòn cuội xinh xinh, những cụm rong mềm mại. Thơ của Ngọc An đơn giản, lưu loát, nhạc thơ êm như mộng, dịu như nhung. Ý thơ không thần bí, không ngoắc ngoéo, rối reng. Ngôn từ không kiêu sa, không nhiều ngữ pháp diêm dúa, không có những cụm từ (groupe de mots) phức tạp. Có người sẽ bảo thơ như thế này không đặc sắc, như một tờ giấy trắng, như một tấm lụa bạch trơn, cần phải vẽ, phải thêu một chút gì đó cho mặt giấy, mặt lụa thêm phần ý nhị, thêm phần sinh sắc hơn. Tôi thiết nghĩ không cần. Cái đơn giản, cái trơn nhẵn của ngôn từ có thể làm hiển lộ cái chân tình và bộc lộ

niềm tha thiết của tác giả hơn, nhất là ở những bài thơ lục bát, chẳng hạn như bài "Bâng Khuâng Nỗi Nhớ" trong thi tập "Tiếng Thơ Là Những Đường Tơ Của Lòng". Đọc bài thơ này, chúng ta có thể liên tưởng đến giọng điệu trong thơ lục bát của nhà thơ nữ Hằng Phương 3 vào thời tiền chiến.

Bỗng dung lòng cảm thấy buồn,
Nhớ quê, nhớ phố, nhớ nguồn, nhớ sông.
Nhớ trời phương cũ mênh mông,
Bao nhiêu kỷ niệm sâu chong ngọn đèn.
Nhớ bàn tay ấm thân quen,
Nhớ lần tiễn biệt bạn hiền năm xưa.
Sài Gòn sớm nắng chiều mưa,
Đường khuya phố nhỏ, chân khua nhịp buồn.
Chuyện đời ôm giấc cô miên,
Người đi còn lại ưu phiền trong tim.
Tháng ngày in dấu chân chim,
Buồn theo nỗi nhớ chìm vào hư không!
Mộng xưa chôn chặt trong lòng,
Người đi biệt vời trông bóng hình.
Đêm nay trời, nước lặng thính,
Bâng khuâng nỗi nhớ riêng mình ai hay!

(trang 96)

Bài "Biển Vắng Thì Thầm" trong "Tuyển Tập Thơ Mùa Tình Yêu" vẫn là bài thơ tình yêu. Ở đây, tác giả không cần nhìn sâu vào nội giới và vào tình cảm của mình. Chỉ hiểu tâm tình mình bằng một trực giác kỳ diệu giữa khung cảnh giá lạnh bên bờ biển:

Biển vắng tiếng thì thầm
Cội thông già im lặng
Xa rồi... tình trăm năm
Còn đây bờ môi mặn...

*
Lá còn đâu ấp ủ
Cây mùa đông trơ cành
Biết tìm đâu người cũ
Giữa tình cầu mong manh!

*
Vẫn giọt nắng thủy tinh
Xuôi thuyền xa bến đỗ
Lữ khách vẫn vô tình
Đạp vỡ lá vàng khô...

*
Người con gái đợi chờ
Đã chín mùa đông phong
Chín mùa hoa mai nở
Xuân sắc nhạt môi hồng.

*
Còn gì nữa... người ơi!
Biển tương tư rã rời
Vết tình in trên cát
Sóng xô bờ cuốn trôi...

(trang 8)

Qua các đoạn trích dẫn của hai bài thơ trên, chúng ta đã thấy gì trong thi ca của Ngọc An? Có phải thơ của chị đầy hình ảnh, được kiến trúc bằng những nét tạo hình hay không? Thơ mà thiếu hình ảnh, âm thanh, hương vị, hoặc những gì khơi dậy xúc giác, tình cảm chúng ta tức là thiếu những cái va chạm vào năm giác quan và cõi nội giới chúng ta thì chúng không còn là thơ nói riêng, không còn là văn chương nói chung. Nữ tiến sĩ Helen Keller bị mù mắt, bị câm điếc từ thuở nhỏ, nhưng bà vẫn viết văn được. Dù thế giới màu sắc và hình ảnh cùng thế giới âm thanh đóng chặt cánh cửa đối với bà, tách rời bà với thế gian, xô đẩy bà vào cõi tối tăm im lặng suốt đời. Tuy nhiên, còn xúc giác của bà vẫn mở rộng để bà viết những bài tùy bút đẹp tuyệt vời khi bà sờ đến những cánh hồng êm dịu, những giọt huệ mảnh mai, những lượn sóng lẫn tăn mát rượi trong dòng suối. Và còn khứu giác nữa chi. Mũi bà có thể tiếp nhận những mùi hương của cỏ cây, hoa lá, gió biển v.v... đem lại cho bà biết bao cảm hứng phong phú để bà viết văn. Như thế, xúc giác và khứu giác của bà chẳng những tạo cho bà trở thành một bậc vĩ nhân trong công cuộc tìm ra lẽ sống mầu nhiệm, mà còn giúp bà trở thành một hiện tượng rực rỡ trong lãnh vực văn chương.

Vậy thì những nhà thơ của chúng ta hãy còn tiếp xúc với thế giới màu sắc, hình dáng, âm nhạc, tiếng động, hương vị thì lẽ nào chúng ta chỉ biết sáng tác những câu thơ khô khan, chữ nghĩa vô vị vô hồn như cái cây ma khô đét, như gỗ đá vô tri hay sao? Thơ mà thiếu những cái va chạm vào giác quan người đọc là loại trái cây thiếu sinh tố, là thứ lá héo úa mất hết lực diệp tố.

Ở thơ Ngọc An, chúng ta thường bắt gặp những hình ảnh rất thơ, những nét tạo hình nhịp nhàng và hài hòa trong thiên nhiên: nào mưa rơi giọt mềm, bóng đêm đen, hoa phong lan, sao BắcĐẩu, nào cảnh biển vắng, cội thông già, cây mùa đông trụi lá, nào nắng thủy tinh, lối đi trải lá vàng khô, nào vết tình in trên cát, cuộn sóng tràn trên cát... Như thế, ai mà dám bảo Ngọc An là thợ thơ? Ai mà dám bảo chị không tìm bắt được ngôn ngữ riêng biệt của thơ?

Xin đọc bài "Đêm Mơ" trong thi tập "Từ Miền Biển Sóng":

Hồn em là cả trời mơ mộng
Dẫu biết ngàn năm mây vẫn bay
Dâu bể trần ai trong cõi tạm
Vững lòng tin tưởng ở ngày mai.

*

Anh đến lòng em cơn bão dậy
Quỳnh tương em cạn chén tình say
Thiên thu mật ngọt như huyền thoại
Xao xuyến lòng này anh có hay?

*

Anh là ảo mộng giữa mùa đông
Nửa kiếp phù sinh vương bận lòng
Gom cả tình anh vào giấc ngủ
Mơ thuyền cập bến một dòng sông...

(trang 110)

Đây là hình ảnh nửa hư nửa thực, chập chờn phiêu diêu mà chúng ta thường gặp trong cõi thi ca thời tiền chiến. Chúng được Lưu Trọng Lư sử dụng để đưa thơ mình vào một cõi riêng biệt trong thi giới. Bài thơ này của Ngọc An dù không hoàn toàn ảnh hưởng thơ ông ta, nhưng được phản ánh một vài mảnh vụn lấp lánh trong một vài câu rải rác ở đâu đó. Cũng như nhà thơ họ Lưu, chị đưa bài thơ này vào cõi mộng cơn say trong cuộc tình của mình.

Xin đọc thêm bài "Tâm Sự Với Xuân 2000" trong thi tập "Từ Miền Biển Sóng":

Nắng đã hồng thêm con phố lạnh
Lung linh từng đợt gió heo may

Mình ta lạc bước khung trời vắng
Xác lá bên đường lất phất bay...

*

Xác lá như hồn thu vẩn vương
Chiêm bao mộng寐 cõi vô thường
Bóng dài nghiêng đổ trên hè lạ
Chỉ một mình ta giữa phố phường!

*

Nắng đã lui dần vào cõi tịch
Trả nhân gian màu xám âm u
Bàn tay níu vội thời gian lại
Chân bước mà nghe sóng đập vùi...

*

Biển ở quê hương biển có hay
Từng cơn xao động trái tim này
Lòng thuyền muôn thuở không dờn dỗi
Chia sớt cùng ta chút đắng cay!

(trang 47)

◦ ◦

◦

Cuộc tình nào nếu không có nụ cười thì cũng có giọt nước mắt. Nụ cười là nguyên nhân tạo nên những bài Nhạc Thiều Ca (les Hymnes). Còn giọt nước mắt khơi thần trí sáng tạo của thi nhân để hình thành những bản Trữ Tình Ca (les Odes). Toàn bộ thi ca của Ngọc An không thiếu Trữ Tình Ca đâu. Chị yêu say đắm như trôi lênh đênh trong men rượu nồng ngát say sưa để rồi quên thực tại, quên bóng tối dĩ vãng sau lưng, quên viễn ảnh tương lai cuối chân trời xa thẳm trước mắt. Xin đọc bài "Sóng Tình" trong thi tập "Tiếng Thơ Là Những Đường Tơ Của Lòng":

Một sớm mai thức dậy
Không giống như mọi ngày
Hoa nở rộ trong tim
Hoa cười trong ánh mắt

*

Ta yêu anh thật rồi
Bởi lòng ta se sắt
Nhớ người yêu xa xôi
Để ta mòn mỏi đợi

*

Ngày đầu mới gặp nhau
Ngỡ như trong tiên kiếp
Quen nhau tự thuở nào
Thương nhau tình thắm thiết!
(trang 113)

Giọt lệ không tạo cho Ngọc An sáng tác những khúc bi ca (les poèmes saturniens). Bi ca vốn là loại thơ để tác giả nhìn sâu vào đời sống, vào các tấn bi kịch trong cuộc đời. Chúng ta hãy đọc bài thơ "La Déesse du Soleil Couchant" ("Nữ Thần Tà Dương") của nữ sĩ Renée Vivien. Bài thơ này tả cái đẹp chết chóc với sắc thái cường điệu. Đây là bài bi ca đúng hơn bài trữ tình.

Tóc em giống lá thu
Hỡi Nữ thần của chiều hôm, của những phé tích, của buổi tối

Máu buổi hoàng hôn là màu đỏ của mủ triều thiên của em
Em chọn vùng đầm lầy tù đọng làm tấm gương soi.

*

Mùi hoa huệ héo tàn và mùi cành cây ung thối
Bốc hơi từ tấm áo với những làn xếp biếng trễ của em; đôi mắt em
Theo dõi một cách uể oải những cơn mơ mộng xanh xao
Trong giọng nói hãy còn vọng tiếng thổn thức của những cuộc vĩnh biệt 4.

Giọt lệ chỉ khơi dậy cho Ngọc An nỗi buồn cô quạnh, những bài ca trữ tình. Xin đọc bài "Hải Âu"
trong thi tập "Từ Miền Biển Sóng".

Tản mát về đâu những áng thơ
Thời gian như huyết lạnh sương mờ
Cổ tâm nung nấu trong tiềm thức
Gợi nhớ riêng mình một ước mơ...

*

Ước mơ một kiếp là chim biển
Tung cánh Hải Âu khắp mọi miền
Côn đảo xa vời, đồng cát mịn
Chẳng nghe tâm não nặng ưu phiền.

*

Em sẽ đùa trăng trong bóng đêm
Rong chơi mỗi buổi nắng chiều lên
Dang tay ôm cả khung trời rộng
Nghe gió vi vu tiếng gọi thầm

*

Người yêu bé nhỏ của ta ơi!
Ta nhớ thương em suốt một đời
Dù kẻ chân mây người góc biển
Thuyền tình mang mãi chẳng hề vơi.

*

Em ước em là chim Hải Âu
Bao la tung cánh giữa ưu sầu
Cơ duyên tao ngộ người yêu cũ
Anh hỡi... bây giờ anh ở đâu?

(các trang 106, 107)

Vết thương trong tim tác giả không nhức nhối lan rộng, nhưng mà sâu sắc dằng dai. Nhà thơ than vãn nhưng không rên rỉ, gào thét. Chỉ biết tiết chế tình cảm khi đối diện với cuộc tình đã mất, với niềm hạnh phúc đã phôi pha. Thơ như thế mới gây xao xuyến rất lâu trong lòng người đọc. Đây là bài "Tình Biển" cũng trong thi tập "Từ Miền Biển Sóng".

Hỏi lòng đã thấy đủ chưa?

Ba mươi năm chẵn có thừa đắng cay
Chữ tình vượt khỏi tầm tay
Xuân xanh theo với tháng ngày rong rêu
Bụi tình bám vết chân kiêu
Nụ hôn gửi gió một chiều thu sang
Biển tương tư, biển ngổ ngàng
Đề thuyền tách bến lỡ làng duyên nhau
Thuyền đi đâu, thuyền về đâu?

Biển sâu lặng lẽ niềm đau mong chờ
Biển hờn biển giận vu vơ
Đầy cơn sóng dữ xa bờ cát trôi
Biển bao la, biển ngậm ngùi
Chỉ thuyền mới biết một đời biển đau
Thuyền lênh đèn giữa biển sâu
Đêm đêm biển hát ngàn câu vỗ về
Ai đi xin nhớ lời thề
Một thời gặp gỡ đam mê nửa vời
Gởi theo sóng nước trùng khơi
Tình yêu nồng thắm bên trời ly hương.
(trang 64)

Sau đây là bài "Xuân Lẻ Bạn" khóc người tình thiên cổ trong thi tập "Ngàn Năm Mây Trắng". Nhà thơ không thấp nén nhang trên bàn thờ hay trước mộ người quá cố mà chỉ thấp nén tâm hương trong nỗi hoài niệm thiết tha của mình. Ở đây, nhà thơ cố mượn tượng cái thế giới bên kia cõi sống mà vong linh của người bạn lòng của mình đang lạc lõng trong đó. Bài thơ không vang vọng tiếng nức nở huyên náo, tiếng sứt sùi bi ai. Đó chỉ là những giọng lệ âm thầm trong cõi tịch liêu của một góc đời sâu kín: Người ở đó bên kia vùng đất lạ
Có đón chờ mùa xuân đến hay không?
Có giai nhân má thắm với môi hồng
Để ấp ủ tình quân đêm giá lạnh.
Người ở đó một thiên đường bất hạnh
Lặng lẽ buồn biết than thở cùng ai
Đón xuân sang nơi thế giới lạc loài
Ru điệp khúc cùng sương khuya tẻ nhạt
Người ở đó còn trùng vang khúc hát
Điệu bi ai trong cõi sống vô thường
Để xuân này lòng mang nặng sầu thương
Xuân lẻ bạn, người ơi... người có hiểu???

(trang 99)

◦ ◦
◦

Ngọc An không chỉ thu hẹp thơ của mình vào tình yêu đôi lứa dù trong thứ tình yêu ấy, chị quấy lộn như con lý ngư gặp nước trong mát của đầm sâu ao rộng, như chim én nhào lộn trong bầu trời cao rộng tràn ngập nắng xuân tươi. Tuy nhiên, tình yêu của chị lại thăng hoa lên một cung bậc cao hơn, lan rộng trong một lãnh vực có ý nghĩa đẹp hơn hay trong một không gian bao la hơn. Đó là tình yêu hướng về mẹ cha, tổ quốc, chính nghĩa. Đó cũng là tiếng thơ thời đại mà những nhà thơ vong gia khứ quốc nào một khi định cư trên một đất nước mới cũng xem như là một sứ mạng, một điểm tựa tinh thần để khơi nguồn cảm hứng đang tràn ngập tâm hồn của mình. Ngọc An đâu thể chỉ yêu đương sa đà, đâu thể chỉ đắm đuối trong nỗi đam mê thân tượng tình yêu đôi lứa của mình. Dù sao khi tìm cách dung thân trên đất nước mới, vết thương lòng của chị và vết thương tổ quốc chưa hẳn lành lặn. Ác mộng thời chiến tranh để chống Cộng cứu nước và ác mộng trong những ngày sông dưới chế độ Cộng Sản làm sao hết ám ảnh chị được? Cho nên tâm sự u hoài của Ngọc An được ký thác vào thi tập "Ngàn Năm Mây Trắng".

Khởi đầu những bài thơ nhớ nước thương nhà là những bài thơ tìm về dĩ vãng gồm có thời hoa niên và tuổi thanh xuân của Ngọc An. Khoảng thời gian ấy được các thi nhân, văn gia dùng rất nhiều sáo ngữ thời đại nào là tuổi hoa, tuổi hồng, tuổi ngọc, tuổi ô mai, thuở dậy thì v.v... Nhưng giờ đây độc giả kiêu

bào đã vào tuổi trung niên, đã thu mình vào mùa thu cuộc đời trên đất khách rồi thì chẳng những họ không thấy những ngôn từ ấy rỗng sáo nữa; mà trái lại chúng trở nên thân thương đối với tấm lòng hoài niệm của họ. Chúng gợi nên một chặng đời mộng ảo mơ hoa vô cùng kỳ thú của mình.

Chiều trở lại trên con đường tuổi ngọc

Tôi quay về một dĩ vãng mờ xa

Hình ảnh ngôi trường, tà áo thướt tha

Hàng phượng đỏ ven đường tươi nắng ấm...

*

Trong hoài niệm hiện về từ xa thăm

Của một thời thơ dại sống hồn nhiên

Bên thầy cô, sách vở, lũ bạn hiền

Tôi có cả mưa xuân và nắng hạ...

("Một Dĩ Vãng", trang 163)

Đường về kỷ niệm đâu phải chỉ ngừng lại ở ngôi trường lớp học mà ở quê hương của tác giả. Đó là Vũng Tàu, một thành phố du lịch danh tiếng, một thị trấn hoa lệ bên bờ Nam Hải của đất nước Nam Kỳ Lục Tỉnh. Không gian nơi đó bao la khoáng đạt để mở rộng nội giới những kẻ mang sẵn nỗi thơ, đưa cảm khái bát ngát và cảm hứng lai láng vào tâm hồn họ.

Vũng Tàu biển sóng vây quanh

Em về tìm lại ngày xanh tuổi hồng

Bao nhiêu năm cuộc phiêu bồng

Quê hương vời vợi đau lòng đổ quyền

*

Rì rào gió cát hàn huyền

Từ em cất bước truân chuyên dập dòn

Rặng dừa rũ bóng hoài mong

Mà người đi mãi cánh hồng bay xa...

*

Thôi đành dấu mộng hải hà

Thuyền neo bến đợi trăng tà quạnh hiu

Bao nhiêu hạnh phúc chắt chiu

Đào Nguyên một thuở Nguyễn Lưu lạc đường!

*

Ai về gói mộng tơ vương

Ai đi biệt một phương ngóng chờ

Con đường kỷ niệm ngẩn ngơ

Tương lai, hiện tại, thần thờ... chiêm bao...

("Biển Nhớ", trang 146)

Từ niềm nhớ thương cô hương Vũng Tàu, tâm hồn tác giả bay xa hơn để đến những địa danh mà chị đã đến viếng thăm hay chỉ biết qua sách vở hay qua lời đồn đãi. Nhưng dù thì dù, tất cả địa danh ấy đều nằm trong non sông tổ quốc chúng ta mà nơi xứ lạ quê người tác giả luôn ấp ủ một niềm thương mến luôn tươi thắm đậm đà.

Sáng hôm nay nghe gió về lành lạnh

Thu đã chuyển mùa, anh có biết không?

Mây lang thang, hồn trĩu nặng nhớ mong

Nắng diu diu, lòng em buồn man mác...

*

Em bỗng nhớ mùa Thu xưa Đà Lạt

Mây Lam Viên mờ ảo phủ rừng thông
Mi-mô-sa từng hạt lệ rung rung
Bên hồ biếc, xôn xao cơn sóng gợn.

*

Em chưa có mùa Thu sông Hương núi Ngự
Huế mơ màng ôm cung điện nghìn xưa
Huế của ai... sao nhiều nắng lắm mưa
Em ao ước được một lần hạnh ngộ!

*

Em nghe nói: trời mùa Thu Hà Nội
Heo may về từng đợt gió buồn hiu
Lá vàng rơi trên đường phố cô liêu
Hồ Lăng Bạc, dấu tích xưa huyền sử...

*

Thế là đã hơn mười Thu cô lữ
Lá quê người sắc vàng đỏ mênh mang
Nhưng trong em, bao kỷ niệm ủa vàng
Niềm cố quốc... quê hương xa vời vợi...

*

Anh biết đó, em vẫn hằng mong đợi
Một mùa Thu... ta nhặt lá vàng rơi!
("Dấu Chân Thu", trang 145)

Dù Đà Lạt có đôi lần tác giả thăm viếng, dù Huế và Hà Nội có nhiều lần chị mơ tưởng, nhưng đó là những hình bóng xa xăm hay những hình bóng trong cõi mộng tượng mà thôi. Tuy nhiên, mấy nhịp cầu tre, mấy nhánh sông trên mảnh đất miền phù sa Sông Cửu vẫn là những hình ảnh gần gũi với tâm tình chị hơn. Dù là những hình ảnh tầm thường, nhưng vẫn ghi biết bao dấu ấn kỷ niệm yêu dấu và nhất là hình ảnh song thân của chị trong trái tim của chị. Chị nhân cách hóa con sông cái như người mẹ hiền (sông Mẹ). Còn những nhánh sông phụ lưu, chi lưu là đàn con. Tuy nhiên, tác giả còn ví những dòng sông (sông cái lẫn rạch con) là những dòng sữa của Đất Mẹ nuôi dưỡng những đứa con của Tổ Quốc thân yêu nữa. Một bài thơ mà hàm chứa nhiều ẩn dụ lớn lao như vậy vẫn là một bài thơ sản sinh từ thần trí sáng tạo tuyệt vời. Nhưng những nhịp cầu tre thì tượng trưng cho cái gì đây? Tác giả dù không nói ra, nhưng chị đã mở cho chúng ta những dòng liên tưởng đến những niềm cảm thông nối liền những tâm hồn hòa hợp và đồng điệu với nhau, những niềm gắn bó da diết giữa những tình người đồng chủng đồng hương với nhau. Xin đọc "Mấy Nhịp Cầu Tre Mấy Nhánh Sông" trong thi tập "Từ Miền Biển Sóng":

Có ai còn nhớ dòng sông Mẹ
Sinh trưởng đàn con nay lớn khôn
Chắp cánh đoạn trường nơi đất lạ
Quê nhà Mẹ khóc tạ dòng sông...

*

Ra đi con Mẹ có vui gì
Giọt lệ tuôn tràn phút biệt ly
Đau xót ghen ngào chân bước vội
Âm vang nhạc khúc biệt kinh kỳ...

*

Mấy nhịp cầu tre mấy nhánh sông
Như dòng sữa ngọt Mẹ nuôi con

Nặng tình sông núi bao xa cách
Thao thức từng đêm nát cõi lòng!

*

Nửa mảnh trăng buồn như vắn vường
Chim Quyên khóc bạn buổi lên đường
Dòng sông tức tưởi đau lòng nước
Mấy nhịp tình sầu biệt cố hương...

(trang 26)

Ở các đoạn sau của bài thơ "Mấy Nhịp Cầu Tre Mấy Nhánh Sông" hình như tác giả không chỉ tự than vãn hoàn cảnh bất lực của mình vì chị nghĩ rằng mình không làm được cái gì cho quê hương trong cảnh quốc phá gia vong. Hình như chị nhấn nhủ những người cựu chiến binh, những kẻ nuôi bèn lửa thiêng ái quốc hãy góp tay góp sức vào đại cuộc. Xin đọc tiếp:

Phong sương đã nhuộm trôi màu tóc
Tuyết lạnh trời Tây bạc mắt môi
Ý chí quật cường không thể mất
Nhưng... cao niên kẻ một bên rồi!

*

Còn đâu anh dũng hiên ngang ấy
Góp mặt sa trường lướt gió mây
Vượt sóng trùng dương cơn bão tố
Còn đây... những dòng lệ đêm ngày!

*

Thôi rồi một mảnh tàn y
Súng gươm trả lại, oai nghi trao người
Hai lăm năm, chẳng nụ cười
Hồn thiêng sông núi, đất trời chứng minh
Đàn con vì kẻ mưu sinh
Vi hờn non nước điêu linh một thời
Ra đi góp gió phương trời
Mong ngày trở lại rặng ngời quê hương
Hai lăm năm, khóc đoạn trường
Mộng cao chí cả như sương dật dờ
Gửi hồn vào những vần thơ
Niềm riêng canh cánh đợi chờ bình minh
Soi gương chợt thấy bóng hình
Da nhăn tóc bạc giật mình Mẹ ơi...

(trang 27)

Nỗi niềm nhớ nước nhớ quê có thể hiện diện qua địa danh, hình ảnh trong bài thơ "Giòng Tâm Sự Nhỏ" trong thi tập "Thơ Là Những Đường Tơ Của Lòng". Tâm sự hoài hương vẫn là tâm sự chung cho kiều bào. Nó tâm thường, phổ thông, nhưng mà nó gìn vàng giữ ngọc cho những con người còn thương tưởng tới cố quốc, không vì bã lợi danh ở hải ngoại mà mất gốc mất rễ. Bài thơ hoài hương càng có nhiều hình ảnh quê hương càng chứng tỏ tâm tình hoài vọng của tác giả càng tha thiết, càng thấm đượm và thâm thúy biết ngần nào! Niềm yêu quê làm cho tác giả thấy địa danh nào cũng đẹp, hình ảnh nào cũng nên thơ cả. Chị cố tình gọt sạch gai góc của xã hội phiền phức tại các địa danh ấy, chỉ giữ lại cái gì có khía cạnh tích cực và tốt đẹp trong tâm khảm của mình mà thôi.

Quê ta đó phía bên kia bờ biển,
Thái bình dương nay xa cách nghìn trùng

Ôi! Vũng Tàu nổi nhớ thật mênh mông,
Những thành phố, đồng bằng và sông núi...
*

Ta ra đi với bao niềm hờn tủi,
Bởi quê hương đang nặng dưới gông xiềng.
Và Tự Do tiếng gọi quá thiêng liêng,
Mang ta tới nơi chân trời xa lạ.

*

Mảnh hành lý đầy thương yêu nổi nhớ
Người ra đi tung đôi cánh thên thang.
Bỏ lại sau lưng những lũy tre làng,
Con phố cũ, đường trơn màu đất đỏ.

*

Nhớ Đà Nẵng, Nha Trang chiều lộng gió,
Huế Cố Đô với thành quách rêu phong
Đà Lạt mờ sương che phủ đôi thôn,
Cần Thơ đó, bến Ninh Kiều sóng gợn.

*

Phố biển Vũng Tàu, một thời mới lớn,
Dấu chân xưa trên cát có còn chẳng?
Những giòng sông êm ả tắm màu trắng,
Con đò nhỏ khua chèo trên bến cạn.

*

Và tất cả nhạt nhòa trong ánh sáng,
Hòn Ngọc Viễn Đông sắc thắm Sài Gòn
Thủ đô một thời tình nghĩa sắt son,
Bao chiến sĩ vì quê hương nằm xuống.

*

Ta nhớ rõ như in trong tâm tưởng,
Những con đường, dãy phố, những dòng sông.
Những cái tên quen thuộc đến nằm lòng,
Từ Bình Triệu chạy dài vô Chợ Lớn.

*

Dinh Độc Lập, nhà thờ Đức Bà, Bưu Điện,
Chợ Bến Thành, Cầu Muối, chợ Bình Tây...
Chùa Vĩnh Nghiêm vươn tháp nhọn, ai xây?
Lăng Ông đó, những mùa xuân hái lộc!

*

Bao thương nhớ lòng ta thêm thổn thức,
Những dấu yêu, kỷ niệm một thời xa.
Việt Nam ơi! Hỡi đất tổ quê nhà,
Xin trang trọng gửi giòng tâm sự nhỏ.

(các trang 37, 38, 39)

Tổ quốc giang sơn là một vấn đề to rộng. Chúng ta yêu nó qua hồn thiêng Mẹ Tổ Quốc, qua anh linh các đấng tiền nhân đã dành. Nhưng cái ràng buộc chúng ta ngoài mảnh đất cố hương còn có gia đình chúng ta. Hai đấng sinh thành của chúng ta mới là hai mảnh lực mầu nhiệm để chúng ta gắn bó với cố quốc.

Cũng như bao nhiêu nhà thơ nữ nặng óc gia đình khác, cũng như bao nhiêu đứa con thương mến mẹ cha mà phải chịu cảnh lạc loài khác, Ngọc An vẫn không quên song thân của mình dù ở một phương trời hải ngoại chị bận bịu với cuộc mưu sinh phức tạp để đạt thành quả tốt đẹp đi nữa. Có tình yêu thương sâu sắc đối với cha mẹ, chị mới vững chãi bước vào đời, mới giữ niềm tin yêu trong cuộc sống. Có tình yêu thắm đượm của người tình anh dũng, tâm hồn chị mới tràn ngập hoài cảm, ngòi bút chị mới nở hoa. Trong những tác phẩm thi ca của Ngọc An, hình cha bóng mẹ hiện diện rất nhiều. Mẹ cha chẳng những đã khơi nguồn cảm hứng tràn trề cho thơ chị mà còn là một ám ảnh không nguôi đối với chị. Cho nên trong thơ, khi chị viết chữ Cha hay chữ Mẹ thì hai chữ đầu (chữ C và chữ M) đều là chữ hoa.

Bài thơ "Hãy Vì Tôi" trong thi tập "Rừng Thu Xưa Vẫn Nhớ" nói lên niềm hoài vọng của tác giả đối với nghiêm phụ của mình, trong bài có hai đoạn nhắc tới từ mẫu của mình. Ý thơ đơn giản, tình thương yêu của chị đối với song thân chị bao giờ cũng đơn giản, cũng hồn nhiên, nhưng rất nồng đượm, rất chân thành. Bài thơ của kẻ nào đó dù có vụng về thô tháp cách mấy, nhưng bản chất chân thành của nó vẫn đưa thơ đi sâu vào tâm hồn độc giả một cách dễ dàng, tron ngọt:

Nếu có dịp ghé qua vùng biển mặn
Hãy vì tôi, xin đôi phút dừng chân
Thăm dùm Cha tôi, tuổi sắp cửu tuần
Thăm dùm Mẹ, mộ phần nơi hoang lạnh...

*

Cha của tôi... tóc phủ màu sương trắng
Một thân gầy lạng lẽ sống cô liêu
Vì non sông người vẫn chắt chiu
Ôm hoài bão đầu da môi tóc bạc!

*

Đường đấu tranh trên nẻo đời luân lạc
Bước công danh sáng tỏ một phương trời
Bao đêm rồi con thao thức Cha ơi!
Mong tuổi thọ của Cha dài thêm nữa...

*

Người hãy vì tôi nhóm lên bếp lửa
Nấu nước pha trà đôi chén mời Cha
Con gái không về trong dạ xót xa
Ngậm trà nóng cho lòng Cha ấm lại!

*

Đồng cát trắng đã từng đêm khắc khoải
Ôm nỗi sầu, Mẹ hát khúc thiên thu
Mẹ đã về trong thế giới hoang vu
Con xa vắng để mộ phần lạnh lẽo...

*

Tha thứ cho con đường xa vạn nẻo
Giải Ngân Hà cách trở tháng ngày qua
Hãy vì tôi, vì tình bạn chúng ta
Đốt hộ tôi những tuần nhang trên mộ!

*

Hồn mẹ tôi sẽ linh thiêng phù hộ
Hương nhang thơm quyện đến cõi trời Tây
Cho chúng ta duyên tao ngộ một ngày
Trên đất khách pháo hoa bùng nổ rộ...

(các trang 70, 71)

Nhưng rồi cha tác giả cũng chết theo người bạn trăm năm của mình. Đó là vào tháng sáu, nhưng tác giả không nói rõ năm nào, tháng sáu dương lịch hay tháng sáu âm lịch? Nhưng chắc chắn lúc đó trên đất nước Miền Nam Việt Nam, mùa mưa dầm dề vào sâu. Nhưng cũng tháng sáu ấy, cũng không rõ vào năm nào, người tình chiến sĩ của chị đã vùi thân vào lòng đất lạnh. Hai cái tháng sáu thống khổ đã ghi vào cõi hoài niệm nhà thơ nữ Ngọc An, nên chị chiêu niệm anh linh họ về trong phút hồi tưởng bi thương của chị.

Xin đọc bài "Tháng Sáu Ta Buồn Tim Tái Tê" trong thi tập "Từ Miền Biển Sóng".

Năm nào tháng sáu ta rong chơi
Ánh nắng chiều nghiêng dưới mặt trời
Đuổi bướm vờn quanh hàng đậu tím
Thả diều theo ngọn gió chơi vui...

*

Lần nữa bao mùa Xuân nở hoa
Mấy đông trở giấc động sương pha
Thả trôi mơ mộng vào hư ảo
Ôm chuỗi ngày buồn lẫn xót xa!

*

Tháng sáu nào mưa bão ngút ngàn
Tiễn người chiến sĩ vượt quan san
Đưa người yêu mến vào lòng đất
Ta đã một thời lệ chứa chan...

*

Tháng sáu này ta đếm tuổi hờn
Cha vào huyết lạnh với cô đơn
Hôm nào bên cửa Cha còn đứng
Vẫy vẫy tay chào để tiễn con!

*

Tháng sáu con buồn tim tái tê
Còn đâu Cha đứng đón con về
Âm dương cách biệt rồi Cha nhỉ?
Vĩnh viễn ôm sâu trong giấc mê...

*

Con thấy Cha từ trong bóng đêm
Bạc phơ mái tóc, ngủ êm đêm
Giấc ngủ ngàn năm không trở dậy
Cho con chua xót ghen ngào thêm!

*

Từ đây cho đến cuối đời con
Một bóng đơn côi giữa xứ người
Con khóc khi đời dâng bão tố
Con cười... nhưng giọt lệ đầy vơi...

(các trang 33, 34)

Trót yêu quê hương khốn khó, trót không thể cho tâm tình hòa điệu với cuộc sống trên xứ sở định cư, dĩ nhiên những nhà thơ luôn mơ một ngày về vinh quang khi đất nước dựng lại ngọn cờ xưa. Nhưng giấc mơ ấy, họ thậm biết chỉ mãi mãi là giấc mơ. Và dù ngọn cờ xưa có tìm lại trên cố quốc chẳng nữa, nhưng chắc gì họ còn sống sót để trở về nhìn lại nó vẫy lộng trong bầu mây tạnh trời trong. Song

họ vẫn tiếp tục mơ. Tâm trạng đó là tâm trạng chung của kiều bào nặng tình nghĩa, trong đó có tâm trạng của nhà thơ nữ Ngọc An. Xin đọc bài thơ "Sẽ Có Ngày" trong thi tập "Từ Miền Biển Sóng":

Sẽ có một ngày ta trở lại
Núi sông hùng vĩ mượt màu xanh
Giòng thác reo vui mừng khách lạ
Hoa Xuân đua nở rộ trên cành

*

Sẽ có một ngày tay siết tay
Mừng mừng tủi tủi rượu, thơ, say
Tàn đêm thức trắng niềm tâm sự
Thân phận ly hương những tháng ngày!

*

Sẽ có một ngày ta với ta
Đôi cao vang dậy khúc hoan ca
Chim muông cầm thú cùng vui hót
Chào đón mùa xuân đẹp thái hòa...

*

Sẽ có một ngày bao chiến binh
Trở về đất Mẹ giữa bình minh
Thuyền xưa bến cũ dang tay đợi
Lệ đá rung rung khóc chuyện tình...

*

Chuyện tình của những kẻ ly hương
Quên mất mùa Xuân chốn dặm trường
Bỏ ngõ tim hồng nơi xứ lạnh
Nhìn nhau bờ ngõ, tóc pha sương!

*

Sẽ có một ngày con của Mẹ
Tìm về giòng máu chảy trong tim
Thiết tha nguồn cội bao ngăn cách
Dựng lại non sông kiến thái bình...

(trang 23)

o o

o

Trong cõi thi ca, nữ sĩ Ngọc An có hai khuôn mặt: khuôn mặt của một người tình nhu mì âu yếm thường tâm sự với người yêu của bằng lời mềm mỏng, gần gũi. Đó là những lời thoát thai từ tấm lòng tha thiết và bền sắt tươi son. Khi hạnh phúc, chị không reo vang tung bừng tỏ mở, không ba hoa với ngọn trào lòng lai láng của mình. Khi đau khổ, chị không bù lu bù loa, tru tréo như Nguyễn thị Hoàng, không dầy đàn đạch như Túy Hồng, không khinh bạc kiêu kỳ như Linh Bảo (bên văn xuôi). Chị chỉ than thở một cách dịu dàng. Tiếng thở dài của chị mỏng nhẹ, gần gũi, nhưng dễ thấm sâu vào lòng người.

Khuôn mặt thứ hai của chị trong thi ca là khuôn của một người phụ nữ gần gũi với tổ quốc quê hương và chính nghĩa. Chị không nguyên rủa, không đá kích trắng trợn chế độ đương thời ở quê nhà, không hằn học với những kẻ làm đất nước điêu đứng lầm than. Chị vẫn giữ thái độ điềm đạm rất thực nữ và rất thùy mị khi viết những bài thơ cho quê hương, cho những người vị quốc vong thân, cho những kẻ gánh vác hệ lụy sau cuộc đổi dời trên đất nước.

Sáng tác thơ chị không cần gò gẫm, cứ để cho mạch thơ tuôn tràn lưu loát như chất mật ong ngọt ngào rót vào chén sứ mỏng tanh. Chị không gọt tĩa trau chuốt ngôn từ một cách tỉ mỉ như người sành điệu gọt

tĩa củ thủy tiên thành hình trên cầm thủy thú trong dịp Tết. Chị cũng không cần thoa son đánh phấn cho ngôn từ, không cần chạm trổ những ngữ pháp tân kỳ. Có vậy tình cảm trong thơ được hồn nhiên chân thực. Bởi đó chúng ta không lấy làm lạ tại sao thơ chị thật truyền cảm.

1 Thu Hồng là nhà thơ nữ thời tiền chiến, vốn là một tôn nữ đất Thần Kinh. Bà là tác giả thi tập "Sóng Thơ". Bà mất tích trong thời chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh. Sau đây là đoạn thơ tiêu biểu của bà trong thi tập "Sóng Lòng":

Mầm chán nản chớ len vào niên thiếu

Chớ len vào sớm quá tội em mà!

Em như nghe thời ấy vẫn còn xa,

Em chậm chậm để mong còn xa mãi;

Hãy là hoa, xin khoan là trái,

Hoa nồng hương mà trái lắm khi chua.

2 Mộng Tuyết là nhà thơ nữ đất Hà Tiên, là vợ của thi sĩ Đông Hồ. Bà đoạt giải văn chương do nhóm Tự Lực Văn Đoàn chủ trương vào năm 1939 qua thi tập "Phấn Hương Rừng". Vào năm 1960, bà cho xuất quyền tiểu thuyết "Nàng Ái Cơ Trong Chậu Úp" qua bút hiệu Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội. Vào năm 1972, bà cho xuất bản thêm thi tập "Gầy Hoa Cúc".

3 Hằng Phương là con gái nhà chí sĩ Sở Cuồng Lê Dư và là vợ phê bình gia Vũ Ngọc Phan. Bà cùng 3 nữ sĩ Vân Đài, Mộng Tuyết và Anh Thơ cho xuất bản chung quyền hợp tuyển thi ca "Hương Xuân". Vào thời tiền chiến, các nhà thơ nữ như Hằng Phương, Vân Đài, Mộng Tuyết, Anh Thơ, được Hoài Thanh và Hoài Chân đưa vào quyển biên khảo "Thi Nhân Việt Nam". Về sau ít lâu còn xuất hiện thêm Ngân Giang và Mộng Sơn. Sáu nữ sĩ này vào thời kỳ Đệ nhất Cộng Hòa tại Miền Nam Việt Nam được Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng đưa vào quyển biên khảo "Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến". Sau đây là bài thơ tiêu biểu "Lòng Quê" của Hằng Phương trang tặng Vũ Ngọc Phan đã đăng trên tạp chí Hà Nội Tân Văn:

Xưa kia em ở bên trời,

Ngây thơ chưa rõ cuộc đời là chi.

Mặc cho ngày tháng trôi đi,

Tóc mây nào biết có khi bạc đầu.

Chim non ở chốn rừng sâu,

Quanh mình chỉ thấy một màu xanh xanh.

Bình minh buổi ấy gặp anh,

Rủ em ra chốn thị thành xa khơi

Yêu anh em hóa yêu đời,

Theo anh chấp cánh tung trời bay cao.

Anh đưa em đến vườn đào,

Màu tươi sắc thắm em nào dám chê.

Nhưng em luống nặng hồn quê,

Nhớ thương cảnh cũ bốn bề núi non.

Nhớ nơi làng xóm con con,

Nhớ hương cây quế chon von trên đồi.

Bạn xưa, nhớ yên tha môi,

Cảnh xưa, em nhớ những ngày còn thơ...

Đường xa, ngoảnh lại ngẩn ngơ,

Trông theo mây trắng thần thờ mắt xanh.

4 Đây là bài thơ của nữ sĩ Renée Vivien tặng người đẹp Eva Palmer, một phụ nữ trí thức ưa khảo cứu văn minh Hy-lạp. Nàng có mái tóc hung hung đỏ như sắc mây hoàng hôn, thường gợi hứng cho các thi

nhân vào Thời Đại Mỹ Lệ (la Belle Époque, tức là vào thập niên 10 của Thế kỷ 20). Cho nên thời
nhân gọi nàng là "Nữ Thần Tà Dương".

Tes cheveux sont pareils aux feuillages d'automne

Déesse du couchant, des ruines, du soir!

Le sang du crépuscule est ta rouge couronne,

Tu choisis les marais stagnants pour ton miroir.

*

L'odeur des lys fanés et des branches pourries

S'exhale de ta robe aux plis lassés; tes yeux

Suivent avec langueur de pâles rêveries;

Dans ta voix pleure encor(e) le sanglot des adieux.

CHƯƠNG 12: DƯ THỊ DIỄM BUỒN TÌM GẶP DƯ ẠNH QUÊ XƯA QUA< "MỘT GÓC TRỜI THÔN DÃ" VÀ "THỜI BIỂN LẶNG

Dư Thị Diễm Buồn là cây bút tình tự dân tộc. Chị chuyên viết về quê hương đất nước, nhất là những nơi chị định cư. Tuy nhiên ở truyện dài Ngoài Ngưỡng Chiêm Bao chị lấy bối cảnh trại tiếp cư nơi quần đảo Nam Dương dành cho các thuyền nhân vượt biên tìm tự do và chị lấy thành phố Chicago thuộc tiểu bang Illinois dành nơi định cư cho kiều bào làm bối cảnh cho tác phẩm này.

Những địa danh trên xứ sở Nam Kỳ Lục Tỉnh mà chị nói đến nhiều nhất là 2 thành phố Mỹ Tho và Cần Thơ cùng quận Cai Lậy. Thật ra, chị thích cái không khí tỉnh lỵ êm đềm và những vùng nửa chợ nửa quê thơ mộng. Chúng ta chưa hề gặp trong các tác phẩm chị một vùng nào quê rích quê rang, chó ăn đá gà ăn muối như miệt Năm Căn, Chắc Bông hoặc các vùng Cực Nam đất nước vào thuở tiền chiến.

Một Góc Trời Thôn Dã xảy ra vào thuở tiền chiến, có thể vào thập niên 20 hay thập niên 30, tức là vào khoảng thời gian mà tác giả chưa chào đời. Như thế, chị phải moi móc sưu tầm tài liệu vào khoảng thời gian ấy, tức là thuở mà trường Gia Long được dân gian gọi là trường Áo Tím và trường Trương Vĩnh Ký được gọi là trường Pétrus Ký. Vào thuở đó, dù là dưới chánh thể Thuộc Địa của Pháp, hạng điền chủ bậc lớn hay bậc nhỏ đều sống phong lưu. Còn quyển truyện dài Thời Biển Lặng Sông Trong tiếp theo quyển đầu xảy ra vào thuở bình minh của chánh thể Đệ nhất Cộng Hòa dưới sự lãnh đạo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Thuở đó, nhờ sự viện trợ dồi dào của Hoa Kỳ mà toàn dân Miền Nam Việt Nam từ bên này sông Bến Hải tới mũi Cà Mau được sống sung túc an bình.

Truyện dài Một Góc Trời Thôn Dã là một truyện tình phản ánh sự giao tiếp giữa thế hệ đảng cựu gặp hồi suy tàn và thế hệ tân học chỉ vừa như hoa chớm nụ. Nữ nhân vật chánh là Cẩm Hương sinh quán ở Lái Thiêu (thuộc tỉnh Thủ Dầu Một / Bình Dương) vừa tốt nghiệp trường Sư Phạm được bổ về dạy học ở Cai Lậy (thuộc tỉnh Mỹ Tho). Nàng ở trọ tại nhà bà Tư Hiền, vợ bé ông Hai Cung. Ông này là chủ nhân nhà máy chà gạo. Nguyên bà Tư Hiền trước kia là cô thôn nữ nhà nghèo, phải đi ở mướn cho ông bà Hương Cả Cần, song thân của cậu Hai Cung. Cô lãnh phần chăm sóc hai cô con gái Kiều Lan và Kiều Liên của cậu Hai Cung. Cậu Hai dù có vợ nhưng vì không yêu vợ, vì mê cảm nhan sắc cô tớ gái xinh đẹp nên cưỡng dâm cô ta. Không ngờ Hiền có thai, rồi sanh đứa con trai đặt tên Thiện Tổ. Bà Cả Cần phải tìm cách hợp thức hóa thân phận đứa con hoang của cậu quý tử của mình. Hiền phải cam tâm làm vợ bé cho cậu Hai Cung, phải chịu sự xéo xắt bắt nạt của người vợ lớn. Mụ này, sau đó ít lâu, sanh thêm đứa con trai đặt tên là Thiện Cẩm.

Năm qua tháng lại, lũ con dòng lớn và đứa con dòng nhỏ trưởng thành. Kiều Lan và Kiều Liên chanh chua, xí xọn, hay ghen ghét cái hạnh phúc và cái may mắn của tha nhân. Thiện Cẩm thì đẹp trai, tánh nết lông bông, lười học nên thi hoài mà vẫn rớt bằng Thành Chung. Thiện Tổ thì chăm học, đỗ bằng Tú Tài, rồi ở nhà làm quản lý cho cha để coi sóc nhà máy chà gạo đang hồi thịnh vượng.

Khi tác giả đưa độc giả vào một phần tư quyển truyện thì ông bà Hương Cả Cần đã qua đời. Kiều Lan và Kiều Liên đã có chồng và theo chồng ra ở riêng. Thiện Cẩm cưới một cô vợ tên Hồng Ánh vốn đang, biết phải quấy, cư xử mềm mỏng với mẹ con bà Tư Hiền. Thiện Tổ theo mẹ ra ở ngôi nhà gần nhà từ đường của ông bà Hương Cả Cần.

Cẩm Hương trong thời gian ở trọ nhà bà Tư Hiền, được tiếp xúc nhiều lần với Thiện Tổ, lúc đầu nàng hơi ác cảm với chàng, nhưng nàng không ngờ đó là mặt trái của tình yêu.

Chàng thanh niên này cao lớn, có khoảng 1 thước 75 phân chớ không chơi. Chắc là Từ Hải trong truyện Kiều bay vọt ra ngoài đời chớ gì? Vừa nghĩ tới đây, Cẩm Hương cảm thấy vui vui. Nhưng nàng vẫn bực vì nụ cười hằn ngạo ngễ, khuôn mặt hí hờn trong dễ ghét làm sao ấy! Hẳn có dáng hiên ngang, vai rộng, mặt rắn rỏi, tay chân cứng cáp, đi đứng chững chạc. Đây là mẫu người vừa trí thức vừa phong trần. Nhỏ Ái Mỹ và nhỏ Ánh Nguyệt, Thục An thường ca tụng mẫu thanh niên như vậy. Ái

Mỹ vô vãnh:

- Tao ưa tài ử Clark Gable trong phim "Cuốn theo Chiều Gió" vừa trí thức vừa phong trần, trong có vẻ thạo đời. Đó mới là đáng quân vương trong mộng của tao.

Thục An lim dim cặp mắt ốc bươu:

- Tao cũng vậy Những thanh niên hiền ngang, hùng trai như vậy mà chịu cưới tao, chắc tao ăn chay một tháng 15 ngày để cảm ơn Trời thương Phật độ.

Ánh Nguyệt bình tĩnh hơn:

- Tao có đọc áo Ciné Miroir, biết được anh chàng Clark Gable đó học hành dở ẹc và miệng mồm hăn có vấn đề, nên đạo diễn phải bắt hăn giữ vệ sinh tối đa khi đóng những màn cụp lạc hun hít với nữ diễn viên. Nhưng nếu gặp chàng có bằng Thành Chung mà bảnh trai, xinh trai, dễ thương trai, lại có cái miệng thơm mát, thì con Ánh Nguyệt này không niêm phong trái tim đâu nghen.

Bỗng dưng, hôm nay chợt nhớ tới lời ba con xanh xệ đó, Cẩm Hương tức cười quá. Nàng vội nghiêm mặt kéo "đối phương" coi thường mình. Nàng cũng nhận thấy tên này có cái mỉm cười láu cá, cặp mắt sáng ngời, nụ cười ngạo nghễ, trông hao hao giống Clark Gable thiệt đó. Nếu đứng bên cạnh hăn, nàng cảm thấy mình mềm mại như cây lê liễu đứng bên cây thanh tùng hùng tráng. Nhưng nàng chợt thấy mình ví von như vậy là đề cao "địch thủ" quá đáng. Hăn mà là cây thanh tùng hả? Còn khuya! Hăn đâu xứng đáng làm cây có tên đẹp như vậy. Hăn phải là cây cóc, cây còng, cây môn ngựa, cây mù u... có tên xấu xí như vậy mới đúng chớ bộ!...

(MGTĐD, các trang 53, 54)

Rồi Cẩm Hương và Thiện Tổ thông cảm nhau, yêu nhau say đắm. Kiều Lan và Kiều Liên từ lâu cay cú vì chị em họ không có khoa bảng trong khi Thiện Tổ ăn học thành công. Nay, thấy Cẩm Hương trội hơn họ về nhan sắc, học thức và tánh nết nên họ quyết phá đám để cho mối lương duyên sẽ rã tan trước khi hình thành. Nhân trong xóm có cô Ngọc Huệ vốn là gái xinh đẹp, duyên dáng, tốt bụng, chánh trực dù có tật ăn hàng như chim mỏ khoét; cô ta trở thành công cụ để hai nàng Kiều ra tay phá hoại cuộc tình của thằng em khác mẹ kia:

Cô tươi mát trong chiếc áo dài nhung màu tím, cổ cao, quần lụa trắng. Tóc cô vấn bính, quấn nhiều vòng và kẹp bằng chiếc nơ bướm bằng nhung đen phía sau ót. Cô đeo suu bộ ngọc trai màu ngà voi, gồm có: bông tai, chuỗi, cà rá và vòng tay... Ngọc Huệ tô son hồng đào, giồi phấn sương sương, dặm phấn hồng phơn phớt. Trông cô đẹp hăn lên.

Nhưng ai có thể ngờ sau cặp môi trái tim cười đẹp như hoa nở đó, lại là cái miệng ăn hàng hết chỗ chê! Cô ăn xảm xạp tới ngày. Thịt phay nhai ngấu nghiến, thịt gà thiến ăn tràn miệng vẫn còn thềm, chả nem ních sạch bách, tôm kho gạch cũng chẳng chừa, dưa cô cũng ưa, dưa cô cũng thích, mít cô không chê... Ai biết được đôi mắt viên đen kia sáng ngời lóng lánh khi nghe chuyện tiêu lâm, chuyện ngời lê đôi mách... Đây là mẫu thiếu nữ hạnh kiểm thừa thớt, tánh tình bông lông nhưng tâm địa hiền lành, giàu lòng từ thiện, kẻ dữ người hiền đều mến chuộng:

(MDTĐD, trang 338)

Hồi Thiện Tổ và Ngọc Huệ còn nhỏ, trong cuộc chuyện trò thân mật, ông bà Hương Cả Cần có bảo ông nội bà nội Ngọc Huệ rằng khi cả hai lớn lên, họ sẽ cưới Ngọc Huệ cho Thiện Tổ. Do đó, Kiều Lan và Kiều Liên bảo Cẩm Hương rằng Ngọc Huệ là hôn thê của Thiện Tổ. Cho nên Cẩm Hương đau khổ quyết chặt đứt mối tình với người yêu, dù Thiện Tổ năn nỉ nàng cho tới cạn lời, dù ông Hai Cung và bà Tư Hiền đánh chánh cho thể mấy đi nữa. Nhưng về sau, tình cờ gặp lại Ngọc Huệ, Cẩm Hương được cô ta cho biết rằng trong vòng ít lâu cô ta sẽ vu quy, người chồng tương lai cô ta trước kia ở Cai Lậy, gần nhà cha mẹ cô ta, về sau thiên cư về Vĩnh Long lập nghiệp. Đó mới chính là người yêu của cô ta, còn Thiện Tổ chỉ là bạn cùng lớp hồi cả hai ngồi bậc tiểu học vậy thôi. Tới chừng đó, Cẩm Hương mới yên lòng để cho Thiện Tổ cưới nàng làm vợ.

Song song mối tình giữa Cẩm Hương và Thiện Tổ, còn có lối sống thay đổi của Thiện Cẩm. Vốn quen thói phong lưu, ăn chơi bạt mạng, Thiện Cẩm vụt cảm thấy chán nản lối sống truy hoan của mình. Tình cờ đọc quyển Bùn Lầy Nước Động của Hoàng Đạo trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Chàng sanh ra cảm khái, quyết sống cuộc đời có ý nghĩa: giúp đỡ người nghèo khó, cải thiện nếp sống dân quê. Chàng viết văn theo tôn chỉ xây dựng cuộc tân sinh hoạt theo chủ trương của nhóm Tự Lực Văn Đoàn; chàng kiến tạo ấp mới theo bước chân của Hoàng Đạo. Hai công việc đó đều nhờ sự giúp đỡ và khích lệ của vợ chồng Thiện Tổ. Không ngờ chàng thành công trên văn đàn và rồi ấp mới của chàng được thực hiện đúng như niềm mơ ước của chàng.

Nghe vợ chồng Thiện Tổ đi thăm ông bà nhạc ở xa và dự đám cưới cậu em út của vợ trở về chiều hôm qua, vợ chồng Thiện Cẩm đến chơi, chồng khoe với Thiện Tổ:

- Toa ơi, moa vừa mới lập cái ấp mới cho tá điền. Nhà nhà trong ấp đều thoáng khí, mặc dù là vách bùn trộn với trấu hay rơm, mái lợp lá xé hay lá chàm, nhưng cũng che mưa che nắng được mấy mùa. Ở giữa ấp moa cất cái trạm để mỗi tuần có y tá vào phát thuốc cho dân, còn những thứ thuốc thông thường như chữa nhức đầu, đau bụng, trầy giò, đứt tay chảy máu thì lúc nào cũng chứa trong thùng để ở nhà ông trưởng ấp. Có lớp Bình Dân Học Vụ nữa. Hôm nào vợ chồng toa có rảnh, mời ghé qua, coi có góp thêm ý kiến gì không?

Thiện Cẩm đưa cho Cẩm Hương ấn bản quyển tiểu thuyết mới ra. Cẩm Hương ngắm nghía cái bìa màu lam có tranh vẽ cảnh thôn quê dưới vầng thái dương chói rạng, bảo:

- Cái tựa sách Ánh Sáng Đồng Quê của tác phẩm, chắc là muốn nói lên ánh sáng văn minh tân tiến rọi đến cảnh đồng ruộng quê mùa chứ gì?

Hồng Ánh hớt chồng trả lời:

- Chị nói đúng đó. Cái ấp mới do chồng em chắt chiu xây dựng phần lớn nhờ anh Thiện Tổ đỡ đầu từ vật chất lẫn tinh thần. Hôm nay tụi này đến đây ngoài việc tặng sách còn để báo tin ấp đã tạm xong và cảm ơn anh chị.

Cẩm Hương vui vẻ hỏi:

- Thím có thai được mấy tháng rồi?

Hồng Ánh cười:

- Hơn 5 tháng nay thôi. Khi em sanh xong nhờ anh chị làm cha mẹ đỡ đầu cho đứa nhỏ.

Cẩm Hương cười tươi, sốt sắng:

- Rất sẵn lòng

Cẩm Hương nhìn chăm chú Thiện Cẩm rồi nhìn chồng. Hai anh em họ có vài nét giống nhau. Thiện Tổ cao ráo, khỏe mạnh, hùng tráng bao nhiêu thì Thiện Cẩm mảnh khảnh, văn thái tinh hoa tao nhã bấy nhiêu. Từ khi thành công trên con đường văn nghiệp, Thiện Cẩm chừng chạc hơn, không còn đĩa dóc ba hoa nữa. Chàng trầm mặc hơn. Nàng tự hào là vợ chồng nàng biết khơi dậy một thiên thần trong một con người hư hỏng.

Nàng nhìn qua Hồng Ánh. Cô ta biết ăn diện chải chuốt để làm đẹp lòng chồng. Nhưng cô ta vẫn hồn nhiên giản dị, không kiêu cách điệu đà, không đánh lười sủa giọng khi nói chuyện. Cô hồn nhiên, hịch hạc, cười nói véo von,

pha trò duyên dáng và có chừng mực.

Khi khách ra về, Cẩm Hương làm mặt lạnh và liếc xéo chồng rồi nghiêng bình tích rót trà ra uống. Thiện Tổ áy náy nhìn vợ cười cầu tài, rồi ôm choàng lấy vai nàng. Nàng lách khỏi vòng tay chồng, mắt xoáy vào mặt chàng. Thiện Tổ nhìn vợ ngập ngừng:

- Anh giúp Thiện Cẩm làm em phật lòng sao?

Cẩm Hương ngún nguyễn:

- Hồng biết!

Thiện Tô nắm tay vợ tha thiết, khổ sở:

- Xin lỗi em!

Thấy dáng điệu chồng thiếu não, Cẩm Hương bật cười thành tiếng:

- Sao anh lại xin lỗi? Anh đã làm những gì mà em định khuyên anh làm.

Anh biết không? Bảy lâu nay, thấy Thiện Cẩm đổi tánh tình, làm việc thiện nguyện. Còn anh thì êm ru bà rù làm em mắc cỡ thắm. Bây giờ em mới cảm thấy thoải mái khi gặp Hồng Ánh. Anh làm em hãnh diện với chính mình không chọn làm người chồng và còn là người bạn đồng tâm...

(MTTD, các trang 365, 366, 367)

Trong quyển Một Góc Trời Thôn Dã, có 6 cô cựu nữ sinh trường Áo Tím là Thục An, Ái Mỹ, Thụy Châu, Anh Nguyệt hợp với Cẩm Hương thành nhóm Ngũ Nữ La Sát. Về sau có thêm Nguyệt Mi trở thành nhóm Lục Nữ La Sát. Sáu vai phụ ấy làm cho tác phẩm trở nên xôn xao tuổi dậy thì và gọi lại tuổi mộng mơ trong khung cảnh sân trường, lớp học, bảng phấn, cửa gương. Không khí tác phẩm trở nên sinh động khi tác giả dựng lên cảnh hợp mặt của họ. Trong đó, Anh Nguyệt hoạt náo nồng mặn duyên dáng nhất:...

Con chẳng lừa Thục An bảo:

- Làm đờn bà thì phải thương chồng hơn cha mẹ. Ông bà mình thường nói: "Vòng đồng trở đỏ bờ sông/ Mẹ kêu con dạ, thương chồng con theo".

Con ma nương Ái Mỹ tán đồng:

- Mày nói đúng đó Thục An. Cha mẹ nuôi mình chừng 20 năm hoặc hăm mấy năm thôi. Còn chồng mình thì nuôi mình tới già, tới chết.

Con nữ tặc Thụy Châu chọt nhớ ra:

- Mấy cô xảm trước khi lấy chồng, cứ khóc ra rả trong buồng, khóc rống lớn lên cho thiên hạ biết mình đau xót sắp xa cha mẹ...

Con hồ ly tinh Ánh Nguyệt trề môi dài cả thước:

- Lấy được ông chồng toại ý, tao đương thềm khóc. Còn kết hôn với cái thứ ôn hoàng dịch lệ thì tao khóc rỉ rả, khóc nỉ non để trừ ẻo cho đám cưới trở hành đám ma chơi!

Cẩm Hương cười ha hả:

- Ánh Nguyệt ơi, lòng da mảy hiền lành như bông bí, như dưa leo, như rau lang rau muống luộc. Vậy mà mảy ăn nói nghe dữ tợn, gớm ghiếc không hà. Coi chừng mắc khẩu nghiệp đó ghen.

Ánh Nguyệt trề môi nói rán, nói thêm:

- Kệ em! Chớ sống với kẻ không yêu, bị nó nài hoa ép liễu thì em chỉ còn có nước trừ ẻo nó chết sớm để em rảnh nợ. Chôn nó rồi em đi xe kiếng.

Cả bọn trợn mắt hỏi đi xe kiếng để làm chi? Nhỏ cười ngỏn ngoẻn rồi cất giọng theo thọt hò: "A ơi... Bước lên xe kiếng đi viếng mộ chồng" / "Mộ chưa cỏ mọc tron lòng thọt thai... à ời...".

(MGTTD, các trang 46, 47)

Kiều Lan và Kiều Liên cũng là hai nhân vật làm cho không khí câu chuyện trong tác phẩm sinh động hẳn lên. Tác giả dùng họ làm nhân vật phản diện để tạo sự mâu thuẫn cho cả một hệ thống tình tiết của câu chuyện và cũng để bày tỏ cái óc khôi hài tinh nhuệ của mình khi nhận xét tình đời. Hai cô Kiều ghen ghét cái hạnh phúc của thằng em khác mẹ đã đành mà còn không mấy hoan nghinh cái thành công của thằng em ruột:

Lúc hay tin Thiện Tô khéo tay trang hoàng ngôi nhà mới của mình, hai cô Kiều liền rủ Thiện Cẩm tới thăm. Kiều Lan chê bai:

- Thằng Thiện Tô đại dột, lo trang Hoàng o bế sách vở, không để dành tiền mua gạch tráng men lót nền nhà.

Kiều Liên phụ họa chị:

- Đúng rồi, gạch tàu dùng để lót sân đúng điệu hơn, chớ đâu để mà lót nền nhà!

Bà Tư Hiền mời lũ con chồng uống trà. Thiện Tô không trả lời hai chị, vì trong mắt họ, có cái gì mà chàng làm tốt làm đẹp bao giờ đâu. Thiện Cẩm sầm soi tủ sách tấm tắc:

- Từ khi đọc sách của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, tui mới biết quý sách báo.

Thật là tao nhã, tui thiết tình phục lẫn Thiện Tô! Thế nào tui cũng sầm cái tủ như vậy.

Kiều Liên nguyền thề em ruột, mĩa mai:

- Thôi cho tao can đi. Dòng họ mình đã có một học giả rồi. Ai cần mượn cái mặt mệt mảy đóng vai trí thức rồi bày đặt viết văn. Mấy chẳng có bằng cấp nào lặn lung hết.

Thiện Cẩm sùng sộ lại:

- Chị bớt chót chết lại đi. Bằng cấp có dính dáng gì đến việc viết văn? Có bằng cấp mới viết văn được sao? Thật là đầu óc nhỏ hẹp như cái vú cau!

Kiều Lan ồm ẹo:

- Tui cấm chồng tui coi tiểu thuyết. Thời buổi này mấy ông bà văn sĩ hay đề cao tình yêu. Chồng tui nhẹ dạ. Nếu rủi ảnh nhiễm tư tưởng lãng mạn trong tiểu thuyết, ảnh sẽ mềm lòng lỏng dạ mỗi khi gặp con lành con lũng nào đó ở ngoài chợ thì phiền toái cho tui lắm. Lòng dạ tui chặt chĩa, cứng cỏi thì tui có quyền coi tiểu thuyết.

Kiều Liên bị em nạt không cự lại, vo vánh:

- A -di-đà Phạt! Chồng tui thích coi đá banh thôi. Nhưng hể ảnh gặp mấy con lành tốt mã, mấy con lũng lẳng lơ thì cặp mắt ảnh chớp lia chớp lịa, thấy thật ứa gan!

(MGTTD, các trang 210, 211)

◦ ◦

◦

Trong Một Góc Trời Thôn Dã có thêm một vận sự: Trong tai nạn xe cộ, Cẩm Hương được người hành khách cùng một chuyến xe đồ cứu giúp. Chàng ta yêu thầm nhớ trộm nàng, xây mộng lứa đôi với nàng. Nhưng mối tình đó chỉ là mối tình đơn phương vừa tượng tình mà chưa kịp thành tựu đến ngưỡng cửa hôn nhân thì phải tan rã vì Cẩm Hương báo tin nàng kết hôn với Thiện Tô. Nếu bỏ vận sự này cũng không sao. Còn có nó, tác phẩm thêm phần hào hứng đôi chút vì mối ẩn tình của người đồng hành cùng chuyến xe đồ với Cẩm Hương không có gì đặc sắc lắm. Lại nữa, cuộc hờn ghen của Cẩm Hương kéo quá dài làm cho độc giả sốt ruột. Đáng lẽ tác giả để dành giấy viết về nếp sống và nhân sinh quan của hạng tân học vào buổi giao thời như hai cậu em của Cẩm Hương, của Nguyệt Cúc (hôn thê của cậu em út) thì chị đào cho tác phẩm một chiều sâu đáng kể hơn.

Sự thành công của tác phẩm ở chỗ tạo cho mỗi nhân vật một cá tánh khác biệt, trừ hai chị em Kiều Lan và Kiều Liên như đúc từ một cái khuôn. Xin kể các nhân vật quan trọng xoay chung quanh hai nhân vật chánh (Cẩm Hương và Thiện Tô) và những nhân vật then chốt (hai cô Kiều, Thiện Cẩm, Hồng Ánh và Ngọc Huệ). Bà Cả Cần tôn trọng huyết thống, ông Hai Cung dù đã sa ngã nhưng vẫn là người có lương tâm, bà Tư Hiền tuy hiền lành nhẩn nhục nhưng vẫn vương tật chì chiết lúc tâm sự với Cẩm Hương, bà Hai Cung vẫn là người có căn tánh tốt đẹp chứ không hoàn toàn xấu xa ác độc, cha mẹ bà Tư Hiền hiền lành và chất phác.

Tác giả rất thích miêu tả: tả người, tả cảnh, tả tâm tình, tức là tạo đầy đủ chất liệu để đúc kết cái nền móng lẫn cái lầu đài văn chương vững chắc.

Về nghệ thuật tả người, xin cùng đọc đoạn hai cô Kiều phục sức và trang điểm trong dịp đám cưới Thiện Tô:

Kiều Lan và Kiều Liên muốn nổi bật hơn cả cô dâu nên trước đám cưới cả tháng, hai cô hện nhau xuống chợ tỉnh đặt may mỗi người một chiếc áo dài "mốt" bằng gấm đỏ, bầu áo cao chóng cổ, tay phồng cao. Hai cô đều mặc trang phục giống nhau. Họ đeo bông tròn teng, dây cổ, dây tay bằng hột xoàn chiếu lấp lánh... Trông họ đẹp và lạ mắt thật. Nhưng áo quần và trang sức này nếu trên một thân hình có dáng dấp thanh cảnh thì tuyệt! Khổ một nỗi hai nàng Kiều đã nhiều lần sanh đẻ, ăn uống không giữ gìn, dù cái bụng không lớn lắm, nhưng thân thể lệch lạc, tướng đi hai hàng, ngó vào là biết hai mụ

xê ngay. Trước đó cả tháng, hai nàng nhịn ăn để giữ eo thon, mông gọn. Nhưng khổ nổi cái bụng dưới, tức là cái nây bụng phồng ra như có độn trái dưa hấu cắt đôi. Hai nàng còn nhờ thím xẩm Lầy Phá (Lệ Hoa), vợ bé ông Bang Quảng Đông dùng chỉ se trên da mặt để lấy lông mang, cùng tĩa cặp mày cong như viên trăng non, như cái mống chuồng vạy. Hai nàng biết tướng đi của mình không đẹp, nên uốn éo mình xà, mông đưa qua bên trái, rồi sà qua bên mặt làm mấy bà mấy cô dọn đám dưới bếp có dịp nói hành nói tỏi rồi cười khúc khích.

(MGTTD, các trang 337, 338)

Tác giả Dư Thị Diễm Buồn rất khoái phần tả cảnh. Cho nên trong tác phẩm Một Góc Trời Thôn Dã, cảnh vật cứ nườm nượp hiện dưới ngòi bút liên thoáng và trơn tru của chị. Ít có nhà văn gốc Nam Kỳ có cái mẫn cảm với phần miêu tả như chị.

Trong những thửa ruộng loang loáng nước, ngăn cách nhau bởi những bờ mầu ngoằn ngoèo chia ruộng ra có miếng hình vuông, hình chữ nhật, hình xéo... còn rộng hay hẹp là tùy theo diện tích của mỗi miếng ruộng. Những bụi lúa mập, tua tủa lá vươn cao rậm rạp và xanh lất lìa như đờ nâng bông lúa đồng đồng ngậm sữa quặn nặng hột. Những bụi lúa trồng san sát nhau thành những hàng ngang hàng dọc thẳng tắp chạy dài đến tận chân vườn xa lác xạc lơ. La đà trên ngọn lúa, bày chuồn chuồn xanh, đỏ, tím, vàng, cam, hồng... đủ màu sắc, bay qua lượn lại tìm bắt muỗi. Thỉnh thoảng cây lúa rung rinh, hay quặn lên làm chao động mặt nước do lũ cá rô, cá sặc, cá lóc... háms ăn nhào lộn, rượt đuổi nhau, hoặc tranh giành đớp mồi. Những chú cào cào, sâu, bọ vô tình rơi xuống. Những con ốc bươu đen, sùi bọt trắng đeo từng hùm từng đám trên cụm lác, cụm dương mọc từ đáy nước. Nước ruộng trong veo, nhìn thấy rõ bày cá bải trâu, cá lòng tong, cá bạc đầu lội nhớn nhỡ.... Gió sáng mát rượi. Trên gò nông xa xa, đàn vịt trời, le le, chằn nhịch... đang rửa lông. Bầy chim áo dà, chích chòe gọi nhau bên chòm bông cỏ, bông gao. Ven ao có hàng cây điên điển nở từng chùm hoa vàng phơ phới, nghiêng nghiêng in bóng dưới lòng ao, mặt bằng phẳng nước.

(MGTTD, trang 179)

Cảnh nhà của song thân của cô thôn nữ Hiền dưới mắt bà Cả Càn được tác giả trình bày như sau:

Bà Cả dòm khắp nhà. Tuy là nhà lợp lá xé, vách tre, nền đất nện, nhưng đâu đó được quét tước sạch sẽ. Bàn thờ, bàn ghế, tủ áo, cái đi-văng... đóng bằng gỗ rẻ tiền như thao lao, mít, nhưng được lau chùi bóng láng. Chiếc bàn dài đặt giữa nhà, hai ghế trường kỷ đặt hai bên có vẻ thơm mát hơn. Ba con Hiền cho biết, bàn ghế đó do người bác ruột qua đời để lại cho. Bàn thờ có bát cắm nhang trắng men xanh vẽ bát tiên ngồi chơi cờ bằng mực chàm đậm. Dĩa quả tử vẽ tám thứ trái cây ở thành đĩa: lệ chi (trái vải), long nhãn, phật thủ, đào tiên, mộc lý, mộc qua, lựu, trái xá lị. Bàn thờ không có lư hương, chân đèn, đèn lưu ly gì cả. Chỉ có bài vị thờ cha mẹ và ông bác sơn son thếp vàng. Trên bàn dài là bình trà bằng sành lớn, cỡ 4 bàn tay vòng có vẽ hình con đại cầm kê (gà trống cồ, mồng đỏ, lông màu lửa, cổ và ức giát lông màu xanh). Trên khay có 6 cái tách sành lại vẽ gà tre, có lẽ không cùng một bộ với bình tích, nhưng nhìn chung thì tất cả như cùng chung một thứ men, cùng một kiểu vẽ. Trên 4 cột nhà ở giữa chỉ treo liên kiếng Lái Thiêu. Còn trên vách thì treo liên giấy bồi màu vàng nghệ, màu cánh sen, màu đọt chuối gọn sóng ngân nhũ. Trên nền ngân nhũ là bài thơ chữ Nho viết bằng lối chữ thảo. Mà con Hiền bảo là do ông bác để lại để vào ngày Tết trang hoàng nhà cửa. Trên mỗi tấm tranh là một bài cổ thi chúc xuân mà vợ chồng bà không biết đọc chữ Nho nên không biết nghĩa thú trong thơ ra sao.

(MTTD, các trang 94 95)

Sự mô tả khung cảnh mộc mạc quê mùa của tác giả Dư Thị Diễm Buồn mang một ý nghĩa sâu xa. Chị muốn gọi lại khung cảnh gần gũi và thân thương cho những kiều bào cùng thế hệ hoặc cùng trang lứa với chị trở lên để tất cả cùng nhau trên nẻo thời gian tìm lại, được đắm hồn sống trong một chặng nếp sống cổ truyền của dân tộc đã từng ghi biết bao dấu ấn trong tình hoài cổ hương vọng cổ quốc. Trong lúc miêu tả, chị quăng mình trọn vẹn vào đối tượng, vào chủ đề một cách nồng nhiệt thành khẩn, bằng tâm tư hoài vọng.

Bước sang qua quyền Thời Biễn Lãng Sông Trong, tác giả đưa câu chuyện lớp con của hai nàng Kiều, của Thiện Tổ và của Thiện Cảm vào thời kỳ nước Việt Nam bị con sông Bến Hải ngăn đôi, dân Miền Nam Việt Nam được sống sung túc dưới chánh thể Đệ nhất Cộng Hòa. Thế có nghĩa là, chị bỏ qua thời kỳ chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh, cái thời kỳ gay go nhất mà những cây bút phụ nữ sinh vào đầu thập niên 50 không thể nào thấu hiểu qua những chứng nghiệm máu xương của dân tộc.

Trong truyện này, đại gia đình ông Hai Cung có đủ con trai, con gái, dâu và rể sống cùng xã hay cùng quận Cai Lậy. Vợ chồng Kiều Lan, vợ chồng Kiều Liên và vợ chồng Thiện Tổ từ quyền Một Góc Trời Thôn Dã đã ở riêng, chỉ trừ vợ chồng của Thiện Cảm vẫn ở dưới mái nhà thừa tự của cha mẹ. Về lũ cháu của ông Hai Cung, thì con của hai nàng Kiều Lan và Kiều Liên và con của Thiện Cảm đa số đã sinh cơ lập nghiệp ở phương xa, duy chỉ có hai cô con gái của cặp Thiện Tổ & Cảm Hương là còn ở với cha mẹ đầy đủ. Sống với vợ chồng của Kiều Lan chỉ có cô con gái út tên Kiều Nga. Sống với vợ chồng Kiều Liên chỉ có con gái út tên Kiều Phương. Sống với vợ chồng Thiện Cảm là cậu con trai áp út trong hàng ngũ lũ con tên Thiện Cần và cô con gái út tên Hồng Nguyệt.

Kiều Phương khá xinh đẹp, giỏi đóng kịch và ca hát trong những kỳ văn nghệ do nhà trường tổ chức vào dịp phát lễ phần thưởng. Tổ Tâm kiêu nhược, hiền lành, khép kín với người lạ, nhưng cởi mở với người thân. Tổ Tiên, khỏe mạnh, sinh động, cởi mở với tất cả mọi người, thường ao ước được du học ở ngoại quốc.

Kiều Nga hiền lành, thùy mị, có năng khiếu làm thơ từ thuở 13 tuổi. Hồng Nguyệt có văn tài tự bẩm sinh; nhưng cô tật ở chân, mặt rỗ. Nhưng cô thông minh và đôn hậu, biết khắc phục cái bất hảo của thể chất và ở dung mạo để thành công rực rỡ trên đường đời. Thiện Cần bảnh trai, liến láu, ưa bông đùa nghịch ngợm. Cậu giống cha ở chỗ đắc mẻo, tán gái thành công, nhưng không thọ hưởng một chút văn tài nào của cha. Cậu là một điểm tươi sáng rực rỡ, gây cho không khí u trầm trong gia tộc một sinh động hào hứng.

Ngoài ra thân với chị em Tổ Tâm và Tổ Tiên còn có Tuyết Mai, bạn chung lớp với Tổ Tâm. Cô này mồ côi mẹ, bị bà kế mẫu, các người con gái riêng của bà và lũ em cùng cha khác mẹ xéo xắt đầy dọa. Cuối niên học năm đó, Kiều Phương, Tổ Tâm, Thiện Cần và Tuyết Mai cùng đậu bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp, Còn Kiều Nga thi đậu vào lớp Đệ thất. Tổ Tâm theo Tuyết Mai về chơi quê ngoại của bạn. Đó là làng Hòa Lộc thơ mộng nằm ven sông Mỹ Lương êm đềm. Tại đây, cả hai gặp Khải Tuấn, anh chàng sinh viên đẹp trai sắp tốt nghiệp trường Quốc Gia Hành Chánh. Nhưng Tổ Tâm lẫn Tuyết Mai không cảm thấy mình bị cú sét ái tình. Tại làng Hòa Lộc cả hai được ăn những món thổ sản địa phương, được hưởng thú vui thôn dã như cảnh đập lúa trong đêm trăng. Trong chuyến thủy trình về Cai Lậy, chiếc tàu thủy bị chìm vì chở quá khẳm. Hành khách đều được cứu sống. Nhưng Tổ Tâm làm cho bà nội, cha mẹ và cả đại gia đình phải một phen điêu đứng vì lo lắng. Nhưng chính nhờ tai nạn này mà Tổ Tâm gặp được anh chàng Quận trưởng Đào Vũ Kỳ Trân để rồi cả hai gặp cú sét ái tình tuy không nổ ầm ỉ nhưng vẫn làm cho tim họ bàng hoàng dao động.

Trong dịp lễ phát phần thưởng cuối năm cho các học sinh ưu tú trường Đốc Binh Kiều, đạo diễn điện ảnh Hoàng Tâm chợt thấy các cô nữ sinh tham gia vào các tiết mục văn nghệ trình diễn rất vừa ý. Cho nên ông ngỗ lời chọn một số nữ sinh mà ông ta cho rằng có thể đóng phim được, trong số đó có Tuyết Mai, Kiều Phương và hai chị cô Tổ. Nhưng cả bọn phải lên Sài Gòn để trải qua cuộc thử test gay go theo cách thức dự một cuộc thi tuyển do hãng phim tổ chức. Tuy nhiên, Tổ Tâm lẫn Tổ Tiên từ chối vì cả hai muốn tiếp tục việc đèn sách. Chỉ có Tuyết Mai và Kiều Phương nhận lời. Tuyết Mai không có tiền sắm sửa y phục và các món trang sức trước khi đi dự thi tuyển lựa tài tử thì vợ chồng Thiện Tổ và bà Tư Hiền bỏ tiền ra giúp cô. Vì ban giám khảo bị một áp lực nào đó do bạo quyền thúc đẩy nên vào kết quả cuộc thi thì Tuyết Mai đứng hạng nhì, Kiều Phương đứng hạng ba. Còn giải khôi nguyên thuộc về Nhan Như Thúy Ngọc, một cô thiếu nữ nhan sắc kém cỏi. Điện ảnh gia Hoàng Tâm bức tức lắm. Cho nên khi nắm vai trò vừa viết kịch bản vừa làm đạo diễn cho phim Tâm Cầm, tuy ông phải giao vai

Tâm cho cô Nhan Như Thúy Ngọc, nhưng khi viết kịch bản, ông cô tình đôn vai Cẩm do Tuyết Mai đảm nhiệm lên cao, tạo thêm một vai nòng cốt cho Kiều Phương. Kết quả: Nhan Như Thúy Ngọc chẳng những bị Tuyết Mai lấn át bóng sắc lẫn nghệ thuật diễn xuất mà còn bị Kiều Phương làm lu mờ ở nghệ thuật diễn tả hồn nhiên. Thế là từ đó tên tuổi Tuyết Mai và Kiều Phương lên vùn vụt như điều tung hoành trong gió lộng, còn cô Nhan Như Thúy Ngọc phải âm thầm rút lui vào bóng tối. Tuyết Mai và Kiều Phương còn luyện giọng để hành nghề ca hát nữa.

Trong buổi khánh thành Viện Dưỡng Lão do ông Tỉnh Trưởng tỉnh Định Tường (Mỹ Tho) tổ chức, Tuyết Mai được mời cắt băng khánh thành vì cô ta đã tặng cho ban thành lập viện một số tiền to. Tuyết Mai nhã ý mời gia đình Thiện Tổ đến dự buổi tiếp tân lẫn dạ yến và dạ vũ tại dinh Tỉnh Trưởng. Chỉ có Cẩm Hương cùng Tổ Tâm và Tổ Tiên đến dự. Tổ Tâm gặp lại Đào Vũ Kỳ Trân và Khải Tuấn. Trong khi nàng và Kỳ Trân xoắn xít nhau thì Tổ Tiên và Khải Tuấn quyến luyến nhau. Nhưng sau đó, cả hai không liên lạc nhau. Tổ Tiên học cho xong bậc trung Học Độ Nhị Cấp và thi đỗ Tú Tài. Còn Khải Tuấn thì ra trường, trở thành công chức và làm việc ở Sài Gòn.

Hồng Nguyệt trở thành nhà văn chuyên nghiệp, có kết bạn văn chương với một ký giả Pháp gốc người Ba-lan tên Ilya Polanski. Anh chàng này hành nghề tự do, không cộng tác nhất định với một tờ báo nào hay một hãng thông tấn nào, mà người trong nghề gọi là ký giả "free lance". Kiều Nga trong chuyến về thăm quê nội ở Bình Chánh, vào dịp dự lễ ở Thánh thất Cao Đài, gặp anh chàng Tây lai vốn là thợ nguội xuất thân ở sở Ba-son (Hải Quân Công Xưởng) có lương lậu cao. Mẹ chàng vốn có đạo Cao Đài nên chàng tháp tùng theo bà dự lễ. Cả hai bắt đầu yêu nhau và hứa hẹn thực hiện cuộc sống lứa đôi.

Đào Vũ Kỳ Trân ráo riết tìm cách chiếm đoạt trái tim của Tổ Tâm và đi đến cuộc hôn nhân hạnh phúc. Hai người bạn thân của chàng là Lê Phước Nghiệp và Hoàng Khiết Tịnh về sau trở thành thân bằng quyến thuộc của Tổ Tâm và Tổ Tiên. Lê Phước Nghiệp kết hôn với Tuyết Mai. Hoàng Khiết Tịnh se duyên chỉ thoáng với Kiều Phương dù chàng ta góa vợ và có con riêng. Còn Thiện Cần quyến rũ hai cô nữ sinh, tặng cho mỗi cô một cái bầu nên song thân cậu phải đem họ về nuôi. Cả hai ghen tương nhau, dậy giặc hà rầm làm cậu bức tức đau khổ, không biết cách nào làm cho cảnh nhà được trong ấm ngoài êm.

Tổ Tiên lên Sài Gòn lưu học và ở chung với Tuyết Mai. Tình cờ cô gặp lại Khải Tuấn. Cả hai yêu nhau say đắm. Nhưng sau bao lần bất đồng ý kiến, sau bao cơn cãi cọ vì tự ái, Tổ Tiên qua Mỹ du học. Khải Tuấn vẫn bèn lòng đợi nàng trở về.

Bốn năm sau, Tổ Tiên hồi hương. Bà nội nàng ở ngôi nhà từ đường để sẵn sóc ông nội nàng vì bà chánh thê của ông đã qua đời. Kiều Nga đã kết hôn với anh chàng Tây lai tên Yves Ronsin mà cô ta gọi trại trại là Yêu Rồng Xanh. Hồng Nguyệt vẫn độc thân để tâm trí thanh thoi phụng sự văn nghiệp đang hồi lừng lẫy của mình. Tuyết Mai vẫn hành nghề trình diễn ca nhạc và đóng phim. Kiều Phương giải nghệ để cùng chồng khuếch trương việc thương mại đang hồi bành trướng và thịnh vượng. Riêng hai cô vợ không giá thú của Thiện Cần đều bồng con về cha mẹ ruột, lấy chồng khác, nhưng vẫn cho con mình lui tới với ông bố hào hoa lẫn đào hoa của chúng. Chàng cưới một cô vợ khác ôn nhu và hiểu biết hơn hai cô vợ sư tử Hà Đông kia. Chàng mở tiệm bán và sơn sửa xe gắn máy, tìm được hạnh phúc trong cuộc sống lứa đôi chung lòng chung hướng, đồng sàng đồng mộng cùng người vợ có giá thú. Kết cuộc, Tổ Tiên sau bao năm bôn ba trên con đường sự nghiệp, thành hôn với Khải Tuấn.

◦◦

◦

Trong tác phẩm Thời Biển Lặng Sông Trong, các nhân vật thuộc giai cấp trung lưu và thuộc thế hệ đang độ hoa niên vào 5 năm chót của thập niên 50 đã bước vào một thế hệ được ánh sáng văn minh tân tiến soi rọi. Phụ nữ đã ý thức sự bình quyền với các đồng tu mi nam tử, họ từ bỏ khuê phòng để ra đời mưu sinh. Khi lớn lên, họ không quá chú trọng vào công việc trao giới công dung ngôn hạnh rồi đợi chồng đến cưới hỏi. Họ chọn ngành nghề để đeo đuổi trước khi kết hôn.

Vận hội mới bắt đầu. Các trường tiểu học được mở mang khắp mọi quận lý và ở các xã ấp gần quận lý

hay gần các miền ngoại ô tỉnh lỵ. Các tỉnh bậc trung đã có một trường trung học công lập và vài trường trung học tư thục. Còn các tỉnh lỵ nhỏ thì chỉ có một trường trung học tư thục mà thôi.

Quận Cai Lậy là một địa danh cách trung tâm thành phố tỉnh Mỹ Tho 23 cây số. Nó nằm bên Quốc Lộ 9, tức là trên tuyến đường quan trọng đưa đón du khách và các tay buôn bán xuôi ngược từ Sài Gòn xuống vài tỉnh vùng Tiền Giang và tất cả tỉnh miền Hậu Giang. Từ thuở bình minh nền Đệ nhất Cộng Hòa nó đã là một nơi thị tứ khá hoạt náo và phồn thịnh. Cư dân ở đây tiếp xúc khá nhiều nếp sống theo cao trào văn minh tân tiến nên họ không chênh lệch với thị dân ở Thủ Đô Sài Gòn bao nhiêu. Cho nên các nam sinh, các nữ sinh cùng các công chức ở đây đều là những kẻ thâm nhuần óc tiến thủ, đều có thể thu góp một cách dồi dào những kiến thức về một nền văn hóa trên đà phát triển thuận lợi.

Bởi đó, nữ sĩ Dư Thị Diễm Buồn thường tạo ra các nhân vật bậc trung lưu dù cấp bậc cao thấp lớn nhỏ. Chị không thích tạo những nhân vật nông phu cày sâu cuốc bẫm và những nhân vật thôn nữ chân lấm tay bùn. Tạo những nhân vật cổ lỗ hay những nhân vật quê rít quê rang thì quá xa vời với cái xã hội và cái thế giới mà chị đã sinh ra và lớn lên. Những nhân vật chậm tiến như thế thì cái xã hội của họ dưới ngòi bút của chị không thể sinh động được; chị phải nhờ óc tưởng tượng thêm dệt thêm ít nhiều chi tiết. Vả lại qua tác phẩm Một Góc Trời Thôn Dã và tác phẩm Thời Biển Lặng Sông Trong, tác giả muốn nói lên cái hay, cái đẹp của Miền Nam Việt Nam tự do. Lẽ dĩ nhiên, cảnh đồng quê chỉ nên lột nền mờ nhạt cho những cô cậu học sinh yêu nhau da diết chứ không nên xen nhiều lần, chui lấm lượt vào cuộc sống của họ. Họ phải được hưởng ánh sáng văn minh để tình yêu của họ thêm mới mẻ như tình yêu của lớp thanh thiếu niên trong phim ảnh Hoa Kỳ đang chiếm rộng rãi trên thị trường Việt Nam. Dư Thị Diễm Buồn thương yêu cung chiều những nhân vật hiền lương hoặc những nhân vật thông minh và biết cư xử vuông tròn, ăn ở phải đạo. Họ đâu thể nghèo hèn mà dẫu có nghèo như Tuyết Mai thì cũng không được dốt nát và phải có ăn học chút đỉnh hoặc phải có tài hoa. Nhất là họ phải có nhân diện và vóc dáng trội hơn bầy dân thiên hạ. Đào Vũ Kỳ Trân, Lê Phước Nghiệp và Tổ Tâm dù có mảnh khảnh thì hai chàng kia vẫn được chị ca ngợi là đẹp rắn chắc theo kiểu trượng phu nam tử, còn nàng nọ cũng được chị so sánh vẻ thướt tha của cây lệ liễu. Chàng Hoàng Khiết Tinh tuy mập mạp nhưng được tác giả tặng thêm vẻ bảnh trai như nam tài tử điện ảnh Rod Taylor. Còn cô Hồng Nguyệt có chân thấp chân cao và mặt rỗ hoa mè hời nhỏ, nhưng vì cô ta hiền lành, tài hoa lỗi lạc nên tác giả thay thế Ông Trời cho cô gặp ông thầy bó ngải Chiêm Thành kéo dài cái chân thấp vài phân để nó xấp xỉ với chân cao, và chị đóng cho cô ta đôi giày đế mỏng đế dày để cô ta có dáng đi thẳng bằng, thướt tha và uyển chuyển. Chưa hết! Chị còn truyền lệnh cho những vết rỗ trên khuôn mặt cô ta phải theo thời gian mà li đi để da mặt cô ta trơn láng.

Chân dung và cách phục sức của các nhân vật trong Thời Biển Lặng Sông Trong tuy không được miêu tả chăm chút, nhưng cũng khá chu đáo. Xin đọc đoạn hai chị em Tổ Tâm và Tổ Tiên đi dự cuộc dạ yến và dạ vũ tại Dinh Tỉnh Trưởng:

Tổ Tâm Tổ Tiên như cặp sanh đôi. Hai chị em có những đường nét khuôn mặt thanh tú và hao hao giống nhau. Hai cô chỉ khác Tổ Tâm mảnh mai có mái tóc để dài lưng chừng lưng, còn Tổ Tiên nồng nàn sinh lực với mái tóc đen ngắn đến cổ, vén gọn hai bên mép tai. Đêm nay hai cô ăn mặc và trang sức cũng giống nhau, áo dài tay phồng bằng gấm Thượng Hải màu hồng, nổi những cánh bạch mai trên nền gấm rập rờn ánh bạc. Cả hai đeo bông giọt mưa bằng ngọc trai, vòng cổ, vòng tay bằng ngọc trai. Quần lụa trắng, mang giày bít mũi với gót cao. Mái tóc đen như nhuộm mực nằm trong chiếc "băng-đô" hồng xòa bông trên bờ vai thon gầy mảnh khảnh của Tổ Tâm. Làn da trắng của cô được dặm lên lớp phấn hồng nhẹ, dưới ánh đèn điện trông cô hết sức bình thường. Nhưng trước cái vẻ cao sang và nét quý phái trời ban đó, ai trông thấy, cũng khó lòng mà quên đi trong giây lát.

Còn Tổ Tiên dáng thanh thoát không bằng chị, cô hơi thấp hơn, nhưng có vẻ tươi mát hơn chị bởi nước da trắng như gà bóc, nụ cười vui tươi hớn hở đi với đôi mắt to ngời sáng. Cái nhìn vô tư cô đầy tự tin. Và lúc nào trên miệng cô cũng sẵn sàng chớm nở nụ cười càng lâu càng cảm thấy cô rất dễ thương tạo cho người đối diện nhiều mỹ cảm lẫn thiện cảm.

(TBLST, các trang 241, 242)

Còn chân dung của Khải Tuấn, một chàng thanh niên thuộc thành phần ưu tú của xã hội trung lưu cấp cao được tác giả phác họa như sau:

Khải Tuấn có tướng khỏe mạnh, cao ráo phải một mét bảy chứ không ít. Nước da ngăm, cái ngăm khỏe mạnh hồng hào như da rái lựu rậm nắng. Mái tóc anh bông bênh trên vầng trán vuông, cao và rộng. Chân mày rậm. Cặp mắt to, tròn đen ngời sáng nhiều hơn tròn trắng như phốt màu xanh lơ của men sứ. Anh đi đứng thong thả, nói cười vui vẻ, tề nhị. Hôm đó, Khải Tuấn mặc chiếc áo tay ngắn màu kem, quần nâu sậm. Cái một thời nay, các cô cậu thường hay đeo dây chuyền mỏng, bằng vàng 18k, dài gần tới rún và miếng mè-đai hình bầu dục có lồng ảnh giữa hai mặt kiếng. Chiếc đồng hồ mạ vàng lớn mặt, dây cũng mạ vàng gồ ghề tương xứng với mặt đồng hồ. Anh mang giày da bóng loáng, miệng luôn cười tươi, ưa pha trò nên trông trẻ trung hơn trong bộ veste màu xanh đậm đêm dạ tiệc năm nào.

(TBLST, trang 305)

Đặc điểm chót trong văn chương của Dư Thị Diễm Buồn là chị hào sảng với độc giả. Chị thết đãi các nhân vật trong mọi tác phẩm của mình những món ăn quốc túy quốc hồn rất thường xuyên, rất phong phú ê hề, không tiện tận, không bòn sẻn. Độc giả nhờ vậy cũng được... ăn ham thụ luôn. Nhưng có điều hơi lạ lùng là không bao giờ chị cho các nhân vật mình ăn bất kỳ món mẩm nào. Hỏi ra, chị vốn dị ứng với món quốc túy quốc hồn đậm tình dân tộc này. Thỉnh thoảng, chị biểu diễn tài nữ công gia chánh của mình bằng chỉ vẽ cho độc giả làm một vài món ăn địa phương (như các món ăn cổ truyền ở quận Cai Lậy). Và cũng hình như chị chỉ đãi độc giả ăn các món ăn Nam Kỳ Lục Tỉnh chứ không đãi các món ăn miền Bắc hay các món ăn miền Trung. Có lẽ về ẩm thực, chị có dị ứng hoặc kỳ thị với các món ăn ngược lên hướng Bắc xa xôi chăng?

o o

o

Trong truyện có thêm hai mối tình quan trọng nữa. Đó là mối tình giữa Đào Vũ Kỳ Trân và cô Thoại Hoa. Cô này có học thức, giỏi việc mưu sinh, thông minh, quyền biến, cư xử theo con nhà thượng lưu trong xã hội. Nhưng Đào Vũ Kỳ Trân chỉ thương mến cô ta, chứ không yêu đương say đắm như đối với Tố Tâm. Không hiểu Thoại Hoa có vì tự ái hay vì nhút nhát mà không chịu tỏ tình trước với Kỳ Trân? Nàng mơn mõi đợi chàng bật đèn xanh trước, nhưng chàng cứ bật đèn đỏ, rồi bật đèn vàng, nên nàng đành đậu chiếc xe tình ái tại chỗ. Sau cùng, Thoại Hoa đi qua Pháp học tu nghiệp (tác giả không nói tu nghiệp về ngành nghề gì) cốt nhờ không gian và thời gian chôn mối ẩn tình của nàng.

Mối tình thứ hai là mối tình giữa Khải Tuấn và nữ dược sĩ Vân Trang. Cô này là chị ruột của Vân Hạnh, mà cô Hạnh lại là bạn tâm đầu của Tố Tiên. Cả hai chia tay mà cả cô Trang lẫn Khải Tuấn chẳng ai ngậm ngùi lưu luyến hưởng hồ là đau khổ tổn thương? Mối tình này gượng gạo, lỏng lẻo, chẳng những không đậm chân tại chỗ mà coi bộ đang hồi suy thoái. Cho nên Vân Trang cương quyết cắt đứt cuộc tình phai thắm lạt hương kia đi. Có như thế, Vân Trang thanh thoi đi lấy chồng, còn Khải Tuấn tha hồ vẫy vùng trong cuộc đua bóng giỡn trắng với Tố Tiên đề rồi trầm lụy si mê nàng.

Nếu bảo rằng Thời Biểu Lãng Sông Trong là tiểu thuyết đồng quê theo trường phái văn chương hiện thực thì chưa chắc đúng. Ở đây, trong bối cảnh nửa chợ nửa quê, tác giả thả hoa vào những giấc mơ danh vọng chói chang, những ước vọng đến những địa vị nguy nga tráng lệ dưới bóng mặt trời, rồi rủ rê độc giả bơi lội trong những ảo tượng lộng lẫy do chị un đúc, sản sinh. Những giấc mơ, những ước vọng ấy được thể hiện ở hai cô gái tỉnh lý, một liệt vào bậc trung lưu cấp thấp (Kiều Phương), một còn cựa quậy trong cảnh nghèo hèn (Tuyết Mai), nhưng bỗng dưng nhờ tài năng thiên bẩm vụt trở thành minh tinh màn bạc. Chúng còn thể hiện qua cô gái có tật chân và xấu xí từ lúc nhỏ (Hồng Nguyệt) và qua cô gái hiền lành khờ khạo, không có cá tính (Kiều Nga); rồi đó cô đầu trở nên một nhà văn lừng danh, cô sau trở thành một nhà thơ lỗi lạc. Hai cô gái lao vào vực văn nghệ trình diễn và hai cô gái lao vào môi trường văn chương thi phú, nếu không được trai tráng xun xoe ve vãn thì cũng lấy chồng giàu. Còn hai nữ nhân vật vai chánh là Tố Tâm và Tố Tiên đều lấy chồng nhà giàu, học giỏi, đẹp trai

hoặc bảnh trai. Riêng cô chị thì đậu tú tài vào đầu mùa nên Đế nhứt Cộng Hòa tại miền Nam Việt Nam, bằng đó rất hiếm quý vào thuở đó, hưởng chi bằng cao học của cô em đã từng du học ở Mỹ.

o o

o

Dur Thị Diễm Buồn vốn chủ trương văn dĩ tải đạo. Chị chịu ảnh hưởng nền luân lý cổ truyền của nhà sĩ Nguyễn Đình Chiểu: Trai thời trung hiếu làm đầu/ Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình. Nhưng vào thời đại nam nữ bình quyền, chị không đành lòng để cho nàng phục tùng chàng theo truyền thống gọi dạ bảo vâng. Lúc còn đá lông nheo với nhau, lúc yêu nhau và lúc hứa hôn với nhau, nàng có thể cãi vả với chàng rầm rĩ, chì chiết chàng dằng dai bởi tự ái ỏn thương, bởi ghen tuông sa đà. Nhưng khi cả hai nên vợ nên chồng rồi thì nàng trở nên mềm mỏng ngọt ngào với chồng.

Trong hai truyện dài Một Góc Trời Thôn Dã và Thời Biển Lặng Sông Trong ít có nhân vật gia nhập vào quân ngũ, trừ Đào Vũ Kỳ Trân, Lê Phước Nghiệp và Hoàng Khiết Tịnh vì thuở đó dân miền Nam an hưởng thái bình, chưa có ngòi lửa chiến tranh ngùn cháy khắp phần đất nước tự do nên chưa có lệnh Tổng Động Viên. Cho nên dù vốn yêu lính nhưng tác giả chỉ có thể tạo ra những lính kiểng lính huê, ngòi ngoáy bút ở văn phòng và họ chưa thể tỏ ra anh dũng trong các cuộc hành quân diệt địch.

Dur Thị Diễm Buồn cũng chủ trương luôn chuyện ở hiền gặp lành. Trong hai tác phẩm này, người ác đúng nghĩa rất hiếm. Bà Hai Cung xéo xắt đày đọa tình địch lúc đầu, nhưng về sau lại tỏ ra tử tế với bà Tư Hiền và đứa con của chồng. Hai nàng Kiều quyết lòng chia duyên rẽ thúy thẳng em khác mẹ của mình vì mặc cảm hơn vì hiềm ác. Tuy nhiên khi con gái của Thiện Tố gặp nạn, cả hai tỏ ra thông cảm với Cẩm Hương, ân cần an ủi nàng.

Còn thêm một đặc điểm nữa, bao giờ các nhân vật chánh của Dur Thị Diễm Buồn cũng được trời ban thưởng: nam nhân vật thì hùng tráng ở sắc vóc và trượng phu ở cách sống, còn nữ nhân vật thì diễm lệ yêu kiều, tâm tánh hiền lương. Lại nữa, họ còn được Thượng Đế lì xì một hậu vận tốt đẹp hiển vinh giống như hậu vận các nhân vật chánh trong cổ tích, trong truyện thơ, trong các tác phẩm diễm tình của nữ sĩ Barbarra Cartland (Anh) hoặc của đôi uyên ương tiểu thuyết gia Delly (Pháp).

Dur Thị Diễm Buồn ưa viết những lối mắng mỏ và chì chiết với các nhân vật ác độc (nhân vật phản diện), ưa nói xóc hông xóc óc họ. Nhưng điều đó chứng minh tâm địa chị rất tốt lành, rất can đảm. Có lẽ chị nghĩ rằng mình chẳng cần các độc giả trí thức rơm rang khó tánh, hạng ưa chê bai văn chương nêu lên cái Thiện. Thứ văn chương dưới tầm mắt cao ngạo của họ là lỗi thời. Con đường văn chương tải đạo của chị đã mở sẵn từ khi chị bắt đầu cầm bút và chị tha hồ hăm hờ xông pha lên đường, trối kệ những miệng lằn lưỡi mồi được nguy trang đó là miệng lưỡi thông minh uyên bác của bọn nguy trí thức. Nếu chị nghĩ như thế thì các tác phẩm của chị lọt vào quảng đại quần chúng dễ như bỡn và sẽ trường tồn với cảm quan trong sáng của hạng độc giả thuần hậu và đơn giản trong cách suy nghĩ.

CHƯƠNG 13: VŨ NAM, KELŨ HÀNH TÌM KÝ NIỆM TRÊN CÁC VÙNG ĐẤT LẠ QUA TẬP TRUYỆN "MỘT ĐÊM Ở GENÈVE"

C húng ta không khỏi ngạc nhiên khi bắt gặp một bút trình lộn xác của Vũ Nam sau đọc xong tập truyện Một Đêm Ở Genève. Cũng vẫn là những truyện ngắn dựa trên tình yêu. Cũng vẫn là những truyện ngắn săn tìm kỷ niệm. Cũng vẫn là những truyện ngắn thấp thoáng bóng dáng hiện thực xã hội. Nhưng ở tập truyện này, văn phong và bút pháp anh biến dạng một cách đáng ngạc nhiên, đánh dấu một cuộc lộn xác ngoạn mục. Đề tài của anh tươi mát, sự diễn tả của anh linh hoạt, khí hậu trong truyện không căng thẳng và gay gắt. Đây là một thứ văn chương tròn trịa, óng chuốt, không làm độc giả nhức đầu hay làm họ chán ngán ừ ừ, thiếu điều ngáp đã dưới hay ngủ gục trên từng trang sách.

Ngòi bút Vũ Nam từ quyển Một Đêm Ở Genève cho đến khi anh cộng tác cho những tạp chí văn học hàng đầu Gió Vãn qua các truyện ngắn đăng trên đó biểu dương một phong độ khởi sắc, dám thọc sâu vào những nhân sinh quan kỳ đặc. Đã vậy, Vũ Nam còn cho độc giả chúng ta thấy luôn cả sự tìm tòi tuyệt vời của anh đối với cái bí ẩn của con người.

Môi Ngử có mùi mặn, dù không có gió biển nơi chàng và Thiên đang đi. Cũng không có nước mắt. Đâu ai dễ đổ nước mắt cho một chuyện tình đã qua mười tám năm? Cũng không ai tốn nước mắt cho chuyện văn nghệ văn gừng đã mười lăm năm chưa kết nư. Môi Ngử có mùi mặn có lẽ vì tính tình Thiên. Bây giờ nàng trở nên cứng cỏi quá! Đất Mỹ mười mấy năm đã làm nàng trở nên cứng cỏi, từng trải? Thiên đã không còn vẻ nồng nàn yếu mềm ngày xưa. Suy nghĩ lại, Ngử thấy nhiều khi chính mình đã không thực tế, không nắm bắt những đổi thay. Nhắm mắt một giây, như nuốt vội những chuyện không vui ở trần thế, Ngử muốn biến mình cho nhanh chóng trở thành một lâu đài nào đó đứng sừng sững trên đồi núi cao ở miền trung Âu Châu. Đứng sừng sững với những ngạo mạn riêng và những kỳ bí riêng cho một thời đã từng là thành quách của những vị chúa tể một vùng. Đầu ngất ngưỡng đội trời cao, tay đưa lên bắt mây trắng bay qua, dưới chân đạp lên những tên du khách lục đục kéo lên đồi để chiêm ngưỡng mình. Lâu đài chắc chắn không có gì để sợ. Nhưng sau ý tưởng nhân cách hóa mơ hồ ấy, Ngử lại sợ những khám phá bên trong lâu đài sẽ làm cho những người khách uất nghẹn vì những tâm thường đã chứa đựng bên trong. Có gì bên trong lâu đài hay chỉ còn lại là những thanh đao kiếm và áo giáp sắt của những thời đại cổ xa xưa. Có gì bên trong những nhà thơ, như ý tưởng đẹp bên trong Thiên đang có, hay như là những thanh kiếm và những chiếc áo giáp sắt loang lổ mà người trông nom phải lo chùi bóng mỗi ngày để làm vui lòng những du khách sắp bước chân vào lâu đài để thăm viếng?

Những mộng mơ bao giờ cũng đi xa và đi ra ngoài những cuộc đời chân thật và tâm thường. Rốt cuộc con người vẫn cố chạy theo những hư ảo ngoài tầm tay, mà quên đi những điều thiết thực cho cuộc sống. Tầm tranh đẹp và bài thơ hay sẽ không còn đẹp và hay khi chúng ta không cho nó một mái che nắng che mưa và những ngăn tủ kín đáo để bảo tồn, sau khi tác giả đã tung nó vào chợ giới thưởng ngoạn, bao gồm kẻ thanh cao và người ô trọc. Đời sống của họa sĩ ở Paris trong quyển Of Human Bondage của Somerset Maugham lúc còn tại thế thì ngày nay người Việt mình không mấy còn ai dám sống như vậy nữa. Ngử thấy mình đã hành động không theo suy nghĩ của mình. Chàng sống hiện tại theo cái cá tính mạnh mẽ của người đàn ông, nhưng lại có luồng gió từ đâu mang về trong lòng một nỗi niềm lo âu bất chợt... (các trang 49, 50, 51)

Những nhà văn gốc Nam Kỳ ở hải ngoại có khả năng đem nhân sinh quan vào văn chương không phải là hiếm hoi đâu. Kiệt Tấn, Ngô Nguyên Dũng, Anh Vân, Trần Long Hồ, Trần Nghi Hoàng... (nam), Phan thị Trọng Tuyển, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Trần thị Kim Lan... (nữ). Và mãi tới Nơi Cuối Dòng Sông và vài truyện ngắn trong Một Đêm Ở Genève, Vũ Nam mới bắt đầu lên đường, đào sâu tác phẩm mình bằng những nhân sinh quan thật khởi hứng.

Đoãn Quốc Sĩ với bộ trường giang tiểu thuyết Khu Rừng Lau, Nguyễn Mộng Giác với bộ trường giang

Mùa Biển Động có xen lác đác vài nhân sinh quan rất phổ thông, không đặc sắc lắm, thỉnh thoảng lại có chêm vào vài dòng tả cảnh lưa thưa. Cho nên chúng ta xót xa mà nghĩ rằng: tại sao cuộc tiêu khổ kháng chiến của dân Nga chống Hoàng Đế Nã-phá-luân Đen Nhất trong War and Peace của Léon Tolstoi, chỉ hơn một năm với gươm súng tầm thường, thế mà sau khi đọc tác phẩm của nhà đại văn hào này, chúng ta hết muốn đọc tác phẩm của Doãn Quốc Sĩ và tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác nữa. Nên nhớ: cuộc chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh trong Khu Rừng Lau với vũ khí văn minh và kéo dài gần 10 năm, còn cuộc nội chiến Quốc Cộng trong Mùa Biển Động với vũ khí tối tân hơn nữa và kéo dài gần 15 năm. Như thế, họ Doãn và họ Nguyễn có nhiều chất liệu tuyệt vời cho tác phẩm hơn Léon Tolstoi chứ. Nhưng tác phẩm của họ vẫn không phải là loại kiệt tác. Tiểu thuyết trường giang của họ chỉ đọc được thôi và chỉ dành cho các phê bình gia có kiến thức bị giới hạn nếu không bảo là eo hẹp vì chưa quen hoặc chưa có khả năng đọc tác phẩm có tư tưởng (triết học, tâm linh) như hai phê bình gia Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Vy Khanh... Có phải bút giả HTA có căn tính nô lệ, thấy cái gì của cường quốc cũng ưu việt hơn cây nhà lá vườn chẳng? Có phải bút giả có tinh thần vọng ngoại hết thuốc chữa chẳng? Không đâu. Chúng ta nhận thấy một điều không thể chối cãi rằng, đại văn hào Nga là một chiến sĩ, rành rẽ về trận mạc và về cuộc đời cầm vũ khí đánh giặc. Trong khi đó, họ Doãn chỉ là một cán bộ trong cuộc kháng chiến chống Pháp chứ không phải là một bộ đội khi tham dự các trận mạc chống với binh sĩ Liên Hiệp Pháp. Còn họ Nguyễn chỉ là nhà giáo, dân thấp ngà, nhìn bên ngoài qua khung cửa hẹp và chỉ biết cuộc chiến Quốc Cộng qua đồng tài liệu trong sách vở báo chí. Hơn nữa, Léon Tolstoi chăm sóc từng chi tiết quyền truyện, ít khi để phần kể chuyện húng hiếp phần văn chương của tác phẩm. Nghệ thuật tả cảnh tỉ mỉ và chi ly của Léon Tolstoi đẹp mê hồn. Lại thêm, chẳng những ông cho mỗi nhân vật một nhân sinh quan cá biệt mà còn cho 3 nhân vật chánh là Bá Tước Bézoukhov, Hoàng Thân André Bolkonski, Quận Chúa Maria Bolkonski tư duy về tâm linh, tôn giáo và những vấn đề siêu hình. Đằng này, ông Doãn và anh Nguyễn diễn tả cầu thả, và lười lĩnh trong việc phơi bày tâm trạng các nhân vật, huống chi dám động tới vấn đề tâm linh siêu hình vốn là hai lãnh vực mà họ mù tịt. Nên nhớ, khi viết bộ Khu Rừng Lau, Doãn Quốc Sĩ chưa tìm hiểu về Phật giáo, nhất là chưa nắm bắt được pháp môn Thiền học.

Chúng ta hãy nghe tiếp Vũ Nam trình bày nhân sinh quan của mình khi anh nhận định về tâm trạng và hoàn cảnh một nữ nhân vật:

Cuộc sống nàng như thành phố Austin nằm dưới lớp sương mù trong sáng nay khi Ngừ đáp phi cơ để chuyển chuyển bay đi Cali. Nàng đâu có biết, chỉ chừng cao độ hai ngàn mét nàng đã thấy nắng ấm và vùng trời xanh dương lồng lộng phía trên. Hóa ra con người vẫn và lúc nào cũng có những điều ngoài tầm mắt, mà triết lý một chút người ta gọi đó là sự vô minh Nhưng đâu phải chỉ Thiên là như vậy mà Ngừ trách nàng. Còn chồng nàng và cả chàng không đang cùng một lúc đang quay tròn trong đám mây mù đang bay thật thấp đó sao?

(trang 51)

◦ ◦

◦

Trong tác phẩm Một Đêm Ở Genève, Vũ Nam tuy không chăm chút ở nghệ thuật miêu tả (tả cảnh, tả người, tả vật, tả tâm trạng nhân vật), nhưng anh vẫn không bỏ sót vấn đề này. Có nhiều nhà văn mang tiếng nhà văn đã thành danh (như Nguyễn Xuân Hoàng) hay nhà văn lớn (như Nguyễn Mộng Giác) mà lại viết những truyện ngắn cóc cần miêu tả. Trong truyện ngắn Một Người Ngồi Trong Ghế Bành, anh Hoàng không dựng được khung cảnh xung quanh chiếc ghế bành. Trong truyện ngắn Giếng Ước, anh Giác kể chuyện tuôn tuột ở quán nước về đứa con gái của ông ta. Như thế, hai anh rơi vào cái lỗi làm văn chương bằng cách kể chuyện mà Nguyễn Ngọc Ngạn, Võ Kỳ Điền đã từng làm. Chúng ta thử đọc các tác phẩm của Hermann Hesse (chẳng hạn cuốn Demian) hay các tác phẩm của Dostoievski (qua các cuốn L'Idiot, Les Possédés) thì phần tả cảnh hơi ít, nhưng không hề vắng bật thiếu sót. Ông Hesse lẫn ông Gide phải bận bịu giải bày tư tưởng tâm linh hay những vấn đề khúc mắc uyển chuyển như thái

độ sống, nhân sinh quan thập thoảng tinh thần minh triết (giải phóng toàn diện con người, khuynh đảo hoặc đặt lại vấn đề tư tưởng, tìm chân lý ở chính mình) nên họ không có thời giờ đặt cái quan sát ngoại giới các nhân vật trong tác phẩm của họ. Họ chỉ thích đặt cái nhìn vào trong đáy vực thăm thẳm của tâm khảm con người, vào cái bí nhiệm của đời sống. Như thế, họ có quyền lơ là ngoại cảnh và chỉ đem vài nét tiêu biểu của ngoại cảnh vào văn chương mà thôi. Đằng này hai anh Nguyễn chỉ viết truyện tâm lý hoặc truyện có hơi hướm truyện dị thường (conte extraordinaire) mà chỉ kể chuyện thao thao, không chịu tả cảnh, tả người. Như thế thì hai truyện ngắn thường thường bậc trung về giá trị văn chương nghệ thuật như Giếng Ước, Người Ngồi Trong Ghế Bành kia khó mà lọt vào lãnh vực văn chương, không tìm được chút gì gỡ gạc hay cứu vãn được chúng lên cung bậc cao hơn. Và chắc hẳn anh Hoàng chưa quên, dù viết truyện dị thường nhưng nhà văn Mỹ Edgar Allen Poe vẫn chăm chút tả cảnh.

Những nhà văn gốc Nam Kỳ ở hải ngoại đa số chưa nắm bắt nhận định minh bạch thế nào là viết văn, thế nào là thuyết thoại; cho nên họ lười biếng chểnh mảng việc mô tả. Nhưng bù lại, họ kể chuyện rất duyên dáng mặn nồng như trường hợp Nguyễn Đức Lập, Nguyễn Văn Ba, Phương Khánh, Phương Hoài Nam, Tiểu Thu, chẳng hạn. Đó cũng là trường hợp của Lê Xuyên. Có nhiều khi khung cảnh hoặc tư liệu văn chương dù không được xuất hiện trên những dòng miêu tả, nhưng lại hiển hiện ở những câu đối thoại. Riêng Vũ Nam trong Một Đêm Ở Genève khung cảnh được mô tả trong phút hồi ức của nhân vật, chứ ít khi được mô tả ngay trước mặt nhân vật khi nhân vật đóng vai trò dự khán.

Ngày bước chân vào xứ Đức trong mùa hè, buổi chiều được vị giám mục đưa lên xe hơi, đi dạo cảnh. Trời mát và hơi lạnh, tôi thấy lòng mình rộn ràng với quang cảnh đồng quê vùng Trung Âu này. Những đám ruộng, đồng cỏ xanh rì, chạy lượn, uốn mình lên xuống, trong ánh nắng chiều vàng nhạt, cùng cơn gió heo may. Những con bò Hòa lan đứng nhơ nhời cỏ. Những căn nhà có mái đỏ tươi như gạch cua chín... Hình ảnh mà hai mươi mấy năm ở quê nhà chỉ thấy qua sách báo và lịch treo tường. Phút chốc thấy được hình ảnh thật hời hợt sao lòng không nao nao hạnh phúc? Khi mùa đông đến. Khi nhất những bông tuyết rơi thật sự đầu tiên trong đời, cứ y như là được chiếc đồng hồ đeo tay đầu tiên thuở cái tuổi mười hai lí lắc, nhỏ dại. Nhưng dần dà khi mùa đông về, và mỗi năm đều phải bắt buộc nhìn lại bầu trời và quang cảnh mang màu chì và trắng như bông gòn, dù công nhận tuyết phủ tuyết đẹp trên các cành cây và từng cánh hoa đồng cỏ nội, tôi cũng cảm thấy từ từ được sự giá băng nào đó trông đời sống ở đây rồi! Ngoại cảnh cùng ngay cả trong tâm hồn.

(trang 92)

Trong mấy tác phẩm trước như Nơi Cuối Dòng Sông, Bên Dòng Sông Donau., Vũ Nam mô tả rất nhiều khung cảnh Quê Hương Nước Ngọt, chốn sinh quán của anh. Nhưng trong tác phẩm Một Đêm Ở Genève, anh thích mô tả khung cảnh ở ngoại quốc, nơi anh định cư (miền Tây Nam nước Đức) hay những nơi anh đặt bước chân văn cảnh.

Xin đọc khung cảnh cổ thành trên đảo Rodos và khung cảnh trên đỉnh núi Folimot xứ Hy-lạp. Ở đây, nét tạo hình hiện trong nhãn quan người viếng cảnh chỉ được diễn tả bằng vài nét phát thảo sơ sài, nhưng những đường nét tạo hình ấy được xuất hiện trong các giai thoại, các câu chuyện truyền kỳ nhiều hơn. Tuy nhiên, dù gì thì dù, những khung cảnh dưới ngòi bút anh vẫn làm xao xuyến tâm tư người đọc.... Cổ thành rất rộng ở bên trong. Xem chừng dân cả phường, cả xã có thể ở được. Các lối đi đều rải lót bằng những viên đá tròn trịa, nho nhỏ, màu thẫm đen. Trong cổ thành đầy những phòng lớn nhỏ. Chắc là ngày xưa, phòng vua chúa, quan quân và cung tần mỹ nữ đều được phòng thủ chặt trong này. Và hiện nay, hàng quán du lịch, cả những khu gái điếm, đèn đỏ đèn xanh, cũng nằm chật bên trong.

Lựa một ngày có nắng, trời mát dịu, bạn đưa tôi lên xem trên đỉnh núi Folimot. Đỉnh núi cao, có nhà thờ lớn và cây thánh giá thật to. Từ đây nhìn xuống sẽ thấy được một phần lớn quang cảnh, phố xá của đảo Rodos. Nghe nói, đôi tình nhân ngoại quốc nào du lịch đến đây, nếu sắp đến ngày làm lễ hỏi, sắp dịp, họ đều lên trên ngôi thánh đường cao trên đỉnh núi này để cử hành cuộc lễ. Họ tin vào một phép màu nào đó ở đây, cho cuộc tình họ được muôn đời bền chặt. Một niềm tin tốt đẹp!

Tôi còn nghe được bạn kể, ở Rodos vào tháng bảy, ngày hè, có những vùng rộng lớn toàn là bướm và

bướm. Không biết tại sao, và từ đâu chúng sinh ra, đổ về đây với muôn màu và tung tăng bay lượn. Chắc là như những ngày hội hay ngày Tết xứ mình. Lễ Đền Hùng. Đi Chùa Hương. Tết Nguyên Đán. Cũng đông và mặc quần áo đẹp như vậy.

Ngoài ra tôi còn nghe kể về làng treo cổ Kemmati, về dấu tích của bức tượng người đàn ông trần truồng, thật khổng lồ, nếu không bị động đất chôn vùi khoảng hai trăm năm trước Tây lịch, có lẽ nó được xếp vào một trong những kỳ quan của thế giới. Và nghe nói Rodos cũng đã từng bị động đất chôn vùi, và sau đó lại nổi lên.

Ngày cuối cùng trước khi lên phi cơ về lại Đức vào chín giờ đêm, tôi đi dạo phố một lần cuối. Nắng vàng rực rỡ trong ngày. Chóp ngôi thánh đường đạo Hồi ngất ngưỡng, nhưng cô đơn, trong xóm vắng người Thổ. Những hàng cá mực tươi rói được dựng lên đã chiến bên đường để bán cho khách vắng lại. Những chiếc xe lên xuống đồi phản chiếu đầy những ánh nắng như kim tuyến. Hôm ấy nắng thật đầy, khung cảnh thật ấm, nhưng vẫn gợi trong tôi nỗi ngậm ngùi, tự nhủ với lòng rằng nơi đây cũng là nắng ấm, nhưng ấm sao bằng nắng ấm Quê hương...

(các trang 97, 98)

◦ ◦

◦

Một Đêm Ở Genève gồm 11 truyện ngắn gồm có dăm ba truyện tình, vài truyện hiện thực. Nhưng bài Đoàn Vãn Cho Quê Hương Và Cho Luyến cùng bài Nắng Nơi Đây Cũng Là Nắng Ấm không có cốt truyện dồi dào biến động như các truyện ngắn, nhưng với lối hành văn đẹp, gợi trong ấn tượng độc giả những hình ảnh buồn man mác, chúng có thể thăng hoa và hóa thân thành những bài thơ đẹp bằng văn xuôi.

* Nắng Đây Cũng Là Nắng Ấm nói lên chuyến du lịch của tác giả trên đảo Rodos của xứ Hy-lạp, một xứ có nhiều đảo nhất thế giới. Đây là một bài du ký nho nhỏ nói lên chí phấn đấu lập nghiệp của người bạn tác giả. Khi thoát ly khỏi bức màn tre của Cộng Sản, đương sự bắt buộc phải chọn Hy-lạp làm xứ sở định cư mà đương sự không hề biết tiếng bản xứ cùng phong tục, lối sống và trạng thái tinh thần của dân Hy-lạp. Vậy mà bây giờ đương sự đã là chủ nhân tiệm ăn, có thể nói trôi chảy tiếng Anh, tiếng Hy-lạp. Tuy nhiên tùy theo nhu cầu mùa du lịch, đương sự có thể theo bước chân du khách di chuyển từ đảo này sang đảo nọ trên vùng biển Địa Trung Hải để mở nhà hàng.

Xứ Hy-lạp nổi danh từ thời Thượng Cổ có một nền văn minh rực rỡ. Trong lãnh vực văn chương, truyện Thần Thoại Hy-lạp (La Mythologie Grecque) với một ông Thượng đế giả tưởng Jupiter và các vị thần giả tưởng như Nữ thần Thiên hậu Junon, Nữ thần Nhục cảm Vệ Nữ, Nữ thần Hòa bình Hạnh phúc Minerve Nam thần Thái dương Apollon, Nữ thần Thái âm Diane, Nam thần Chiến tranh Mars, Nam thần Ngoại giao và Thương mại Mercure, Tửu thần Baccus... Tất cả đều ở trên Thiên cung tọa lạc tận tuyệt đỉnh của núi Olympia. Dù là Thượng đế hay thần tiên giả tưởng như Bà Chúa Thượng Ngàn, Bà Chúa Đền Sòng, Cô Ba Thoải Phủ, ông Hoàng Bơ bên Việt Giáo ngoài đất Bắc xứ ta, nhưng trong thói mê tín của dân Hy-lạp thời Thượng Cổ, họ được sùng bái lập đền thờ. Bây giờ trên đất nước Hy-lạp hay trên các đảo nhỏ vẫn còn nhiều di tích đền thờ các vị thần trong thần thoại và truyền kỳ, tất cả đều đồ nát, chẳng hạn như đền thờ Athène (đền Nhã- diễn) thờ nữ thần Minerve.

Thần thoại cùng Thượng đế và chư thần giả tưởng dù là bịa đặt, dối láo nhưng tất cả kết hợp thành cái nôi vĩ đại và diễm kiều cho các nghệ sĩ đủ bộ môn nghệ thuật bên Âu Châu và tràn qua Mỹ Châu. Ngày nay dân Hy-lạp theo đạo Thiên Chúa Chính Thống (l Orthodoxe). Cho nên về phương diện tín ngưỡng và tâm linh, họ không thích nhắc những bậc siêu phàm giả tưởng ấy nữa.

Theo bước nhàn du của Vũ Nam, độc giả chúng ta sẽ thấy xứ Hy-lạp nghèo nàn, sống bằng nghề đón tiếp khách vãn cảnh trong những chuyến du lịch mà thôi. Nhưng Rodos chỉ là một hải đảo trong vùng hải phận của hai xứ sở nghịch là Hy-lạp và Thổ-nhĩ-kỳ. Nhưng anh có thể viếng thăm cổ thành, có thể sưởi nắng ấm và hứng gió biển mát mẻ, có thể mừng tượng tới bướm bướm từng đàn bay về theo lời người bạn của anh kể.

* Đoàn Văn Cho Quê Hương Và Cho Luyến tuy là một đoàn văn về phương diện hình thức, nhưng lại có tinh thần và phong thái của một bài thơ bằng văn xuôi. Các bạn nữ độc giả nào có tâm hồn được tưới tắm bằng cơn mưa trữ tình, bằng hơi sương lãng mạn có thể xem đây là một truyện tình với một cuộc tình mới tượng hình mà chưa kịp thành hình để rồi tan biến trong thời cuộc nhiều nhưnng. Cốt truyện chẳng có gì hấp dẫn đâu. Tác giả không cho độc giả biết tình yêu của nhân vật xưng anh (có thể là tác giả) với cô giáo tên Luyến xảy ra từ lúc nào. Nhưng khi từ Sài Gòn về Bà Rịa trên chuyến xe đò, nhân vật xưng anh đã gặp Luyến cười xe đạp ngược gió về tỉnh. Hình ảnh đó ghi một ấn tượng sâu đậm vào ký ức đương sự.

Xe chạy qua rồi anh còn cố gắng quay lại nhìn em. Và chắc một điều là em không bao giờ thấy anh. Xe chạy bằng máy nên nhanh quá, trong khi đó em phải dùng sức để lặn chuyển bánh xe của đời em thì làm sao nhanh được. khi em từng biết em là kẻ chân yếu tay mềm! Vì thế mà không bao lâu sau đó em đã bỏ đất nước này, bỏ thị xã nhỏ bé đó để lên đường ra biển. Ngay chiều hôm ấy anh muốn kêu người tài xế cho anh xuống để cùng đạp với em trên quãng đường còn lại, như anh đã từng ao ước được đạp cùng với em những chông gai cho cả cuộc đời của hai đứa mình, nhưng sao anh lại cứ ngập ngừng y như ngập ngừng không dám nói lời cầu hôn với em, và chiếc xe đạp cứ lao đi chứ có chờ đợi ai đâu! Phải chi anh xuống để đạp chở em đi một đoạn đường, chắc có lẽ anh đã biết ý định của em sẽ ra đi trong những ngày sau đó. Dù sao thì nếu biết trước anh vẫn thấy đỡ xót xa hơn, lòng đỡ quặn thắt hơn. (các trang 68, 69)

Đó là buổi gặp gỡ sau cùng của cả hai. Nhưng Luyến không thấy đương sự trong xe. Rồi Luyến vượt biên. Sau đó đương sự cũng vượt biên. Luyến định cư trên đất nước Hợp Chúng Quốc, còn đương sự định cư trên nước Đức. Nhưng suốt 18 năm qua, mỗi lần viếng các tiểu bang đông đúc kiêu bào, đương sự có thể gặp dân vùng ven biển Bà Rịa. Trong vùng đó có cái ấp sinh quán của anh là ấp Nước Ngọt mà anh thường gọi một cách âu yếm là Quê Hương Nước Ngọt Nhưng không bao giờ anh gặp lại Luyến. Nàng đã trở thành bóng chim tăm cá trong cuộc đời anh mất rồi!

* Những Áng Mây Ngày Cũ không phải là một truyện ngắn mà là một đoạn hồi ký tuổi thơ và tuổi hoa niên của tác giả lồng trong cái bối cảnh vào thuở bình minh cuộc nội chiến Quốc Cộng. Ở giai đoạn đầu, gia đình tác giả ở ấp Nước Ngọt thuộc xã Long Hải, một vùng bất an ninh mà có một đạo dân chúng Miền Nam Việt Nam gọi là vùng xôi đậu. Ông trưởng ấp bị Việt Cộng buộc phải bỏ chức trưởng ấp. Nhưng ông ta không nghe lời bọn hấn nên bị bọn hấn chém đầu. Còn cha tác giả thì bị ở tù vì tội bán nhu yếu phẩm cho Việt Cộng. Vào lúc tác giả 7 tuổi, gia đình anh phải bỏ ấp sang định cư tại xã Long Hải, nơi đây thuộc vùng được phe Quốc Gia kiểm soát, nên tương đối an ninh hơn. Mẹ tác giả phải bưng chải buôn gánh bán bưng để nuôi năm đứa con (bốn gái một trai).

Sau một năm ngồi khám, cha tác giả được trở về với gia đình, làm nghề đi biển. Khi có vốn khá, ông mới mở tiệm bán cà phê cho dân vùng biển. Và khi Phước Hải trở thành vùng xôi đậu thì bọn Việt Cộng đêm đêm về thu thuế cư dân, bắt họ đi dân công. Có người bị bắt đi luôn. Có kẻ được cho về nhà, trong số người được may mắn có một người chị của tác giả.

Dù sống trong giai đoạn dầu sôi lửa bỏng của một góc trời nhỏ bé tưởng chừng như bị thế nhân lãng quên ngờ đâu lại bị xáo trộn trong giai đoạn nhiều nhưnng của lịch sử, vậy mà tác giả vẫn vui sống, hồn nhiên hưởng một thời thơ ấu thơ mộng bên bờ vùng biển mặn. Nhưng tai họa gia đình chưa chấm dứt đâu. Người chị thứ tư của anh, một cô nữ sinh lớp Đệ Lục chết vì chứng bệnh phong đòn gánh (người Bắc thì gọi là sùi uốn ván). Rồi cuộc sống lại tiếp tục sau một thời gian tang tóc. Tác giả cùng trẻ nít xóm giềng bày nhiều trò chơi hấp dẫn, cùng dàn trận đánh lộn với lũ chẵn trâu. Trong khi đó, chung quanh họ thời cuộc tiếp tục căng thẳng. Lại thêm một sự bất hạnh. Người chị trưởng trong gia đình sinh một lượt ba đứa bé gái, nhưng chúng chỉ là những hài nhi hữu sinh vô dưỡng.

Thời hoa niên của tác giả chấm dứt khi anh học xong lớp Đệ Lục. Thế là anh phải lên tỉnh Bà Rịa tiếp tục học hành. Nhưng đất nước lại càng xảy ra nhiều cơn khủng hoảng khi chiến tranh toàn thể Miền Nam Việt Nam càng ngày càng gia trọng.

Những truyện ngắn trong Một Đêm Ở Genève thường lấy đề tài những người đàn ông chạnh nhớ tình xưa, tìm về kỷ niệm bên cạnh người yêu đầu đời. Kỷ niệm được gói trong cuộc tình ít khi tạo cơ hội cho tác giả có cái nhìn rộng lớn phóng chiếu lên cuộc sống phức tạp và đa dạng. Nhưng Vũ Nam vẫn làm cho chúng ta bàng hoàng trước lớp sóng phé hưng đầu bể kéo tràn lên lịch sử dân tộc ta để chúng ta hoài niệm đến bài Thăng Long Hoài Cổ của Bà Huyện Thanh Quan với hai câu thơ: Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt / Nước còn cau mặt với tang thương.

* Truyện ngắn cùng tựa với tập truyện Một Đêm Ở Genève nói về mối tình giữa nam nhân vật tên Thanh và nữ nhân vật tên Phương lớn hơn Thanh 4 tuổi. Thuở ấy Thanh 15 tuổi nên Phương xem đương sự như một cậu em ngoan. Còn Thanh yêu nàng bằng mối tình đơn phương thầm kín. Trong cuộc cấm trại, Thanh được Phương cho ngủ chung. Nhưng rồi:

Nửa đêm, không biết có phải từ giấc mơ, hay một hành động vô tình Thanh ôm ấp chị Phương trong người, bàn tay tìm kiếm... Khi chị Phương tỉnh giấc, cậu bé cũng chợt tỉnh từ cơn mơ. Từ đó, kể từ đêm đó chị Phương không bao giờ nói chuyện với Thanh nữa. Khi đi ngang qua nhà Thanh chị chỉ cúi đầu để đi.

(trang 16)

Rồi đó, cả hai cùng bước vào đời, dĩ nhiên chuyện cũ cũng đã bị mài dũa hết những sắc sảo gai góc, những góc cạnh thô nhám và tác giả cho biết:...

Mỗi khi hai người gặp nhau, chị Phương làm như đã quên chuyện cũ, chuyện trò dăm thắm với Thanh như thuở nào. Còn Thanh, lần vuốt ve chị Phương trong đêm tối như một vết theo. Vết theo đầu đời, trần tục, đốn đau.

(trang 17)

Sau đó Thanh cưới vợ cùng trang lứa với chàng. Chị Phương kết hôn với một sĩ quan hải quân. Sau khi Miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng quân miền Bắc, chồng chị Phương bị đi học tập cải tạo, chết trong tù. Thanh cùng vợ con vượt biển trước, sang định cư bên Tây Đức. Còn chị Phương vượt biên sau, được người bạn chồng bảo lãnh nên chị định cư bên Thụy-sĩ. Chị kết hôn với đương sự. Chị viết văn, xăn từng mảnh đời khổ lụy của mình đưa vào tập truyện ngắn của mình. Hôm chị ra mắt sách có mời Thanh qua Thụy-sĩ tham dự.

Sau đó, Thanh được vợ chồng chị mời về nhà nghỉ ngơi. Tối hôm đó vào lễ Quốc Khánh của nước Thụy- sĩ, hai chị em cùng xem lễ đốt pháo bông. Chị Phương kể lễ chuyện đất nước cùng chuyện gia đình của mình cho Thanh nghe.

Hôm sau, Thanh về nhà vào lối 10 giờ tối, bắt gặp một cảnh tượng kỳ thú:... Cả nhà đã đi ngủ. Chỉ cậu con trai mười bốn tuổi còn thức, đang đứng bên cửa sổ nhà nhìn xuống đường xem hai cô gái Đức khoảng mười sáu tuổi đánh vũ cầu. Trời mười giờ, trong mùa hè chưa tối hẳn, nhưng đèn đường đã được bật lên, ánh sáng đèn đường vàng chiếu rọi xuống con suối bên cạnh nhà, phản chiếu lại làm khung cảnh chơi của hai cô gái đẹp lạ lùng. Cậu bé hơi ái ngại khi thấy ba mình bắt tại trận mình đang nhìn trộm hai cô gái. Thanh lại bắt gặp hình ảnh mình qua hình ảnh đứa con trai cách đây hai mươi lăm năm. Nhưng ở dưới kia không ai là chị Phương cả! Thanh mong sao con trai mình đừng có những mộng mị tầm thường như mình khi tuổi vừa mới lớn.

(trang 37)

Cái đề tài mối tình ngây thơ của cậu bé trai đang độ hoa niên yêu cô thiếu nữ lớn tuổi hơn mình đã có nhiều nhà văn khai thác rồi. Ở đây, tác giả Vũ Nam dàn dựng một chị Phương có thái độ úp mở cực kỳ quyến rũ. Chị có thực tình giận Thanh sau đêm ngủ chung không? Hay chỉ là phản ứng bề ngoài của cô thiếu nữ con nhà lễ giáo? Có sao chị lại quay mặt lạnh nhạt với Thanh lúc đầu để rồi sau đó ít lâu lại đối xử với Thanh thật hồn nhiên thân ái như thuở trước? Tác giả để độc giả tự phán đoán lấy. Mỗi người có một phán đoán riêng, một giải thích riêng. Do đó truyện ngắn có một chiều sâu hun hút và tâm

hôn chị Phương có một chút bí mật kỳ diệu riêng.

* Truyện ngắn Buổi Chiều Trên Thành Phố Lạ cũng vẫn là một chuyện tình xa xưa mà đôi tình nhân gặp lại nhau dưới bầu trời nắng ấm Nam Cali. Sau khi đất nước đổi cờ, cả hai cùng vượt biên. Ngừ, nam nhân vật định cư bên Thụy-sĩ, sinh làm thợ, nhưng tác giả không khẳng định nghề tay mặt của chàng là nghề gì. Thiên, nữ nhân vật định cư ở Nam Cali. Nàng là vợ một doanh thương khá giả. Nàng phiền muộn vì ông chồng không bao giờ tìm hiểu nỗi niềm cô đơn của nàng. Cho nên nàng tìm sự an ủi ở mỗi tình xưa qua sự trao đổi thư từ với Ngừ. Tối hôm đó, nàng muốn chàng nghỉ đêm ở nhà vợ chồng nàng. Nhưng chồng Thiên có thể vì ghen một phần, nhưng cũng muốn cắt đứt những giây mơ rề má đang vương vút loạn xạ trong trái tim của Thiên nên bảo Ngừ:

- Từ lâu tôi đã có đọc được thư từ qua lại của anh và nhà tôi, dù nhà tôi cố giấu. Lúc đầu thì tôi hơi ghen, nhưng thú thật với anh rồi từ từ tôi thấy không có gì để ghen tức nữa. Nhà tôi cứ sống trong mơ mộng. Gặp anh cũng là người mà theo tôi chỉ biết mơ mộng. Nhà tôi âm thầm chê tôi là người kém hiểu biết hơn nàng, thì ắt hẳn phải khen anh. Nhưng anh đến đây rồi anh mới thấy. Ở Mỹ không chỉ khư khư ôm chuyện mơ mộng, chuyện văn chương làm lẽ sống. Phải thực tế một chút chứ! Con cái đã lớn rồi. Nhưng cái tôi không ngờ là anh cũng cố gắng ghé thăm vợ tôi, trong khi đáng lẽ anh không nên ghé thăm. Có ích lợi gì? Đúng như trong thư anh hay viết hai chữ phù phiếm. Đúng, anh phù phiếm lắm! Hôm nay tôi về trước một giờ là để muốn cho anh một bài học. Có thể chuyện viết thư tôi dở hơn anh, nhưng chắc chắn là tôi không mơ mộng lắm lắm như anh đâu. Vợ của người khác mà các anh cũng đem lòng thương nhớ mới thật là kỳ. Những mối tình thời học sinh ai lại không có, bao giờ lại không đẹp. Nhưng đừng có lấy nó để làm tan hoang hạnh phúc hiện tại của kẻ khác...

(các trang 52, 53)

Cái tình ý ẩn giấu sau lưng mặt chữ của câu chuyện là cái mơ mộng phù ảo đẹp lộng lẫy chạm trán với cái thực tế cứng cỏi, thô tháp và phũ phàng. Cái bạc nhược làm sao chống chọi nổi với cái thô cứng? Cho nên Ngừ đành trở về khách sạn mà chàng đã thuê phòng trước khi tìm gặp Thiên. Chàng không hôn chồng Thiên, chỉ giữ lại trong ký ức mình giọt nước mắt của Thiên vào phút đầu tiên gặp chàng.

* Truyện ngắn Tìm Lại Hư Không là truyện tình thơ mộng ở 4/5 câu chuyện. Phần còn lại là câu chuyện có thể là quái dị mà cũng có thể là nói lên cái ám ảnh hay cái tự kỷ ám thị của nam nhân vật chính.

Truyện rằng từ Âu Châu (tác giả không nói rõ nước nào) Đạt qua Houston (tiểu bang Texas) rồi đến tiểu bang Florida để tìm Xuyến, người tình cũ của chàng khi cả hai còn ở Bà Rịa. Đây cũng là dịp chàng tìm một cuộc tình mà đoạn cuối lại có cảnh ly tan. Xuyến có chồng một sĩ quan Hải Quân, để rồi sau khi Cộng Sản cưỡng chiếm Miền Nam Việt Nam, cả hai (Đạt và Xuyến) lạc loài nhau, mỗi người định cư trên một đất nước riêng trong bốn phương trời hải ngoại. Tìm người yêu cũ vẫn là vấn đề then chốt trong cuộc bút trình của Vũ Nam. Nhưng sau lưng những nhân vật thường có bối cảnh Bà Rịa lút nền và chung quanh họ nổi bật biết bao kỷ niệm của ngày xưa thân ái, của cuộc tình đầu đời thơ mộng trong vùng trời nước bao la:

Thị xã nhỏ bé Bà Rịa lại trở về với Đạt. Hình ảnh Xuyến lại trở về. Những con đường nhỏ có lá me bay. Với Phòng Thông Tin đầy én lượn. Thị xã tí hon này như một nhịp cầu cho khách nhàn du trong những ngày cuối tuần khi từ thành phố Sài Gòn muốn đi về tắm biển Vũng Tàu, Long Hải. Khách nhàn du qua rồi lại, đến rồi đi, chớ ít có ai để ý hay nhớ gì đến nó một khi đã đi qua. Và chỉ ai có lớn lên trong cái thị xã bé nhỏ này, khi xa nó mới nhớ đến nó. Cũng giống như ai đã từng lớn lên ở Vũng Tàu, Nha Trang thì khi xa lại nhớ về miền thùy dương cát trắng, có sóng biển nhấp nhô, với Hòn Chồng, với Cầu Đá...; ai đã ở Đà Lạt mới nhớ đến những đồi thông, thác nước, bầu trời buổi sáng ẩm ướt mù sương... Còn Đạt và Xuyến chắc khi nhớ đến Bà Rịa duy chỉ còn nhớ đến những con đường nho nhỏ, những hàng quán im lìm, thơ mộng, thậm chí có một vài hàng quán trông tồi tàn với những ngọn đèn trong đêm hiu hắt: tiệm hủ tiếu, quán chè, quán cà phê, và những con đường, công sở, tàn cây, ngôi trường học..., đâu đâu trong thị xã vẫn nổi hằn nét nhỏ nhắn, bình dị, êm đềm.

(trang 151)

Tại một thành phố biên của tiểu bang Florida, Đạt và Xuyên vừa dạo chơi vừa ôn chuyện cũ. Nhưng khi tới chỗ người câu cá sát ven tường, Xuyên giục chàng rời khỏi ngay. Nàng kể luôn, cũng tại chỗ này, nàng đã xô chồng mình xuống biển lớn chồm đà để giết chết chồng.

Thế rồi trong chuyến trở về nhà, Đạt chót thấy một cảnh tượng quái dị:

Đạt đâm ra sợ như không còn muốn ngồi gần bên Xuyên nữa. Trong bóng đêm giờ Đạt tưởng tượng ra chắc gương mặt Xuyên bây giờ mang vẻ hung tợn lắm. Với giọng nói có âm hưởng cộc cằn, dữ tợn. Chàng vì uất ức, dù là sợ nhưng cố làm gan để hỏi Xuyên cho ra lẽ:

- Nhưng tại sao em lại giết Tường?

- Tại anh đào hoa quá! Hết cô tình nhân này, đến cô tình nhân khác. Tại vì anh đã phụ bạc em. -- Té ra mọi chuyện cũng chỉ vì tình. Nhưng em có thể xin ly dị kia mà.

- Thôi bỏ chuyện cũ đi. Chuyện đông dài. Ly dị với không ly dị. Trời đã khuya rồi. Hay bây giờ anh muốn xuống lại biển?

- Thôi cô! Tôi sợ biển rồi!

- Ha...ha... ha.

Giọng cười Xuyên, Đạt nghe sao lạnh lốt!

Chiếc xe bỏ cảnh biển ban đêm sau lưng. Đến một khúc quanh, đường không còn một ánh đèn, trong xe tối như đêm ba mươi, Đạt quay qua thấy người ngồi bên cạnh mình bây giờ không phải là Xuyên nữa, mà là Tường. Rõ ràng là Tường. Mặt đây máu me. Đạt ú ớ la lên.

(các trang 164, 165)

Đây là một truyện ngắn tuyệt vời trong những truyện ngắn hay nhất của Vũ Nam. Nhưng nó làm cho chúng ta bàng hoàng dao động tâm tư nếu không bảo là thắng thốt kinh dị ở đoạn cuối. Đứng chung với các truyện ngắn êm đềm, buồn bã và thơ mộng khác, nó có vẻ lạc loài thể nào ấy! Có lẽ anh nên xếp nó vào cuốn tập truyện khác gồm toàn những truyện dị thường (contes extraordinaires) hay truyện quái dị (contes fantastiques) thì đúng chỗ hơn.

* Truyện ngắn Những Vì Sao Lạc nói về cái đam mê của ông Tham đối với một thiếu phụ trẻ đẹp người Đức tên Himmel. Số là Himmel, Tâm và ông Tham cùng làm việc trong hãng Hugo. Cả ba đều có gia đình. Nhưng Himmel có tánh đơng đưa, bất tình với Tâm cùng trang lứa với nàng. Tâm thạo khoa ăn nói, thạo viết thư tình rất mùi mẫn du dương. Còn ông thì nhút nhát. Himmel có một cuộc sống song đôi (double vie) rất kỳ lạ. Xin đọc:... Lúc ở nhà Himmel xứng đáng là một người vợ, người mẹ, ai cũng nói như vậy. Trong hãng nàng có tiếng là người nữ công nhân tốt, siêng năng và đầy trách nhiệm. Nhưng nếu là người tình trong đêm họp mặt cuối năm vui chơi trong hăng, hay những đêm về nơi quán vắng cùng những bạn đồng nghiệp, mà trong đó có hiện diện một bóng người tình thì sao? Mọi người đều cho rằng Himmel rất tuyệt vời trong tất cả các vai, và vì thế nếu nàng có bị chồng ghen thì ít hay nhiều cũng có cái lý do của nó!

Nàng yêu Tâm, Tâm yêu nàng, cả hai đều biết, ai ai trong hăng cũng đều biết, dù họ có lén yêu nhau. Nhưng nàng sẵn sàng lả lơi liếc mắt đưa tình ngay với một người đàn ông đồng nghiệp nào đó, nếu ông ta hoặc anh ta tỏ ra quá si mê nhan sắc nàng, ngay cả trước mặt Tâm hoặc các xếp lớn. Đến đôi đôi khi Tâm còn phải tâm sự với ông Tham, nàng có quyền yêu bất cứ ai nếu nàng thích, mình có phải chồng nàng đâu mà ghen...

(các trang 136, 137)...

Nghe Tâm kể, lúc anh còn làm việc ở đây, đã có lần anh rủ Himmel đi Paris chơi trong hai ngày cuối tuần, nhưng nàng không bằng lòng. Nàng nói với Tâm: Tôi rất sợ đi xa như vậy vì ông xã tôi ghen! Chúng mình chỉ yêu nhau trong giới hạn! Cũng như Tâm đã thất vọng khi hẹn sẽ gặp Himmel vào một ngày hè nào đó trên bờ biển ở đảo Kreta của Hy-lạp, vì theo Himmel đó là một sự phiêu lưu mạo hiểm cho Tâm, cả cho nàng. Tâm vội bỏ Đức Quốc, bỏ Himmel, mang vợ con đoàn tụ với cha mẹ ở Úc theo diện di dân như thể trốn chạy những lời trêu ghẹo có thể xảy ra của bạn đồng nghiệp trong hăng. Hoặc trước sau gì mọi việc rồi cũng đến tai người vợ đã cùng chung với mình vui buồn, chẵn gói trong gần

mười năm qua.

(các trang 138; 139)

Tâm bỏ đi, rồi Himmel cũng đổi chỗ làm vì tiếng đồn bắt lợi lan rộng trong hãng. Ông Tham chuẩn bị ve vãn nàng, thường đến thăm nàng ở một siêu thị mà nàng làm việc với chức vụ bán hàng. Lần sau cùng, khi nàng tan việc trong ngày, ông rủ nàng đi uống cà phê thì nàng hẹn hôm khác. Nhưng..... Trước khi chia tay, như một sự lợi dụng mơ hồ, ông nắm vội bờ vai Himmel, để đôi má hơi nhăn nhoe của mình lên đôi môi hồng hào son phấn của nàng. Nàng chấp nhận thật an nhiên với nụ cười thật tươi. Có thể nàng xem đó như một nụ hôn từ già, hay một dấu hiệu mối tình vừa chớm nở. Nhưng cùng lúc ấy cặp đèn xe của người nào sáng hoắt rọi thẳng vào hai người đang đứng. Một người đàn ông Đức to lớn bước xuống xe và tiến lại phía hai người. Himmel nói nhỏ: mein Mann! Chồng tôi! Ông tham chỉ còn kịp nghe người này nói với ông một câu: Ông T.T.a.a.m, tôi nghe đến ông lâu rồi nay có dịp gặp! Chào! Hẹn tái ngộ! Sau đó chồng Himmel nắm tay Himmel dẫn nàng đi khuất vào bóng đêm. Ông Tham không nhận ra kịp chồng Himmel đã kêu tên ông hay tên Tâm. Trong đời, chưa bao giờ ông thấy đêm nào trời lạnh như đêm nay! Trên trời, mùa đông không có sao, nhưng ông thấy hình như có một vì sao vừa băng.

(trang 146)

Người Âu Châu hay Hoa Kỳ đều gọi tên Tâm và tên Tham bằng Tham như nhau. Ở đây, có lẽ Himmel thường hay nhắc nhở Tâm hoặc nhắc nhở ông Tham hay nhắc nhở cả hai trước mặt chồng mình, coi như nhắc nhở những người đồng nghiệp, thế thôi. Sau khi vợ chồng Himmel đi khuất, ông Tham có thể nghĩ rằng mình gõ cửa gọi Tình Yêu không đúng chỗ vì mình tìm sai địa chỉ nên không tới gặp ngôi đền Tình Ái mà chỉ gặp nhà xác. Nhưng tác giả lại cho biết, sau khi đặt má mình kề đôi môi Himmel, ông Tham lẫn Himmel bàng hoàng. Độc giả cũng bàng hoàng theo họ. Ông Tham bàng hoàng vì say tình. Himmel bàng hoàng vì lẽ gì không ai hiểu rõ. Con độc giả bàng hoàng vì bản khoản tự hỏi, cử chỉ đột ngột của Ông Tham liệu có chinh phục trái tim Himmel không? Hay là nàng cảm ứng động tình trong giây phút ngắn ngủi để rồi sau đó nàng lấy lại sự thăng bằng cho chính mình. Himmel không phải là gái cao sang quyền quý hoặc có học vấn cao hay có trình độ kiến thức vượt bậc hơn kiến thức các cô gái thuộc thành phần trung lưu cấp thấp. Nàng không nét na, khi ra khỏi nhà và khi tan sở là hiện nguyên hình một phụ nữ thác loạn về tình dục (la nymphomane). Nàng có thể nhận biết mối tình si của ông Tham mỗi lần ông đến thăm viếng nàng. Nhưng nàng không tỏ thái độ gì ngoài sự ân cần thân mật. Không ai có thể hiểu nàng cho nên không ai có thể đoán được số phận cuộc giao du của cả hai sẽ có sắc thái gì khác hơn và sẽ kéo dài được bao lâu. Hay tới đây cái thọ mạng nó coi như chấm dứt? Đây là một kết cuộc lửng lơ con cá vàng rất thú vị.

o o

o

* Truyện ngắn Cuối Xuân là câu chuyện thời đại. Mừng và Hà gặp nhau ở Tiệp-khắc. Cả hai cùng là lao nô, đồng hội đồng thuyền, đồng thanh tương ứng nên yêu nhau. Trong khi đó, Mới, hôn thê của Mừng ở quê nhà vẫn kiên trì đợi ngày chàng về sẽ kết hôn với mình. Ở khách địa, Mừng bị tai nạn xe cộ, phải nằm nhà thương và khi xuất viện được Hà ân cần săn sóc. Sau đó cả hai từ Tiệp chạy sang Tây Đức khi bức tường Bá-linh sụp đổ. Nhưng chánh phủ Tây Đức phải trả chàng về Việt Nam, còn Hà được ở lại vì có người đàn ông Đức cưới nàng làm vợ. Mừng về quê, tưởng rằng Mới sẽ mừng ở cuộc tái ngộ trùng phùng. Nhưng Mới bảo:

Chị Hà nào đó có viết thư cho tui! Tui có ý định gặp anh mới nói. Bây giờ tui rút lại lời hứa hẹn của tui lúc trước ới anh, để anh yên tâm. Chị Hà nói chỉ lấy chồng Đức vì việc riêng của chị, nếu hợp chỉ ở, còn không chỉ sẽ xin ly dị. Khi đó chị sẽ bảo lãnh anh qua Đức đoàn tụ. Chỉ mong tui nhường anh lại cho chị hoặc chờ chị vì chị thật lòng thương anh, có nhiều kỷ niệm với anh từ lúc hai người còn ở Tiệp lặn. Tui thấy giải quyết như vậy là tốt nhất. Đời sống của một người như anh, ở đây rất khổ. Anh biết ở đây, bây giờ mà! Ở Đức còn hơn. Tui quyết định là sẵn sàng hy sinh...

(trang 62)

Mừng có hai người tình tuyệt vời. Cuộc đời dưới mắt Vũ Nam dù có móng vuốt chông gai cũng được cái nhìn nhân hậu của anh chà láng. Truyện thì ngắn, phần kể ruyện hơi lần lượt phần miêu tả, nhưng đọc đến đâu chúng ta đều ngậm ngùi đến đó. Nhưng trong nỗi dao động se sắt của tâm tư, lòng chúng ta dấy lên khúc hoan rộn ràng niềm tin yêu đối với thể nhân nói chung đối với dân tộc ta nói riêng.

Những truyện ngắn ở phân đoạn trên lấy bối cảnh ở ngoại quốc. Truyện ngắn Một Đêm Ở Genève lấy bối cảnh ở Thụy-sĩ, còn những truyện ngắn kia lấy bối cảnh trên đất nước Hợp Chúng Quốc như Nam California, Texas, Florida...

Những truyện ngắn còn lại lấy bối cảnh trên đất nước Việt Nam. Nhưng truyện ngắn Cuối Xuân chỉ lồng bối cảnh Việt Nam ở phần cuối, còn các phần đầu lại lấy bối cảnh bên Tây Đức. Tuy nhiên, các bối cảnh này không hiện trước mắt độc giả bằng những nét tạo hình. Nó chỉ được nhắc nhở ở một vài câu sơ sài. Tác giả chỉ lo săn sóc cốt truyện tình sao cho ướm át tâm sự, sao cho tâm hồn nhân vật thêm cao thượng nên anh hơi rẻ rúng phần miêu tả. Khi Mừng hồi hương về nơi chôn nhau cắt rún, tác giả cũng không nói rõ ở địa danh nào.

Xin cùng đọc đêm Mừng và Hà từ biệt nhau, cùng ngắm những nét tạo hình trên bức tranh vẽ bãi đất trống, nơi hẹn hò của cặp tình nhân ấy. Bức tranh được diễn tả bằng lối phác thảo nguệch ngoạc nhưng vẫn ghi sâu vào ấn tượng người đọc vì trong cảnh có tình, trong tình có lòng bối cảnh:...Tuyết trắng xóa còn đọng cả khu vực. Xa xa đám trẻ nhỏ Đức đang ồn ào với trò chơi trượt tuyết. Nhưng nơi hai người đang đứng thật yên tĩnh và lạnh. Mừng nắm tay dẫn Hà vào nơi căn nhà gỗ nhỏ nơi để trẻ em trốn những cơn mưa bất thần. Lúc đầu anh chỉ nghĩ nơi này kín đáo, dễ dàng cho hai người tâm sự, nhưng khi vừa vào trong lều, như có sức mạnh vô hình nào thật mãnh liệt lôi kéo anh sa ngay vào thân thể Hà. Anh để nụ hôn dài trên môi cô. Anh hồ đồ ham muốn vì anh biết anh không còn dịp nào nữa để gặp Hà khi cảnh sát Đức đến trại chờ anh đi ra phi trường trong ngày mai như họ đã gửi giấy hẹn. Hà đứng yên chấp nhận nụ hôn thật bình thản, y như chấp nhận cuộc hôn nhân mới trong nay mai khi Mừng rời khỏi đất nước đầy sương tuyết này để trở về vùng nắng ấm.

Rời căn nhà gỗ, đêm ấy hai người cứ đi lang thang ngoài đường dù trời đang lạnh cắt da. Đi để mà đi chứ không có mục tiêu. Gặp một chòi tranh trong vườn ai họ ngừng lại vào trong, rồi ôm nhau hôn hít, trò chuyện. Sau đó hai người lại tiếp tục đi trên những bờ ruộng. Càng xa đường xe chạy càng tốt. Gặp những cuộn rơm, mặc dù chung quanh đóng đầy tuyết, họ cũng ban sạch tuyết rồi ngồi xuống dựa vào, lại tiếp tục hôn hít, trò chuyện. Cảm giác họ như là trời không bao giờ sáng, mặt trời sẽ không lên, và đêm sẽ xuyên suốt. Trong đêm, những âm thanh từ xa thỉnh thoảng vọng về nhưng vẫn không kéo được hai người về thực tại phũ phàng của ngày mai đang chờ đón.

(các trang 60, 61)

* Truyện ngắn Gánh Chè Ngày Cuối Năm nói lên tấm lòng lưu luyến của người tình cũ. Thoa là cô gái thuộc giai cấp bình dân, tuy muốn thành đào hát cải lương, nhưng vì không có tiền trả học phí cho lớp đào tạo ca cổ nhạc nên chị đành dẹp mộng đẹp qua một bên, cam phận bán chè độ nhật. Thoa và Liêu yêu nhau. Trước ngày 30/4/1975 vài hôm, Liêu rủ Thoa vượt biên. Nhưng Thoa từ chối.

Liêu đã chạy đi Mỹ vào ngày hai mươi tám tháng tư năm bảy mươi lăm. Ngày đó anh có rủ chị nhưng chị nào có chịu đi. Đã cưới hỏi gì đâu mà theo trai như vậy, ông bà già la chết. Bác Sáu cũng biết việc của chị và con trai bác, nên sau ngày đó mỗi khi gặp mặt, chị và bác chào hỏi bình hường, nhưng đặc biệt chị chưa bao giờ hỏi tin tức gì về Liêu, con của bác. Chị coi đó là chuyện của quá khứ.

(các trang 79, 80)

Nhưng rồi sau 20 năm xa đất nước, Liêu về quê nhà thăm mẹ, đem cả vợ con theo để ăn một cái Tết đoàn viên. Thoa bán chè đi ngang qua nhà bác Sáu. Vợ chồng và con cái Liêu kêu mua chè. Thoa không nghĩ ngợi xa xôi gì hơn là bán chè, không buồn tiếc vì để lỡ cơ hội theo Liêu sang Mỹ và để được làm vợ Liêu. Nhưng Liêu lựa lúc vợ vắng mặt, tặng 100 Mỹ kim cho Thoa.

Năm sau Liêu không về xóm cũ ăn Tết, nhưng anh không quên người tình đầu của mình. Cũng vào ngày

cuối năm, Thoa gánh chè ngang qua nhà bác Sáu, vẫn không nghe có tiếng ai gọi mua. Thế là cái hy vọng của chị đành tiêu tan theo mây khói! Chị lại cảm thấy mắc cỡ. Nghèo mà ham! Chị tiếp tục gánh chè đi, đành bỏ nhà bác Sáu lại sau lưng. Thành linh bác Sáu từ trong nhà người hàng xóm kể bên nhào ra chặn đường chị lại:

- Thoa! Chờ bác một chút! Có cái này cho cháu đây.

Chưa hết giây phút ngạc nhiên, bác Sáu vừa vô nhà lại ra ngay, trên tay có cầm cái bao thơ:

- Đây, của thằng Liêu gửi cho cháu. Định nhờ người mang qua nhà cháu thì cháu tới. Thiệp chúc Tết... lại có... Thôi, cháu mở ra rồi sẽ biết. Bác chúc cháu vui vẻ trong năm mới nha. Bác phải vô ngay để mấy bà khỏi chờ. Đánh tứ sắc cho vui trong ba ngày Tết mà cháu.

Gánh chè rời khỏi nhà bác Sáu, lựa một chỗ vắng rồi chị Thoa mới dám đứng lại để mở bao thơ ra coi. Chị hồi hộp quá chừng. Bỗng nhiên chị hoa mắt bởi tờ giấy bạc một trăm Đô mới tinh, được kẹp trong tấm thiệp xuân màu mè xanh đỏ. Bên cạnh một tờ giấy trắng nằm riêng, trong đó có tuồng chữ của Liêu: Trong năm nay anh phải về quê vợ để ăn Tết, ở Sa Đéc lận! Anh có nghe ba má kể về hoàn cảnh của em từ năm ngoái. Vì tình cũ nghĩa xưa, năm nay anh lại gửi tặng em một trăm Đô để ăn Tết. Chúc em năm mới nhiều vui vẻ với chồng con. Anh Liêu. Người tình cũ.

(các trang 83, 84)

Trong truyện Gánh Chè Ngày Cuối Năm, chúng ta cũng không biết nơi ăn chốn ở của cô Thoa tại đâu. Có lẽ đó là chốn thị thành sầm uất kẻ bán người buôn, như thủ đô Sài Gòn hay như tỉnh lỵ nào hoặc như quận lỵ nào đó.

Chuyện nghĩa cũ tình xưa thường làm cho độc giả ngậm ngùi, man mác, nhất là phải đẹp phải thú sẵn khăn mù-soa để lau nước mắt. Nhưng nếu tác giả gán cho Thoa cái tâm trạng lưu luyến tình xưa thì câu chuyện rập khuôn với mọi tác phẩm văn chương theo ý tình hai câu ca dao: Tóc mai sợi ngắn sợi dài / Lấy nhau chẳngặng nặng thương hoài ngàn năm. Đấng này, chị ta chỉ nghĩ tới bán hết nồi chè và được tặng tiền. Cuộc sống thiếu thốn vật chất biến đổi con người có tâm tình gọn gàng đơn giản như thế sao?

Nhân vật Thoa không làm cho độc giả phải tổn công xót xa ai hoài lâu lắc đậm đà. Nhưng chúng ta vẫn buồn bã vì lý do: chế độ xô đẩy dân tộc nghèo đói, nên mãi dũa khá nhiều nhân phẩm con người hà huống chỉ tâm sự, tình cảm của thời yêu đương hoa mộng cũ. Nhân vật Liêu xuất hiện trước gánh chè chỉ nói chuyện với vợ và nháy mắt với Thoa. Nhưng trong khi ăn chè, anh buồn bã xót xa. Thái độ đó cùng bức thư kèm theo tờ giấy 100 Mỹ kim và tấm thiệp xuân cũng đủ giúp độc giả vui vẻ ăn Tết nếu truyện Cuối Xuân này được đăng trên bất cứ tờ đặc san Xuân nào. Qua truyện ấy, Liêu chiếu sáng trong tâm tư độc giả một người tình tuyệt vời. Nhân vật này xuất hiện thì ít, chỉ được nhắc nhở loáng thoáng đôi ba dòng trong câu chuyện kể, nhưng anh làm cho toàn thể truyện ngắn có không khí nồng nàn ấm cúng như nhang khói đêm giao thừa.

*Truyện ngắn Những Cánh Chim Di lại là câu chuyện tình buồn. Tác giả lấy bối cảnh quận Cai Lậy (thuộc tỉnh Mỹ Tho). Không hiểu có phải là vào năm nào mà nơi đây bắt đầu lột xác, cảnh đồng không mông quạnh đôi thành nơi thị tứ mới.

Xe lại qua những con đường cũ mà ngày xưa vận đã có lần đi qua. Bây giờ đã được sửa sang, rộng hơn và đổi khác. Những ngày xưa, trên con đường này là đồng ruộng và gió chiều man mát, bây giờ đầy ngập cửa nhà, có cả những nhà máy to lớn, chạy âm ỉ. Đất nước vươn mình và dân số cũng tăng theo dữ dội! Ở cuối đường khác, ngày xưa là những vườn chuối thỉnh thoảng xen lẫn với những cánh rừng chồi, cỏ cây hoang dại, nay cũng đầy những mái nhà. Buổi trưa hè nơi đây vẫn oi nồng, lòng đường vẫn đầy bụi khi có một chiếc xe hơi chạy qua.

(các trang 125, 126)

Tại Cai Lậy này, sau khi đất nước Miền Nam Việt Nam bị bọn giặc cờ đỏ miền Bắc bạo chiếm, Vận theo vợ người Việt gốc Hoa về đây làm vườn. Nhưng vợ anh lại bỏ chồng và hai con (một trai một gái) đi vượt biên theo diện bán chính thức. Anh vẫn an phận gà trống nuôi con, không hề phiền trách vợ. Nhưng rồi, anh lại tự mình đưa mình vào một ngã rẽ mới:

Vận đã ghé thăm Tính khi nghe tin chuyện chồng vợ nàng gãy đổ. Ban đầu, anh không có ý định hàn gắn một cuộc tình đã qua đi hơn hai mươi năm. Anh chỉ ghé thăm vì nghĩ rằng dầu thế nào thì Tính cũng là cô gái đã bước vào đời anh với những đêm thao thức vì những giấc chiêm bao đầy hình ảnh của nàng. Lần đến thăm này trong đầu Vận mang ý nghĩ để cảm ơn cô gái đã cho anh những giấc ngủ đầy mộng mị nhưng êm đềm của thời mới lớn. Bạn bè nói không sai. Chồng Tính đã đi Mỹ từ tháng tư bảy mươi lăm, để lại cho nàng một đứa con. Mãi đến giờ vẫn không bao lãnh Tính đoàn tụ, vì thế mà nàng vẫn còn ở một mình nuôi con gái đang học trung học.

(trang 122)

Vậy là bắt đầu một cuộc tình muộn màng giữa hai kẻ cô đơn và bất hạnh trong tình yêu lẫn trong hôn nhân. Tuy nhiên, Vận lại được tin vợ của anh ở nước Pháp muốn bảo lãnh hai con qua Pháp đoàn tụ với nàng. Anh không biết tính sao cho phải. Anh cũng toan hỏi Tính làm vợ, nhưng sau đó thì cuộc điện lại xoay chiều, hoàn cảnh lại lượn qua một khúc quanh khác:

Một tuần sau Vận gọi điện thoại lại nhà Tính. Không gặp Tính, chỉ gặp má nàng. Không biết là ý nghĩ của ai, chỉ biết rằng Vận đã nghe rõ ràng giọng nói từ má Tính:

- Con Tính nhờ tôi nói với cậu là đừng tìm nó nữa! Nó vừa nhận được tin là chồng nó sẽ về Việt Nam trong mùa hè tới để bảo lãnh hai mẹ con nó đi Mỹ. Thôi, chào cậu!

Nghe xong Vận thấy tim mình như ngừng đập, lòng bồi hồi. Nhưng sau ít phút, bình tĩnh lại chàng thấy vậy mà hay. Chàng không từng ao ước cho cuộc đời Tính được tốt đẹp hay sao. Giờ nàng sắp được những điều tốt đẹp tại sao Vận lại không mừng cho nàng. Cuối cùng rồi Vận cũng thấy như đã từng thấy trong bao năm nay, cứ ai sắp có tin được phép rời khỏi đất nước này để ra đi ở luôn ở ngoại quốc thì đó là niềm vui vô cùng vô tận cho họ. Họ sẵn sàng bỏ tất cả những gì còn ở lại nơi đây để chỉ ra đi, hưởng hờ gì những chuyện tình cảm lãng nhãng nhỏ mọn. Bây giờ thì chính chàng cũng bắt được chiếc chìa khóa để giải quyết vấn đề mình. Chàng sẽ để hai con ra đi đoàn tụ với mẹ chúng, để hai con được hòa mình vào dòng sông bao la đầy niềm vui của nhân loại. Riêng chàng, chàng sẽ sống suốt cuộc đời còn lại của mình trên đất nước này và cố sống vui, vì chàng nghĩ đó chẳng qua là số phận đã an bài.

(các trang 130, 131)

Nếu chúng ta bắt gặp một anh chàng Vận ích kỷ, nhẹ dạ, dở chịu dựng thì chúng ta không thể an tâm khi đọc xong truyện ngắn này vì chúng ta sẽ lo sợ anh tự tử vì khó kham nhẫn trước số phận bị bỏ rơi của mình. Anh chàng Vận ở đây được lý trí và lòng vị tha soi sáng nên anh sống an phận một cách hồn nhiên, không cố gắng. Độc giả cảm phục anh dù anh có kéo cờ trắng đầu hàng số mệnh khốc liệt trái ngang của anh; nhưng cuộc đầu hàng ở đây không bị người đời cho là yếu hèn nhục nhã mà là một thái độ quên mình để chia sẻ niềm vui của tha nhân.

Cuộc sống gay go bất trắc thường bộc lộ bản năng của hai hạng người. Hạng đầu thì oán trời, trách đất, thù hằn người đời và đôi khi nhúng tay vào tội ác để báo phục cái thua thiệt của mình. Còn hạng sau thì biết tự chế để tìm lối thoát trong hoàn cảnh bế tắc. Và hơn nữa họ đem cái Thiện trị cái Ác; họ biết vui với cái may mắn của tha nhân. Trong pháp môn Tứ Vô Lượng Tâm của Phật giáo là Từ, Bi, Hỷ, Xả thì họ đạt được cả tâm thứ ba tức là Tâm Hỷ. Họ tìm ra cái hạnh phúc của chính mình trong cái hạnh phúc của kẻ khác để soi sáng lý tưởng của mình. Vận đạt được cái Tâm Hỷ ấy dù tác giả không nói anh có tu theo pháp môn Tứ Vô Lượng Tâm hay không.

* Truyện ngắn Tình Già nói lên cái đam mê ám ảnh của một nhân vật tên Lân, 55 tuổi, quê làng Nhon Trạch thuộc thị xã Vinh, hiện đang định cư trên đất nước Hợp Chúng Quốc, và được thành công về phương diện sinh cơ lập nghiệp. Vào thời trẻ trung, khi đi đại tiện ngoài đồng, đương sự thường bắt gặp cô thiếu nữ tên Hoàng ngồi phóng uế, quần cô trật ra, phơi bày cái mông trắng nõn. Do đó mà hình ảnh cái mông đẹp kia chiếm một khoảng quá rộng trong tâm tư, trong nội giới ông ta suốt gần nửa chặng đời.... Năm mươi lăm tuổi qua nhanh như giấc mộng. Lại hơn nửa đời người mà ông Lân vẫn chưa có người hôn phối, quả là việc làm ông càng lo lắng hơn. Mộng không thành ở lứa tuổi thanh xuân đã gặm nhấm những ước mơ để tạo cho mình một đời sống ngừng lại và ổn định. Cộng mối tình

thời mới vừa lớn lại dở dang làm ông điều đứng mấy chục năm. Ước gì bây giờ xem lại được mộng của con Hoàng! Ông nói như rít một mình. Xem mộng của con Hoàng thì không có gì thích bằng. Tổ cha chỉ ghét mấy thằng phu đi nhật cúrt làm sao mà sớm thế! Phải ôm đít mà chạy cả lũ. Nhiều buổi sáng chưa được xem gì cả!. Những ngày ỉa đồng xa xưa, và cái mộng trắng toát ngày ấy ông Lân lấy làm tiếc còn hơn công danh ông không đạt được trong tuổi đời. Và chắc chắn cái mộng cô Hoàng ngày nào bây giờ sẽ không bằng cái mo cau khô của một bà già đang giữ cháu cho đứa con gái đi làm ở làng Nhơn Trạch, Nghệ Tĩnh xa xưa. Ở Mỹ mấy năm mà khi nghĩ về tình yêu thời niên thiếu ông Lân đã không nghĩ gì khác hơn được ngoài những ngày đi ỉa đồng để xem đít con Hoàng.

(các trang 167, 168)

Vậy là ông Lân tìm về thăm làng Nhơn Trạch. Cảnh vật đổi thay, khác với tình yêu do niềm si mê hóa thân của ông. Ông chẳng tìm về kỷ niệm nào khác hơn cái mộng trắng toát của cô Hoàng. Nó trở thành một hình ảnh da diết thân thương trong tâm tưởng ông; ngoại cảnh của địa danh Nhơn Trạch không dội vào tâm thức ông những dao động gì nhiều.

Con đường làng ngày xưa rộng thênh thang giờ còn chỉ đủ cho hai người đi song song. Tượng Đức Mẹ ngày đó được cất thành kính trang nghiêm trên vuông đất rộng rãi, giờ mái bếp của nhà ai đã tiếp sát vào lưng người. Chính bức tượng cùng chung gánh vác những biến đau thay đổi của trần thế! Ngôi trường ngày xưa ông học giờ vẫn còn y nguyên. Vẫn cũ kỹ và không lớn hơn một chút nào, nhưng sao trẻ con đâu mà đông thế? Ngày xưa làng đã không đủ lớp cho bọn học trò như ông để học. Giờ con nít chạy đầy như ong vỡ tổ thì lấy gì mà đàn đúm chữ nghĩa cho nhau đây?...

(trang 170)

Ông Lân gặp lại một bà Hoàng ốm yếu, tay bông đưa cháu ngoại. Ngoài ra còn một lũ cháu khác, thấy khách túa ra xem. Sau đây là câu chuyện giữa hai người:

- Cảm ơn Hoàng tôi vẫn mạnh. Trở về lại đây chỉ vì tôi muốn thăm lại Hoàng! Gần bốn mươi năm còn gì!

Bà Hoàng khóc. Mấy đứa nhỏ đã ra sân giờ nhìn bà ngoại khóc lại tò mò đứng ngay cửa ra vào để nhìn vô hai người. Đứa cháu trên tay thấy bà ngoại khóc nó lấy tay vuốt nước mắt cho bà.

- Anh được mấy mụn con rồi? Chị nhà đang ở Mỹ? -- Anh vẫn chưa có vợ thì nói gì đến chuyện có con.

-!?

- Hoàng, tôi muốn hỏi thật Hoàng một câu. Và Hoàng phải trả lời thật với tôi. Đồng ý chứ?

- Đồng ý.

- Ngày xưa tôi yêu Hoàng chắc Hoàng đã biết. Còn Hoàng có yêu tôi không?

- Có.

- Thôi như vậy là đủ rồi. Tôi sẽ trở về Mỹ và sẽ... cưới vợ.

- Tôi cầu chúc cho anh. Cưới xong có dịp anh lại dẫn chị về đây để giới thiệu với tôi và bà con ở trong làng.

(trang 172)

Nhưng ông Lân về Mỹ lo thủ tục giấy tờ để cưới bà Hoàng, để đem bà qua Mỹ. Câu chuyện cũng khá ly kỳ. Bà Hoàng về làm vợ ông Lân chắc gì đem cái mộng trắng phau phau của mình làm của hồi môn. Nhưng ông Lân vẫn yêu bà, vẫn ghi khắc hình ảnh cái mộng đẹp năm xưa của bà vào tận chỗ sâu kín của tâm tư mình. Và suốt đời, ông chỉ thờ phụng cái hình ảnh ấy.

Ngày xưa Lan Khai có viết một truyện ngắn đại khái là anh chàng nọ say mê một cô gái. Nhưng khi thấy cô gái tóc vấy tênh hênh để tiểu tiện thì cái hình ảnh toàn diện của cô ta bị cử chỉ phàm tục kia bôi rửa cậu thả khỏi ấn tượng của y ta. Hình ảnh đẹp đẽ của cô ta trở nên nham nhở, lem luốc. Trái lại, trong truyện ngắn Tàn Cơn Mộng Áo, đại thi hào Rabindranath Tagore viết về một nàng công chúa của vương quốc Hồi Giáo bên xứ Ấn Độ đã chứng kiến một vi sa-môn thuộc Bà-la-môn giáo mỗi sáng đọc

kinh và trầm tư bên bờ sông Hằng rồi tắm trong nước con sông thiêng kia. Nàng si mê chàng, đeo đuổi theo chàng trong cuộc chiến giữa hai đạo Bà-la-môn và Hồi Giáo cho tới khi nàng già nua phai úa dung nhan, còn chàng thì nghèo nàn yếu đuối già khụ và đã có cháu nội rồi. Vậy thì một hình ảnh nào đó tuy tầm thường hoặc thô tục mà vẫn có thể khuấy động một cái mãnh liệt sâu xa trong nội giới của người ngắm hay người bắt chợt thấy được. Riêng ở truyện Tình Già, nhà văn Vũ Nam kết luận: Hóa ra đôi khi những kỷ niệm thật nhỏ nhất vẫn có thể làm cho một người nào đó nhớ hoài đến gần như đổi cả một đời người chỉ đổi lấy những điều nhỏ nhất như thế. Nhưng hề gì. Chẳng ai là không thương cảm cho tấm lòng thủy chung như nhất.

(trang 173)

◦ ◦
◦

Vũ Nam là mẫu người điềm đạm, hiền lành. Hai đức tính đó hiện rõ rệt ở văn phong và ở đường lối cùng khuynh hướng văn chương của anh. Các nhà văn bên nhà thơ Đức cũng khá phồn thịnh, chẳng như: Mai Vĩ Phúc, Đan Hà, Tùy Anh, Huy Giang, Thế Dũng, Lê Trọng Phương...(thơ), Thế Giang, Ngô Nguyên Dũng, Thế Dũng, Vũ Nam, Lê Minh Hà, Hoàng Nga (văn). Tuy nhiên, hiện giờ chỉ có Ngô Nguyên Dũng, Thế Dũng, Vũ Nam (nam), Lê Minh Hà và Hoàng Nga (nữ) vừa có chân tài căn bản lại còn dài hơi để đeo đuổi văn nghiệp của mình. Trong nhóm dài hơi thừa sức ấy, Vũ Nam đi khoan thai, nhưng cần mẫn và miệt mài nhất. Văn chương anh không khoa động để rồi sớm nở tối tàn. Anh viết văn bằng phong thái đôn hậu, không cần phô trương kiến thức, chữ nghĩa gì ráo. Nhưng cùng với Thế Dũng anh có vốn liếng đi và sống vô cùng phong phú. Không uyên bác như Ngô Nguyên Dũng, không tinh vi xảo diệu như Thế Dũng và Lê Minh Hà, không truyền cảm thiết tha như Hoàng Nga, nhưng anh dàn trải tấm lòng nhân hậu bao la cùng niềm chân thành hiềm quý trong mọi tác phẩm của anh. Văn chương anh không cần màu mè riêu cua mà vẫn đạt tới một nấc thang khả quan của nghệ thuật. Và cùng với Ngô Nguyên Dũng, Thế Dũng, Lê Minh Hà, Hoàng Nga, anh cộng tác với các tạp chí văn chương có giá trị ở hải ngoại như Văn, Gió Văn, Thế Kỷ 21, Làng Văn (khi nguyệt san này vào thời cực thịnh trong 5 năm cuối của thập niên 80 cho tới 5 năm đầu của thập niên 90). Cho nên anh không chôn vùi tên tuổi ở các tờ báo lá cải và các tờ báo biểu thuộc loại quảng cáo thương mại bá láp tầm phào.

CHƯƠNG 14: "CHÚ TƯ CẦU" CỦA LÊ XUYỀN, MỘT KHO TÀNG NGÔN NGỮ CỦA ĐẤT NAM KỲ LỤC TỈNH

Troyes ngày, 19 tháng 08 năm 2007

Bạn hiền thân mến,

Trong một bức thư, bạn có bảo tôi rằng bạn đang thèm nghe một ngôn ngữ miệt vườn trên dải đất Nam Kỳ Lục Tỉnh của chúng ta mà phải là một giọng rặc rờng thổ ngữ từ miền Bình Định vào tận miền Nam trước năm 1975, tức là vào thời kỳ khởi đầu cơn gió bụi trên dải đất Đông Dương.

Hôm nay, tôi có dịp tâm sự với bạn đây.

Khi viết xong quyển bút khảo Quê Nam Một Cối thì tôi cũng vừa nhận được một ấn bản của quyển Chú Tư Cầu của Lê Xuyên do chị Dư Thị Diễm Buồn từ Sacramento gửi tặng. Quyển sách do nhà xuất bản Tiếng Vang tái bản, in trên giấy quý màu vàng tái của hoa kim liên. Tôi sẽ không nhận xét chi ly tỉ mỉ quyển này trong cuốn bút khảo Quê Nam Một Cối của chúng ta đâu. Tôi phải để dành nó cho một cuốn bút khảo khác vào một dịp khác, cũng vẫn viết về văn chương của các cây bút gốc Nam Kỳ.

Tôi nhớ mang máng vào năm 1964 1965 gì đó, các làn sóng dư luận xôn xao về các cuốn tiểu thuyết của các nhà văn Chu Tử, Văn Quang, Thanh Nam, Tuấn Huy và những cuốn võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung chưa lắng dịu hẳn. Thì đúng một cái, những truyện dài đăng từng kỳ của Lê Xuyên đăng trên các nhật báo nổi tiếng ở Thủ Đô Sài Gòn bắt đầu gây một tiếng vang dữ dội. Cho nên trong cuộc viếng thăm nhà văn Võ Phiến, tôi được nghe họ Võ bảo:

- Viết đôi thoại rặc tiếng Nam Kỳ có ai bằng Lê Xuyên đâu.

Ông Lê Châu, chủ bút kiêm chủ nhiệm tạp san Bách Khoa đã tâm tặc với Thụy Vũ và tôi trong dịp tôi theo chị tôi đến tòa soạn Bách Khoa lấy tiền nhuận bút:

- Lê Xuyên viết đôi thoại quyển rữ nhất. Eo ơi, hể đọc tác phẩm của ông ấy là như gặp lời ăn tiếng nói mọi tầng lớp người Nam Kỳ.

Quyển tiểu thuyết của Lê Xuyên mà tôi đọc trước nhất là Vợ Thầy Hương, sau đó mới tới quyển Chú Tư Cầu, và sau hết là quyển Rặng Trâm Bầu. Không khí trong 3 quyển đó căng thẳng, khí hậu ngọt ngào. Nếu không nhờ lối viết đôi thoại tinh tế tuyệt vời thì các tác phẩm của anh tuy đạt được phẩm chất nghệ thuật cao nhưng chỉ quyển rữ độc giả một cách chừng mực mà thôi.

Vào năm 1966, tôi tháp tùng chị Thụy Vũ tôi và ký giả Lê Phương Chi đi xi-nê tại rạp Rex để xem phim gì mà tôi quên tựa mất rồi. Hôm đó Lê Xuyên đi chung với cặp Nhã Ca & Trần Da Từ. Từ khi quyển Mèo Đêm của chị tôi trình làng thì cặp Từ Nhã và chị tôi là chỗ đồng nghiệp quen thân. Lê Xuyên có vóc dáng nho phong, khuôn mặt dịu dàng của một nhà mô phạm, nụ cười hiền lành, nhưng ánh mắt thật linh hoạt. Anh ăn mặc quá đơn giản: quần màu vỏ trái ô-liu đậm, áo sơ mi cụt tay trắng, đôi giày màu sô-cô-la, cườm tay trái đeo đồng hồ. Con người mát lạnh ngọt dịu như vậy mà văn chương lại cuồng phong bạo vũ đầy dao súng, máu me, ác mộng và tinh khí. Luôn tiện chị Nhã giới thiệu cho chị em tôi biết nhà văn Lê Xuyên. Để tỏ ra thân mật, chị tôi gọi anh bằng chú Tư Cầu. Còn anh gọi chị tôi bằng Mèo Đêm. Nếu gặp những bà nữ sĩ ưa có chấp như chị Đỗ Phương Khanh (vợ Nhật Tiến) hay chị Thanh Phương thì họ sẽ bắt lỗi anh dám liệt họ vào hạng gái bán snack-bar cho lính Mỹ. Trong Mèo Đêm, Thụy Vũ có hai truyện ngắn viết về các cô gái buông hương bán phấn hoặc gái gọi (call girls) trá hình các cô chiêu đãi viên trong các snack-bar ở Sài Gòn. Và chị ban cho họ cái hân danh "mèo đêm", tức là những kẻ sẵn tình vào lúc đêm về. Hôm đó, chị tôi vẫn cười nói vui về với Lê Xuyên:

- Chú Tư, hẹn hôm khác mình gặp nhau, nói chuyện nhiều hơn. Phim sắp chiếu rồi. May quá, hôm nay tình cờ Thụy Vũ mới gặp một chú Tư Cầu bằng xương bằng thịt.

Anh Lê Xuyên vui vẻ:

- Hôm khác ghen cô Mèo Đêm.

Khi xem phim xong, tôi bảo Lê Phương Chi:

- Ông Lê Xuyên có vẻ hiền lành mà viết văn dữ dằn. Đây là thứ nước trà màu vàng lọt mà là thứ trà quau... Uống nó vào là chúng ta sẽ mất ngủ vì nó sẽ trở thành trà Thái Đức làm ám khách thức đái suốt đêm.

Trong cuốn 3 của bộ Văn Học Miền Nam, Võ Phiến nhận xét tổng quát về văn chương như sau:

Trong thời kỳ 1954-1975, các nhà văn gốc Nam khi nói đến chiến tranh trên đất nước thường chỉ nói về cuộc chiến chống Pháp mà tránh cuộc chiến chống cộng. Viết truyện như Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, viết ký như Vũ Bình, đều thế. Đến lượt Lê Xuyên, ông cũng thế. Mặt khác, các vị gốc Bắc thì chuyên về cuộc sống và con người đô thị, còn các vị gốc Nam thường viết về nông dân nông thôn. Lê Xuyên cũng thế.

Chuyện ấy dễ hiểu. Người Nam chưa biết qua chế độ cộng sản thì không mặn nồng với việc chống cộng; người Bắc di cư, bao nhiêu văn nhân, nghệ sĩ trí thức vào Nam đều sống ở đô thị nên chỉ biết viết về đô thị.

Như vậy cốt truyện Lê Xuyên, thường xảy ra trong kháng chiến trước Genève, thường diễn ra ở miền quê, nhân vật thường là những nam nữ nông dân chất phác, ít học.

Lê Xuyên đặt các chuyện trong khung cảnh kháng chiến không phải là để nói về kháng chiến. Không có vậy đâu. Ông không hợp với các vấn đề chính trị. Trong khung cảnh thời đánh nhau với Pháp ông nói chuyện nam nữ yêu nhau thôi. Trong chuyện yêu nhau ông không chú trọng tới lòng thầm kín giấu giếm trong các góc ngách của quả tim, như các ông Hoàng Ngọc Phách, Khái Hưng khi viết Tố Tâm, Hồn bướm mơ tiên. Lê Xuyên, ông ấy chủ về phía tình yêu xác thịt theo cung cách hồn nhiên nhất (nhân vật nông dân mà).

Về chuyện xác thịt, ông không chủ trương những phô bày bạo tợn như D.H. Lawrence, Henry Miller... Lê Xuyên không làm mích lòng sở Kiềm duyệt. Ông chú trọng nhất là ở những màn biểu diễn bằng mồm. Đừng nên lẫn lộn ông Lê với chuyện giữa Clinton và Monica Lewinsky; cái yêu đương bằng mồm của ông Lê tức là những trang đối thoại dài dằng dặc xung quanh mục tiêu chính của ái tình. Khi nam nữ đã dàn binh bố trận xong thì tác giả lánh mặt. Trong những Chú Tư Cầu, Vợ thầy Hương, Rặng trâm bầu v.v..., sự tình rộn ràng ríu rít, đầy lời như thế.

Vậy Lê Xuyên viết truyện có chiến tranh mà không phải truyện chiến tranh, có nông dân làm than mà không phải truyện xã hội, có ái tình mà không phải truyện tình cảm. Chẳng qua là chuyện "gay cấn" để độc giả đọc chơi lúc buồn tình, đọc cho nóng máy trong chốc lát rồi bỏ qua thôi chứ gì.

(Chương Lê Xuyên, các trang 843, 844)

◦ ◦

◦

Chú Tư Cầu là tác phẩm đầu tay của Lê Xuyên. Chàng viết về cuộc đời tình ái của một chàng nông dân ngây thơ, nhân hậu, có số đào hoa, không ve vãn gái mà gái vẫn chạy theo quyến rũ chàng rần rần. Trước hết là cô Phấn, bạn gái cùng quê của chàng ở Rạch Chiếc (gần quận lỵ Trà Ôn). Cô vốn táo bạo, dám hiến thân cho chàng không cần lệnh mẹ, rồi rủ chàng lên Sài Gòn để xây tổ uyên ương, cốt tránh cuộc hôn nhân cưỡng ép do mẹ cô sắp đặt khi bà chưa qua đời. Nhưng khi tới Cần Thơ, cô bị tên Khách Trú trẻ tuổi tên Lâm Sanh quyến rũ. Hắn bàn điều hơn lẽ thiệt cho cô nghe vì chôn thi thành không phải làm chôn dung thân của một kẻ đôn hậu, quê mùa như Tư Cầu. Cho nên vì tương lai của Tư Cầu, Phấn dùng kế gạt chàng xuống tàu để trở về quê. Dè đâu, chàng đi lộn tàu lên Nam Vang. Còn Phấn không còn mặt mũi nào để trở về quê nên đành theo làm vợ người Khách Trú kia. Thật ra, trước phong vận thanh tân của kẻ thị thành như tên ngoại kiều kia, Phấn cũng xiêu lòng làm vợ hắn.

Đọc đường, Tư Cầu gặp một ông khách đồng hành đứng tuổi xưng là chú Bảy. Chú ta cảm cảnh thương tình Tư Cầu nên khi tới Nam Vang chú giới thiệu chàng giúp việc cho tiệm cơm người chị ruột chú là cô Năm. Tại Nam Vang, Tư Cầu có nhiều dịp tiếp xúc với phường trộm cắp, phường dao búa, và

được lòng cô Ba Xá Ly một gái nặc nô xinh đẹp, uy trấn một góc xã hội du côn nhỏ nhỏ trên đất Chùa Tháp này. Cô ta mê chàng vì tấm lòng nhân hậu và hào hiệp của chàng, tìm mọi cách để quyến rũ chàng. Rồi cả hai tăng tiu say mê nhau. Nhưng sau một thời gian sống hạnh phúc trên đất Chùa Tháp, vì nhớ quê, Tư Cầu xin trở về quê; chàng có rủ cô Ba theo, nhưng cô ta biết rằng chốn ruộng đồng không phải là chốn môi sinh thích thú của mình nên từ chối.

Tư Cầu về quê, được mẹ chàng cho chàng biết Phan lấy chồng Khách Trú giàu, có về đây vài lần và lần nào cũng đến thăm hỏi chàng. Cô ta giúp đỡ gia đình chàng trong cơn ngặt nghèo nên bà rất cảm kích cô ta lắm. Rồi cha mẹ chàng buộc chàng phải cưới cô Thơm làm vợ. Cô này vốn là gái Việt gốc Miên rất được chàng yêu thương quý trọng. Cuộc sống lứa đôi của chàng tạm bình yên hạnh phúc.

Nhưng cơn gió bụi bắt đầu xảy ra trên đất nước. Sài Gòn bị dội bom. Phan về quê để gặp Tư Cầu, rủ chàng đến chỗ khác xây dựng lại cuộc sống lứa đôi đã từng dang dở. Cô cũng cho chàng biết đứa con trai của cô vốn là con ruột của chàng. Cô Thơm bắt gặp quả tang cả hai lén lút tâm sự nhau nên ghen lồng lộn. Rốt cuộc Phan phải trở về Sài Gòn, tiếp tục sống với người chồng ngoại kiều của mình như cũ.

Rồi đó, trong các Sóc Thổ, người Miên nổi dậy phong trào "cấp dưỡng" (với mục đích giết sạch người Việt). Cô Thơm dù vốn là gốc Miên nhưng đã từng được cha mẹ Việt Nam nuôi từ thơ ấu thơ, rồi khi lớn lên lấy chồng Việt Nam nên cũng bị người Miên cho là thứ Miên gian. Trong một chuyến về quê thăm cha mẹ nuôi, cô bị bọn miên hãm hiếp và bị chúng hạ sát. Tư Cầu điên tiết giết chúng để báo thù cho vợ.

Rồi Tư Cầu nghe theo lời Ba Kiên gia nhập vào nhóm du kích kháng chiến, bị bắt giải lên Sài Gòn, rồi được chuyển qua dinh cơ của một trung úy người Pháp có phận sự canh giữ các tù nhân trước khi giải họ đi Côn Đảo. Không ngờ viên sĩ quan này là chồng hờ của cô Ba Xá Ly. Tình cũ gặp nhau, cô Ba Xá Ly hết lòng giúp đỡ Tư Cầu để được gần gũi ân ái với chàng. Chàng chỉ làm tạp dịch nhẹ nhàng thôi. Nhưng rồi một hôm nọ, Tư Cầu theo nhóm tù nhân đến tiệm bán cây mà viên trung úy đã đặt tiền mua để chắt cây lên đoàn vận tải quân xa đem về nhà hấn. Tình cờ Tư Cầu gặp Phan, vợ tên Khách trú Lâm Sanh, bây giờ hấn ta trở thành chủ nhân tiệm bán cây ấy. Phan gạn hỏi nguồn cơn người yêu cũ của mình, rồi hiệp cùng cô Ba Xá Ly giúp đỡ Tư Cầu vượt vòng phong tỏa của viên trung úy chồng hờ của cô Ba. Tại nhà riêng do Phan thuê, Tư Cầu bị lính tuần tiểu bố ráp nên bị bắt đưa về bót cảnh sát Catinat để cho bọn bao bố nhìn mặt. Những tên chỉ điểm đội bao bố kia (để khỏi bị ai biết mặt) vì không biết chàng có dính dáng với bọn Việt Minh công tác ở thành phố hay không nên không thể xác nhận chàng là Việt Minh nội thành và cho nên chàng được tha.

Tư Cầu lại về quê. Tình hình ở đây căng thẳng nên chàng nhập vào toán du kích kháng chiến địa phương. Trong cuộc tấn công quân xa của lính Tây, Tư Cầu cùng đồng bọn hạ sát được tên chồng sĩ quan hờ của cô Ba Xá Ly. Nhưng chàng không cứu được cô. Tên chánh trị viên giết cô ta. Tư Cầu toan báo thù cho người yêu của mình nhưng hấn đã kịp thời cao bay xa chạy mất rồi.

Nhớ lời dặn chú Bảy trên chuyến tàu đi Nam Vang năm xưa, Tư Cầu lên Châu Đốc tìm chú và làm vườn cho chú. Chàng chiếm được trái tim cô Thắm, và được chú Bảy gả con gái cưng của chú cho chàng. Nhưng rồi chàng đi theo lực lượng kháng chiến để rồi chết trong trận đánh Tây theo chiến thuật du kích. Trong khi đó ở quê nhà, cô Phan mang thai. Rồi đứa con trai của chàng chào đời. Nhưng dù sao chàng cũng được an ủi vì trong lúc lâm chung, thằng em vợ của chàng đọc cho chàng nghe bức thư báo tin mừng của vợ.

o o

o

Như bạn biết: theo truyền thống các cây bút Nam Kỳ Lục Tỉnh của chúng ta, Lê Xuyên dù không có khuynh hướng tả đạo, nhưng anh thường cho các nhân vật chánh của anh ăn ở theo đạo nghĩa, phô bày tấm lòng nhân hậu, bao dung một cách hồn nhiên, không cố gắng. Trên đất Nam Vang, Tư Cầu chống cự với kẻ mạnh độc dữ để bình vực kẻ yếu hiền lành. Chàng bao dung kẻ thù toan hãm hại chàng làm cho

kẻ thù hồi tâm kính mến chàng. Tư Cầu vốn dốt nát, chỉ biết đọc quẹt quẹt năm ba chữ quốc ngữ, nào có biết nhân, nghĩa, lễ, trí tín hay tam cương ngũ thường do ông Khổng Tử bày ra đâu. Anh không đọc kinh Phật bao giờ, nhưng anh không làm ác, không lấy oán trả oán. Vợ anh bị bọn Miên cưỡng hiếp và hạ sát, nhưng khi thấy cô gái Miên bị Ba Kiên, anh trai của chàng toan bề cưỡng dâm chàng phản kháng ngay, không muốn anh mình gây ác nghiệp. Cho nên Ba Kiên phải buông tha cô thiếu nữ Miên. Trong thời kỳ Nhật đảo chánh, có hai tên lính Tây bị chìm tàu tấp vào Rạch Chiếc, Ba Kiên toan đi báo cho nhà chức trách, nhưng Tư Cầu hợp cùng nhóm người nhân từ đòi phóng thích lính Tây. Khi được Cô Ba Xá Ly giúp chàng vượt ngục, chàng nâng nặc cô giúp luôn chú Tám, người bạn tù đã cùng cùng đồng cam cộng khổ với chàng.

Tư Cầu theo toán du kích kháng chiến chống Tây là cảm thấy mình phải làm theo thiên lương soi sáng mình một cách hồn nhiên, không nghĩ xa, không nghĩ gần, cũng không được ai huấn luyện lòng ái quốc thương dân. Do đó, chàng gần ông Thích Ca Cô Đàm cùng ông Lão Tử và ông Trang Tử hơn ông Khổng Tử. Chàng lạc loài với các ông chuộng trí thức Tây Phương cùng dân khoa bản. Chàng cũng không thể là thần tượng huy hoàng cho các cô ôm lý tưởng môn đảng hộ đôi và có thói ưa chuộng phi cao đẳng bất thành phu phụ. Chàng là người tình lý tưởng của các cô gái táo tợn, liều lĩnh, nhưng có thiên lương trong sáng, biết nắm bắt được cái giá trị chân thật của con người, không cần tính toán chi ly, không cần so sánh dài dòng. Hồ Biểu Chánh khi viết văn theo kiểu văn dĩ tải đạo còn dựa theo khuôn nếp, nguyên tắc, lời khuyên răn dạy bảo của các bậc thánh hiền. Lê Xuyên không theo ông hiền triết nào, không nương tựa rêu rao theo khuynh hướng đạo nghĩa nào. Anh viết khơi khơi mà vẫn làm cho độc giả xúc động, yêu mến lớp dân quê hiền lành, lòng ngay dạy thẳng, không có chút ý nghĩ quanh co đo đắn trước những công việc phải làm.

Lê Xuyên không viết văn dài dòng: không cần tả cảnh, tả người, tả vật, tả tâm tâm trạng, tức là không tả những cái mà giới bình dân cho là lòng vòng không hợp với khiếu thưởng ngoạn của lớp độc giả với lòng dạ rộng rang, suông thẳng nhưng ông nửa ông tre. Anh thích kể chuyện, ưa cho các nhân vật của mình chuyện trò vòng vo Tam quốc, cần nhằn dai dẳng, cà khía rỉ rả, cãi lầy tung bùng, có khi chửi bới huyên náo. Anh không cần viết văn đâu. Anh cũng thích kể chuyện lắm đâu. Anh chỉ thích cho các nhân vật của mình có nhiều dịp đối thoại tuồn tuột, ngon ơ. Lời nói của các nhân vật biểu lộ cá tính của các đương sự luôn cả chân dung của họ cùng bối cảnh chung quanh họ hiện mập mờ vài nét tạo hình khái quát, nhưng cũng đủ chạm khắc vào ấn tượng độc giả sành điệu. Trong Chú Tư Cầu, Lê Xuyên dùng ngôn ngữ Nam Kỳ Lục Tỉnh vào thuở tiền chiến, không pha ngôn ngữ của thời Đệ nhất Cộng Hòa hay vào thời Đệ nhị Cộng Hòa. Thí dụ: rắc rối không biết đâu mà rờ (tức là không thể đoán trúng được), làm cho xất bắt xang bang (tức là làm cho khổ sở điêu đứng), đụng đầu xâu đó (tức là hễ gặp dịp là nắm lấy ngay không cần biết tốt xấu, lợi hại), mấy con nập nợn (tức là mấy cô thiếu nữ dâm đảng lăng lợ), anh làm cái điệu đó thì mụ nội em cũng lia (tức là làm cho em điêu đùng, gặp cảnh gia đình ly tán)... Anh không pha thêm những tiếng lóng (les patois) mà người Bắc di cư và người Nam bản xứ pha trộn nhau như: sức mấy, bỏ qua đi Tám, lấy le, thẳng cà chớn, oan ôi ông Địa, lạng quạng, mút mùa lệ thủy, đi ăn chè ở nhà Bè (tức là lén lút đi ngoại tình, cụm từ này lấy sự tích nhạc sĩ Phạm Duy cùng nữ ca sĩ Khánh Ngọc đi Nhà Bè để ngoại tình; nhưng khi bị lính kiểm tặc và thừa phát lại bắt được, cả hai khai rằng họ đi Nhà Bè để ăn chè)...

◦◦

◦

Ngôn ngữ miền Nam chánh gốc, thuần túy hay ngôn ngữ phối hợp của người Bắc di cư và của người Nam bốn xứ đều quyến rũ như nhau: sống động và gợi cảm gấp đôi ngôn ngữ kiểu diễm cao sang trong các tác phẩm của nhóm Tự Lực Văn Đoàn vì chúng dễ đi sâu vào tâm hồn dân tộc ở mọi cấp bậc và mọi thành phần trong xã hội. Hồ Biểu Chánh viết văn mà không hề lộn ngôn ngữ Bắc Kỳ. Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam cũng vậy. Nhưng hai anh Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam chỉ thành công về phương diện kỹ thuật viết văn, ở sự diễn tả tình tiết, nhưng ngôn ngữ và cách đối thoại trong văn chương họ không

có linh hồn sống động, không có sức hấp dẫn bằng ngôn ngữ trong văn chương và cách đối thoại của Lê Xuyên. Họ Lê chịu khó lắng tai nghe ngôn ngữ trong dân gian, nhất là nơi sinh hoạt của lớp bình dân, lớp người ở cấp bậc thấp nhất trong giới hạ lưu của xã hội. Cái thành công của anh nhất định là phải có. Trong giới điện ảnh của nước Pháp, người viết đối thoại tài hoa lỗi lạc nhất là Michel Audiard. Ông này chịu khó đi tìm ngôn ngữ trong dân gian nên mới chiếm một địa vị cao chót vót trong ngành viết đối thoại như thế.

Ở Miền Nam Việt Nam của chúng ta, trước năm 1975, những cây viết gốc Nam Kỳ như Ngọc Linh, Sĩ Trung không viết thuần túy văn chương Nam Kỳ. Những đoạn đối thoại dài ngoằng của họ càng làm độc giả bức mình, cho nên tên tuổi họ chỉ đứng bên lề văn học sử. Duy người Bắc như Thanh Tâm Tuyền trong truyện dài Cát Lầy, Viên Linh trong truyện dài Mã Lộ đều viết đối thoại bằng ngôn ngữ Nam Kỳ, đều thành công khả quan. Nhà văn Võ Phiến gán cho các nhân vật người Nam trong truyện dài Đàn Ông và trong truyện dài Một Mình cái ngôn ngữ Nam Kỳ cực kỳ quyến rũ. Giờ đây, ở hải ngoại, dù là cha Quảng Ngãi (nhà chí sĩ Hồng Tiều Nguyễn Đức Huy), mẹ Quảng Nam (nữ sĩ Tùng Long), nhưng được sinh trưởng ở Sài Gòn nên nhà văn Nguyễn Đức Lập viết giọng điệu Nam Kỳ cực kỳ duyên dáng bỏ xa các cây bút gốc Nam Kỳ khác. Tuy nhiên, tất cả những nhà văn này làm sao tìm lại cái ngôn ngữ Nam Kỳ trước cuộc chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh như Lê Xuyên với các ngôn ngữ mà giới phu phen ở đô thị, giới nông dân ở thôn quê, giới thương hồ trên sông nước phù sa thường dùng như: năm chàng hăng chê hê, chữ nghĩa quọt quẹt, nói tiếng Tây ba xí ba tú, làm chuyện gì cũng ba trật bốn vuột, ai ai cũng hít hà chất lười khen hay, ăn ở bầy hầy như chồn hôi chó vật...

Thôi thì, nhưng kẻ sanh sau đẻ muộn như chúng ta, đã trưởng thành vào 5 năm cuối của thập niên 50, chúng ta có thể chắc mót, lượm lặt ngôn ngữ Nam Kỳ của chúng ta vào thời biển lặng sông trong xa xưa được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Có còn hơn không, phải không bạn?

Cổ Nguyệt Đường, hè năm Đinh Hợi (2007),

Tiết thịnh hạ

Hồ Trường An

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>